

HƯỚNG TƯ

huyền
trong

cung cầm

tập I



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

Table of Contents

Chương I: Sự khó xử và phiên muện của Tần Thủy Hoàng

I. Thân thể bất hạnh

II. Diêu kế kim thiên thoát xác

III. Cuộc tình sinh tử của thái hậu

IV. Huyết chiến Kỳ Niên Cung

V. Cuộc hành quyết và trừng phạt tàn nhẫn

VI. Dũng sĩ mạo hiểm với cái chết để can gián

Chương II: Hoàng hậu Lữ Trĩ

I. Con mắt tinh tường chọn rể tốt

II. Cuộc sống của nông phu

III. Sắc lập hoàng hậu

IV. Sóng gió khi đưa Lỗ Nguyên công chúa đi lấy chồng xa

V. Uy hiếp đoạt ngôi

VI. Vận mệnh của sủng phi Thích phu nhân

VII. Sự lạm quyền của thái hậu Lữ Trĩ

VIII. Chuyện bí ẩn trong thâm cung

IX. Sự diệt vong của gia tộc họ Lữ

Chương III: Vị hoàng hậu đầu tiên của Hán Vũ Đế

I. Kim ốc tàng Kiều

II. Thất sủng

III. Cô độc Trường Môn cung

Chương IV: Hoàng hậu thứ hai của Hán Vũ Đế

I. Nghề ca kỹ

II. Vào cung

III. Giữa cái họa và cái phúc

IV. Tầm cung hiểm ác

V. Vệ Thanh và Bình Dương công chúa

VI. Bước vào hậu cung

VII. Vụ án oan lớn thứ nhất trong thâm cung (phần 1)

VIII. Vụ án oan lớn thứ nhất trong thâm cung (phần 2)

Chương V: Lý Phi nghiêng nước nghiêng thành

I. Nghệ nhân âm nhạc Lý Diên Niên

II. Giai nhân phương Bắc

III. Lý phi từ chối gặp hoàng đế

IV. Thiên tử si tình

V. Chiêu hồn

Chương VI: Xuân sắc Hán cung - Câu chuyện của chị em họ Triệu

I. Cuộc sống tuổi thơ cực khổ

II. Bước vào phủ công chúa

III. Cá tính của Hứa hoàng hậu

IV. Tài nữ Ban tiếp dư (Ban phi)

V. Sủng quán hậu cung

VI. Những sóng gió khi sắc lập hoàng hậu

VII. Nỗi lòng của Triệu hoàng hậu

VIII. Sự lưu luyến của hoàng đế biến thái

IX. Những ngày cuối cùng

Chương VII: Hoàng hậu Đông Hán Đặng Tuy

I. Bốn đại gia tộc

II. Nữ tiến sĩ vào cung

III. Những hạch sách của hoàng hậu

IV. Giữa cái sống và cái chết

V. Nghề của hoàng hậu

VI. Ngày tháng thái hậu nắm quyền chấp chính

VII. Kết cục thảm hại

Chương VIII: Rối rắm tình cảm trong cung Tào Ngụy

I. Tào Tháo háo sắc

II. Đình phu nhân cố chấp

III. Truyền thuyết Lạc Thần

IV. Nhân sinh tế ngộ của mỹ nhân Chân Lạc

V. Phụ tử tranh mỹ nữ

VI. Cuộc sống đồng sàng dị mộng

VII. Tình yêu sống lại

VIII. Kết cục không lời

Chương IX: Tấn cung không chút bình yên

I. Thái tử ngu si

II. Phong ba thái tử phi

III. Thủ đoạn của Giả hoàng hậu

IV. Thiên hạ của Giả hoàng hậu

V. Cuộc sống phong lưu

VI. Sự bất hạnh của thái tử

Chương X: Phong thái của hoàng hậu Bắc Ngụy

I. Chính biến cung đình

II. Thiếu niên thiên tử Văn Thành đế

III. Mỹ phi đức người vàng

IV. Ngày tháng trấn giữ hậu cung

V. Phùng thái hậu thâm tóm quyền thần

VI. Cái chết của Hiến Văn đế

VII. Sủng nam dâng mỹ nhân

VIII. Hiếu Văn đế lâm hạnh hoa viên Phùng phủ

IX. Cuộc sống tình ái của tử muội Phùng thị

X. Tai ương

XI. Con đường trắc trở của hoàng hậu

XII. Trộm tình

Chương I

Sự khó xử và phiên muện của Tần Thủy Hoàng

I. Thân thế bất hạnh

Tần Thủy Hoàng Doanh Chính dẹp loạn 6 nước, thống nhất thiên hạ, lập nên đế quốc chuyên chế tập quyền to lớn đầu tiên của Trung Quốc.

Tuy nhiên, chính nhân vật oai phong lẫm liệt với sự thống trị cứng rắn, làm cho hoàng thất, quý tộc 6 nước nghe tên phải biến sắc, chính vị hoàng đế đầu tiên của đại đế quốc chuyên chế đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc này, vì có một người mẹ họ Triệu đa tình và xinh đẹp, có một thân thế bất hạnh không rõ ràng, làm cho ông bắt đầu cảm thấy khó xử từ khi hiểu chuyện đời, làm cho một người đã cô độc, hướng nội ngày càng trầm lặng ít lời hơn, không buồn nói cười hơn; sau khi lên ngôi hoàng đế, cũng chính sự phong lưu đa tình của người mẹ họ Triệu, làm cho ông ngày càng rơi sâu xuống sự buồn khổ, ông đành phải bó tay, đi vào đường cùng, cuối cùng ông giải quyết bằng trận chiến tàn sát đẫm máu do đoàn cấm vệ quân của mình thực hiện, loại trừ người tình mà mẹ ông yêu thương hết mực, tức người cha giả của Tần Thủy Hoàng, giam mẹ vào lãnh cung lạnh lẽo.

Thân thế bất hạnh của Tần Thủy Hoàng là sự lẫn lộn khó phân biệt trong lịch sử.

Mẹ của Tần Thủy Hoàng họ Triệu, Triệu Cơ, là người phụ nữ như thế nào? Làm thế nào mà bà ta có thể từ một ca kỹ phong lưu xinh đẹp trở thành thái hậu được muôn vạn thần dân ngưỡng mộ?

Đó thật sự là một câu đố trong thâm cung đế quốc Đại Tần làm mọi người phải lẫn lộn và được cấm cung giữ kín như bưng.

Tổ tiên của nhà Tần là một quan giữ ngựa của thiên tử nhà Chu, vì giữ ngựa có công, nên được thiên tử nhà Chu coi trọng, phong làm Thái Ba. Đất phong của Thái Ba hiện là huyện Long Tây tỉnh Cam Túc. Thiên tử nhà Chu phong tặng họ Doanh, gọi là Tần Doanh.

Trải qua mấy trăm năm thử thách, vào những năm cuối của thời Chiến Quốc chiến đấu quần hùng, nhà Tần mạnh lên nhanh chóng, do không ngừng thôn tính và mở rộng, cuối cùng cũng trở thành một trong bảy nước chư hầu có thực lực hùng mạnh nhất.

Khu vực của nhà Tần rất rộng lớn, thực lực hùng hậu, binh quyền hùng mạnh. Trên danh nghĩa, thiên tử nhà Chu cai quản tất cả thiên hạ, nhưng thực tế lại chỉ là hư danh, hiệu lệnh chẳng qua chỉ là vùng Vương Kỳ nhỏ bé. Thiên tử nhà Chu ngày đêm nom nớp lo sợ, biết rằng vận mệnh của mình nằm trong tay của các chư hầu, không biết ngày nào làm chư hầu nổi giận, chư hầu dấy binh đánh vào, thay thế chỗ của mình. Thiên tử nhà Chu sống cẩn thận qua ngày, hơn nữa lại tham sống mà cố thủ Vương Kỳ nhỏ bé, luôn lo sợ hành động hoặc lời nói đụng chạm đến những chư hầu có binh lực mạnh, nhất là một nước Tần luôn nhòm ngó vào lãnh địa của mình.

Năm 256 trước Công Nguyên, thiên tử nhà Chu luôn cẩn thận sống qua ngày cuối cùng cũng làm Tần Vương tức giận, Tần Vương quát mất lạnh lùng, thiên tử nhà Chu sợ đến vỡ mật, nhanh chóng hiến tặng 36 thành và 3 vạn hộ dân của Vương Kỳ cho Tần Vương để được tha mạng sống, để bảo vệ địa vị thiên tử hữu danh vô thực của mình. Tần Chiêu Tương Vương tự nhiên chuyển giận thành vui, ngang nhiên tiếp nhận cống vật từng là vùng đất quan trọng của thiên tử, đường đường chính chính trở thành người thống trị của 36 thành và 3 vạn hộ dân của Vương Kỳ.

Thiên tử nhà Chu oan ức cầu toàn, chỉ muốn giữ lại địa vị thiên tử của mình. Nhưng, tham vọng của chư hầu quá lớn, thứ muốn đoạt đến cuối cùng chính là vị trí thiên tử của thiên hạ. Nhượng bộ và tham vọng không thể điều hoà được, cuối cùng thiên tử nhà Chu cũng đã hết đường lui, cùng với sự diệt vong của nhà Chu, thiên tử nhà Chu cũng bước vào đường cùng. Lịch sử Trung Quốc bước vào thời đại Chiến Quốc tranh hùng như thế đấy. Thay thế cho vị trí của thiên tử đương nhiên là nước Tần hùng mạnh nhất, Tần Chiêu Tương Vương đột nhiên trở thành lãnh tụ của các nước chư hầu.

Tần Chiêu Tương Vương hơn 70 tuổi đã rong ruổi trên sa trường hơn nửa thế kỷ, ông biết rằng ngày tháng của mình đã không còn lâu nữa. Ai sẽ thay thế vương vị? Thái tử Trụ hiệu là An Quốc Quân, thái tử đương nhiên là người thừa kế vương vị sau này, nhưng Chiêu Tương Vương vẫn còn do dự. Thái tử Trụ sa vào nữ sắc, mỹ nữ ti thiếp ở hậu cung quá nhiều, người được sủng ái nhất là mỹ nữ nước Sở eo thon ngực đầy, ông lập nàng ta làm chính phi, gọi là Hoa Dương phu nhân, mà chính phi phu nhân này cuối cùng cũng chỉ biết hưởng lạc, nhưng lại không thể sinh con trai. Tương lai của vương thất nhà Tần càng làm cho Chiêu Tương Vương lo lắng hơn.

Trong số rất nhiều phi của Thái tử Trụ, Hạ Cơ bị đối xử lạnh lùng nhất, con trai của Hạ Cơ là Tử Sở đương nhiên cũng bị thất sủng. Tử Sở nằm trong số rất nhiều con trai của Thái tử Trụ, và cũng là vị hoàng tôn không được sự chú ý của Chiêu Tương Vương. Khi đó là thời đại tranh hùng Chiến Quốc, các nước kiêng kỵ lẫn nhau, lại lợi dụng lẫn nhau, thế là, các nước cử vương tộc tử tôn của mình sang các nước khác làm con tin, để tạo sự tín nhiệm lẫn nhau. Tử Sở bị Chiêu Tương Vương đưa sang nước Triệu làm con tin.

Có một lần nước Tần giết chết 40 vạn binh sĩ của nước Triệu, quan hệ giữa Tần, Triệu luôn ở vào thế căng thẳng. Người nước Triệu căm ghét Tây Tần, trước tình hình đó, với vai trò là con tin, cuộc sống của Tử Sở trở nên thảm hại là điều tất nhiên. Tần, Triệu hai nước gần nhau, có khi xảy ra công phạt chinh chiến, hơn nữa nước Triệu gần như lần nào cũng thất bại, người Triệu tràn đầy căm hận đương nhiên không thể đối xử với con tin Tử Sở bằng lễ nghi được.

Vương tôn Tử Sở đang giãy giụa tuyệt vọng trong dầu sôi lửa bỏng, thì gặp đại thương nhân có tri thức hơn người Lã Bất Vi. Từ đó về sau, vận mệnh của Tử Sở được thay đổi nhanh chóng, địa vị chính trị của ông cũng thay đổi theo, cuối cùng được bước lên hoàng vị, quân giám thiên hạ, và từ

đó trở đi phu nhân của Tử Sở Triệu Cơ cũng có thể lực hơn, sinh ra đứa con trai của Lã Bất Vi, đặt tên là Doanh Chính.

Đại thương nhân nước Hàn Lã Bất Vi là người Dương Cù, chính là huyện Vũ, tỉnh Hà Nam. Ông là người rất sáng suốt, thường buôn bán giữa hai nước Hàn, Triệu, kiếm được rất nhiều tiền, và khá nổi tiếng tại Hàm Đan, có thể ra vào đại viện hoàng cung. Một Lã Bất Vi vừa là thương gia giỏi giang vừa là nhà chính trị thông minh thừa biết mối quan hệ giữa Triệu, Tần và phía sau thâm cung của nhà Tần hùng mạnh, Lã Bất Vi chuyển sang đầu cơ chính trị sau khi trở nên giàu có, chuyển tiền đánh bạc sang một Tử Sở không có địa vị nào trong cung nhà Tần và chịu hết mọi cực khổ dày vò. Lã Bất Vi rất tự tin với bản thân mình.

Cuộc đối thoại giữa Lã Bất Vi và phụ thân ông ta đã thể hiện kiến thức phi phàm của Lã Bất Vi. Lã Bất Vi hỏi, cha ông trả lời:

- Ra sức cày ruộng thì lãi mấy phần?
- Nếu bội thu, thì lãi được mười phần.
- Buôn bán châu báu thì được mấy phần?
- Nếu làm giỏi, thì được trăm phần.
- Nếu đầu tư vào một con người, giúp anh ta có được vương vị, cai quản thiên hạ, nếu lần đầu tư lớn này thành công thì có được lãi bao nhiêu phần?

Cha của Lã Bất Vi bị bắt bí. Đúng vậy, câu hỏi đó không ai có thể trả lời, chỉ có thể nói đó là kẻ si mê đang nói mơ. Do đó, cha của Lã Bất Vi mắng ông, bảo ông hãy sống cho thật tốt, đừng có mà nằm mơ giữa ban ngày.

Lã Bất Vi cứ muốn nằm mơ giữa ban ngày. Ông mặc quần áo đẹp, cưỡi ngựa chắc khỏe, chạy thẳng một mạch đến quán xá của Tử Sở tại thành đô nhà Triệu Hàm Đan, cầu kiến vị hoàng tôn u buồn không vui này. Tử Sở nhìn thấy người khách có phong thái hiên ngang, trang phục hoa lệ, nên hỏi người khách: Có gì chỉ giáo? Không ngờ người khách lại quá thẳng thắn, nói rằng có cách để đưa Tử Sở bước vào lầu cao đệ nhất!

Sau một hồi thăm dò, Lã Bất Vi trình bày kế hoạch của mình: Tần Chiêu Tương Vương đã hơn 70 tuổi, thái tử An Quốc Quân không bao lâu nữa sẽ lên ngôi. Tuy nhiên, thái tử sủng hạnh chính phi, nhưng chính phi Hoa Dương phu nhân lại không có con trai. An Quốc Quân lại có hơn 20 người con trai, Tử Hề sống lâu, có binh sĩ hỗ trợ, thanh danh rất tốt, rất có khả năng trở thành người thừa kế sau này. Công tử ở giữa các anh em của ngài, lại làm con tin bên ngoài lâu ngày, hoàng tử và phụ thân đều rất ít thân cận, trong cung thì không có người tương trợ, một khi An Quốc Quân lên ngôi, muốn lập làm đích tử, cũng không có khả năng nữa. Muốn thay đổi hoàn cảnh trước mắt, kết thúc cuộc sống như giam cầm này, kế hoạch trước mắt là chỉ cần cố gắng, việc do ta tự làm, còn kịp!

Tử Sở bị chấn động bởi sự phân tích của Lã Bất Vi. Tiếp đó, Lã Bất Vi cho biết ông sẽ cố gắng hết sức, giúp Tử Sở lấy lại vai trò người thừa kế vương vị: giúp đỡ tiền bạc hậu hĩnh, đến kinh đô nhà Tần hoạt động khắp nơi vì Tử Sở, nhất là lấy lòng Hoa Dương phu nhân; Hoa Dương phu nhân không có con trai, một khi bà nhận lời, nhờ bà nói vài câu trước mặt An Quốc Quân, thì Tử Sở rất có khả năng trở thành người thừa kế.

Tử Sở bị tác động bởi kế hoạch này, cảm kích hứa với Lã Bất Vi rằng: một khi kế hoạch thành công, có được nước Tần thì sẽ cùng nhau tận hưởng. Cục đá trên vai của Lã Bất Vi cuối cùng cũng rơi xuống đất. Tiếp đó Lã Bất Vi tặng 500 lạng vàng cho Tử Sở, để ông kết giao với các nhân vật nổi tiếng của nước Tần và các nước khác, lễ hiên hạ sĩ, lấy danh tiếng. Nhất là phải đối xử hậu hĩnh với các quan trong cung nhà Tần, nên bày tỏ ý ngưỡng mộ An Quốc Quân và Hoa Dương phu nhân, khiêm ti lễ nhường, để tiếng thơm lan truyền ra ngoài.

Mọi việc đều được thực hiện theo kế hoạch, hết sức thuận lợi. Tử Sở được sự yêu mến của Hoa Dương phu nhân, An Quốc Quân khắc một ngọc phù làm tín vật xác định địa vị người thừa kế của ông, người thừa kế vương

vị Tử Sở đang đợi ngày lên ngôi. Lã Bất Vi cũng đường đường chính chính từ một thương nhân buôn bán trở thành người thầy bảo vệ Tử Sở.

Lã Bất Vi giàu có một phương, phủ đệ vàng ngọc huy hoàng, mỹ nữ nhiều vô kể. Trong đó có giai nhân tuyệt sắc hát giỏi ca hay mà Lã Bất Vi rất sủng ái, tên là Triệu Cơ. Lã Bất Vi và Triệu Cơ chung tình hưởng lạc, hình bóng không rời; không lâu thì Triệu Cơ có mang. Lúc này, Tử Sở đến Lã phủ dự yến tiệc lần đầu, tình cờ gặp được tuyệt sắc giai nhân Triệu Cơ, Tử Sở vừa gặp đã chung tình, đòi Lã Bất Vi tác hợp. Sau khi suy nghĩ kỹ, Lã Bất Vi kiên thức hơn người khẳng khái tặng người đẹp cho Tử Sở. Tử Sở quá đổi vui mừng, vô cùng cảm kích Lã Bất Vi. Không lâu sau, Triệu Cơ được Tử Sở sủng ái đã sinh ra đứa con trai của Lã Bất Vi. Tử Sở cứ ngỡ rằng đó là con ruột của mình, vui mừng khôn xiết, đặt tên con là Doanh Chính. Đó chính là Tần Thủy Hoàng sau này.

II. Điều kế kim thiên thoát xác

Năm 255 trước Công Nguyên, Tần, Triệu hai nước giao tranh ác liệt. Đại tướng của Tần lãnh binh bao vây thành Hàm Đan. Tử Sở và Lã Bất Vi bị vây hãm trong thành rơi vào cảnh hết sức nguy hiểm. Lã Bất Vi mua chuộc người giữ cổng thành bằng số tiền hậu hĩnh, dễ dàng chạy khỏi thành Hàm Đan cùng với Tử Sở, trở về nước Tần. Phu nhân của Tử Sở Triệu Cơ hoá trang chạy trốn, dẫn theo con trai sống lẫn trong dân gian, để bảo toàn tính mạng.

Năm 250 trước Công Nguyên, Chiêu Tương Vương băng hà, An Quốc Quân kế vị, chính là Tần Hiếu Văn Vương. Hoa Dương phu nhân được lập làm hoàng hậu, Tử Sở được lập làm thái tử. Hiếu Văn Vương cho sứ giả đến nước Triệu, đón phu nhân của Tử Sở - Triệu Cơ và con trai về nước. Chưa tới một năm, Hiếu Văn Vương bệnh nặng băng hà, Tử Sở kế vị, lấy tên Tần Trang Tương Vương, Hoa Dương phu nhân trở thành Hoa Dương thái hậu, mẹ ruột của Tử Sở - Hạ thị được tôn làm Hạ thái hậu. Phu nhân Triệu thị được lập làm hoàng hậu, con trai Doanh Chính lập làm thái tử. Lã Bất Vi được bái làm tướng quốc, tước Văn Tín Hầu, có 10 vạn hộ.

Trang Tương Vương ở ngôi vua 3 năm thì qua đời, thái tử Doanh Chính kế vị, lúc 13 tuổi. Doanh Chính tôn mẹ ruột - Triệu thị lên làm thái hậu. Lã Bất Vi vẫn làm tướng quốc, tôn xưng trọng phụ, mọi việc trong triều đình dường như hoàn toàn nằm trong tay của Văn Tín Hầu Lã Bất Vi. Thiên hạ lúc này đã không còn là thiên hạ của nhà Tần nữa, mà là thiên hạ của cha con Lã Bất Vi và Triệu Cơ, nhưng Doanh Chính lại không biết cha thật của mình là ai, chỉ biết mình là con trai của Trang Tương Vương, máu chảy trong người là máu của Tần Vương. Nhưng sự buồn phiền và khó xử của Doanh Chính ngày càng tăng lên theo thời gian.

Triệu thái hậu biết cha ruột của con trai là ai. Bà yêu con nhưng chịu góa khi còn quá trẻ, nên càng quyến luyến người tình Lã Bất Vi của mình. Thâm cung đêm dài cô độc, Triệu thái hậu phải đối mặt với hai mong muốn trong người, đó là trở thành một quốc mẫu mẫu nghi thiên hạ hay là một người bình thường được hưởng lạc cuộc đời, và bà đang nghiêng dần về loại người thứ hai. Triệu thái hậu sống trong cung, thường triệu kiến Lã Bất Vi vào buổi sáng và đêm khuya, họ gặp nhau đương nhiên không phải bàn bạc quốc gia đại sự, mà là nói lại tình xưa, kể về sự ly biệt.

Triệu thị của ngày xưa chẳng qua chỉ là một ca kỹ có địa vị thấp kém, là thứ đồ chơi được thương nhân Lã Bất Vi gọi thì đến đuổi thì đi. Sự ân ái của Lã Bất Vi dành cho Triệu thị không ít chút nào, nhưng lúc đó Triệu thị đang thuộc về Lã Bất Vi, là sủng vật cá nhân của Lã Bất Vi.

Nhưng ngày nay lại khác rồi. Triệu thị đã là mẫu thân của Tần Vương của cả thiên hạ, là thái hậu của nước Tần hùng mạnh, Triệu thị sống trong thâm cung cửu trùng. Lúc này về mặt tâm lý đương nhiên Lã Bất Vi muốn chiếm hữu người phụ nữ chí tôn cao quý lại rất thướt tha này. Nhưng tình cảm của họ không được công khai, chỉ có thể cố hết sức che giấu sự vụng trộm của mình. Cảm giác này đương nhiên là vừa kích thích, vừa mới mẻ, vừa hưng phấn nhưng cũng bế tắc.

Doanh Chính ngày càng lớn ngày càng làm cho mọi người sợ hãi. Doanh Chính có cái mũi điều hâu, mặt dài, vóc dáng cao to nhưng lại có ngực gà, tiếng nói như tiếng con sài, sắc mặt u buồn. Triệu thái hậu chỉ muốn ngày nào cũng có Lã Bất Vi bên cạnh, chỉ hận là không thể ngày nào cũng có được ông ta trong cung. Tuy nhiên, một Lã Bất Vi giỏi giang hơn người lại không thể làm thế, mặc dù ông rất thèm muốn sắc đẹp của Triệu thị, nhưng ông quyết không chìm đắm trong đó, không thể tự mình thoát ra lại không biết cách phòng ngừa hậu họa khi chưa xảy ra. Trên thực tế, Lã Bất Vi là người có lòng dạ rất thâm sâu, rất nhiều mưu lược, luôn đề phòng trước mọi việc, đương nhiên khi ông nhìn thấy mối nguy hiểm khi vụng trộm với thái

hậu, nhất là khi phát hiện Tần Vương ngày càng lớn, Lã Bất Vi càng biết rõ nên quyết định thoát khỏi cuộc tình với thái hậu ngay.

Làm sao để thỏa mãn dục vọng của thái hậu, lại có thể khéo léo thoát thân? Lã Bất Vi suy nghĩ tìm kế sách, và rất nhanh đã tìm ra diệu kế kim thiên thoát xác. Lần này con người tài trí hơn người Lã Bất Vi lại thành công.

III. Cuộc tình sinh tử của thái hậu

Dục vọng của thái hậu mãnh liệt lạ thường. Lã Bất Vi biết, chỉ cần Triệu thái hậu động lòng, thì không có Lã Bất Vi cũng chẳng sao. Mà người có thể thay thế Lã Bất Vi làm thái hậu rung động nhất định phải là một người đỉnh thiên lập địa, rất có sức hút và cá tính của đàn ông, chỉ cần tìm được người đàn ông như thế, thì Lã Bất Vi tin rằng mình có thể dễ dàng thoát thân, chẳng những không đắc tội với thái hậu, mà còn được sự tín nhiệm của thái hậu.

Lã Bất Vi phải tâm phúc của mình đi tìm kiếm khắp nơi, cuối cùng cũng tìm được một người tên Lao Ái: không biết anh ta xuất thân từ đâu, không biết tại sao lại đến kinh sư, chỉ biết rằng anh ta rất đàn ông, lại rất đẹp trai phong độ. Sau khi gặp mặt, Lã Bất Vi hài lòng ngay, nên giữ Lao Ái lại tương phủ, đối đãi với hắn bằng rượu ngon cơm ngọt, đồng thời thường gọi ca nữ để họ cả gan hành lạc.

Công phu của Lao Ái làm cho các kỹ nữ thán phục. Nhưng chỉ làm cho những kỹ nữ này thán phục thì không đủ. Lã Bất Vi bèn mời bạn thân ở kinh sư đến dự tiệc. Rượu hơn 3 tuần, Lã Bất Vi gọi Lao Ái ra, để anh ta thoát y, biểu diễn công phu của mình trước mặt bạn bè binh sĩ. Họ dùng một chiếc xe được làm bằng gỗ khá nặng làm đạo cụ. Lao Ái nhẹ nhàng như không, chỉ một chốc là đã kéo được chiếc xe này đi quanh nhà, dương vật của anh ta vẫn chẳng hề hấn gì, vẫn mạnh mẽ như cũ. Mọi người ai nấy đều thán phục. Công phu của Lao Ái được lan truyền vào trong cung một cách nhanh chóng. Thái hậu nghe được tin, hơi rung động, rất muốn gặp gỡ nhân vật xuất chúng này. Thái hậu bảo Lã Bất Vi tìm cách đưa Lao Ái vào cung.

Đó chính là câu nói mà Lã Bất Vi đã chờ đợi từ lâu. Lã Bất Vi cử người vu khống Lao Ái có tội lớn, sau khi xét thẩm, lập tức phán xử cung hình. Thái hậu và Lã Bất Vi ra lệnh cho viên quan phụ trách hành hình chỉ được

giả bộ hành hình, chỉ được cạo sạch râu và lông mày của Lao Ái. Thế là, Lao Ái được đưa vào cung, ở bên thái hậu với thân phận một họa quan. Thái hậu chờ đợi mỗi mòn cuối cùng cũng được gặp Lao Ái, ngay cái nhìn đầu tiên, thái hậu đã rung động ngay, và nhanh chóng rơi vào lưới tình, đồng thời càng vương càng sâu. Từ đó, Lao Ái không rời thái hậu nửa bước, ngày đêm chìm vào dòng sông tình ái, Lã Bất Vi dễ dàng thoát khỏi mối tình nguy hiểm này.

Thái hậu và Lao Ái bắt kể ngày đêm, bất kể nơi nào, miễn là nơi có thể ân ái là quên đi tất cả. Kết quả, thái hậu nhiều năm không có mang nay lại mang thai ngoài ý muốn. Sau khi biết chuyện, thái hậu không hề sợ hãi, mà ngược lại còn rất vui, quyết định sinh con, nhưng góa phụ mang thai, không bao giờ là chuyện tốt, tốt nhất vẫn là không nên cho ai biết. Thái hậu bỏ thai vốn là chuyện rất dễ dàng, nhưng điều lạ lùng là, một thái hậu si mê Lao Ái hết mực này lại muốn mạo hiểm sinh con, và không sợ vì chuyện đó mà mất đứa con trai Doanh Chính đang làm vua Tần.

Thái hậu mời người bói cho một quẻ, nói với Doanh Chính rằng, quẻ nói rằng bà phải dời cung để tránh nạn. Doanh Chính trẻ tuổi đành nghe theo số mệnh. Thái hậu dẫn theo họa quan Lao Ái, dời đến Ứng Thành cách xa hoàng cung. Ứng Thành là một ngôi thành độc lập, cảnh vật đẹp đẽ, có phong cách rất khác biệt, nhất là rất bí mật. Sau khi đến Ứng Thành, thái hậu và Lao Ái không lo ngại gì cả, công khai ăn nằm chung với nhau như một đôi vợ chồng ân ái.

Thái hậu sống với Lao Ái rất lâu tại Ứng Thành, kết quả sinh được hai con trai. Thái hậu si tình Lao Ái, nhưng bà biết, hai đứa con đã được sinh ra, cứ tiếp tục như thế chắc chắn sẽ không giấu được lâu, một khi sự việc bại lộ, thì nên lo liệu mọi chuyện sao đây? Thế là bà bàn mưu với Lao Ái: nếu sự tình bại lộ, thì không cần nghĩ ngợi gì cả, cùng nhau khởi binh, giết Tần Vương, để Lao Ái thế chỗ, và lập hai đứa con trai làm người kế vị.

Lao Ái được sự yêu thương của thái hậu, sự ban tặng của thái hậu dành cho Lao Ái có tăng không giảm. Thái hậu phong Lao Ái làm Trường Tín Hầu, ban tặng quận Thái Nguyên Hà Tây giàu có cho Lao Ái làm đất phong. Mọi việc trong cung Ứng Thành đều được quyết định bởi Lao Ái, hơn nữa, mọi việc quân chính trong Ứng Thành đều do Lao Ái quyết định, trên thực tế, Lao Ái trở thành quốc quân của vương quốc Ứng Thành nhỏ bé này. Lao Ái giàu có thiên hạ, oai phong lẫm liệt. Người hầu của Lao Ái hơn ngàn người, binh khách đầu quân dưới trướng của Lao Ái hơn ngàn người. Cửa phủ của Lao Ái tấp nập như chợ, không đâu sánh bằng.

Được sự yêu quý của thái hậu, Lao Ái chẳng lo lắng gì cả, dường như quên đi tất cả, kết quả đã chuốc họa diệt vong. Năm Tàn Thủy Hoàng thứ 9, một lần Lao Ái và triều thần uống rượu. Sau khi say, hai người tranh cãi qua lại. Lao Ái mượn rượu nổi giận, không ngại gì nói hết những bí mật của mình. Lao Ái tự xưng mình là người được đương kim thái hậu yêu thương nhất, là tình phu không thể rời của thái hậu, là cha giả của đương thế Tàn Vương, thân phận như thế, thì như kẻ thân phận hèn kém có còn dám cãi lại ông hay không?

Sau khi những chuyện bí mật của Lao Ái được tiết lộ, tin tức không chân mà đi rất nhanh. Có người kể chuyện đó với Tàn Vương Doanh Chính đã trưởng thành, bảo rằng Lao Ái không phải là họa quan, mà là mạo nhận họa quan; Lao Ái và thái hậu sống với nhau bao nhiêu năm, và công nhiên sinh hai đứa con trai, nuôi nấng tại Ứng Thành; không chỉ có thế, Lao Ái còn âm mưu với thái hậu, một khi có biến, thì sẽ cho Lao Ái lên thay thế Tàn Vương, và để cho con của họ kế ngôi vua. Một Tàn Vương Doanh Chính luôn âm ức và phiền não dày vò không thể nào tha thứ cho người mẹ ruột của mình nữa.

IV. Huyết chiến Kỳ Niên Cung

Sau khi được tin báo, Tần Thuỷ Hoàng hết sức phẫn nộ, lập tức phái người điều tra sự thật. Kết quả điều tra đương nhiên phù hợp với tin báo, hơn nữa chuyện này còn liên quan đến tướng quốc Lã Bất Vi. Tần Thuỷ Hoàng bèn giúp mẹ kết thúc cuộc gian tình làm mình xấu hổ đến toát cả mồ hôi này. Trường Tín Hầu Lao Ái có được Thái Nguyên Hà Tây làm nước Lao, tận hưởng bổng lộc xe ngựa mà chỉ vương hầu mới có, sống cuộc sống rung chuông là có người bưng thức ăn lên phục dịch. Lao Ái đương nhiên không thể để mất đi những thứ này.

Thế là Lao Ái làm phản trước. Vào tháng 4 đẹp trời, Tần Thuỷ Hoàng Doanh Chính hành quán lễ tại cung Kỳ Niên, Ứng Thành. Lao Ái bất ngờ đoạt quyền trước, cướp đi ngọc ấn của Tần Vương và ngọc ấn của thái hậu, ra lệnh điều động quân tấn công vào cung Kỳ Niên. Sau khi biết tin binh biến, Doanh Chính bắt đầu ứng chiến, ra lệnh cho tướng quốc Xương Bình Quân, Xương Văn Quân dẫn binh Hàm Dương dẹp loạn, tấn công Lao Ái. Binh mã hai bên đại chiến tại Hàm Dương.

Ngay vào lúc quan trọng nhất, Doanh Chính từng chinh chiến lâu ngày ra lệnh: Phàm là người có công đều được phong tước hậu thưởng; những ai có tham chiến được tăng một bậc; ai bắt sống Lao Ái sẽ được thưởng tiền 1 triệu; ai giết Lao Ái được thưởng 50 vạn. Qua một lượt giao tranh, sau trận chiến tàn ác, Lao Ái bại trận bị bắt, quân phiến loạn bị tử thương vô số.

V. Cuộc hành quyết và trừng phạt tàn nhẫn

Doanh Chính dùng trọng hình với Lao Ái: ngũ mã phanh thây Lao Ái, tru di tam tộc. Đồng đảng của Lao Ái hai mươi mấy người bị bêu đầu; những binh sĩ đi theo Lao Ái bị tội nhẹ thì đưa vào làm việc không lương trong tông miếu, hơn 4 ngàn người tội nặng thì bị đoạt tước, xung quân Tây Thục lao dịch 3 năm. Hai đứa con của thái hậu và Lao Ái bị bỏ vào rào và giết chết. Thái hậu bị trục xuất khỏi hoàng cung Hàm Dương, đến sống tại cung Cống Dương tại ngoại thành, đoạn tuyệt quan hệ mẹ con, vĩnh viễn không được gặp lại. Doanh Chính còn ra một sắc lệnh: những người dám can gián cách xử trí thái hậu, đều bị xử tội chết ngay lập tức, bị chặt tứ chi, phơi thây ngoài cung.

VI. Dũng sĩ mao hiểm với cái chết để can gián

Hành vi của Triệu thái hậu tuy có chút quá đáng, nhưng vẫn là chuyện tình lý, hơn nữa rốt cuộc thì bà cũng là mẫu thân của Doanh Chính. Doanh Chính xử chết cha giả, giết chết hai em trai, lại tuyệt tình như thế với mẫu thân, triều thần đều cảm thấy không thỏa đáng. Tuy đã có lệnh cấm, nhưng vẫn có người khéo léo can gián, kết quả, lần lượt có 27 người bị xử chết, và thật sự là xác của từng người từng người bị phơi ngoài cung.

Cung nhà Tần trở nên u ám, chết chóc làm mọi người kinh hãi. Trước tình hình đó, xuất hiện một người nước Tề tên là Mao Tiêu. Mao Tiêu ung dung, coi cái chết như không, đi thẳng đến cửa cung Tần Thủy Hoàng cầu kiến Doanh Chính. Doanh Chính đương nhiên biết ý đồ của anh ta, bèn bảo người hầu nói với anh ta rằng: có nhìn thấy 27 cái thây phơi ngoài cửa cung không? 27 người này đều là những người nói giúp cho thái hậu, đều có kết cục như vậy cả, chẳng lẽ anh ta còn muốn tìm đến cái chết hay sao?

Mao Tiêu từ tốn nói: Hãy bấm với Tần Hoàng, trên trời có 28 tinh tú, giờ chỉ mới có 27 người, thêm tôi nữa là vừa đủ 28; nếu sợ chết thì tôi đã không đến! Người hầu vào báo với Tần Thủy Hoàng. Doanh Chính cười một cách lạnh lùng, dặn người hầu: chuẩn bị vạc dầu, nấu cho sôi. Nét mặt lạnh lùng của Doanh Chính thoáng một nụ cười, nghĩ rằng vừa đủ con số 28, sau này sẽ không còn đại thần nào dám can gián nữa.

Mao Tiêu theo người hầu đi vào cửa cung với đội cấm vệ quân uy nghiêm. Cây cối hai bên đường nhiều vô số, chúng đang đung đưa trong gió, dường như cáo biệt với vị hiệp sĩ nhân nghĩa này. Mao Tiêu bước vào đại điện, Tần Doanh Chính mặt lạnh như băng, ngồi uy nghiêm trên long kỷ, mắt giận dữ nhìn Mao Tiêu.

Mao Tiêu không chút sợ hãi đi đến trước ngự tọa, khấu đầu rồi nói: Sở dĩ tiểu thần dám đến cầu xin bệ hạ, là vì tiểu thần cảm thấy, từ xưa đến nay, những người yêu quý mạng sống của mình đều không sợ cái chết; cũng như một quân chủ luôn lấy quốc gia làm trọng, biết được đạo lý hưng vong của quốc gia, cũng sẽ không sợ người khác nói quốc gia của mình nguy vong; đạo lý này rất đơn giản, nếu chỉ biết sợ chết, thì nhất định không thể sống lâu; nếu chỉ biết sợ vong quốc, thì quốc gia chắc chắn cũng không thể không vong, cho nên, đạo lý sinh tử tồn vong của thế gian, đó là điều mà mọi bậc quân chủ hiền minh trí tuệ đều muốn biết, chẳng lẽ bệ hạ không muốn biết sao?

Tần Doanh Chính âm thầm nhìn vào anh ta, ý là đã âm thầm đồng ý, và để cho anh ta nói tiếp. Nhưng, nét mặt của Doanh Chính vẫn không thay đổi, hơn nữa, vạc dầu đã sôi sùng sục, từng cuộn khói trắng bốc lên, thật hung tợn đáng sợ. Mao Tiêu phát hiện Tần Thủy Hoàng đã lắng nghe phần mở đầu của mình, trong lòng thấy nhẹ nhõm rất nhiều. Mao Tiêu càng cảm nhận rằng, những gì mà mình nói sẽ thuyết phục được vị quân chủ bảo thủ cố chấp không ai sánh bằng này.

Mao Tiêu ngưng một lát, tiếp tục nói: Bệ hạ tuy thánh minh, nhưng những hành vi hung tàn gần đây của bệ hạ mà bệ hạ cảm nhận được như ngũ mã phanh thây cha già, dìm chết hai em trai, đẩy mẹ ruột vào thâm cung, tàn sát người can gián nói thẳng; bệ hạ nghĩ xem, những hành vi có khác gì của vua Trụ nhà Thương, vua Kiệt nhà Hạ hay không? Nếu thiên hạ thần dân biết được những chuyện này, thần dân có thể tin phục bệ hạ hay không? Thần dân ly tâm, thiên hạ hỗn loạn, sẽ còn có ai một lòng hướng về nước Tần nữa không? Tiểu thần chỉ là lo lắng thay cho bệ hạ mà thôi. Tiểu thần chỉ nói có thể.

Khi Mao Tiêu nói xong, tự đi đến vạc dầu đang sôi sùng sục, ung dung cời y phục ra, chuẩn bị nhảy vào vạc dầu. Tần Doanh Chính nghe xong những lời đó, mắt nhìn vào phong cách hơn người của Mao Tiêu, trong lòng

thấy khâm phục, cảm thán rằng: thật là một anh hùng hào kiệt đỉnh thiên lập địa, nhân nghĩa can vân! Nét mặt lạnh lùng của Tần Doanh Chính đã bớt lạnh hơn, nhà vua đích thân đi xuống, đỡ Mao Tiêu đứng dậy, nói một cách chân thành rằng: Mời tiên sinh đứng dậy, tiên sinh nói thật có lý, quả nhân nguyện ý nghe theo trung ngôn của ngài. Thế là, Doanh Chính dẫn dò, bái Mao Tiêu là thượng khanh. Một trận tàn sát đầm máu đã khói tiêu mây tan, phong thái nghĩa hiệp của Mao Tiêu đã xua đi mùi máu tanh hôi trong hoàng cung nhà Tần. Mao Tiêu chính là một anh kiệt. Quân thần thán phục, cũng như đã trút được một gánh nặng.

Tần Vương Doanh Chính ra lệnh chuẩn bị xe ngựa, đích thân đánh xe, dẫn theo tùy tùng, tiến đến cung Cống Dương nơi mẹ ruột Triệu thị đang bị giam cầm, ông muốn đích thân đón mẹ trở về. Mẹ con gặp nhau, nước mắt như mưa. Triệu thị vẫn ở ngôi thái hậu, trở về thâm cung Hàm Dương - Nam Cung Cam Tuyền. Từ đó trở đi Triệu thị sống một cuộc sống giàu sang dư giả và yên lặng thư thái. Triệu thị sống trong cung Cam Tuyền được 10 năm, 10 năm ăn sung mặc sướng, 10 năm trông không cô quạnh. Đối với Triệu thị, 10 năm, nghĩa là 3 ngàn ngày mặt trời mọc và lặn, cũng là 3 ngàn đêm dài dằng dặc cô quạnh khó bề chịu đựng.

Chương II

Hoàng hậu Lữ Trĩ

I. Con mắt tinh tường chọn rể tốt

Lữ Trĩ là phu nhân chính phối của Hán Cao Tổ Lưu Bang, lịch sử gọi bà là Lữ Hậu. Lưu Bang là người huyện Phối, xuất thân từ nông dân, nhưng trời sinh không thích đọc sách, chán ghét việc nông, tối ngày lấy việc giao du kết bạn làm thú vui. Lưu Bang khôi ngô tuấn tú, gương mặt chữ điền, mũi cao, râu hùm, giữa mày tỏa ra khí anh hùng, cả người đạo cốt tiên phong.

Tướng mạo của Lưu Bang thuộc tướng cực quý trong tướng số. Tay ông dài quá gối, trên lông mày trái có 72 nốt ruồi đen. Tính tình ông phóng khoáng, lòng ôm chí lớn, giao du với anh hùng hào kiệt bốn phương, trở thành một nhân vật có tiếng khắp huyện Phối, khiến cho các danh sĩ hiệp nghĩa đều kính phục.

Lưu Bang tự Lý, là người huyện Phối quận Tứ Thủy triều Tần, chính là huyện Phối tỉnh Giang Tô hiện nay. Lưu Bang có 4 anh em: anh cả chết yểu, anh hai Lưu Trung, siêng năng làm nông, lo liệu gia đình, là tay giúp việc rất giỏi của cha; Lưu Bang thứ ba; em trai út hiếu học. Trong 4 anh em, ngoài anh cả đã chết yểu, 3 con trai, chỉ có mỗi Lưu Bang thích du ngoạn nhàn hạ, không có nghề nghiệp gì, làm cho cha ông rất lo lắng sợ hãi, và rất tức giận. Lưu phụ thường trách mắng Lưu Bang, bảo ông chẳng có tiền đồ gì cả. Lưu Bang mặc kệ lời trách của cha, vẫn thích gì làm nấy.

Danh tiếng của Lưu Bang rất tốt, nhanh chóng trở thành một đình trưởng của làng Tứ Thủy Đông, huyện Phối. Đình trưởng chỉ là một cấp quan thấp bé. Triều Tần lúc đó quy định, 10 dăm là một đình, 10 đình là một hương, đình trưởng chính là một viên quan nhỏ cai quản vùng đất rộng 10 dăm, chức vị tuy thấp bé, nhưng cũng cho là một viên quan của triều đình.

Trời sinh Lưu Bang phóng khoáng, thích uống rượu với bạn bè, háo rượu và háo sắc, thường mắc nợ. Có vị Lữ Công, là người Đan Phụ, chính là

người Nhữ Nam Hà Nam ngày nay, do trốn tránh kẻ thù, nên lưu lạc đến huyện Phối. Lữ Công và huyện lệnh huyện Phối là tri giao. Quan dân biết được điều này lần lượt đem quà cáp đến thăm hỏi Lữ Công. Huyện sử Tiêu Hà giúp Lữ Công lo liệu yến tiệc, nên nói trước với khách rằng: lễ mừng dưới ngàn lạng thì xếp cho ngồi dưới.

Lưu Bang lúc đó chỉ là một đình trưởng nhỏ bé, cả ngày uống rượu hưởng lạc, tiền nợ trả còn chưa hết, nói gì đến tiền mừng? Lại càng không thể có tiền mừng hơn ngàn lạng. Nhưng, Lưu Bang biết, đó là một cơ hội để vượt qua mọi người, tuyệt đối không thể bỏ qua. Nhưng nếu phải ngồi phía dưới thì làm sao làm cho mọi người chú ý? Suy đi nghĩ lại, Lưu Bang nghĩ ra một diệu kế.

Vào hôm yến hội của Lữ Công, Lưu Bang trịnh trọng viết một tấm bài thiệp, trên tấm thiệp viết tiền mừng một vạn. Con số này thật sự là con số làm cho mọi người phải kinh ngạc vào lúc bấy giờ, đừng nói huyện sử Tiêu Hà kinh ngạc, mà cả Lữ Công cũng chẳng khác gì, lập tức đích thân ra nghênh đón đình trưởng Lưu Bang. Lưu Bang phong thái hiên ngang, lễ độ vô cùng.

Lữ Công quan sát Lưu Bang thật kỹ, trong lòng thấy đáng phục. Vị đình trưởng phong thái khác thường, ăn nói lễ độ nho nhã, ngày sau có thể trở thành người không thể coi thường. Lữ Công đã gặp gỡ rất nhiều người, trong lòng coi trọng Lưu Bang, tự nhiên rất khiêm nhường trong hành động, mời Lưu Bang vào trong sảnh đường, ngồi vào vị trí thượng tọa. Huyện sử Tiêu Hà là bạn thân của Lưu Bang, hai người biết nhau quá rõ. Đương nhiên Tiêu Hà biết rất rõ tài sản và nợ nần của Lưu Bang, nhưng nhìn thấy bức thiệp, Tiêu Hà hết sức kinh ngạc nhưng cũng không dám thờ ơ, mà ngược lại muốn xem làm thế nào mà người anh em họ xa của mình vượt qua được cửa ải này, và sẽ có kết cục ra sao?

Lưu Bang được ngồi ghế thượng tọa, ăn nói lưu loát, coi như chẳng có ai, khí chất, phong độ đều thể hiện là người giỏi giang, quan khách có mặt tại

đó không ai không biến sắc. Lữ Công luôn quan sát Lưu Bang trong suốt buổi yến tiệc, và lắng nghe từng lời nói của anh ta, nhìn thật kỹ gương mặt của anh ta, rồi trong lòng Lữ Công thầm lên kế hoạch của mình. Sau khi tiệc tàn, Lưu Bang uống no ăn đủ bèn đứng dậy cáo từ, Lữ Công bèn mời người ở lại.

Khách về hết. Sau khi chiêu đãi Lưu Bang bằng trà thơm, Lữ Công mới nói thật với Lưu Bang rằng: Tôi luôn nghiên cứu về tướng số, những người coi qua tướng thì đã rất nhiều, không ai là không linh nghiệm cả; hôm nay nhìn thấy các hạ, nhìn kỹ diện mạo, diện tướng của các hạ thấy quý không thể tả, mong các hạ hãy tự trân trọng; tôi có một con gái lớn, tướng mạo nhân phẩm không phải là không tốt, tôi có ý kết thân với các hạ, nhận các hạ làm con rể, các hạ thấy sao?

Lưu Bang vui mừng khôn xiết, không chỉ được ăn không một buổi thịnh soạn của khách quý, số tiền nợ một vạn đồng còn chưa tính, thì đã được một Lữ Công có thân phận, hoàn cảnh như thế coi trọng, còn muốn gả con gái cho, tặng hậu lễ. Lưu Bang hết sức cảm kích, lập tức đồng ý. Lưu Bang vui mừng cực độ từ giã Lữ Công, chạy nhanh về nhà với tâm trạng hưng phấn.

Lữ Công vui mừng đi về nội thất, nói chuyện này với phu nhân. Lữ phu nhân nghe xong cảm thấy hết sức hoang đường, một thằng nhóc lang thang ăn không uống không, khẩu xuất cuồng ngôn đi lừa một buổi nhậu thì thôi, lại còn không dung đi dâng khuê nữ của mình cho nó! Lữ phu nhân mắng Lữ Công, bảo ông già lắm cảm, và quát Lữ Công rằng: nói ông biết coi tướng, nói tướng mạo con gái cực quý, quý không thể tả, nhất định gả cho quý nhân, nay quý nhân đến rồi, thì ra lại là một đình trưởng, quý đến thế đấy? Con gái không đáng giá như thế sao? Huyện lệnh và ông là tri giao bao nhiêu năm, nay lại nằm dưới quyền của ông ấy, ông ấy muốn cầu thân với ông, ông một mực từ chối, nay lại gả con gái cho một đình trưởng nhỏ bé không có một xu, nằm dưới quyền của huyện lệnh! Thật là chỉ có ông già lắm cảm như ông mới làm chuyện đó!

Lữ Công lắc đầu, cảm thấy vợ mình có tầm nhìn quá ngắn, không thể quá so đo tính toán. Lữ Công bèn tự làm theo ý mình, quyết định gả con gái cho Lưu Bang, và tặng hậu lễ. Con gái lớn đương nhiên nghe theo số trời, nhất loạt nghe theo lời của phụ thân. Người con gái lớn này của Lữ Công chính là hoàng hậu Lữ Trĩ của Hán Cao Tổ Lưu Bang sau này.

II. Cuộc sống của nông phu

Lữ Trĩ tự Hủ Nga. Đứa con gái trưởng của Lữ Công này được gả cho đình trưởng Lưu Bang dưới sự kiên trì của cha. Lúc bấy giờ, nhà của Lưu Bang chẳng giàu có, sau khi thành gia, dọn ra ở riêng. Lưu Bang vẫn duy hiệp khắp nơi như cũ, quan hệ bạn bè nhiều, cuộc sống trong gia đình đều do một tay Lữ Trĩ lo liệu. Thấm thoát đã mấy năm, Lữ Trĩ từ một tiểu thư đài các trở thành một nông phu, một năm bốn mùa, xuống ruộng làm đồng, lo liệu chuyện nhà cửa, lần lượt sinh cho Lưu Bang một con trai và một con gái, con trai gọi là Lưu Doanh, con gái sau này trở thành công chúa Lữ Nguyên.

Từ chức vụ đình trưởng ban đầu, Lưu Bang dần dần trở nên có thế lực, cho đến khi sáng lập ra vương triều nhà Hán, những chuyện thần thoại liên quan đến Lưu Bang đương nhiên cũng không ít. Lưu Bang nhậm chức đình trưởng, cai quản tất cả mọi việc trong phạm vi một đình, nhất là chuyện tô thuế và an ninh trong đình. Lúc bấy giờ đang là thời kỳ cuối nhà Tần, cướp bóc khắp nơi, làng Tứ Thủy thỉnh thoảng cũng bị bọn cướp quấy nhiễu, lúc ẩn lúc hiện. Lưu Bang chế tạo ra một loại nón làm bằng tre, phía trên thì nhọn, phía dưới thì vuông, hình dạng cổ quái, trông rất vui mắt. Lưu Bang thường đội chiếc nón đó khi ra vào rừng bắt trộm cướp.

Một hôm, Lưu Bang về nhà nghỉ, đang nằm tại nhà. Lữ Trĩ và con cái đều làm việc ngoài đồng. Một ông lão đi ngang qua, khát nước và muốn xin một ít nước uống. Ông lão vừa uống nước, vừa trò chuyện thân mật với Lữ Trĩ. Ông lão này giỏi xem tướng, vừa nhìn thấy Lữ Trĩ đã kinh ngạc ngay, sau khi quan sát thật kỹ, ông càng không dám tin. Ông lão nói với Lữ Trĩ, mệnh của cô rất quý, dung mạo quý không thể tả. Ông lão lại bảo Lữ Trĩ gọi con trai và con gái đến để ông xem tướng.

Sau khi nhìn kỹ hai người con của Lữ Trĩ, ông lão nói với cô rằng, ngày sau cô có thể đại quý là nhờ vào đứa con trai này, tướng mạo đứa con trai là đại quý; còn con gái, cũng quý không thể tả. Ông lão uống nước xong, thì từ biệt Lữ Trĩ, tiếp tục con đường của mình. Một lát sau, Lưu Bang ra đồng, Lữ thị nói cho Lưu Bang về mọi chuyện lúc nãy. Nghe xong, Lưu Bang lập tức đuổi theo ông lão đó.

Quả nhiên Lưu Bang đuổi kịp ông lão, sau một vài lời cung kính khiêm nhường, Lưu Bang cũng nhờ ông lão xem tướng. Ông lão nhìn thật kỹ, hết sức kinh ngạc. Ông nói với Lưu Bang, vợ ông và con cái đại quý được là nhờ vào đại quý của anh, quý không thể tả. Ông lão hy vọng Lưu Bang hãy tự trân trọng. Lưu Bang cung tiễn ông lão đi xa, trong lòng rất vui, tưởng tượng mình quý không thể tả, muốn thì có thể vào triều bá tướng? Trở thành một vị đại thần? E rằng Lưu Bang với chức vụ đình trưởng này còn chưa dám mơ làm hoàng đế.

Trong lòng tràn đầy hy vọng nhưng Lưu Bang không bao lâu phạm tội, chạy trốn ra ngoài. Mẹ con Lữ Trĩ cũng vì Lưu Bang mà bị quan phủ bắt, giam vào trong lao. Năm 208 trước Công Nguyên, Lưu Bang 38 tuổi, con trai Lưu Doanh vừa mới 5 tuổi, Lưu Bang tổ chức quật khởi, dấy binh phản Tần. Từ đó về sau, Lưu Bang bắt đầu chiêu binh mãi mã, nam chinh bắc chiến, bổ sung thực lực và bắt đầu ngày tháng tranh giành thiên hạ.

III. Sắc lập hoàng hậu

Năm 205 trước Công Nguyên, Lưu Bang đã có trong tay một đội quân hùng mạnh liền kéo sang phía Đông, nhân cơ hội hậu phương của Hạng Vũ bỏ trống, liền tiến quân đến gần Bành Thành, giành được chiến thắng lớn. Hạng Vũ tức giận nhanh chóng rút quân về, đánh tan tác quân Hán của Lưu Bang tại Hoãn Bắc, Linh Bích. Lưu Bang thua trận thảm hại chỉ còn vài chục hộ vệ. Chạy về ngang qua làng Tứ Thủy Đông của huyện Phối, Lưu Bang muốn đưa vợ con cùng chạy trốn. Nhưng đáng giận là Hạng Vũ đã nhanh tay hơn, sai quân đến bắt hết cả nhà của Lưu Bang. Thì ra, khi chiến loạn, Lữ Công và Lữ thị đã nhanh chân chạy thoát trước khi quân của Hạng Vũ đến, không ngờ lại chạy sai đường, đụng phải quân Sở của Hạng Vũ, bị quân Sở bắt về giao cho Hạng Vũ. Còn hai đứa con của Lưu Bang thì chạy một đường khác nên gặp Lưu Bang, thoát được nguy hiểm.

Trận Linh Bích làm Lưu Bang tổn binh mất tướng, gần như trở về trắng tay. Nhưng sau khi Lưu Bang chạy thoát về Quan Trung, thì nhanh chóng chinh đôn lại quân mã, tổ chức lại binh lực lớn mạnh, chống đối Hạng Vũ. Quân Hán, quân Sở đối đầu với nhau tại Huỳnh Dương. Hán, Sở đối đầu với nhau 3 năm, hai bên đều không thể giành thắng lợi. Đại tướng của nhà Hán, là Hàn Tín dẫn một đội binh mã, tiết ra Thái Hành Sơn, qua Hà Bắc, đến Sơn Đông, tiến thẳng vào hậu phương lớn của Hạng Vũ. Hạng Vũ trở tay không kịp, trong lúc bức bách, nghĩ ngay đến cha của Lưu Bang đang bị giam trong doanh trại.

Hạng Vũ oai phong lẫm liệt thủ trấn dưới thành Quảng Vũ, ra lệnh đưa cha của Lưu Bang, Lưu Thái Công. Lưu Bang đối diện với họ nhìn thấy tất cả, nhưng vẫn ung dung bình tĩnh. Hạng Vũ nói với Lưu Bang, trừ phi hai quân Hán, Sở lập tức xuất trận, quyết một trận sống mái, nếu không, thì sẽ giết Lưu Thái Công! Không ngờ, đại trượng phu Lưu Bang lại trả lời thế

này: Hạng Vương trước đây cùng tôi cung sự Sở Hoài Vương, hai người tình như thủ túc, hơn cả huynh đệ; nay, cha tôi chính là cha của Hạng Vương ông, nếu ông giết cha ông, thì ông hãy chia cho tôi một bát canh vậy!

Nghe xong câu nói này, Hạng Vũ ngậy người ra, chẳng biết nói gì. Một tướng tên là Hạng Bá nói: Người tranh đạo thiên hạ ngày nay, phần lớn đều không màng đến gia thất, nếu giết đi thì chúng sẽ không bị liên lụy gì nữa, càng làm tăng thêm thù hận, chi bằng không giết. Hạng Vũ không còn cách nào khác, đành phải tiếp nhận ý kiến của Hạng Bá.

Tháng 9 năm đó, Hán, Sở đạt thành hiệp nghị đình chiến, lấy Hồng Câu làm biên giới, phía tây Hồng Câu thuộc về Hán, phía đông Hồng Câu thuộc về Sở. Hạng Vũ còn rất nghĩa khí khi đưa Lưu Thái Công và Lữ Trĩ trở về Hán. Lưu Thái Công và Lữ Trĩ được đưa về cung Hán, sống ở doanh trại của Sở hết 29 tháng, thế mới gọi là đại nạn không chết, tất có hậu phúc. Sau này Lữ Trĩ quả nhiên được hưởng đại phúc đại quý.

Từ tháng mười năm Hán Vương thứ nhất, Lưu Bang từ dưới đánh lên, ép Tử Anh của Tần Vương đầu hàng, Lưu Bang và dân Tần có ước pháp tam chương, loại bỏ pháp luật hà khắc của nhà Tần, Lưu Bang luôn được sự ủng hộ của nhân dân, thần dân bên trong quan ải rất hoan nghênh Lưu Bang. Sau khi Hạng Vũ vào quan ải, Lưu Bang nghe theo kế của Trương Lương, cầu hòa với Hạng Vũ, chịu thiệt nhận phong tước Hán Vương, thống trị Ba Thục, Hán Trung. Tiếp đó, là bốn năm chiến tranh triền miên giữa Hán và Sở. Mùa đông năm Hán Vương thứ năm, Lưu Bang chiến thắng Hạng Vũ, bước lên ngôi hoàng đế tại Định Đào, định đô tại Lạc Dương, sau đó dời về Trường An.

Sau khi Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, sắc lập Lữ Trĩ làm hoàng hậu, con trai trưởng Lưu Doanh làm hoàng thái tử, con gái phong làm Lỗ Nguyên công chúa. Sau khi Hạng Vũ tự vẫn tại Ô Giang, quân Sở lớn mạnh nay đã diệt vong tan tác, đế quốc Hán mới kiến lập chỉ có một kẻ thù lớn nhất đó là

Hung Nô. Khi đó Hung Nô do Đan Vu thống trị, Đan Vu dửng dưng cảm thiện chiến, nhân cơ hội Trung Nguyên đại chiến, không ngừng quấy nhiễu phương Bắc. Đế quốc Hán mới thành lập, Hung Nô vẫn tiếp tục nhiều lần xâm phạm biên cương.

IV. Sóng gió khi đưa Lỗ Nguyên công chúa đi lấy chồng xa

Đối mặt với sự khiêu chiến của Hung Nô, Lưu Bang mới đoạt được thiên hạ với trái tim anh hùng của mình, quyết kế đích thân dẫn quân ra trận, quét bằng sa mạc. Năm 200 trước Công Nguyên, Hung Nô Đan Vu dẫn 300 ngàn quân mã, ra lệnh bao vây Tân Dương, đó chính là Thái Nguyên, Sơn Tây ngày nay. Lưu Bang đích thân chỉ huy 300 ngàn đại quân, nghênh chiến Hung Nô. Quân Hán tiến đến núi Bạch Đăng, thì đột nhiên bị Hung Nô bao vây. Chút nữa thì Lưu Bang mất mạng. Nhờ mua được hoàng hậu Đan Vu, Lưu Bang mới chạy thoát về Cung Hán.

Lưu Bang hiểu rõ Hung Nô lớn mạnh nên nhất thời không thể đối phó được, ngày đêm lo lắng, u buồn. Đại thần Lưu Kính hiến kế cho Lưu Bang, chủ trương cải thiện quan hệ với Hung Nô bằng cách hòa thân, chính là gả công chúa của hoàng thất nhà Hán cho Hung Nô Đan Vu, để cầu hòa. Lưu Bang cảm thấy thế cũng tốt, chấp nhận ý kiến đó, nhưng chọn ai gả đi bây giờ? Lúc đó công chúa đủ tuổi và phù hợp chỉ có thể là công chúa Lỗ Nguyên. Lưu Bang đương nhiên không đành lòng giao con gái của mình cho Hung Nô, thế là nghĩ cách tìm một thiên kim tiểu thư trong tôn thất giả làm công chúa, gả sang Hung Nô xa xăm.

Lưu Bang rất đắc ý với ý nghĩ của mình, nhưng đại thần lại không đồng ý, nhất là đại thần chủ trương hoà thân, Lưu Kính, cho rằng như thế không chỉ giúp ích được gì, mà ngược lại chỉ tổ làm hỏng chuyện – thử nghĩ xem chỉ lừa được Đan Vu một thời gian, nếu một ngày nào đó Đan Vu phát hiện, thì không phát điên lên mà trả thù hay sao? Hơn nữa, từ đó về sau có muốn hòa thân, thì cũng không được sự tín nhiệm của Hung Nô. Lưu Bang nghe

xong lời nói này, ngẩn người ra một lúc, không thể không thừa nhận có lý, đành phải quyết định gả công chúa Lỗ Nguyên.

Trên thực tế, Lỗ Nguyên công chúa lúc này đã được gả đi, chồng là Trương Ngạo. Lưu Bang tiếp nhận ý kiến của Lưu Kính, phải tách rời con gái và con rể, gả con gái đến Hung Nô, để tìm lại an ninh tại phía Bắc. Hoàng hậu biết được tin này, tức giận vô cùng! Làm sao hoàng hậu có thể tha thứ cho việc lấy thân thể và sự bất hạnh của con gái đổi lấy sự an ninh ở biên cương! Hoàng hậu gào khóc, thét lên. Lưu Bang bó tay chịu trận, đành phải từ bỏ chuyện gả công chúa Lỗ Nguyên cho Hung Nô.

V. Uy hiếp đoạt ngôi

Khi Lỗ Nguyên công chúa được sống một cách bình yên, thì địa vị thái tử của con trai Lưu Doanh lại bị uy hiếp nghiêm trọng bởi mỹ nữ Thích phu nhân. Thích phu nhân là người đẹp nổi tiếng gần xa tại Định Đào, Sơn Đông, khi trú quân tại Định Đào, một Lưu Bang háo sắc chẳng lẽ lại không muốn chiếm hữu mỹ nữ này sao? Thật ra, Lưu Bang không tài nào rời khỏi mỹ nữ. Ngoài Lữ Trĩ ra, Lưu Bang còn có rất nhiều người đàn bà, nhưng trong vô số thân thiếp của Lưu Bang, người được sủng ái nhất chính là Thích phu nhân.

Thích phu nhân được Lưu Bang sủng ái, được hầu hạ hoàng đế lâu ngày, nên có mang, sau này, sinh một con trai, đặt tên Như Ý. Lưu Bang bị mê hoặc bởi sự dịu dàng và vẻ đẹp của Thích phu nhân, đắm chìm trong đó, không thể thoát ra. Đứa con trai do Thích phu nhân và Lưu Bang sinh ra, đương nhiên được Lưu Bang coi như châu báu. Nhất là khi đứa trẻ càng lớn càng giống Lưu Bang, mỗi một cử chỉ, một động tác, một nụ cười, một lời nói dường như đều giống như Lưu Bang còn nhỏ, Lưu Bang càng yêu đứa trẻ hơn.

Khi Như Ý 10 tuổi, Lưu Bang phong Như Ý làm Triệu Vương. Lúc này, thời thanh xuân của Lữ hậu đã qua đi, người già đi, còn Thích phu nhân thì phong nhã hào hoa hết mực, tình cảm muôn vẻ, nên càng có phong độ hơn. Lữ hậu ở tại Trường An lâu ngày, bảo vệ thái tử Lưu Doanh. Lưu Bang nam chinh bắc phạt dẫn theo Thích phu nhân, ngày đêm hầu hạ bên cạnh. Thích phu nhân là một phụ nữ rất toan tính, bà biết hạnh phúc trước mắt của mình là hưởng không hết, nhưng còn ngày sau thì sao? Một khi Lưu Bang qua đời, thái tử Lưu Doanh kế vị, một Lữ hậu tàn ác có thể bỏ qua cho mình sao? Thích phu nhân bèn dựa vào sự sủng ái của Lưu Bang, thường khóc lóc, đòi Lưu Bang đổi lập Như Ý làm thái tử.

Lưu Bang đã có ý này từ lâu. Thái tử Lưu Doanh trời sinh nhân hậu, khác xa với Lưu Bang, Lưu Bang vẫn không thích thái tử cho lắm, cho rằng hắn quá nhu nhược vô dụng, không thể làm đại sự. Lưu Bang bèn nói với đại thần về ý muốn đổi thái tử của mình, mong rằng được sự đồng ý của đại thần, ít nhất không phản đối là được, bởi vì phế lập thái tử không chỉ là chuyện của riêng hoàng gia, mà là người kế vị của quốc gia, người chèo lái vị quyết định vận mệnh tương lai của quốc gia, đại thần không thể không tham gia quyết định, lại càng không thể bàng quan đứng nhìn.

Điều bất ngờ là, triều thần nhất loạt phản đối, cho rằng Lưu Doanh được lập làm thái tử đã được 8 năm, danh vị đã được khẳng định từ lâu, hơn nữa lại nhân từ, khoan dung với mọi người, nếu không tội mà phế truất, rồi lập Như Ý được cá nhân yêu thích làm hoàng tử sẽ làm mất lòng người, dao động thiên hạ. Tấu chương phản đối của đại thần được gửi đến tới tấp. Lưu Bang sủng ái Thích phu nhân, không thể thay đổi quyết tâm phế lập thái tử. Việc phế lập thái tử tạo nên trạng thái đối lập giữa phe Lưu Bang, Thích phu nhân, Như Ý và phe Lữ hậu, Lưu Doanh, triều thần.

Vào thời khắc nguy hiểm, ngự sử Châu Xương hiên ngang đứng ra, cố sức bảo vệ vị trí thái tử của Lưu Doanh. Châu Xương có tật nói lắp, nhưng trong việc bảo vệ thái tử, Châu Xương là người ra sức nhiều nhất. Lưu Bang nổi giận đùng đùng, cố ý chất vấn ông trước triều đình, tại sao không thể cải lập thái tử? Châu Xương lắp ba lắp bắp, nhưng vẫn kiên quyết bày tỏ hoàn chỉnh ý kiến phản đối việc cải lập thái tử. Châu Xương ấp a ấp úng, trông rất buồn cười, một trận tranh luận nghiêm túc căng thẳng được làm dịu đi bởi sự buồn cười này, khiến cho Lưu Bang đang tức giận cũng phải phì cười. Buổi tranh luận này đã chấm dứt trong nỗi buồn. Lữ hậu trốn trong phòng bên nghe trộm thở phào nhẹ nhõm, sau đó, gọi Châu Xương đến, bái tạ nói: Nếu không phải là khanh ra sức tranh luận, chắc là thái tử đã bị phế, cảm tạ lời nói thẳng của khanh!

Quyết tâm cải lập thái tử vẫn rất vững chắc, thêm vào nước mắt của sủng phi Thích phu nhân, lòng quyết tâm này của Lưu Bang dường như không thể lay động. Chỉ dựa vào sức cản của đại thần là được sao? Lữ hậu không dám tin tưởng, ngày đêm lo lắng. Lúc này, có một mưu sĩ hiền kế, nói Lưu Hầu Trương Lương rất giỏi mưu kế, sao không thỉnh giáo chuyện này với Trương Lương? Lữ hậu bỗng thấy sáng ra, lập tức bí mật bảo anh trai mình là Kiến Thành Hầu Lữ Thích đến phủ Lưu Hầu thỉnh giáo Trương Lương, khẩn mời ông ấy hiền kế, để giữ vững ngôi vị thái tử. Lữ Thích thân mang trọng trách, đến phủ Lưu Hầu.

Sau một vài lời khiêm nhường và xã giao, một Trương Lương luôn hướng về việc bảo vệ địa vị thái tử cuối cùng cũng nghĩ ra một diệu kế: Khi hoàng thượng được thiên hạ, có bốn vị cao sĩ Đông Viên Công, Hạ Hoàng Công, Kỳ Lý Lý, Giác Lý tiên sinh, bốn người trốn tránh chiến loạn, ẩn cư Thương Sơn; vì bốn người đức cao vọng trọng, lại là cao sĩ cao tuổi, do đó nổi tiếng gần xa, được gọi là Thương Sơn Tứ Hạo; sau khi được thiên hạ, từng trọng lễ mời họ xuống núi, họ chê hoàng thượng thích mắng Nho sinh, nên không nhận lời, không muốn làm thần tử của hoàng thượng; nếu thái tử có thể khiêm nhường kính lễ, cung thỉnh bốn người xuống núi, đến làm khách tại phủ thái tử, một khi hoàng thượng biết được, Thương Sơn Tứ Hạo mà ông không mời được lại muốn theo chân thái tử, tất nhiên có lợi cho danh tiếng của thái tử, hoàng thượng chắc sẽ bỏ đi ý định phế bỏ thái tử.

Lữ Thích thật lòng phục tùng, thật sự bị thuyết phục bởi vị mưu sĩ này. Lữ Thích trở về báo lại với thái hậu, thái tử thảo ngay một bức thư, tình chân ý thật, cử một mưu sĩ mang theo hậu lễ đến Thương Sơn, khẩn thỉnh Tứ Hạo. Tứ Hạo cảm động sâu sắc thái tử, nhận lời ngay, xuống núi vào hoàng cung, làm khách của thái tử trong phủ thái tử. Lữ hậu thở phào một hơi nhẹ nhõm.

Hán Cao Tổ năm thứ 11, năm 196 trước Công Nguyên, Hoài Nam Vương Anh Bố tạo phản. Lưu Bang đang mang bệnh muốn thái tử Lưu

Doanh lĩnh binh dẹp loạn. Lưu Doanh chưa hề đánh trận, chỉ sống trong hoàng cung thanh bình ca múa, làm sao có thể đối phó với Anh Bố dày kinh nghiệm sa trường? Anh Bố từng là một dũng tướng dưới tay của Hạng Vũ, có công nên được phong làm Cửu Giang Vương. Khi chiến tranh Hán Sở, Anh Bố có mảnh đất rộng lớn bị Lưu Bang thuyết phục ra hàng, phản kích Hạng Vũ. Hạng Vũ diệt vong, Lưu Bang phong Anh Bố làm Hoài Nam Vương.

Thái tử nhân hậu không thể nào đảm nhận trọng trách này, lại không thể nhường cho người khác, nếu không, Lưu Bang sẽ nổi giận, nhân cơ hội đó phế truất thái tử. Đối mặt với khó khăn này, một trong Tứ Hạo đã là khách của thái tử, Đông Viên Công hiến một diệu kế, gọi anh của Lữ hậu là Lữ Thích, để Lữ Thích đến gặp Lữ hậu, để Lữ hậu nói năng uyển chuyển làm động lòng Lưu Bang, bảo thái tử đơn độc xuất binh, mà những người mà thái tử thống lãnh đều là lão tướng dưới tay Lưu Bang năm nào, người mà thái tử phải đối phó lại chính là Anh Bố tài trí thâm hiểm, như thế thì e rằng tướng lĩnh không phục, làm sao có thể dẹp loạn? Nếu Anh Bố biết được thì sẽ càng dũng mãnh hơn, tiến sâu về phía tây; tuy hoàng thượng mang bệnh trong người, nhưng nếu có tùy quân đi theo bảo vệ, thì các tướng sẽ nghe theo mệnh lệnh ngay; hoàng thượng phải chịu khổ, nhưng vì vợ con và xã tắc, hoàng thượng hãy chịu khổ một chút đi vậy.

Dụng ý của kế này là, thái tử đơn độc lãnh binh, thành công thì địa vị cũng chẳng tăng thêm được chút nào, còn thất bại thì e sẽ lay động đến vị trí thái tử, do đó, phải biết cách sắp xếp để không cần mạo hiểm. Lữ hậu nghe xong lời phân tích của Lữ Thích, cảm thấy rất có lý, bèn tìm cơ hội nói chuyện với Lưu Bang. Lưu Bang đang mang bệnh đương nhiên không hài lòng, không ngờ đã ngần này tuổi, mang bệnh trong người, lại chẳng thể hy vọng vào thái tử đã trưởng thành từ lâu, thật là chẳng thể nào nói gì được! Lưu Bang nổi giận nói: Hừm, thái tử cái gì, trăm chỉ biết thẳng nhóc

đó chẳng có ích gì, không thể đảm đương trọng trách, ông già này đành phải đích thân thống soái!

Lưu Bang lệnh cho thái tử cố thủ Trường An, còn mình thì thân chinh chinh phạt Anh Bố. Năm sau, cuộc nổi loạn của Anh Bố được dẹp yên, Lưu Bang trở về Trường An, giận dữ vẫn chưa tan hết nên Lưu Bang vẫn tiếp tục nhắc đến chuyện phế truất thái tử. Đại thần triều đình vẫn kiên trì phản đối như xưa, nhưng hiển nhiên không có tác dụng. Mưu sĩ Trương Lương cũng tiến tấu Lưu Bang, nói như thế không được, Lưu Bang không nghe. Tình hình hết sức bất lợi cho thái tử. Đúng lúc đó triều đình tổ chức buổi tiệc mừng công lớn, Lưu Bang đang đắc chí cùng vui yến tiệc với quần thần, chúc mừng thắng lợi, thì vô tình phát hiện, tại sao lại có bốn ông lão râu tóc bạc phơ đi theo sau lưng thái tử Lưu Doanh?

Lưu Bang hỏi thái tử mới biết bốn ông lão tinh thần khỏe mạnh, dáng người quắc thước, râu tóc bạc phơ, vừa nhìn là biết nhân sĩ học rộng tài cao. Lưu Bang vặn hỏi bốn người đó là ai? Tứ Hạo tự báo tên. Lưu Bang kinh ngạc, đó chẳng phải là Thương Sơn Tứ Hạo mà mình đã mời nhiều lần mà vẫn không mời được đó sao? Lưu Bang kinh ngạc hỏi: Lúc trước ta mời các người, các người lại trốn tránh ta, tại sao nay lại đi theo con trai của ta?

Tứ Hạo cung kính trả lời: Hoàng thượng chinh phục tứ hải, làm cho thiên hạ thần phục, là anh hùng hào kiệt. Nhưng, hoàng thượng vẫn coi thường Nho sinh, hễ một chút là mắng người; chúng thần không thể chịu đựng được, đương nhiên đành phải chạy trốn. Thái tử cung kính nhân hiếu, khoan dung độ lượng, lễ hiền nho sĩ, nổi tiếng khắp nơi, thiên hạ hào kiệt chí sĩ đều muốn phục vụ cho thái tử, cho nên, chúng thần đây tự nguyện đi theo thái tử.

Sau khi đại yến kết thúc, Tứ Hạo ung dung hộ tống thái tử quay về. Lưu Bang nhìn thái tử đi rất xa, nói với người hầu của Thích phu nhân đứng bên cạnh: Ta vẫn rất muốn phế thái tử, nhưng, nay thái tử đã có bốn vị cao sĩ

phò tá, tiếng tăm ngày càng tăng, đã đủ lông đủ cánh, e rằng khó mà lay động được!

Thái tử Lưu Doanh giữ lại được địa vị thái tử như thế đấy, từ đó quyết định kết cục sau này, Lữ hậu thống lĩnh hậu cung với vai trò thái hậu, Thích phu nhân cũng không thể thoát được vận mệnh bi thảm của mình.

Hán Cao Tổ năm 12, Lưu Bang qua đời. Thái tử Lưu Doanh kế vị, trở thành Hán Huệ Đế, năm đó 17 tuổi. Lữ hậu trở thành thái hậu, đại quyền trong tay, giám sát cả triều chính. Việc đầu tiên mà Lữ hậu chấp chính là tàn sát Thích phu nhân, người mà ghét cay ghét đắng bà. Hán cung diễn ra một trận đẫm máu, không thể an ninh.

VI. Vận mệnh của sủng phi Thích phu nhân

Câu chuyện về Nhân Trệ được mọi người Trung Quốc biết đến. Chủ nhân của Nhân Trệ chính là mỹ nữ xứ Định Đào Thích thị được Hán Cao Tổ Lưu Bang sủng ái. Thích thị lấy lòng Lưu Bang bằng sự dịu dàng và vẻ đẹp hoa nhường nguyệt thẹn. Hoàng hậu Lữ thị bị lạnh nhạt. Sau khi Thích phu nhân đắc sủng, lại muốn đoạt ngôi, ép Lưu Bang phế truất thái tử Lưu Doanh, con trai của Lữ hậu, cải lập con trai của mình là Như Ý. Lữ hậu hận Thích phu nhân tận xương tuỷ, sau khi nắm quyền, biến tuyệt sắc mỹ nhân này thành Nhân Trệ hết sức đáng thương.

Nhân Trệ là kết quả của cuộc tàn sát đầm máu tranh giành sự sủng ái trong cung đình. Trên thực tế, trong cung đình Trung Quốc, vô số phụ nữ hầu hạ một người chồng, bản thân việc đó đã tàn hại người phụ nữ. Khả năng của một người chồng có lớn đến mấy, thì cũng chỉ có thể ở chung với một người phụ nữ trong một đêm, có người đắc sủng thì đương nhiên cũng có người thất sủng, có người vui sướng thì đương nhiên có người đau khổ. Thế là hậu cung trở thành chiến trường không tiếng súng giữa vô số phụ nữ tranh giành sự sủng ái, người chiến thắng trong trận chiến đó sẽ được vinh hoa phú quý, còn kẻ bại trận sẽ đau khổ vô biên, phải sống lạnh lẽo cô đơn trong nước mắt, hoặc là chịu cực hình, vận mệnh càng thảm hại hơn.

Thích thị là mỹ nhân nổi tiếng gần xa Định Đào. Làn da nàng trắng mịn, trắng như ngọc như tuyết, mịn màng. Đôi mắt cô to tròn, dịu dàng làm mất hồn người. Thân hình nàng đầy đặn, khí chất tao nhã. Điều hiếm có là, nàng có giọng hát êm dịu, eo thon như cành liễu, nhảy múa rất nhẹ nhàng, như gió lướt, như mây bay, làm say đắm lòng người.

Khi Lưu Bang khởi binh chinh chiến, ông trú tại Định Đào vào năm đầu tiên của nhà Hán. Thủ lĩnh nghĩa quân lòng mang chí lớn lại rất háo sắc, nghe tin báo, vùng này có một tiên nữ đẹp như hoa như ngọc, làm sao mà không động lòng cho được? Lưu Bang phái người đi tìm Thích thị, tặng hậu lễ, nên nhanh chóng chiếm được mỹ nhân làm say đắm lòng người này.

Từ đó về sau, Lưu Bang không hề rời xa nàng. Hành quân đánh giặc, nam chinh bắc chiến, đều có Thích thị đi theo, vừa tìm khoái lạc vừa chăm lo cho cuộc sống, giải tỏa sự cô đơn. Dù chiến sự có khó khăn cực khổ đến đâu, dù phải đối mặt với hoàn cảnh khôn đồn đến đâu, dù có mệt mỏi đến đâu, chỉ cần về đến nhà, nằm trong lòng người đẹp thoang thoang mùi thơm là Thích phu nhân, thì Lưu Bang có thể ngủ ngon giấc, mọi phiền não mệt nhọc đều tan biến hết.

Một Lưu Bang thương hoa tiếc ngọc luôn coi mỹ sắc là thứ nhất. Năm nào Lữ Công có mắt nhìn người, quyết gả con gái Lữ Trĩ cho Lưu Bang, Lữ Trĩ không chê bỏ ông, một lòng theo hầu ông, sinh con nuôi con cho ông, còn phải xuống ruộng làm đồng, để nuôi gia đình, mặc cho Lưu Bang du ngoạn thỏa thích. Lưu Bang vẫn hết mực cảm kích Lữ Công, cảm thương Lữ Trĩ.

Nhưng, sự nghiệp của Lưu Bang ngày càng hưng thịnh, tuổi xuân của người vợ cả Lữ Trĩ trôi qua, người già héo hon. Lưu Bang tuy còn cảm kích vợ cả như xưa, nhưng đó chỉ tồn tại trong lòng, khi có mỹ nữ nhiều như thế bên cạnh, Lưu Bang háo sắc làm sao có thể giữ đạo làm chồng, coi mỹ nữ như không, một lòng một dạ sủng ái Lữ Trĩ?

Nếu làm được như thế, vậy thì không phải là Lưu Bang nữa. Dường như bất cứ người đàn ông nào thành công trên chính trị đều lấy mình làm trung tâm, khi để suy nghĩ mọi việc, lấy niềm vui của mình làm điểm xuất phát mà sắp xếp mọi thứ, cay độc, quyết đoán, tuyệt đối không lùi thối rườm rà. Người phụ nữ thành công chẳng phải cũng thế sao? Cho nên, Lưu Bang có được Thích phu nhân, liền quên Lữ Trĩ, ăn chơi trác táng, vừa chỉ huy tranh

giành giang sơn, lại được ngày đêm hưởng lạc mỹ sắc, ông làm gì còn nhớ đến Lữ Trĩ giúp ông khởi sự hưng binh năm nào?

Thích phu nhân được Lưu Bang sủng ái, ngày đêm đắm chìm trong đó, không bao lâu, Thích phu nhân phát hiện mình đã mang thai. Thích phu nhân hết sức vui mừng, nghĩ rằng mình đã mang cốt nhục của Lưu Bang, Lưu Bang yêu thương mình như thế, sau này sẽ bỏ rơi không quan tâm đến mình nữa sao? Thích phu nhân chăm lo tỉ mỉ đến đứa trẻ trong bụng với tâm trạng hài lòng và tự đắc, mong rằng đó là đứa con trai tuần tú, sau khi nó ra đời, mọi việc giữa mình và Lưu Bang sẽ thuận tâm như ý.

Mang thai mười tháng, cuối cùng cũng đến ngày sinh nở. Cuối cùng Thích phu nhân cũng vượt qua sự đau đớn khi sinh, và bà rất vui mừng khi đó là một đứa con trai khỏe mạnh. Thích phu nhân tươi như hoa. Hán Cao Tổ Lưu Bang nhìn thấy đứa con trai do mình và sủng phi sinh ra giống mình như đúc, đương nhiên vui mừng khôn xiết, càng yêu quý Thích phu nhân hơn. Họ đặt tên cho con là Như Ý. Năm Như Ý 7 tuổi, Lưu Bang phong Như Ý làm Đại Vương.

Đại Vương Như Ý càng lớn càng giống Hán Cao Tổ Lưu Bang. Lưu Bang yêu quý Thích phu nhân không gì sánh bằng, hơn nữa do từng cử chỉ, từng nụ cười của con trai Như Ý đều rất giống mình, nên coi hai mẹ con như châu báu, rất mực cưng chiều. Năm thứ 10 khi Lưu Bang ở ngôi hoàng đế, Đại tướng Trần Hi tạo phản, Lưu Bang lĩnh binh chinh phạt, dẹp loạn. Lữ hậu cũng bắt được đại công thần Hoài Âm Hầu Hàn Tín âm mưu chính biến tại kinh sư, vẫn chưa tra hỏi, đã giết chết Hàn Tín tại cung Trường Lạc. Một Hàn Tín thống binh trăm vạn, nhiều mưu lược và cơ biến không thể tin rằng mình anh minh một thời mà lại chết bởi tay một người đàn bà, thật là ý trời đã rõ! Hàn Tín không cam tâm, cuối cùng cũng vẫn về chầu trời trước nụ cười lạnh lùng của Lữ hậu.

Sau khi Trần Hi, Hàn Tín diệt vong, một đại công thần khác trong cuộc sáng lập nhà Hán, được phong đất tại Sơn Đông Định Đào, là Bành Việt

hoảng sợ ngày đêm, lo sợ mình cũng sẽ rước họa diệt thân. Lưu Bang triệu kiến Bành Việt, Bành Việt không dám đi. Đại tướng Hộ Triếp của Bành Việt khuyên ông nên khởi binh tạo phản, Bành Việt do dự không quyết. Lưu Bang được tin Bành Việt, Hộ Triếp mưu phản, lập tức cử binh bao vây Bành Việt, bắt sống hắn, tước hết danh hiệu của hắn, giáng xuống làm lính, xung quân Tứ Xuyên.

Bành Việt đau lòng bắt đầu lên đường. Trên đường đi, cũng may Bành Việt gặp được Lữ Trĩ từ Trường An đi ra. Bành Việt xin bái kiến Lữ hậu. Gặp nhau, Bành Việt đau đón cầu xin Lữ hậu, tuy không dám cầu xin hoàng đế miễn cho vô tội, nhưng xin Lữ hậu cầu xin giúp, đừng đày đi biên ải Tứ Xuyên xa xôi, mà xin cho về quê nhà tại Sơn Đông, ấp Xương.

Lữ hậu nghe xong, đồng ý ngay. Bành Việt vui mừng lộ ra mặt, cảm kích vô cùng. Lữ hậu tự quyết định, dẫn Bành Việt theo về Lạc Dương. Lữ hậu gặp Lưu Bang, nói với Lưu Bang: Thiếp gặp Bành Việt trên đường, nên dẫn hắn về đây. Lưu Bang thấy lạ, nhưng không có ý trách cứ gì, mà chỉ muốn nghe xem người vợ quyết đoán đa mưu, khôn ngoan trong chính trị của mình có cao kiến gì.

Lữ hậu nói với Lưu Bang, Bành Việt cực khổ công to, là đại công thần khi sáng lập giang sơn Đại Hán, tài năng và công trạng của hắn rất có sức kêu gọi trong cả nước; nếu đày hắn ta đến Tứ Xuyên xa xôi, vậy thì sẽ ngoài tầm kiểm soát của ta, nên không thể không chế hắn được, mà những người có dã tâm và oán hận từ bốn phương nhất định sẽ đi theo hắn. Tứ Xuyên là vùng đất kho trời, giàu có một phương, một khi Bành Việt hình thành thế lực tại đó, khởi binh tạo phản, thế chẳng phải là để lại hậu họa về sau sao?

Lưu Bang như tỉnh ra. Năm đó khi Hán Sở giao tranh, trong tay mình có 10 vạn hùng binh nhưng vẫn không phải là đối thủ của Hạng Vũ, rồi chẳng phải lúc đó mình cũng được phong Hán Vương tại nơi xa xôi, rồi dựng cờ khởi nghĩa, cuối cùng ép một Hạng Vũ chiến đấu cả đời lại có trong tay

mấy chục vạn hùng binh phải tự sát bên bờ Ô Giang đó sao? May mà người vợ thông minh hơn người của mình nghĩ đến điều này, dẫn Bành Việt về, nếu không người tự sát bên bờ sông Ô Giang nói không chừng lại là mình đấy!

Lưu Bang nhìn Lữ hậu một cách cảm kích, hỏi bà nên xử lý thế nào, có nên cải chiếu cho Bành Việt đi lính Sơn Đông, để không chế hấn? Lữ hậu lắc đầu. Lữ hậu hận chết người Sơn Đông, cho dù là vương hầu được phong đất tại Sơn Đông cũng làm cho bà chán ghét. Lữ hậu thấy Lưu Bang trúng ý mình, nên làm dấu chém đầu, chính là kiên quyết dứt khoát đem Bành Việt ra chém đầu, để tuyệt trừ hậu họa.

Khi hiểu ra, Lưu Bang mới khâm phục vợ tận đáy lòng, ngược lại cảm thấy mình thua xa người đàn bà này, người đàn bà này chẳng biết động lòng chút nào, còn mình ngược lại lại có chút nhân từ của người phụ nữ.

Sau khi Lưu Bang gật đầu, Lữ hậu bèn dặn dò tùy tùng, gọi người lập tức báo cho Bành Việt, nói Bành Việt mưu phản lần nữa. Bành Việt như là cá nằm trên thớt, đành để mặc người khác chém giết. Rồi ông bị chém đầu một cách không rõ ràng, ngay cả tam tộc cũng bị chém sạch. Lưu Bang vẫn chưa hả giận, lại dặn dò đao phủ, chặt tay chân của Bành Việt, băm thành tương, sau đó chia làm nhiều phần, lần lượt chia cho các chư hầu được phong đất ở khắp nơi. Ý của ông đã quá rõ, chính là muốn họ sống một cách cẩn thận, đừng âm mưu gì nữa, nếu không sẽ có kết cục giống như thế.

Sau khi loại trừ được những đại thần cùng ông giành lấy giang sơn như Trần Hi, Hàn Tín, Bành Việt rồi, Lưu Bang chẳng còn tin vào những tướng lĩnh và văn sĩ trọng thần từng cùng mình giết giặc, cùng định thiên hạ với mình ngày xưa. Những văn thần võ tướng trí tuệ anh dũng, văn thao võ lược này đều không đáng tin cậy, vậy mình còn có thể tin ai đây? Đương nhiên là cốt nhục của mình, là con cái nối dõi và trong họ tộc.

Đó là vào năm Hán Cao Tổ Lưu Bang thứ 10. Năm đó chính biến liên hồi, cung đình và ngoài triều giết chóc đầm máu. Năm đó Đại Vương Như

Ý được Lưu Bang cưng yêu hết mực vừa tròn 10 tuổi. Lưu Bang phong Như Ý làm Triệu Vương. Lữ hậu Lữ Trĩ đã bước vào tuổi trung niên, vết chân chim đã đuổi đi tuổi thanh xuân. Lưu Bang và Lữ hậu chỉ còn là tình phu thê trên lễ nghi, ông đề bà và thái tử giữ kinh sư Trường An, còn Thích phu nhân ngày đêm hầu hạ bên cạnh ông.

Thích phu nhân dịu dàng ân ái, chiếc eo thon nhỏ mềm mại làm Lưu Bang ngất ngây mất hồn. Lưu Bang quyết tâm phế thái tử Lưu Doanh, cải lập Như Ý trong nước mắt và nụ cười của Thích phu nhân, nhưng lần nào cũng bị đại thần và Lữ hậu ngăn cản. Hôm đó tổ chức đại yến, Lưu Bang nhìn thấy Tứ Hạo Thương Sơn cùng với thái tử rời khỏi nơi tổ chức yến tiệc, bèn nói với Thích phu nhân: Chẳng còn cách nào khác, thái tử đã trưởng thành, e rằng khó mà thay đổi được! Sau khi ta trăm năm, Lữ hậu chính là chủ nhân của nàng.

Thích phu nhân đau lòng rơi lệ, đau đớn khôn cùng. Thích phu nhân được hưởng thụ sự ân ái tình nồng của Lưu Bang, đồng thời cũng rất hoảng sợ khi tưởng tượng đến tương lai của mình. Sức khỏe của Lưu Bang đã ngày một yếu hơn, sau khi Lưu Bang qua đời, thái tử Lưu Doanh kế vị, Lữ hậu đương quyền, lúc đó nên làm sao đây? Lòng dạ ác độc của Lữ hậu ai nấy đều biết, bà ta sẽ đối xử với mình thế nào đây?

Thích phu nhân tuy đau lòng, nhưng lại cảm thấy mình chưa hề xung đột với Lữ hậu, chắc đến lúc đó Lữ hậu không quá tuyệt tình. Lưu Bang sủng ái mình, đó không phải là lỗi của mình, Lưu Bang muốn thích ai, đó là điều không thể gượng ép của người đó. Nếu nói cải lập thái tử, cũng xuất phát từ sự sợ hãi nên mới có cách nghĩ như thế, mà đó là chủ ý của Lưu Bang, cuối cùng chẳng phải cũng không nhắc đến nữa là gì? Thái tử Lưu Doanh chẳng phải vẫn là thái tử đó sao? Lữ hậu chắc sẽ nể chút tình với mình?

Thích phu nhân không còn cách nào khác, đứng trong điện, chỉ cúi đầu khóc lóc. Lưu Bang thương hoa tiếc ngọc không khỏi chạnh lòng khi nhìn thấy cảnh này, trái tim anh hùng ngày xưa cứng rắn như thế nay lại trở nên

mềm yếu đến thế. Anh hùng yêu mỹ nhân, nhưng giờ đây, anh hùng đã già, không những không thể bảo vệ mỹ nhân mình yêu thích, mà ngay cả mình cũng phải ăn bữa hôm lo bữa mai, không biết ngày nào mình sẽ rời khỏi thế giới này!

Lưu Bang vuốt ve Thích phu nhân. Thích phu nhân run sợ nép mình, như chú cún con bị thương. Đến khi bình tĩnh hơn, Lưu Bang nhẹ nhàng nói rằng: Tiểu mỹ nhân, đứng dậy đi, trước đây chúng ta là người nước Sở, nào, cùng múa một điệu múa nhé, ta sẽ múa điệu múa nước Sở cùng nàng.

Thích phu nhân nghe vậy, nước mắt tuôn trào. Bà đứng dậy, mặc cho nước mắt chảy dài trên gương mặt nhỏ nhắn. Thích phu nhân ca hay múa giỏi, nhất là điệu múa nước Sở, nhảy đến nổi kinh thiên địa, khóc quỷ thần. Thích phu nhân nhẹ nhàng đứng lên, giơ cao cánh tay, dùng đưa chiếc eo thon nhỏ, bắt đầu điệu múa nước Sở mê hồn người. Nước mắt vẫn tuôn trên gương mặt, Lưu Bang râu tóc bạc phơ vừa thưởng thức điệu múa nước Sở, vừa vỗ tay theo nhịp, hát lên khúc hát ai oán của nước Sở:

Hồng hạc bay cao, một dải ngàn dặm.

Lông cánh đã đủ, tung hoành tứ hải.

Tung hoành tứ hải, lại được gì đâu.

Tuy có lựa là, muốn yên có được!

Lời hát đau buồn của Lưu Bang cứ vang mãi trong cung điện. Tiếng hát biến mất, điệu múa cũng dừng lại, Thích phu nhân mềm nhũn ra như chiếc lá mùa thu, khóc như một người chỉ có nước mắt, khóc không thành tiếng. Lưu Bang ôm chặt Thích phu nhân, đi vào phòng trong. Từ đó về sau, Lưu Bang cũng chẳng hề nhắc đến chuyện phế lập thái tử.

Nỗi đau của Thích phu nhân đương nhiên làm cho Lưu Bang ăn ngủ không ngon. Lưu Bang từ một người dân bình thường đến thiên tử của cả thiên hạ, đương nhiên biết được kết cục của Thích phu nhân sau khi ông qua đời. Lưu Bang cũng thừa biết Lữ hậu hết sức thâm độc, thái tử Lưu

Doanh thì lại quá nhân từ, Thích phu nhân và đứa con yêu Như Ý làm sao là đối thủ của Lữ hậu được?

Đại thần Triệu Nghiêu mấy lần nhìn thấy hoàng thượng âu sầu không vui, tâm trạng nặng nề, nên đoán được chút gì đó, biết được hoàng thượng không sống được bao lâu đang lo lắng chuyện gì. Hôm đó, Triệu Nghiêu gặp Lưu Bang đang mặt mày ủ rũ, nhẹ nhàng nói: Bệ hạ, ngày nào hoàng thượng cũng u sầu lo lắng, có phải vì Thích phu nhân và Triệu Vương Như Ý? Lo rằng họ sẽ gặp rắc rối với hoàng hậu, sợ rằng mai sau không an toàn?

Lưu Bang ngẩng đầu lên nhìn Triệu Nghiêu, gật đầu với tâm trạng nặng trĩu. Triệu Nghiêu thật hiểu ý người khác, có thể nhìn thấy sự buồn khổ của hoàng thượng. Lưu Bang thở dài, hỏi Triệu Nghiêu: Đúng thế, trẫm đang lo lắng về chuyện này, khanh tức trí đa mưu, có cách nào hay không? Vốn đã định liệu kỹ càng, Triệu Nghiêu ngưng một lát, mới tiến tấu: Xin hỏi hoàng thượng, có một cách, không biết có thỏa đáng không.

Lưu Bang nghe nói có cách, bèn bảo Triệu Nghiêu mau chóng nói ra. Lúc này Triệu Nghiêu mới mở miệng: Tại sao bệ hạ không chọn ra một đại thần tinh anh kiên cường, đức cao vọng trọng để hầu hạ Triệu Vương, làm thừa tướng của Triệu Vương? Vị đại thần này phải ngay thẳng, không sợ cường quyền, lại không tự kiêu, làm cho hoàng hậu, thái tử và đại thần phải kính nể vài phân; được vị đại thần như thế phò trợ, chắc sẽ có tác dụng đối với Triệu Vương.

Lưu Bang nghe xong, tuy thấy kế ấy khá hay, nhưng không thể loại bỏ nguồn gốc của nguy hiểm, nhưng theo tình hình trước mắt, cũng chỉ có cách này là thỏa đáng nhất, làm được nhất. Lưu Bang nghĩ một hồi, lại hỏi tiếp: Người xem ai là người phù hợp nhất? Triệu Nghiêu trả lời: Tiểu thần suy đi tính lại, chỉ có ngự sử đại phu, Phân Âm Hầu Châu Xương là người thích hợp nhất.

Lưu Bang ngẫm lại, ngự sử đại phu Châu Xương đích thật là đức cao vọng trọng, tinh anh có tài, chính trực vô tư, còn làm hoàng hậu cảm kích

vài phân, thái tử và đại thần đều kính nể ông vài phân, tuy có tật nói lắp, nhưng chỉ có ông ta là thích hợp nhất. Lưu Bang bèn bí mật triệu Châu Xương, trình trọng giao phó Triệu Vương Như Ý cho ông, để ông chăm sóc chu đáo. Châu Xương nhận trọng trách của hoàng thượng đến nhận chức tại đất phong của Triệu Vương.

Năm sau, cũng chính là năm thứ 12 của Hán Cao Tổ, mùa xuân năm 195 trước Công Nguyên, Lưu Bang bị trúng tên khi đang thảo phạt phản quân Hoài Nam vương Anh Bố, bệnh nằm trong cung, cuối cùng rời khỏi trần thế, thọ 71 tuổi. Trước khi lâm chung, Lưu Bang triệu thừa tướng, thái tử, thái úy và giao di chiếu lại cho họ, sắp xếp hậu sự. Sau khi Lưu Bang qua đời, nhập táng Trường Lăng, miếu hiệu Cao Tổ, Ích Cao hoàng đế.

Thái tử Lưu Doanh được phong Hán Vương khi mới 5 tuổi, 7 tuổi được phong làm thái tử, năm Lưu Bang qua đời, Lưu Doanh 17 tuổi, kế vị hoàng đế, làm Hán Huệ Đế. Lưu Doanh kế vị, tôn mẫu thân Lữ Trĩ làm thái hậu, do Lưu Doanh còn nhỏ, trời sinh nhân từ, yếu đuối, đại sự trong triều đều do Lữ hậu quyết định. Lữ hậu dễ dàng nắm đại quyền trong triều và trong cung. Sau khi ổn định quyền lực, Lữ hậu bắt đầu làm mưa làm gió, trút hết mọi bức tức phải dồn nén bao năm nay, và người đầu tiên là Thích phu nhân.

Thật ra, trước khi Lưu Bang tắt thở, Lữ hậu giỏi về mưu lược chính trị đã bắt đầu hành động, âm thầm không chế cả hậu cung. Lưu Bang vừa tắt thở, Lữ hậu đã phong tóa hậu cung. Bà triệu tập tâm phúc, bí mật điều động binh lực, bày binh bố trận. Lữ hậu giữ bí mật không phát tang trong vòng 4 ngày.

Sau khi không chế triều chính, Lữ hậu lập tức cho gọi vài vị đại thần tâm phúc, nhân cơ hội này giết hết mọi tướng soái của Lưu Bang nắm trọng quyền và trung thành với giang sơn họ Lưu. Mấy vị tâm phúc như Lê Thương, Thảm Thực Kỳ kiên quyết phản đối, cho rằng lúc này không được, quá vội vàng sẽ không mang lại kết quả cao.

Lệ Thương, Thẩm Thực Kỳ khuyên răn nhiều lần, phân tích lợi hại, lúc này Lữ hậu đang giận sôi lên đành phải thu lại sát khí, giữ lại tính mạng của đám tướng thần đi theo người chồng quá cố Lưu Bang, lo liệu cho hài cốt chưa lạnh của chồng. Thái tử Lưu Doanh từ lúc lên ngôi, nhất nhất mọi thứ đều nghe theo mệnh lệnh của thái hậu.

Lữ hậu cử tâm phúc giam lỏng Thích phu nhân trong lãnh cung. Mái tóc đen tuyền mượt mà từng làm Lưu Bang ngày mơ đêm nhớ của Thích phu nhân làm cho Lữ hậu tức giận vì mình không được như thế. Sau khi Thích phu nhân bị giam, mệnh lệnh đầu tiên của Lữ hậu là cắt bỏ mái tóc mượt mà của Thích phu nhân, cạo thành đầu trọc. Thích phu nhân chỉ đành giương mắt nhìn mà la hét, nhưng cuối cùng đành phải đau lòng chấp nhận sự thật tàn khốc này.

Lữ hậu nhìn thấy cái đầu trọc của Thích phu nhân, một nụ cười lạnh lùng nở trên môi. Thích phu nhân đau khổ buồn bã, nhìn chằm chằm Lữ hậu bằng đôi mắt sưng đỏ. Lữ hậu lạnh lùng dặn dò: Khóa tay chân, cởi bỏ quần áo, cho mặc áo tù, ngày nào cũng phải giã gạo trong viện. Người hầu nghe xong mệnh lệnh, lập tức làm theo, ai dám chậm trễ phút nào?

Y phục của Thích phu nhân bị lột bỏ hết, thay vào đó là bộ áo tù màu đỏ dơ không thể tả. Một Thích phu nhân sống quen cuộc sống nhung gấm lụa là vinh hoa phú quý, làm gì có chuẩn bị đến việc này? Nhưng, sự thật đã là như thế. Thích phu nhân chấp nhận tất cả, nghĩ rằng đầu trọc thì vẫn sẽ mọc lại tóc; tay chân bị khóa, đợi đến khi Lữ hậu hết giận, thì sẽ bỏ còng; bộ áo rách rưới dơ bẩn này, chẳng bao lâu nữa cũng được cởi bỏ, được mặc lại áo tơ mà mình yêu thích. Còn về cơm thừa canh cặn hàng ngày, cho dù Thích phu nhân thấy buồn nôn mỗi khi ăn, nhưng sau vài ngày chịu đói, cuối cùng cũng cố gắng ăn, tự ép mình phải ăn, một lòng trông chờ con trai Triệu Vương đến cứu mình.

Công việc giã gạo quả thật rất vất vả. Đau khổ, bi thương, phần hận, cô độc cùng nhau tấn công Thích phu nhân, làm cho nước mắt không ngừng

tuôn trào. Từ mặt trời mọc, bà mong cho mặt trời lặn, từ mặt trời lặn, mong cho mặt trời mọc, bao nhiêu ngày đêm trôi qua trong sự mong chờ và đau khổ. Nhưng, trông chờ vào cái gì? Tính mạng của con trai Triệu Vương còn khó mà giữ được, thì làm sao có thể đến cứu mình? Tuy nhiên, Thích phu nhân thì có thể làm gì? Con trai là tia hy vọng duy nhất của bà, ngoài việc trông chờ vào con trai thì còn có thể trông chờ vào ai nữa? Thích phu nhân đau khổ vừa già gạo, vừa nghĩ về đứa con trai của mình, bất chợt hát lên vài câu:

*Con làm chúa, mẹ làm tù.
Từ sáng già gạo đến tối,
Làm bạn với cái chết.
Xa nhau ba ngàn dặm,
Chẳng biết ai tỏ giúp mình.*

Thích phu nhân nổi tiếng trong cung nhờ vào tiếng hát, sắc đẹp và điệu múa, nhất là giỏi đánh trống gảy đàn, đồng thời làm cho các phi tần phải thán phục bởi điệu múa eo như bay như lượn của mình. Hàng trăm kẻ nô bộc phải cảm động bởi tiếng hát, các ca khúc tuyệt vời của bà như “Xuất hàn”, “Nhập hàn”, “Vọng qui”, nên theo học tiếng hát vang đến mây hồng. Tiếng hát vang xa của Thích phu nhân đã chinh phục hết phụ nữ trong hậu cung.

Thích phu nhân bị giam cầm phải giải sầu bằng các bài hát bi ai, mọi người ai cũng biết được nỗi đau xé lòng của bà. Mỗi khi hát xong, Thích phu nhân thấy nỗi buồn vơi bớt đi, thấy lòng nhẹ nhõm hơn. Các tì nữ phụ trách canh chừng bà cũng thương thức thật lòng những bài hát bi ai của bà. Nhưng, các tì nữ này đều trung thành với Lữ hậu, sứ mệnh của họ là báo cáo từng hành động, lời nói và tình hình mỗi ngày của Thích phu nhân với Lữ hậu.

Lữ hậu nghe được tình hình chi tiết về các bài hát bi ai của Thích phu nhân, trong lòng cũng thấy chột dạ. Người đàn bà lẳng lơ này vẫn còn một

tia hy vọng, mong con trai đến cứu mình? Tốt, gọi con trai của ngươi về kinh sư, để hầu hạ cho tốt người đàn bà thôi tha này! Để ngươi tận mắt nhìn thấy con trai của ngươi, xem nó cứu ngươi như thế nào?

Lữ hậu lập tức hạ chỉ, cử tâm phúc đến đất phong của Triệu Vương truyền chỉ, triệu Triệu Vương Như Ý nhập cung. Sứ thần phụng chỉ đến đất phong của Triệu Vương, truyền đạt thánh ý. Thừa tướng Châu Xương của Triệu Vương ra mặt, uyển chuyển từ chối. Một loạt 3 sứ thần phụng chỉ Lữ hậu đến triệu Triệu Vương, đều bị Châu Xương nhất nhất cản trở.

Đương nhiên Lữ hậu không cam tâm, nhưng thái tử Lưu Doanh có thể bảo vệ ngôi vị thái tử, đồng thời từ đó có thể bước lên đại vị, đều được sự bảo vệ hết sức của đại thần, nhất là sự giúp đỡ đắc lực của Châu Xương. Có Châu Xương chống đỡ tại Triệu phủ, ai có thể động đến Triệu Vương Như Ý. Nhưng Lữ hậu thông minh hơn người, chuyện con con này làm sao cản được bà? Hạ một thánh chỉ, triệu Châu Xương về kinh, Châu Xương còn dám kháng chỉ?

Châu Xương cản trở không cho Triệu Vương vào kinh, nói rất rõ ràng với sứ giả rằng: Nghe nói hoàng thái hậu oán hận Thích phu nhân, nay triệu Triệu Vương đến Trường An, e rằng tính mạng của mẹ con họ khó mà giữ được; năm đó Cao Tổ phái tôi đến đất Triệu, làm thừa tướng của Triệu Vương, chính là muốn tôi bảo vệ và phò tá Triệu Vương, tôi không thể để cho Triệu Vương đến Trường An nộp mạng; hiện giờ Triệu Vương đang bệnh nằm trên giường, mời ông chuyển báo với thái hậu, tiểu thần không thể phụng chỉ.

Đất phong của Triệu Vương tại Hà Bắc. Lữ hậu phái sứ giả triệu Châu Xương vào kinh trước, Châu Xương đành phải phụng chỉ lên đường, trước khi đi còn dặn dò Triệu Vương đừng rời khỏi đất Triệu. Nhưng, Châu Xương vừa mới lên đường, sứ thần thứ hai đã đến ngay Triệu phủ, triệu Triệu Vương vào kinh. Triệu Vương mất đi sự bảo vệ của Châu Xương,

đành phải cúi đầu nghe lệnh, theo sứ thần vào kinh. Năm đó, Triệu Vương Như Ý mới 12 tuổi.

Lữ hậu độc ác nham hiểm, thái tử Lưu Doanh lại quá nhân từ. Lưu Doanh rất yêu mến em trai Như Ý, nghe nói mẫu thân triệu Như Ý vào kinh, biết rằng Như Ý đang đi vào chỗ nguy hiểm, nên lập tức tìm cách cứu viện. Thế là lập tức xuất cung, đích thân nghênh đón Triệu Vương Như Ý tại Đông Bá ngoại thành Trường An, đón người em trai đang gặp nguy hiểm của mình về phủ của mình, cùng nhau ăn uống, không rời một bước.

Lữ hậu nhận được báo cáo của tâm phúc, giận điên lên, nhưng lại làm gì được? Hoàng thượng đưa em trai của mình về ở cung, là đạo lý hiển nhiên, làm sao có thể ra quân ồ ạt và trách mắng họ được? Triệu Vương Như Ý sống chung với hoàng thượng. Người của Lữ hậu không ai dám ra tay, đương nhiên an toàn rất nhiều. Nhưng, hoàng đế Lưu Doanh vẫn còn là một đứa trẻ, mà đứa trẻ thì làm gì bảo vệ được một đứa trẻ khác như Như Ý?

Một thời gian sau, mọi việc đều bình an vô sự. Hoàng đế Lưu Doanh thấy nguy hiểm đã qua, không còn để ý nữa. Một hôm, sáng sớm thức dậy, Lưu Doanh luyện kiếm trong vườn như thường lệ, nhìn thấy Như Ý ngủ say, không đành lòng gọi dậy, nên một mình xuất cung, đi luyện kiếm bắn tên. Tâm phúc của Lữ hậu nhân cơ hội này xâm nhập tẩm cung của hoàng đế, chuẩn bị thuốc độc cho Triệu Vương Như Ý. Bắn tên luyện kiếm xong, Huệ Đế Lưu Doanh nhanh chóng trở về tẩm cung, khi nhìn thấy gương mặt trắng bệch của Triệu Vương, miệng vọt ra một tia máu tươi, bất giác khóc thét lên, đau khổ tột cùng.

Như Ý rời khỏi nhân gian như thế đấy. Nhưng Lữ hậu vẫn chưa hả giận, còn kiếm một cách khác để dày vò Thích phu nhân. Thích phu nhân được biết con trai của mình đã bị đầu độc chết, nước mắt chảy đến khô cả, đôi mắt cũng mất đi ánh sáng. Lữ hậu không thích bộ dạng này của Thích phu nhân, nên dặn dò thuộc hạ chặt phăng tứ chi của Thích phu nhân, rồi lệnh cho người móc đi đôi mắt từng làm say đắm mê hồn Lưu Bang của Thích

phu nhân, sau đó, sai người xông thuốc làm điếc Thích phu nhân, cuối cùng chuẩn bị một phân thuốc cam, ép Thích phu nhân uống.

Thích phu nhân mất đi tứ chi, đôi mắt mất nốt, tai nghe không được, lại không thể nói chuyện, mọi tàn khốc của nhân thế không thể vượt hơn thế này nữa. Thích phu nhân bị bỏ rơi trong hố xí, hô hấp mùi hôi thối, gọi là nhân trệ (người heo). Nhưng bà vẫn không chết, Lữ hậu không cho bà chết, chính vì muốn bà phải nếm trải hết mọi đau khổ của cuộc sống bằng thủ đoạn này, sau đó chết đi từ từ. Chỉ có như thế, Lữ hậu mới báo được cái hận đoạt sủng của Thích phu nhân, như thế mới trút được mọi oán hận tích tụ bao năm nay.

Lữ hậu dương dương đắc ý. Hôm đó hết sức vui mừng, nên gọi Huệ Đế Lưu Doanh, bảo hoàng đế đến hố xí xem người heo. Lưu Doanh trời sinh nhân hậu, giật nảy mình khi nhìn thấy một thứ như thế, không biết là cái gì. Có đầu, đương nhiên là người, còn có lỗ mũi, da dẻ lại trắng trẻo, giống như một phụ nữ. Lưu Doanh càng nhìn càng sợ, hỏi đó là ai? Trả lời đó là Thích phu nhân.

Lưu Doanh đứng ngây người ra đó. Chẳng lẽ đó chính là Thích phu nhân xinh đẹp tuyệt trần đó sao? Lưu Doanh không tài nào liên tưởng được hai hình ảnh hoàn toàn khác biệt này lại với nhau. Sau một lúc ngẩn người, Lưu Doanh đau khổ khóc thét lên, trách mẹ mình quá ư là tàn nhẫn, giết chết con trai của bà ấy, lại biến bà ấy thành hình dạng như thế. Sau khi bình tĩnh lại, Lưu Doanh lạnh lùng nói với Lữ hậu: Đó không thể nào là việc mà một con người có thể làm được, bà là thái hậu mà lại làm như thế; tôi thân làm con trai của bà, còn mặt mũi nào mà chửi đốn thiên hạ? Từ đó về sau, Huệ Đế Lưu Doanh không còn hỏi về chính sự nữa, cả ngày chìm trong rượu và gái.

VII. Sự lạm quyền của thái hậu Lữ Trĩ

Lữ Trĩ không phải là một phụ nữ bình thường. Thủ đoạn chính trị và quyết đoán tàn độc của bà đã thể hiện từ trước khi trở thành thái hậu nắm đại quyền, tập trung phản ánh trong việc bà trợ giúp Lưu Bang, xử lý những Bành Việt, Hàn Tín có trọng quyền, vì vậy, Lưu Bang phải nhìn bà bằng con mắt khác, đồng thời lo lắng cho vận mệnh của sủng phi Thích phu nhân.

Thương Sơn Tứ Hạo phò tá Lưu Doanh, ngôi vị thái tử của Lưu Doanh được đảm bảo. Sau khi Lưu Bang qua đời, Lưu Doanh kế vị, trở thành Hán Huệ Đế, hoàng hậu Lữ Trĩ trở thành hoàng thái hậu. Lưu Doanh còn nhỏ, quá nhân từ với mọi người, mọi chuyện đại sự trong triều do hoàng thái hậu quyết định. Chuyện lớn đầu tiên Lữ hậu làm sau khi nắm quyền chính là xử lý Thích phu nhân đã đoạt sủng và đoạt ngôi của thái tử năm nào.

Lữ hậu ghen ghét và đối xử tàn ác với Thích phu nhân vì Thích phu nhân tuyệt đẹp đoạt sủng của bà. Cũng vì ganh ghét, Lữ hậu quyết không để mình thua thiệt, phải ngẩng đầu lên tìm cách trả thù cho hả giận, thế mới nhẹ nhõm vui vẻ được. Lữ hậu cơ bản là một người phụ nữ bình thường, bà bảo vệ tính mạng của cả nhà mình theo bản năng, bảo vệ sự bình an của con cái, một khi có người xâm phạm đến lợi ích của bà, thì bà sẽ chẳng chút nể nang, cho dù phải làm những chuyện động trời, tổn thương đạo lý thì bà cũng không từ.

Lữ hậu vốn là một phụ nữ lo cho gia đình, muốn bình yên sống qua ngày, bà buộc phải lấy Lưu Bang, người trở thành hoàng đế sau này, được sống cuộc sống của hoàng gia phú quý. Cuộc sống lạnh nhạt đã dẫn đến sự tàn nhẫn của bà, khiến cho bà chẳng màng đến gì cả. Lữ hậu bình sinh chỉ yêu một người đàn ông là Lưu Bang, sau này, bà phát hiện Lưu Bang háo sắc,

công thành danh toại, thì tìm vui ở người phụ nữ khác, thế là bà chuyển hết tình yêu đó cho hai người con của mình.

Vì an ninh tại biên cương, Lưu Bang phải gả công chúa Lỗ Nguyên sang Hung Nô. Điều này làm Lữ hậu rất kích động, lúc này bà mơ hồ nhận ra rằng, vợ, con gái chẳng qua chỉ là một thứ đồ vật trong tay của Lưu Bang, khi không cần nữa, thì có thể quăng đi không hề tiếc nuối. Tiếp đó, Lưu Bang lại yêu mến Thích phu nhân, suýt nữa bỏ mất ngôi thái tử của Lưu Doanh. Nhiều năm nay, Lữ hậu cứ phải sống trong sự hoang mang sợ hãi, trong lòng chất đầy thù hận và phẫn nộ, mất đi sự cân bằng về tâm lý và ổn định trong lòng, nhưng bà kiên trì chịu đựng, mong cho Lưu Bang chết sớm, con trai sớm kế vị, mình sẽ được trút hết mọi phẫn nộ trong lòng.

Vì Lưu Doanh là con yêu nên được phong làm thái tử, nếu theo trật tự trưởng ấu, Lưu Doanh còn có một người anh cả tên là Lưu Phì. Lưu Phì là con trai của Lưu Bang với một phụ nữ khác trước khi kết hôn. Sau khi Lưu Bang lên chức hoàng đế, phong Lưu Phì làm Tề Vương, bảy mươi mấy thành tại ấp Thực, Sơn Đông. Lữ hậu vốn không thích đứa con của Lưu Bang thông gian với người phụ nữ khác, lại còn được phong vương, có bảy mươi mấy thành, đương nhiên trong lòng không thoải mái tí nào.

Một lần, Huệ Đế Lưu Doanh triệu kiến Lưu Phì. Lưu Phì hết đổi vui mừng mà vào triều, vào hoàng cung, gặp mặt huynh đệ Lưu Doanh. Huệ Đế Lưu Doanh và huynh trưởng Lưu Phì mở tiệc mừng, đó đương nhiên là tiệc gia đình bình thường. Đã là yến tiệc của gia đình, thì Huệ Đế Lưu Doanh hiền hậu nhân ái đương nhiên phải tôn ca ca Lưu Phì làm trưởng, để Lưu Phì thượng tọa. Lưu Phì không biết trời cao đất dày, dám ngồi ở vị trí huynh trưởng.

Lữ hậu nhìn thấy mà hận trong lòng. Bà chẳng nói gì cả, chỉ là sai người rót hai ly rượu, trong rượu có độc trầm, ra hiệu cho họ kính rượu thượng thọ Lưu Phì. Lưu Phì đứng dậy, nâng ly rượu lên, đi về phía thái hậu. Lưu Doanh cũng đứng dậy theo, đi về phía thái hậu. Hai huynh đệ mỗi người

cầm lấy một ly rượu, kính thái hậu, nâng ly muốn uống. Lữ hậu kinh sợ ngay, sợ con mình uống ly rượu này, nên nhanh chóng đi xuống, giựt lấy ly rượu của Lưu Doanh, quăng sang một bên. Lưu Phì nhìn thấy có chuyện, nên hoảng sợ không dám uống ly rượu trong tay đó nữa.

Lưu Phì trở về nơi ở, được biết hai ly rượu lúc nãy chính là hai ly rượu độc, làm anh ta hồn vía lên mây. Lưu Phì thấp thỏm lo âu, biết thái hậu oán hận mình, chắc là sẽ không có ngày tháng yên lành, càng không biết nên làm thế nào cho tốt. Nhất là tại kinh sư, nếu thái hậu không muốn thả mình về đất phong của mình, vậy thì mình sẽ chẳng có ngày nào yên!

Lưu Phì lo sợ ngày đêm. Thấy chuyện rất nghiêm trọng, tùy tùng của Lưu Phì hiến cho ông một kế, nói thái hậu chỉ có một đứa con gái, coi như minh châu trên tay, vương có đất phong hơn 70 thành, còn ấp Thái của công chúa Lỗ Nguyên chỉ có vài thành, Lữ hậu nhất định không hài lòng về chuyện này; nếu vương tặng cho thái hậu một quận, hiếu kính cho công chúa làm Thang Mục Ba, thái hậu tất nhiên sẽ rất mừng, như vậy, vương có thể thoát họa, rời khỏi kinh sư, trở về đất phong.

Lưu Phì cho rằng kế đó rất hay, nên đã tiếp nhận ý kiến này. Lưu Phì khấu kiến thái hậu, tỏ ý muốn hiến tặng quận Thành Dương, hiếu kính công chúa, đồng thời bằng lòng nhận công chúa Lỗ Nguyên làm mẹ, tôn công chúa làm Tề Vương thái hậu. Lữ hậu hết sức vui mừng. Lữ hậu đúng là dùng uy quyền để ép buộc Lưu Phì, làm cho Lưu Phì, người anh cùng cha khác mẹ này, nhận em gái của mình làm thái hậu, đồng thời cung phụng theo lễ mẹ con! Nhưng chỉ có như thế, mới làm vui lòng được thái hậu, Lưu Phì mới an toàn thoát thân trở về đất phong.

Lữ hậu luôn lấy mình làm trung tâm, bất kể luân thường đạo lý. Huệ Đế Lưu Doanh ngày càng trưởng thành, nên để Huệ Đế kết hôn, sắc định một vị hoàng hậu. Chọn ai làm hoàng hậu bây giờ? Đương nhiên Lữ hậu phải suy nghĩ cho thật kỹ. Chọn người ngoài họ làm hoàng hậu, tất nhiên sẽ nảy

sinh thể lực hậu tộc mới, chia đình kháng lễ với thái hậu, biện pháp tốt nhất đương nhiên là chọn ngay trong thân tộc.

Huệ Đế kế vị khi 17 tuổi, 3 năm sau vừa đúng 20. Lữ hậu suy nghĩ khác người, gả con gái của Lỗ Nguyên công chúa, cho Lưu Doanh, sắc lập làm hoàng hậu! Lỗ Nguyên công chúa chẳng qua chỉ lớn hơn Lưu Doanh vài tuổi, nhưng tuyệt đối không lớn hơn mười mấy tuổi, chắc chắn con gái của cô lúc này vẫn chưa thành niên. Lữ hậu bất chấp luân lý như thế, Lưu Doanh lại không lo âu buồn phiền hay sao?

Lưu Doanh vẫn luôn thân thể khiêm an, u uất trong lòng. Ông chưa hề đụng đến cô cháu gái đã là hoàng hậu Trương thị của mình, do đó Trương thị không mang thai sinh con. Lưu Doanh không có con nối dõi, đương nhiên không phù hợp với yêu cầu của Lữ hậu, nhưng Lữ hậu lại không thể ép Lưu Doanh sinh con cho bà. Làm sao đây? Một Lữ hậu lo xa tính kỹ, nhiều mưu đồ xấu đã nghĩ ra một kế: lấy con của người khác giả làm con của hoàng hậu Trương thị, giết mẹ ruột của đứa trẻ, ôm vào thâm cung nuôi dưỡng. Lữ hậu nuôi rất nhiều đứa con giả như thế trong cung. 4 năm sau Lưu Doanh qua đời, Lữ hậu lập tức đưa con giả của Lưu Doanh lên kế vị, gọi là Hán Thiếu Đế, Lữ hậu tạm nắm quyền.

Huệ Đế Lưu Doanh u uất mà chết, Lữ hậu lập con giả làm đế, việc này đương nhiên gây nên sự bất bình trong hoàng tộc và tướng lĩnh đại thần. Lữ hậu hiểu rất rõ điều này. Trong mắt của Lữ hậu chứa đầy mưu tính giết người, do đó khi khóc đưa tang con trai Lưu Doanh, bà chỉ khóc khô, chứ không có nước mắt. Trương Bích Cương, con trai của mưu sĩ Trương Lương, nhìn thấy cảnh đó bèn mật báo với thừa tướng Tào Tham.

Trương Bích Cương hỏi Tào Tham: Thừa tướng, ngài biết hoàng thượng đã đi rồi, tại sao thái hậu lại khóc mà không đau lòng không? Tào Tham kinh ngạc, không ngờ chàng thiếu niên này lại nhìn ra sự việc này, hơn nữa lại nói ngắn gọn và trúng vào điểm chính. Việc này chính là việc Tào Tham

đang lo lắng, không biết nên làm thế nào. Tào Tham nhìn dò xét vào Trương Bích Cương, bảo anh nói tiếp.

Trương Bích Cương nói: Điều này rất đơn giản, Huệ Đế có mấy người con trai, nhưng đều quá nhỏ; thái hậu sợ khó chế ngự lão thần, nên lo lắng trong lòng; tướng lĩnh đại thần trong đình sẽ rơi vào cảnh nguy khốn! Tào Tham hỏi có diệu kế gì không? Trương Bích Cương nói: Nếu thừa tướng kiến nghị với thái hậu, bái họ Lữ làm tướng, để họ thống lĩnh cấm quân kinh sư, địa vị quan trọng, thái hậu nhất định rất vui mừng, còn tướng lĩnh trong triều cũng thoát khỏi nguy hiểm.

Tào Tham thấy đây cũng là kế hay, nên làm theo. Thừa tướng chủ động nhường chức nhường quyền, thái hậu Lữ Trĩ đương nhiên cầu còn chẳng được. Tào Tham đợi đến khi tướng thần giữ được tính mạng, nhưng giang sơn lại rơi vào tay của nhà họ Lữ. Lữ Trĩ có hai người anh: Lữ Trạch, Lữ Thích Chi; một cô em gái. Hai huynh đệ Lữ Trạch, Lữ Thích Chi đều được phong hầu tước, lần lượt cáo bệnh về quê khi Huệ Đế Lưu Doanh chấp chính. Lữ Trạch có hai con trai: Lữ Đài, Lữ Sản. Lữ Thích Chi có một con trai: Lữ Lộc. Tộc nhà họ Lữ còn có rất nhiều con cháu khác.

Lữ thái hậu hiển nhiên chấp nhận lời kiến nghị của thừa tướng Tào Tham, đại phong họ Lữ. Có 4 người trong tộc họ Lữ được phong vương: Lữ Lộc phong Triệu Vương, Lữ Sản phong Lương Vương, Lữ Đài phong Lữ Vương, Lữ Thông phong Yên Vương. Có 8 người được phong hầu. Lữ Tu trở thành vợ của Phan Khoái, phong Lâm Quang Hầu. Cùng lúc với việc thái hậu đại phong nhà họ Lữ, lại cố hết sức gả con gái trong họ Lữ cho vương hầu họ Lưu. Triệu Ưu Vương Lưu Hữu, Triệu Công Vương Lưu Hối, Doanh Lăng hầu Lưu Trạch, Chu Hư hầu Lưu Đồng đều lấy con gái nhà họ Lữ làm vợ.

Lữ hậu phong con trai nhà họ Lữ làm vương hầu, gả con gái họ Lữ cho vương hầu nhà họ Lưu, chỉ có một mục đích, đó chính là củng cố sự thống trị của bà. Lữ hậu biết rằng, chỉ cần có quyền lực trong tay, thì chẳng còn sợ

gì cả. Năm Lưu Bang thống trị thiên hạ, chỉ phong họ Lưu làm vương, cho rằng cả thiên hạ là của họ Lưu. Nay con cái họ Lữ đều lần lượt được phong vương hầu, đại thần trong triều ai dám lên tiếng? Lưu Bang còn có 6 người con ở bên ngoài, tướng thần trong triều hàng trăm hàng ngàn, ai dám phản đối?

Vương hầu nhà họ Lưu lấy con gái nhà họ Lữ làm vợ, chẳng khác gì lấy phải một vị bồ tát phải cung phụng ngày đêm. Nếu không như thế, con gái nhà họ Lữ sẽ không tha cho những vương hầu dòng dõi quý tộc này. Một Triệu Ưu Vương Lưu Hữu đường đường là người hơi ngạo mạn, ông chúa ghét người vợ nhà họ Lữ của mình, ngôn ngữ hành động có vẻ hơi khinh thường, kết quả, con gái nhà họ Lữ bầm báo với Lữ hậu, hãm hại Lưu Hữu. Lữ hậu triệu Lưu Hữu vào cung. Lưu Hữu thản nhiên tiến vào Trường An, bước vào hậu cung, không ngờ bị Lữ hậu giam lại trong lãnh cung, để ông đói chết!

Cuộc sống của những vương hầu họ Lưu lấy những cô gái họ Lữ làm vợ khác cũng chẳng tốt đẹp hơn. Triệu Cung vương Lưu Hồi bất mãn với sự kiêu căng của họ Lữ, Lữ Sảo Nữ giám sát từng hành động của Lưu Hồi, làm cho Lưu Hồi không có chút tự do. Lưu Hồi nhìn con gái họ Lưu với ánh mắt căm thù, nên dành tình cảm sang cho người thiếp yêu, không ngờ cô gái họ Lữ bị lạnh nhạt lại bỏ độc vào rượu, độc chết thiếp yêu của Lưu Hồi. Lưu Hồi phần nộ vô cùng, thân làm một vương gia, lại không thể bảo vệ người phụ nữ của mình, Lưu Hồi đành phải u phần tự vẫn. Yên Linh vương Lưu Kiến bệnh chết, để lại một đứa con trai, Lữ hậu không chỉ không cho con trai họ Lưu thừa kế đất phong, ngược lại cử người giết chết hẳn, để tuyệt hậu Lưu Kiến.

Tề vương Lưu Phì nhân nhượng vì lợi ích toàn cục, miễn cưỡng giành lại được tính mạng từ tay Lữ hậu. Có thể nói con trai của Lưu Phì, Lưu Chương là một người tài đức hơn người trong số con em vương hầu nhà họ Lưu. Lưu Chương được phong Chu Hư hầu, dưới sự thao túng của Lữ hậu,

đành phải lấy con gái của Lữ Lộc làm vợ. Lưu Chương đối xử phóng khoáng với mọi người, không hề kiêng cử gì cả, vợ ông Lữ thị cũng không dám làm gì thất lễ với ông. Có một lần, Lữ hậu bày yến trong cung, lệnh cho khách uống rượu. Lưu Chương cầu xin Lữ hậu, giám rượu theo quân pháp. Lữ hậu hiển nhiên đồng ý. Kết quả, có một quý tộc họ Lữ trôn rượu, bị Lưu Chương bắt được, đem chém ngay tại đó. Lưu Chương là người có khí phách anh hùng, mượn vài ly rượu, ngâm lên bài ca làm ruộng, Lữ hậu cũng hết sức kinh ngạc. Lời ca trong bài ca làm ruộng là thế này:

Thâm canh tức chủng, lập miêu dục sơ.

Phi kỳ chủng giả, sừ nhĩ khứ chi.

(Tạm dịch là: Thâm canh tức là trồng trọt, cấy mầm mong lên rau.

Không phải là người trồng trọt, thì nên vác cuốc mà rời khỏi đó.)

VIII. Chuyện bí ẩn trong thâm cung

Lữ hậu nắm đại quyền trong tay, sau khi củng cố quyền vị, bắt đầu đùa giỡn với đàn ông. Lữ hậu sủng tín Bích Dương hầu Thẩm Thực Kỳ, thích vẻ đẹp của Thẩm Thực Kỳ, thông gian với ông. Thẩm Thực Kỳ là xá nhân do Lưu Bang cử đến cho thái hậu, chức trách là lo liệu chuyện nhà, là một phó quan trong cung. Lữ thị thích Thẩm Thực Kỳ. Hai người gian díu trong cung, chuyện xấu này đã được bàn tán xôn xao khi Lưu Bang còn sống, lan truyền ra ngoài, Lưu Bang cũng biết chuyện. Một Lưu Bang chỉ coi đàn bà là quần áo không coi trọng chuyện này, chẳng tính toán gì. Lữ hậu cũng nể mặt Lưu Bang, bà và Thẩm Thực Kỳ thông gian, chỉ là thỏa mãn dục vọng về mặt sinh lý, chứ chẳng quá đáng gì cả. Thẩm Thực Kỳ cũng rất thật thà, không dám kiêu ngạo vì được sủng ái, càng không dám ngạo mạn khoe khoang.

Quán Cao mưu phản bị bại lộ, mẹ của Lịch Vương Hoài Nam bị liên lụy, bị bắt vào trong lao. Em trai của bà không còn đường thoát, nhớ lại rằng chỉ có Lữ hậu hạ chiếu miễn tội thì mới được cứu, mà muốn thuyết phục được Lữ hậu, chỉ có cầu xin tư sủng Bích Dương hầu của Lữ hậu. Sau khi gặp được Bích Dương Hầu Thẩm Thực Kỳ, kể rõ đầu đuôi ngọn ngành của vụ án, mong Bích Dương hầu cầu xin với Lữ hậu. Mẹ của Lịch Vương là người được Lưu Bang sủng ái mới sinh ra Lịch Vương, đó cũng là một đối thủ đoạt sủng của Lữ hậu, chẳng lẽ Lữ hậu không oán hận sao? Bích Dương hầu chỉ mong mình bình yên vô sự, nên cũng không dám tranh luận để cầu an, sợ dẫn đến sự ác cảm của Lữ hậu, người lại tự rước họa vào thân, kết quả, mẹ của Lịch Vương không thể thoát nguy, đành phải tự vẫn thân vong.

Huệ Đế kế vị, Lữ hậu chấp chính, Lữ hậu càng bất chấp tất cả, càng già càng dẻo dai, công nhiên tư thông với Bích Dương hầu Thẩm Thực Kỳ. Có người mật báo với Huệ Đế, Huệ Đế làm sao có thể chịu đựng chuyện xấu

này! Huệ Đế muốn giết Bích Dương hầu, dặn dò giam hãm lại trước. Lữ hậu cảm thấy không còn mặt mũi cầu xin con trai về chuyện này, nên im lặng không nói gì cả. Bích Dương hầu không còn đường thoát cầu đến Bình Nguyên Quân, được Bình Nguyên Quân giới thiệu đến gặp sủng thần của Huệ Đế, Hồng Tịch Nhụ. Hồng Tịch Nhụ giúp Thảm Thực Kỳ cầu xin Huệ Đế, sự phẫn nộ của Huệ Đế lại hạ xuống, tha cho Thảm Thực Kỳ.

Hán Văn Đế kế vị, Lữ thái hậu cũng không còn trên thế gian nữa. Lịch Vương tố cáo mọi tội trạng của Bích Dương hầu với Văn Đế, nước nở kể lại, một trong số những tội trạng của hã là năm đó Bích Dương hầu được thái hậu đắc sủng, không cố gắng hết sức cầu xin cho mẹ của mình. Do đó, Lịch Vương ép chết Bích Dương hầu với nỗi hận tận xương tuỷ.

Cuối đời của Lữ thái hậu giống như đại đa số quân vương khác của Trung Quốc, tính toán đa nghi. Thiếu Đế trưởng thành dần trong sự nâng niu của Lữ thái hậu. Thiếu Đế dần dần biết được Trương hoàng hậu không phải là mẫu thân của mình, còn mẫu thân của mình đã bị Lữ thái hậu giết chết. Thiếu Đế hết sức phẫn hận, tuổi tác còn nhỏ, mà đã nói ra những lời như thế này: Thái hậu giết chết mẫu thân của ta, khi trưởng thành ta nhất định sẽ báo thù cho mẫu thân! Lữ thái hậu được tấu báo, hết sức giận dữ, bèn giam lỏng Thiếu Đế, giết hại Thiếu Đế, lập một người con giả khác là Hằng Sơn vương Tề Nghị làm hoàng đế.

Tuy Lữ thái hậu nghi thần nghi quỷ, nhưng lại rất tin thần. Có một năm, bà dẫn theo tùy tùng xuất cung kính thần, trên đường về cung, hoảng hốt nhìn thấy một con chó trắng nhảy xộc vào bà, cào một vết dưới nách của bà, bà kinh sợ thất sắc. Lữ thái hậu về cung bói một quẻ, quẻ tướng cho thấy do Triệu Vương Như Ý quấy phá. Từ đó về sau, Lữ thái hậu luôn thấy đau ngầm dưới nách, hễ bệnh là 3,4 tháng, hơn nữa bệnh tình ngày càng trầm trọng.

IX. Sự diệt vong của gia tộc họ Lữ

Lữ thái hậu biết mình không còn trên thế gian bao lâu. Lữ thái hậu lo lắng, sau khi bà chết, giang sơn xã tắc này sẽ do ai thống trị đây? Là vương hầu họ Lưu hay là vương hầu họ Lữ? Lữ thái hậu hướng về họ Lữ làm chủ, bà điều chỉnh lớn chế độ lễ pháp trong vương triều, nếu quyền vị trở về họ Lưu thì chẳng phải mọi công sức đều đổ sông đổ biển hết cả sao?

Lữ thái hậu bệnh nằm liệt trên giường, phát ra một chiếu thư, phong Triệu Vương Lữ Lộc làm tướng quân, thống lĩnh cấm quân Bắc quân; Lương Vương Lữ Sản thống lĩnh cấm quân Nam quân. Nam quân, Bắc quân đều là cấm vệ quân trong kinh sư, Bắc quân bảo vệ kinh sư, Nam quân bảo vệ hoàng cung.

Lữ thái hậu triệu Lữ Lộc, Lữ Sản đến trước giường bệnh, nói với hai người họ: Nhà họ Lữ được phong vương, tướng thần trong triều đều thấy bất bình; sau khi ta chết, hoàng đế còn trẻ, e rằng tướng thần trong triều sẽ sinh biến; các người nhất định phải nắm chắc binh quyền quân Nam, Bắc, bảo vệ kinh sư, bảo vệ hoàng cung, cho dù có phải mặc tang phục cũng không thể rời khỏi quân ngũ, nếu không sẽ bị người khác khống chế.

Năm 179 trước Công Nguyên, cuối cùng Lữ thái hậu cũng rời khỏi nhân thế. Nhà họ Lữ điều động binh lực, âm mưu tạo phản, giết hết đại thần. Vợ của Chu Hư Hầu Lưu Chương là con gái của Lữ Lộc, Lưu Chương biết trước sẽ có binh biến trong cung. Lưu Chương báo trước tình hình nguy hiểm cho anh của mình là Tề Vương Lưu Nhượng, để anh chuẩn bị khởi binh, giết hết nhà họ Lữ. Đồng thời, Lưu Chương bí mật liên lạc với thái úy Châu Bộc, thừa tướng Trần Bình, báo cho họ biết mọi chuyện trong cung.

Tề Vương Lưu Nhượng khởi binh phản kích nhà họ Lữ. Tướng quốc Lưu Sản phái tướng quân Quán Anh dẫn binh nghênh chiến. Quán Anh dẫn binh đến Huỳnh Dương, ngưng binh không tiến, ngược lại liên hợp với Tề

Vương, cùng đôi phó với họ Lữ. Con trai của Khúc Châu Hầu Lê Thương, Lê Kỳ quan hệ mật thiết với Lữ Lộc. Thái úy đã bị tước mất binh quyền. Châu Bộc định kế với thừa tướng Trần Bình, cử người tiến vào Bắc quân, lừa được tướng ấn của tướng quân Lữ Lộc, hiệu lệnh tướng sĩ. Người tiến vào Bắc quân đương nhiên chính là Lê Kỳ.

Châu Bộc, Trần Bình phái người bắt Lê Thương, uy hiếp Lê Kỳ ra Bắc quân, lừa Lữ Lộc nói: Để tránh xảy ra chuyện ngoài ý muốn, đại tướng quân nên giao ra binh quyền, tướng ấn, mau chóng trở về đất phong. Nhà họ Lữ do dự không quyết. Châu Bộc giả chiếu chỉ của hoàng đế, tiến vào Bắc quân, nói với tướng sĩ: Người đi theo nhà họ Lữ thì đứng sang bên phải, người đi theo nhà họ Lưu thì đứng sang bên trái. Tướng sĩ đều đứng sang trái, nhà họ Lữ mất đi binh quyền. Lưu Chương vào cung, giết Lữ Sảo, bắt giết Lữ Lộc, già trẻ trai gái nhà họ Lữ đều bị giết sạch.

Chương III

Vị hoàng hậu đầu tiên của Hán Vũ Đế

I. Kim ốc tàng Kiều

Câu chuyện “Kim ốc tàng Kiều” được lưu truyền rộng rãi tại Trung Quốc, dường như nhà nhà đều biết, già trẻ lớn bé đều hiểu. Nhất là những văn nhân yêu thích phong hoa tuyết nguyệt của Trung Quốc, càng thích thú với câu chuyện tình tuyệt đẹp của đôi giai nhân đế vương, thích ngâm thơ ca vịnh, tô điểm làm cho câu chuyện trở nên sống động, đủ màu sắc hơn.

Các đại thi nhân đời Đường đương nhiên không thể bỏ qua đề vịnh của câu chuyện tình tuyệt đẹp này. Trong bài “Oán tình”, Lý Bạch có câu thơ như sau: “Thỉnh khán Trần hậu hoàng kim ốc, thúc thúc chu liễm sinh mạng to”. (Tạm dịch là: hãy nhìn ngôi nhà bằng vàng của Trần hoàng hậu, cô tịch vắng vẻ đến nỗi nhện giăng tơ ở trên rèm cửa). Trong bài “Tục cổ thi” của Bạch Cư Dị có câu: Tuế mục vọng Hán cung, thử tại hoàng kim ốc? (Năm tháng nhìn vào cung nhà Hán, xin hỏi ai sống trong ngôi nhà bằng vàng). Ngôi nhà vàng đã trở thành điển cố và từ đó không thể tách rời Hán Vũ Đế kim ốc tàng Kiều.

Bài thơ “Giới lạc trung hạnh hoa” của nhà thơ thời Nguyên Nguyên Hảo Văn có câu thơ như sau: A Kiều tân sủng trữ kim ốc, minh phi viễn giá sâu thanh gia”. Bài “Bản phụ dao” của Hoàng Tấn viết: Quân bất kiến, nhân gian sủng nhục đa phản phúc, A Kiều lão trú hoàng kim ốc (Tạm dịch: Nhà vua không gặp, sự sủng ái và ruồng bỏ của nhân gian lặp lại nhiều lần, A Kiều vẫn cứ sống mãi trong ngôi nhà vàng). A Kiều trữ kim ốc trở thành tên gọi của sự gặp gỡ vô thường của con người.

Kim ốc tàng Kiều, kim ốc trữ Kiều, tàng Kiều, trữ Kiều, A Kiều trữ kim ốc, kim ốc, hoàng kim ốc..., đều là điển cố thịnh hành tại Trung Quốc, nói về khi mới cưới vợ hiền thiếp đẹp, thì rất sủng ái, hoặc là thể hiện thâm thiếp do bị thất sủng, mà bị lạnh nhạt trong căn phòng u ám lạnh lẽo.

Vậy thì, rốt cuộc kim ốc tàng Kiều là câu chuyện gì? Hà có gì làm rung động trái tim đa tình của các nhà văn nhà thơ suốt hàng ngàn năm nay? Hán Vũ Đế tài trí song toàn, phong lưu đa tình, tại sao lại không thể giữ được cô gái mà ông đã hứa cho kim ốc tàng Kiều?

Chủ nhân của kim ốc tàng Kiều chính là hoàng hậu đầu tiên Trần A Kiều của Hán Vũ Đế Lưu Triệt. Mẹ của A Kiều là trưởng công chúa Quán Đào, chính là con gái Lưu Phiêu của Hán Văn Đế Lưu Hoảng và Đậu hoàng hậu. Lưu Phiêu được gả cho Đường Ấp Hầu Trần Ngộ, tình cảm hai người rất tốt, sinh được một đứa con gái ngang tàng kiêu căng, thông minh hơn người, được cưng như trứng mỏng, đặt tên A Kiều.

Hán Cảnh Đế Lưu Khải là anh em của trưởng công chúa Lưu Phiêu. Lưu Triệt là con trai thứ 9 của Hán Cảnh Đế Lưu Khải, sau này Lưu Triệt kế vị thành Hán Vũ Đế, người hứa xây kim ốc trữ A Kiều chính là Lưu Triệt. Lưu Phiêu là cô mẫu thân thuộc của Lưu Triệt, con gái A Kiều của Lưu Phiêu và Lưu Triệt là anh em họ. Lưu Triệt vì được sự yêu mến của A Kiều nên mới chiếm được sự yêu mến của cô mẫu Lưu Phiêu, Lưu Phiêu thuyết phục được Hán Cảnh Đế, lập Lưu Triệt làm thái tử, từ đó bước lên đại vị. Sau 10 năm ân ái, Lưu Triệt bỏ rơi A Kiều, một kim ốc tàng Kiều kiêu ngạo ngang bướng trở thành oán nữ Trường Môn rửa mặt bằng nước mắt.

Lưu Triệt tự Thông, từ nhỏ đã rất anh võ, rất được người yêu. Khi còn nhỏ thường đến nhà của cô mẫu trưởng công chúa Quán Đào, cậu ta thích người chị họ A Kiều, hai người thường chơi đùa chung với nhau. A Kiều rất xinh đẹp, có đôi mắt làm rung động lòng người. Lưu Triệt được Cảnh Đế Lưu Khải phong làm Giao Đông vương khi mới 4 tuổi. Lưu Triệt càng năng đến nhà của cô mẫu tìm A Kiều sau khi được phong vương.

Một lần, trưởng công chúa Quán Đào âu yếm ôm Giao Đông vương Lưu Triệt vào lòng, đặt trên gối, hỏi Lưu Triệt: Con có muốn một người vợ không? Lưu Triệt gật gật đầu. Trưởng công chúa Quán Đào thấy rất thú vị, không ngờ thằng bé nhỏ tuổi như thế mà đã muốn có vợ! Trưởng công chúa

Quản Đào nhất thời hưng phấn, bèn gọi khoảng trăm tì nữ trong phủ cho Lưu Triệt lựa chọn.

Không ngờ Lưu Triệt đều lắc đầu, cái đầu nho nhỏ lắc qua lắc lại thật giống như một cái trống, bữu môi lại, nét mặt trở nên nghiêm túc. Trưởng công chúa Quản Đào bất giác thấy rất vui, cảm thấy tiểu vương tử này rất thú vị, càng lúc càng yêu mến hẳn hơn. Hơn một trăm người hầu hấn cũng chẳng cần, chỉ còn mỗi con gái A Kiều của mình. Quản Đào công chúa chỉ A Kiều, hỏi Lưu Triệt: A Kiều thế nào? Lưu Triệt nghiêm mặt lại gật gật đầu.

Trưởng công chúa Quản Đào vui mừng cười phá lên, không ngờ thằng bé này cũng có lòng như thế, nhỏ như thế mà đã định A Kiều! Trưởng công chúa Quản Đào hưng phấn tột cùng hỏi tiếp Lưu Triệt: A Kiều tốt không? Lưu Triệt trả lời: Tốt! Tiếp đó, Lưu Triệt nói như người lớn rằng: Nếu cưới A Kiều về làm vợ, con nhất định sẽ xây một ngôi nhà bằng vàng, để A Kiều sống trong đó!

Nghe xong, trưởng công chúa Quản Đào cười đến nỗi không thể ngậm miệng lại được. Trưởng công chúa Quản Đào hưng phấn đi tìm mẫu thân Vương phu nhân của Lưu Triệt, kể lại câu chuyện lúc nãy. Không ngờ một Vương phu nhân thông minh hơn người lập tức định luôn chuyện kết thân này, hai nhà đã kết thân với nhau như thế đấy. Con cái lấy nhau, đương nhiên là người một nhà. Một trưởng công chúa quan hệ mật thiết với Hán Cảnh Đế Lưu Khải đương nhiên nói vài câu tốt đẹp cho con rể tương lai Lưu Triệt của mình chứ, làm cho Hán Cảnh Đế chọn Lưu Triệt làm thái tử trong số rất nhiều con trai của mình.

Trưởng công chúa Quản Đào hẳn có cơ hội là nói về Lưu Triệt với người anh Cảnh Đế Lưu Khải, khen Lưu Triệt thông minh hơn người. Lưu Triệt được sự chú ý của Lưu Khải. Lưu Khải nhiều lần quan sát Lưu Triệt, phát hiện đứa con trai thứ 9 này quả thật có tư thế long phụng, là người con có thể trông chờ được. Khi Lưu Triệt lên 7 thì được phong làm thái tử. Văn Đế

Lưu Hoảng tại vị 23 năm, qua đời năm 46 tuổi. Cảnh Đế Lưu Khải cũng mạng trời không dài, tại vị chỉ 16 năm, qua đời khi 48 tuổi. Lưu Triệt kế vị hoàng đế năm 16 tuổi, lấy danh Hán Vũ Đế.

Khi Lưu Triệt làm thái tử, thì đã cưới A Kiều mới 14 tuổi làm vợ, chính là thái tử phi. Lưu Triệt kế vị hoàng đế, A Kiều được sắc lập làm hoàng hậu. Hoàng hậu A Kiều luôn sống trong nhung lụa, cuộc sống dồi dào sung túc, được bố mẹ nuông chiều nên quen thói hư thân, từ nhỏ đến lớn không biết u sầu là gì, cũng không biết nhường nhịn người khác. Sau khi làm hoàng hậu, vẫn được Hán Vũ Đế sủng ái như cũ. A Kiều đẹp mê người, hết sức phong tình, một Hán Vũ Đế Lưu Triệt đang tuổi xuân tình luôn bị A Kiều thu hút, vừa quyến luyến nàng, vừa có chút sợ hãi nàng.

II. Thất sủng

Một A Kiều được nuông chiều quen thói hư thân vẫn luôn hưởng thụ cuộc sống, ngày nào cũng mong cho Vũ Đế hạ triều, tận hưởng tình vợ chồng, du thưởng hậu cung. Cuộc sống vui vẻ qua nhanh như gió, chớp mắt đã 10 năm trôi qua. A Kiều được hưởng vô số hoan lạc trong vòng 10 năm được Hán Vũ Đế Lưu Triệt sủng ái, và cũng hưởng thụ được không biết bao ân ái của Vũ Đế. Nhưng, ngay cả A Kiều cũng thấy lạ là, 10 năm, mà bà chẳng mang thai lần nào.

Một A Kiều luôn được hưởng thụ sự ân ái của hoàng thượng ngày nào cũng sống những tháng ngày vui vẻ vô ưu, chẳng chú ý nhiều đến chuyện chưa hề mang thai, chỉ cảm thấy ngày tháng còn dài, ân ái của hoàng thượng bất tận, huống hồ Lưu Triệt được ở trên ngôi hoàng đế chẳng phải do công của mẫu thân nói giúp đó sao? A Kiều cảm thấy mình thao túng được Lưu Triệt, Lưu Triệt sẽ một lòng một dạ, và yêu mình hết mực, tuyệt đối không thay đổi tình cảm, có lòng dạ khác.

Vũ Đế Lưu Triệt là người mang chí lớn, ông thông minh, quyết đoán, dựa vào phán đoán của mình và yêu thích việc triều chính, tuyệt đối không nghe theo sự xếp đặt của người khác. Về mặt tình cảm, Lưu Triệt rất say mê người chị họ của mình, lưu luyến những ngày tháng thanh mai trúc mã của mình với chị họ. Điều mà chàng phải cảm ơn nhất chính là, sở dĩ được lập làm thái tử trong số nhiều anh em, công lao hoàn toàn thuộc về cô mẫu trưởng công chúa Quân Đào. Lưu Triệt vẫn luôn sủng ái A Kiều, nhường nhịn nàng, cho dù nàng ngang ngạnh làm loạn, thậm chí cố tình gây rắc rối, Lưu Triệt cũng nhẫn nhịn, cố gắng khoan dung cho người chị họ tuyệt đẹp này.

Mười mùa xuân trôi qua như thoi. Đối với Trần hoàng hậu A Kiều, 10 năm đó dường như chỉ là chớp mắt. Nhưng, đối với Vũ Đế Lưu Triệt, 10

năm này lại quá dài, lại quá phong phú. Lưu Triệt từ một thiếu niên 16 tuổi lớn lên thành một thiên tử rất có sức hấp dẫn và trí tuệ, biết văn biết võ, giỏi chinh chiến. Lưu Triệt rất quen thuộc với công việc triều chính, xử lý mọi việc đâu ra đó, đối với hậu cung phức tạp, triều thần chính đảng nắm rõ như trong lòng bàn tay, phối hợp với nhau rất thành thạo.

Có một điều mà ngay cả Lưu Triệt cũng kinh ngạc là, tình cảm của mình lại có thể thay đổi. Lưu Triệt phát hiện, A Kiều xinh đẹp mê người, luôn thu hút người khác chẳng qua chỉ là một cô gái quý tộc kiêu căng, ngạo mạn, có lúc làm cho người khác không vui, ở bên nàng ta thường thấy không thoải mái, thậm chí có chút chán ghét. Lưu Triệt tràn đầy tình lực thường thấy cô độc, ý định thay đổi tình cảm không ngừng kích thích, làm cho Lưu Triệt có chút chần chừ khi tan triều. Lưu Triệt không muốn đi về thâm cung của hoàng hậu, chỉ muốn ở một mình.

Cũng chính vào lúc này, một Vệ Tử Phu chìm sa cá lặn xuất hiện trong cuộc đời của Lưu Triệt, Lưu Triệt dường như cảm nhận được ánh sáng chói lọi tỏa ra trong cuộc sống tăm tối của mình. Tâm hồn cô độc của Lưu Triệt tràn đầy hình bóng của người đẹp yêu kiều, một trái tim cô độc cuối cùng cũng tìm được chỗ dựa. Lưu Triệt ngày càng rời xa A Kiều, tình cảm cũng phai dần. Đến khi A Kiều nhận thấy sự thay đổi này thì mọi việc đã quá muộn.

A Kiều ý thức được rằng không có mang là điều hết sức nghiêm trọng, hoàng tử nối ngôi là đại sự của giang sơn xã tắc, tuyệt đối không thể coi thường. Nhưng, gấp thì làm gì được? Có thể mang thai liền hay sao? A Kiều muốn mình có mang, nhưng lại không thành công. Mẫu thân trưởng công chúa Quán Đào của A Kiều cũng rất sốt ruột, nghĩ hết trăm phương ngàn cách, tìm thầy uống thuốc, bói quẻ cầu thần, thử qua hết tất cả mọi cách, nhưng vẫn chẳng có tác dụng gì.

Vũ Đế Lưu Triệt gặp được ca nữ Vệ Tử Phu hoa nhường nguyệt thẹn tại nhà của chị mình là Bình Dương công chúa, đồng thời sung hạnh cô ngay

tại phòng thay đồ. Sau đó Bình Dương công chúa trang điểm lại cho Vệ Tử Phu rồi đưa vào hậu cung của Lưu Triệt. Tình cảm của Lưu Triệt thay đổi dần dần, sau khi tan triều bèn đến ngay phòng của Vệ Tử Phu, hoặc là sủng hạnh mỹ nữ khác. Cuộc sống phú quý của A Kiều mất đi sự yên bình.

Vệ Tử Phu có đẹp hơn đi nữa thì cũng chỉ là một ca nữ. Một ca nữ thấp kém như thế mà lại đoạt sủng của hoàng hậu, Trần hoàng hậu A Kiều không chịu được điều đó. Quản Đào trưởng công chúa Lưu Phiêu mẫu thân của A Kiều, mẫu thân của hoàng đế Vương thái hậu cũng bất bình về việc này, bắt tay với mẹ con A Kiều, cùng nhau đối phó với Vệ Tử Phu, muốn kéo hoàng đế Lưu Triệt anh võ trở về bên cạnh A Kiều, ôn lại giấc mơ êm đềm, ra vào có nhau của ngày xưa.

Đáng tiếc Vệ Tử Phu quá đẹp, Lưu Triệt cũng quá si tình. Sau khi Lưu Triệt thật sự nhận thấy vẻ đẹp tuyệt sắc của Vệ Tử Phu thì không thể rời xa nàng nữa. Vệ Tử Phu không chỉ dày dặn sương gió, mà không chịu thua kém, dường như cố ý trêu tức hoàng hậu A Kiều, một thời gian sau, Tử Phu mang thai, sinh một lượt 3 đứa con gái.

Hoàng hậu A Kiều tức giận, căm hận, bất lực khi nhìn sự thay đổi cái bụng của Vệ Tử Phu từ bằng phẳng đến khi phình to lên, rồi từ phình to trở nên bằng phẳng lại, nhìn từng đứa từng đứa trẻ lần lượt chào đời tại thâm cung. Điều an ủi duy nhất là, Vệ Tử Phu không sinh được con trai, nên biết rằng, huyết mạch do con trai truyền thừa, huyết mạch hoàng gia cũng như thế, không có con trai thì căn bản không thể uy hiếp được ai.

Vệ Tử Phu cũng thấy hơi căng thẳng. Hoàng thượng quan tâm đến mình do háo sắc, sinh liên tiếp 3 đứa con gái, tuổi thanh xuân trôi dần đi, một khi nhan sắc phai tàn, một khi hoàng thượng thay đổi tình cảm, vậy thì có còn được sự sủng ái này không? Phải nhanh chóng sinh một đứa con trai khi hoàng thượng còn yêu mình sâu đậm. Vệ Tử Phu cầu khẩn trời xanh, khẩn cầu thần linh. Vệ Tử Phu lại mang thai một lần nữa, hơn nữa, trời lại chiều theo lòng người, quả thật ban cho cô một đứa con trai. Vũ Đế Lưu Triệt

đương nhiên hết sức sung sướng, đặt tên cho con là Lưu Cư, không lâu sau, bèn lập làm thái tử.

Lịch sử hậu cung Trung Quốc là nhiều mỹ nữ hầu hạ một người đàn ông, người đàn ông này chính là hoàng đế. Hoàng đế có thể quan hệ với bất kỳ người phụ nữ nào trong số những người này. Trong mỗi quan hệ nam nữ này, hoàng hậu chẳng qua chỉ là một trong số những phụ nữ đấy, chẳng có chỗ đặc biệt nào để hoàng đế để ý nhiều hay ít.

Hoàng đế yêu thích hoàng hậu, có lúc chỉ xuất phát từ sự tôn trọng, là nhu cầu về mặt lễ nghĩa; có lúc lại xuất phát từ tình cảm thật sự, như Vũ Đế Lưu Triệt đối với hoàng hậu A Kiều. Nhưng, thời gian làm thay đổi mọi thứ, đương nhiên có thể làm thay đổi cả tình cảm. Đó là điều mà không ai có thể chống lại được, không ai có sức chống lại nó.

Lưu Triệt sủng ái Vệ Tử Phu, càng chuyên tình cảm sang mỹ nữ khác, nhiệt tình hơn, quan tâm hơn, tơ tưởng nhiều hơn người phụ nữ khác, hoàng hậu A Kiều càng đau khổ hơn, đau lòng hơn, cô độc hơn, đau đớn hơn.

A Kiều đau lòng hơn những người phụ nữ bị hoàng đế đả sủng rồi lại thất sủng. Lưu Triệt là bạn từ nhỏ của nàng, cũng là người bạn mà nàng hằng tin tưởng, hằng dựa vào, Lưu Triệt rời khỏi nàng, chẳng khác gì là sự phản bội tuổi thơ trong sáng của họ, là nhẫn tâm xé nát tình cảm tốt đẹp mà họ đã có được. A Kiều từng hỏi hê có được Lưu Triệt, tận hưởng những niềm vui mà chưa có người phụ nữ nào có được, dường như chỉ trong chớp mắt, màu vàng ngũ sắc được xây trong 10 năm nay đã tan tành theo mây khói. Trái tim của A Kiều dường như bị đâm một nhát kiếm, đang âm thầm rỉ từng giọt máu.

A Kiều chẳng buồn ăn uống lắng nghe tiếng nô đùa từ cung phòng truyền qua, càng khó ăn khó ngủ hơn. Ngày nào A Kiều cũng trông chờ, không biết bắt đầu từ khi nào, nàng đã không nhìn thấy Lưu Triệt, và cũng không biết lần gặp mặt cuối cùng là ngày nào tháng nào? A Kiều càng không nhớ bắt đầu từ khi nào, tâm cung này của hoàng hậu không có hình bóng của

Lưu Triệt, cô mãi mãi mong chờ, lắng nghe từng động tĩnh của cửa cung,
chờ đợi Lưu Triệt.

III. Cô độc Trường Môn cung

A Kiều cay đắng chịu đựng từng đêm từng đêm dài dằng dặc, mắt cũng đã đỏ lên, quầng mắt cũng thâm đi, mặt cũng trắng bệch ra, dung nhan cũng tiêu tụy hẳn đi. Lúc này, có một bà đồng tên là Sở Phục đến thăm cung của hoàng hậu. Sở Phục đương nhiên biết được tâm trạng của hoàng hậu, biết nỗi đau của hoàng hậu. Sở Phục dạy hoàng hậu thuật mê hoặc, niệm chú mỗi ngày, niệm chết những người đáng căm hận.

A Kiều thần trí hoảng hốt như người phụ nữ chìm trong nước đã lâu, phát hiện ra một ngọn cỏ thì phải ôm chặt không thể buông ra. A Kiều học được thuật chú này, nên giữ như châu ngọc. A Kiều coi trọng bà đồng Sở Phục, làm theo cách của Sở Phục, làm một người bằng vải, gọi người vải đó là Vệ Tử Phu, ngày nào cũng dùng kim châm vào hình nhân bằng vải đó.

Hoàng cung nhà Hán tuyệt đối cấm thuật bùa chú. Theo cách nói của đồng cốt, sau khi làm chú, thì người bị niệm chú sẽ chết. Hoàng hậu A Kiều làm thuật bùa chú trong thăm cung, niệm chú sủng phu Vệ Tử Phu của Lưu Triệt, những người được A Kiều yêu mến trong cung đã tố giác A Kiều.

Vũ Đế Lưu Triệt nổi giận đùng đùng, ra lệnh điều tra kỹ càng, kết quả điều tra quả đúng như sự thật. Lưu Triệt vốn rất sủng ái mỹ nữ Vệ Tử Phu, hơn nữa Vệ Tử Phu lại có 3 con gái và 1 con trai, Lưu Triệt đã có ý phế hậu từ lâu, nhưng không thể mở miệng. Nay có cái cớ hoàng hậu dùng bùa chú trong cung, Trần hoàng hậu A Kiều đương nhiên cũng khó mà thoát được.

Ngọc ấn của A Kiều hoàng hậu bị tước đi, hoàng hậu bị phế, đương nhiên phải dời sang cung khác. A Kiều đau khổ khôn cùng khi phải dời đến Trường Môn cung. Trường Môn cung rất vắng lặng, đâu đâu cũng là cỏ dại. Nước sơn của Trường Môn cung cũng đã bong tróc ra từng mảng, làm cho cảnh vật càng buồn bã thê lương hơn. A Kiều phải sống trong đó, ngày nào cũng nước mắt như mưa, nước mắt làm bạn với sự hoang tàn vắng vẻ.

Mặt trời chiếu sáng cả Trường Môn cung, màu chiều như máu như đang nuốt chửng cả Trường Môn cung, hoa cỏ cây cối trong Trường Môn cung dường như mất hết cả sức sống. Nước mắt của A Kiều cũng đã cạn. Sau một thời gian tu tỉnh, khát vọng sống của A Kiều lại trỗi dậy. Nàng không cam tâm rời khỏi Lưu Triệt như thế, nàng muốn thức tỉnh ký ức của Lưu Triệt, ôn lại giấc mơ xưa, làm lại một người phụ nữ dịu dàng chu đáo.

A Kiều biết Lưu Triệt rất thích đọc phú, nhất là phú của đại thủ bút Tư Mã Tương Như. Năm đó Lưu Triệt khen ngợi hết lời khi đọc “Thiên hư phú”, tiếc rằng văn thơ bay bổng như thế mà không thể tìm được tác giả, không được nhìn tác giả phong thái, thật sự phải ôm hận suốt đời! Người hầu nói với ông, tác giả của “Tử hư phú” vẫn đang còn sống, chính là thần dân của bộ hạ. Lưu Triệt lập tức triệu kiến, đó chính là Tư Mã Tương Như. Tư Mã Tương Như bèn ở lại kinh sư Trường An, phục vụ hoàng đế.

A Kiều và mẫu hậu của cô cùng nhau chuẩn bị trăm lượng vàng, mời đại tài tử Tư Mã Tương Như. A Kiều vừa khóc vừa kể nỗi khổ của mình cho Tư Mã Tương Như. Tư Mã Tương Như rung động bởi người phụ nữ si tình này, nên chấp bút đề ngay, viết nên một bài “Trường Môn phú” lưu truyền thiên cổ:

Phu hà nhất giai nhân hề, bộ tiêu diêu dĩ tự ngu.

Hồn du thất dĩ bất phản hề, hình khô cảo dĩ độc cư.

Ngôn ngộ triều vãng dĩ mục lại hề, ẩm thực lạc dĩ vong nhân.

Tâm khiêm di dĩ bất sáng cố hề, giao đắc ý dĩ tương thân.

... ..

Một bức tranh oán phụ tư phu đầy nước mắt. Vũ Đế Lưu Triệt đọc xong bài phú này, khen ngợi hết lời. Nhưng Lưu Triệt chỉ là bảo bài phú này rất hay, chứ không bị rung động bởi người oán phụ mong tình trong bài phú này. Lưu Triệt vẫn lạnh nhạt tại Trường Môn cung, không nhớ đến A Kiều, không hồi tâm chuyển ý. A Kiều trông mòn con mắt, lòng như chết đi.

Sự si tình của oán phụ Trường Môn không đánh động đến trái tim anh hùng của Lưu Triệt, nhưng lại làm cảm động cả một đời lại một đời văn nhân. Các văn nhân mài mực chấp bút, ru tình ngâm vịnh, sáng tác ra rất nhiều điển cố. Từ đó về sau, “chuyện Trường Môn”, “khóc Trường Môn”, “đóng Trường Môn”, “cách Trường Môn” đều trở thành danh từ đại diện cho việc thất sủng, mất vui. Còn thiên kim mại phú, hoàng kim mại phú (ngàn vàng mua bài phú) cũng trở thành điển cố được người đời khen ngợi tài năng, tác phẩm của văn nhân.

Chương IV

Hoàng hậu thứ hai của Hán Vũ Đế

I. Nghề ca kỹ

Vệ Tử Phu là hoàng hậu nổi tiếng đời nhà Hán, nàng chinh phục Hán Vũ Đế Lưu Triệt tài giỏi không ai sánh bằng, bằng giọng hát và vẻ đẹp của mình, từ đó thay chỗ của Trần hoàng hậu A Kiêu, trở thành hoàng hậu thứ hai của Lưu Triệt. Vệ Tử Phu đạt được thành công với vai trò là một phụ nữ.

Vệ Tử Phu xinh đẹp xuất thân nghèo hèn, thân thế cũng rất long đong lận đận. Mẹ của Vệ Tử Phu là Vệ Ôn, một phụ nữ xinh đẹp đa tình. Vệ Ôn phục vụ trong Bình Dương phủ của anh rể Tào Thạo của hoàng đế Lưu Triệt, là một thê thiếp trong nhà họ Tào. Vệ Ôn vốn rất đa tình, không hài lòng với việc hưởng thụ một người đàn ông, nên thường thông gian với người ngoài.

Vệ Ôn quan hệ với rất nhiều đàn ông, kết quả, không biết cha ruột của những đứa trẻ là ai, Vệ Ôn bèn kiên quyết để con theo họ của mình. Vệ Ôn thông gian lần lượt sinh được 1 con trai và 3 con gái. Sau này, Vệ Ôn ở tại nhà Bình Dương hầu Tào Thạo, lại thông gian với Trịnh Lý làm việc trong phủ, mang thai rồi sinh ra một đứa con trai.

Vệ Ôn lần lượt sinh ra 6 đứa con: 3 trai, 3 gái. Con trai trưởng tên Vệ Trường Quân, con trai thứ hai tên Vệ Thanh, con trai thứ ba tên Vệ Bộ; con gái cả tên Vệ Quân Nho, con gái thứ hai tên Vệ Thiếu Nhi, con gái thứ ba là Vệ Tử Phu. Xem ra khả năng sinh sản của người phụ nữ xinh đẹp Vệ Ôn này rất mạnh, sau này Vệ Tử Phu liên tục mang thai trong cung, chắc là được kế thừa từ người mẹ Vệ Ôn của mình.

Vệ Ôn tuy là một thê thiếp, thông gian với rất nhiều đàn ông, sinh ra một đám trẻ, nhưng những đứa trẻ này đều thành danh tài giỏi khi trưởng thành. Trong số 3 người con trai, Vệ Thanh là người nổi tiếng nhất, lưu danh trong

lịch sử, trở thành anh hùng dân tộc chống Hung Nô, bảo vệ biên cương rộng lớn của vương triều nhà Hán.

3 người con gái của Vệ Ôn, người sau giỏi hơn người trước. Con gái trưởng Vệ Quân Nho được gả cho Công Tôn Hạ, Công Tôn Hạ là người Hồ, phong lưu khảng khái, nổi tiếng khắp nơi. Con gái thứ hai Vệ Thiếu Nhi rất xinh đẹp yếu điệu, giống mẹ Vệ Ôn nhất, thường thông gian vụng trộm với đàn ông. Vệ Thiếu Nhi thông gian với Hoắc Trung Nho đầu tiên, thông gian trong thời gian dài, kết quả sinh ra một đứa con trai, lấy tên là Hoắc Khứ Bệnh – đó chính là một anh hùng dân tộc của vương triều nhà Hán làm cho Hung Nô khiếp sợ vỡ mật khi nghe tên, và được thế hệ ngày sau kính nể.

Sau khi sinh ra Hoắc Khứ Bệnh, Vệ Thiếu Nhi dần dần chán Hoắc Trung Nho, tình cảm chuyển sang chàng trai trẻ tuấn tú Trần Chương. Trần Chương là cháu của thừa tướng Trần Bình, bá quan làm việc, tiền đồ vô cùng. Vệ Thiếu Nhi tỏ ra mến Trần Chương, không làm thì thôi, đã làm thì làm đến cùng, công khai sống chung với Trần Chương. Vệ Thiếu Nhi cũng là một phụ nữ dám nghĩ dám làm.

So với hai người chị Vệ Quân Nho, Vệ Thiếu Nhi, con gái thứ ba Vệ Tử Phu càng đẹp mê hồn hơn. Vệ Tử Phu không được sự giáo dục tốt, nhưng lại được trời phú cho giọng hát tuyệt hay, Vệ Tử Phu được đưa đến phủ Bình Dương hầu Tào Tháo học ca hát từ khi còn rất nhỏ. Vệ Tử Phu nhỏ nhắn xinh xắn, có cả sắc lẫn tài nên rất được công chúa Bình Dương yêu mến, cho nàng hầu hạ bên cạnh.

II. Vào cung

Vũ Đế Lưu Triệt cô độc một mình ra ngoài lang thang. Chẳng biết làm thế nào mà đi đến nhà của chị mình là công chúa Bình Dương, công chúa Bình Dương hết sức vui mừng, lập tức bày yến tiệc chiêu đãi hoàng đế em trai của mình. Lưu Triệt ngồi trong đó, từ từ nhắm nháp rượu. Những mỹ nữ ăn mặc đẹp mà Bình Dương công chúa tìm kiếm cho em trai lần lượt đi ra, không ngờ Lưu Triệt chỉ lắc đầu.

Công chúa Bình Dương tiếp tục rót rượu cho Lưu Triệt, không hề hoang mang, dặn dò để ca nữ Vệ Tử Phu ra hiến một bài. Vệ Tử Phu từ rèm bước ra, giống hệt như một vàng thái dương, làm ai cũng phải ngấm nhìn. Lưu Triệt mỉm cười, ngồi thừ tại đó, không nói một lời nào cả!

Vệ Tử Phu quả thật đẹp! Dưới đôi lông mày cong cong, đôi mắt to long lanh, như biết nói chuyện vậy. Một mái tóc đen tuyền cột thành hai cái bím, bay bay trong gió. Một gương mặt mịn màng trắng trẻo, chiếc mũi nhỏ thon cao, cộng thêm chiếc môi nho nhỏ như hoa đào, rất ngọt ngào.

Vệ Tử Phu nhỏ nhắn, thật hợp với khẩu vị của người thích chinh phục tứ hải như Lưu Triệt. Vẻ đẹp vô cùng của Vệ Tử Phu cộng với giọng hát tuyệt vời, tiếng hát trong trẻo, làm rung động cả lòng người. Vệ Tử Phu vừa hát vừa liếc mắt đưa tình. Lưu Triệt nghe như say như si, một đôi mắt nhìn trân trân vào Vệ Tử Phu, như mất đi cả hồn.

Vũ Đế Lưu Triệt cô đơn đã quá lâu, lúc này lại không thể không chế nổi mình, đứng dậy, muốn đến phòng khác thay áo, chỉ tên Vệ Tử Phu hầu hạ. Vệ Tử Phu đương nhiên rất vui vẻ nhận lời, đồng thời, cũng rất sợ hãi. Đường đường một thiên tử ở trên cao như thế, chỉ có thể đứng nhìn từ xa chứ không dám đến gần, ngày nào cũng mong được gặp hoàng thượng, nay được gặp rồi, còn phải thay áo cho ngài, đó chẳng phải chỉ có trong mơ thôi sao?

Vệ Tử Phu thấy mơ mơ hồ hồ, đi theo Lưu Triệt vào phòng khác. Vẫn chưa rõ chuyện gì đang xảy ra, thì Lưu Triệt bước đến. Và đã chiếm hữu nàng ngay trong căn phòng thay áo tời tàn đó.

Sau chuyện đó, Lưu Triệt mặc lại quần áo, lại nhập tiệc. Lưu Triệt đang tuổi xuân phơi phới thấy rất hài lòng thoải mái, dặn dò thưởng cho chị Bình Dương công chúa của mình 1 ngàn cân vàng. Sau khi cảm ơn, Bình Dương công chúa nghĩ ra một chủ ý: Nếu hoàng thượng đã không tiếc một ngàn cân vàng chỉ vì một phút vui chơi, thì nhất định là người đẹp này đã làm rung động hoàng đế em trai mình, tại sao mình lại không tặng một lễ cho người, đưa người con gái đẹp người xấu nét này vào trong cung!

Bình Dương công chúa bày tỏ ý này với hoàng đế, Lưu Triệt đương nhiên rất vui mừng, lại trọng thưởng cho công chúa. Ngày hôm sau, công chúa Bình Dương bèn trang điểm cho Vệ Tử Phu, tặng nàng nhiều quần áo đẹp, đưa Vệ Tử Phu tiến cung như đang gả con gái cho nhà quyền quý. Trước khi đi, Bình Dương công chúa còn chân thành dặn dò rằng: Đi đi, nhớ bảo trọng, sau này vinh hoa phú quý rồi, đừng quên ta. Vệ Tử Phu hết sức cảm kích khóc lóc từ biệt công chúa Bình Dương, ôm giấc mơ đẹp tiến vào tẩm cung sâu thăm thẳm.

Vệ Tử Phu bất giác thấy tim đập thành thịch khi nghĩ lại hành động điên cuồng của hoàng đế Lưu Triệt lúc ấy, tiến cung rồi, hoàng thượng có còn như ngày đó không? Vệ Tử Phu ôm sự thẹn thùng đó đi vào hoàng cung, mong lại giây phút kích động đó. Tuy nhiên, tiến vào thâm cung, tuy ngày nào cũng được ăn uống đầy đủ, nhưng giây phút kích động đó lại không hề xuất hiện lại, ngay cả bóng dáng của hoàng thượng cũng chẳng thấy.

Vệ Tử Phu vẫn chờ đợi trong từng đêm từng đêm dài đằng đẵng, trái tim cũng nguội dần đi. Vệ Tử Phu hiểu rõ, hoàng cung là một nơi khác, người đẹp quá nhiều, hoàng thượng còn nghĩ đến mình sao? Bản thân mình chẳng qua chỉ là một trong số những người đẹp được hoàng thượng yêu mến, hoàng thượng chẳng qua chỉ là gặp dịp thì chơi, gặp sắc đẹp thì cần vậy

thôi, chứ chẳng hề có gì đặc biệt với mình. Vệ Tử Phu chờ đợi hoàng đế Lưu Triệt trong sự đau khổ, cô độc, bi thương và thất vọng, hơn một năm đã trôi qua, thế mà chẳng được gặp Lưu Triệt.

Vệ Tử Phu nước mắt đầm đìa, bị dày vò bởi nỗi đau bị lạnh nhạt và thất vọng. Tuy nhiên, nỗi đau khổ lớn hơn là hoàng đế Lưu Triệt cảm thấy người đẹp trong cung thật sự quá nhiều, bèn ra lệnh cho một phần cung nữ xuất cung. Hoàng đế hạ chiếu cho cung nữ ra khỏi cung, vốn là một đại đức của hoàng đế. Để những cô gái đã ở lâu trong cung mà không được hoàng đế sủng hạnh được xuất cung lấy chồng khi tuổi xuân vẫn còn, đó cũng là điều mà các cô gái này hằng mong.

Tuy nhiên, đối với Vệ Tử Phu tuyệt đẹp lại từng được hoàng đế sủng hạnh, đó lại là kết quả đáng thương của hơn 400 ngày đêm chờ đợi, đó chẳng phải là quá tàn nhẫn đó sao. Vệ Tử Phu nghe được tin này, dường như chẳng dám tin, bản thân tràn trề hy vọng khi bước vào cung, cuối cùng lại có kết cục như thế sao? Như thế là đã kết thúc sao?

III. Giữa cái họa và cái phúc

Dù có đau lòng, buồn khổ đến đâu, thì Vệ Tử Phu cũng phải đối mặt với sự thật tàn nhẫn này: nàng bị liệt vào danh sách ra khỏi cung. Vệ Tử Phu than số mệnh mình không tốt, vừa thu dọn hành trang, vừa cúi đầu rơi lệ. Vệ Tử Phu nước mắt đầm đìa khó khăn lắm mới bước từng bước ra khỏi cung phòng mà mình đã sống hơn 400 ngày đêm, đến cửa, nàng còn không cam tâm quay đầu lại nhìn.

Vĩnh biệt rồi, cung phòng ấm cúng thoải mái, ngói xanh tường đỏ có một không hai này. Điều làm cho Vệ Tử Phu lưu luyến nhất là sự vắng lặng của khu vườn, những đoá hoa đình hương trong khu vườn tĩnh lặng, và cả những khung cửa sổ có hoa văn xanh đỏ ngang dọc, và những bức tranh nhiều màu tuyệt đẹp, những đoá hoa xuân tươi đẹp và những chú ve sầu.

Vệ Tử Phu bước đến quảng trường rộng lớn với tâm trạng hỗn loạn. Ngẩng đầu nhìn lên, một mảng màu đen tuyền, đều là những cô gái có mái tóc đen mượt như mực, ai ai cũng có đôi lông mi tuyệt đẹp cùng với đôi mắt long lanh. Lúc này Vệ Tử Phu mới hiểu ra, đó đều là những cô gái có số phận giống mình, đều ngỡ rằng mình là tuyệt sắc giai nhân, sẽ được sự ưu ái của hoàng thượng, không ngờ đều là hồng nhan khổ mệnh. Một trái tim đau khổ của Vệ Tử Phu dường như thấy dễ chịu hơn.

Vệ Tử Phu ngẩng đầu lên, phát hiện trước mặt mình là một người đàn ông anh vũ ngồi uy nghiêm trên bệ rồng, đó chẳng phải là Lưu Triệt điên cuồng chiếm hữu mình vào hôm đó đấy sao? Vệ Tử Phu ngăn người ra một lát, suy đi nghĩ lại, không cảm được nước mắt tuôn rơi. Vệ Tử Phu là mỹ nữ tuyệt sắc đó, nổi trội hơn hẳn trong số những cô gái đó. Vệ Tử Phu chỉ thoáng thấy Lưu Triệt, Lưu Triệt dường như cũng cảm giác được một điều gì đó, phát hiện ra Vệ Tử Phu, rồi nhìn thấy gương mặt đầm lệ đáng thương

của Vệ Tử Phu, càng rung động lòng người hơn, trái tim anh hùng không gì cản nổi bất ngờ bị ngắt ngảy đi.

Lần này Vũ Đế Lưu Triệt từ biệt các cô gái được ra khỏi cung là theo nghi thức, trên thực tế là lần kiểm tra cuối cùng, xem có giai nhân có điểm hay nào bị thả ra ngoài hay không. Không ngờ lại phát hiện được mỹ nữ tuyệt thế này. Lưu Triệt bước đến, nhìn rõ Vệ Tử Phu, giờ đây mới nhớ ra, đó chẳng phải là mỹ nữ có giọng hát làm rung động lòng người tại phủ công chúa Bình Dương đó sao?

Vệ Tử Phu nhìn thấy Lưu Triệt đi về phía mình, tỏ ra rất xúc động, ánh mắt lộ vẻ vui mừng và ngượng ngùng. Vệ Tử Phu dần dần không đứng nổi nữa, khụy xuống từ từ như chiếc lá mùa thu rời khỏi cành. Lưu Triệt nhanh chóng chạy gần đến, đỡ Vệ Tử Phu yếu đuối yếu kiều, sau đó im lặng dìu nàng đi về cung phòng hoa lệ đường hoàng.

Tấm rèm lụa xinh đẹp lật phất trước gió, tấm trướng nặng nề cũng tỏa ra ánh sáng ngũ sắc. Bên trong tấm trướng, chính là chiếc giường hoan hỉ được phủ bởi chiếc mền nhung. Vệ Tử Phu tắm xong với một mùi hương ngọt ngào đi vào tấm cung hoa lệ này.

Hai người yêu nhau trong căn phòng màu sắc rực rỡ này đương nhiên càng làm cho Lưu Triệt say đắm hơn, hướng hồ chi cô gái tuyệt sắc có mái tóc đẹp như thế, da dẻ mịn màng đến thế, dịu dàng tình cảm như thế! Lưu Triệt cảm nhận được một niềm vui chưa từng có, cảm giác thư thái ngây dại chạy khắp toàn thân. Từ đó về sau, Lưu Triệt càng say đắm mỹ sắc của Vệ Tử Phu hơn, ngày đêm đắm chìm trong đó. Vệ Tử Phu cũng chiếm hết ân sủng của hoàng đế, hạnh phúc nhất hậu cung.

Sau bao nhiêu ngày đêm ân ái mặn nồng và cháy bỏng như lửa, không lâu sau Vệ Tử Phu phát hiện đang diễn ra một sự thay đổi: nàng đã tắt kinh. Tiếp đó, Vệ Tử Phu kinh ngạc phát hiện: nàng đã mang cốt nhục của hoàng thượng! Vệ Tử Phu vui mừng khôn xiết, không kiềm được bật khóc ngay tại cung phòng. Đúng vậy, đúng là vận mệnh đang trêu đùa với nàng: tại yển

tiệc trong phủ Bình Dương công chúa, gặp được hoàng đế uy phục bốn phương mà chẳng ai ngờ mình sẽ có cơ may đó; gặp được hoàng đế rồi tưởng rằng sẽ không được hoàng đế chú ý nhưng bất ngờ lại được hoàng đế chọn trong số rất nhiều chị em, rồi lại được một lần ân ái điên cuồng trong phòng thay áo; vốn nghĩ rằng lần vào hậu cung này sẽ được hoàng đế ân ái ngày đêm, nhưng vừa vào đến thâm cung đã bị lạnh lòng hết 1 năm; vốn đau lòng cực độ khi có tên trong danh sách ra khỏi cung, không còn hy vọng gì nữa, nhưng may mà được gặp hoàng thượng trước khi rời khỏi cung; được hoàng thượng hết sức sủng ái, không ngờ lại được mang thai ròng, nên biết rằng, hoàng hậu vẫn luôn muốn được mang thai nhưng rốt cuộc cũng không mang thai được!

Vệ Tử Phu vui buồn lẫn lộn cuối cùng cũng sinh ra một đứa trẻ sau 10 tháng chờ đợi mỏi mòn. Tiếng khóc non nớt của đứa trẻ đã phá vỡ giấc mộng đẹp của Vệ Tử Phu: đó là con gái, không phải là con trai. Điều an ủi nàng duy nhất là, con gái rất xinh. Vệ Tử Phu cũng nhìn thấy một giấc mơ đẹp khác từ giấc mơ bị tan vỡ này: nếu sinh được con gái, thì chứng tỏ khả năng sinh sản của nàng rất tốt, rất dễ mang thai, cứ sinh liên tục, thì không sợ không sinh được con trai!

IV. Tầm cung hiểm ác

Vệ Tử Phu đắc sủng vì có sắc đẹp, lại mang thai, điều này đương nhiên trở thành sự uy hiếp nghiêm trọng đối với hoàng hậu A Kiêu đã lâu mà vẫn không mang thai, đúng là họa vô đơn chí khi tình cảm của hoàng thượng dành cho mình giảm dần đi. Sau khi Vệ Tử Phu mang thai, Lưu Triệt hạ chỉ để Vệ Tử Phu dời vào cung Kiến Chương. Cung Kiến Chương hoa lệ, thoải mái, rất gần nơi của Lưu Triệt, tất cả những gì cần có trong sinh hoạt đều có đủ, Vệ Tử Phu cảm thấy rất thoải mái, hài lòng.

Người anh thứ ba Vệ Thanh cũng được thăng chức làm hộ vệ cung Kiến Chương nhờ Vệ Tử Phu đắc sủng. Mẫu thân của Trần hoàng hậu Quán Đào trưởng công chúa được biết Vệ Tử Phu mang thai, bèn trút giận lên Vệ Thanh: trưởng công chúa hạ lệnh cho bắt Vệ Thanh, giam vào trong lao, chuẩn bị giết Vệ Thanh để trút giận. Bạn thân của Vệ Thanh, Kỳ Lang Công Tôn Ngao, dẫn theo vài vệ sĩ cung đình hàng ngày rất thân với Vệ Thanh đi cứu Vệ Thanh ra. Vệ Thanh thoát chết.

Vệ Tử Phu rất tức giận khi được báo, bèn khóc lóc kể hết tất cả những chuyện đó với Lưu Triệt và hy vọng Lưu Triệt nghĩ cách để nàng và anh em nàng thoát khỏi cảnh nguy khốn khi Lưu Triệt đến thăm và hoan lạc với nàng. Lưu Triệt lập tức triệu kiến Vệ Thanh, phong Vệ Thanh lên làm tổng quản cung Kiến Chương. Vệ Thanh vốn là người rất khỏe mạnh tráng kiện, võ nghệ bất phàm, thăng chức tổng quản tay nắm binh quyền, lại càng oai phong lẫm liệt hơn. Có Vệ Thanh bảo vệ cung Kiến Chương, ai dám kiêu có gây chuyện với Vệ Thanh? Càng không có ai dám xâm phạm chủ nhân của cung Kiến Chương, Vệ Tử Phu.

Vệ Thanh làm tốt chức trách của mình nên trở thành tâm phúc thân cận của Vũ Đế Lưu Triệt. Tiếp đó, Lưu Triệt lần lượt giao những chức trách quan trọng cho anh chị em của Vệ Tử Phu: 3 chị em Vệ Tử Phu, chị cả Vệ

Quân Nho gả cho Công Tôn Hạ, Công Tôn Hạ người Hồ nhậm chức thái phó; chị thứ hai Vệ Thiếu Nhi được tái giá cho cháu của Trần Bình là Trần Chương, và giao chức trách quan trọng trong cung. Vệ Thanh được thăng làm Đại Trung đại phu.

Năm 129 trước Công Nguyên, Vũ Đế Lưu Triệt phong Vệ Thanh làm tướng quân. Đó là năm thứ 12 sau khi Vũ Đế kế vị. Vũ Đế cảm thấy, trải qua hơn một trăm năm tích lũy, vương triều nhà Hán đã có đủ tài lực và binh lực đủ mạnh để đối phó với Hung Nô. Vũ Đế cho Vệ Thanh thống lĩnh một vạn quân tinh nhuệ, xuất quân đánh Hung Nô. Vệ Thanh tung hoành trên biên giới phía bắc, chém hơn 700 tên Hung Nô, giành được trận thắng lớn đầu tiên của triều đình nhà Hán. Vũ Đế rất vui mừng, phân bố chiếu thư, phong Vệ Thanh làm Quan Nội hầu.

Từ đó về sau, trong vòng 10 năm dài, Vệ Thanh uy vũ lần lượt dẫn tinh binh bắc phạt 10 lần. Hoắc Khứ Bệnh mà Vệ Thiếu Nhi sinh cho Hoắc Trung Nho trước khi được tái giá với Trần Chương cũng là cháu gọi bằng cậu của Vệ Thanh, năm 18 tuổi đã theo Vệ Thanh xuất chinh 5 lần, đồng thời được khen ngợi vì chiến đấu dũng mãnh. Hoắc Khứ Bệnh từng dẫn 800 binh mã, xông thẳng vào quân Hung Nô, chém được hơn 2000 người Hung Nô. Sau khi Lưu Triệt được báo, vui mừng khôn xiết, hạ chiếu thư phong Hoắc Khứ Bệnh làm Quán Quân hầu sau khi hưởng lạc với Vệ Tử Phu.

V. Vệ Thanh và Bình Dương công chúa

Vệ Tử Phu phát lên từ nhà của Bình Dương công chúa, chị của Vũ Đế. Ban đầu Vệ Thanh chẳng qua cũng chỉ là tùy tùng của Bình Dương công chúa, do Vệ Tử Phu đặc sủng, nên được giao cho chức trách quan trọng. Vệ Thanh tài hoa xuất chúng, đánh đâu thắng đó, phong quan bá tước, cuối cùng được thưởng Trưởng Bình hầu, phong đại tướng quân, trở thành nhân vật tôn quý nhất trong quan võ của triều đình. Bình Dương công chúa vẫn luôn không hài lòng với trượng phu của mình là Bình Dương hầu Tào Thộ, điều quan trọng nhất là sức khỏe Tào Thộ rất yếu, không thể làm hài lòng công chúa Bình Dương. Công chúa Bình Dương bèn mượn đó làm cớ, từ bỏ Tào Thộ. Chị của hoàng đế muốn thôi hôn, ai dám nói chữ không?

Bình Dương công chúa thôi hôn, nhưng quyết không sống một mình. Vậy thì, tái giá ai đây? Công chúa Bình Dương không phải là người phụ nữ bình thường. Người phụ nữ bình thường nếu ly hôn rồi tái giá, thường không có cơ hội lựa chọn, nếu được người khác chịu là được. Nhưng Bình Dương công chúa là chị của hoàng đế, văn võ trong triều đương nhiên tùy nàng chọn, hơn nữa phải chọn người trẻ tuổi cường tráng và có địa vị cao quý được tôn trọng trong triều.

Điều kiện của Bình Dương công chúa là: địa vị cao, có tiếng hiền, được phong hầu tước. Bình Dương công chúa hỏi tâm phúc hầu cận, ai là người thích hợp nhất? Người hầu cận không hèn mà đồng thanh nói: Đại tướng quân Vệ Thanh. Họ cho rằng Vệ Thanh thể chất tráng kiện, đang tuổi sung mãn, được phong hầu tước, quan chức đại tướng quân, võ công cao cường, rục rờ sử sách, đó đều là những điểm không ai sánh bằng. Nghe xong Bình Dương công chúa phá lên cười: Vệ Thanh là tùy tùng năm nào của ta, chọn anh ta làm phò mã, chẳng phải đã hạ thấp mình rồi sao?

Tâm phúc thân cận lần lượt lắc đầu, cho rằng không phải thế, lúc này, giờ này đã không là như thế. Họ nói, khoan nói về võ công Vệ Thanh cao cường, sức khỏe tráng kiện, bá quan phong hầu, chỉ tính hai điều đơn giản này thôi: một là trẻ tuổi như thế mà được làm đại tướng quân thứ nhất trong quan võ; hai là anh ta là em ruột của đương kim hoàng hậu Vệ Tử Phu. Chỉ hai điều đó thôi, cũng xứng với tất cả công chúa quý phái nhất trong thiên hạ. Bình Dương công chúa tuy còn phản đối nhưng trong lòng lại rất ưng ý, hơn nữa so với tất cả hầu tước trong triều, đích thật chỉ có Vệ Thanh là số một. Thế là Bình Dương công chúa bèn tỏ ý này với Vệ Tử Phu vẫn mong được báo ân cho mình, Vệ Tử Phu đương nhiên hết đời vui mừng: em trai của mình được lấy chị của hoàng thượng, thân lại càng thân, địa vị trong cung tuyệt đối ổn định. Hoàng hậu Vệ Tử Phu bèn báo tin tốt đẹp này với Lưu Triệt, Lưu Triệt đích thân làm mai, tác thành cho cuộc hôn nhân này.

VI. Bước vào hậu cung

Năm Vũ Đế thứ 13, sau khi Vệ Tử Phu lần lượt sinh 3 đứa con gái, cuối cùng cũng sinh được một đứa con trai, lấy tên Lưu Cứ. Năm đó, Lưu Triệt 29 tuổi. Vệ Tử Phu thay thế Trần hoàng hậu, trở thành hoàng hậu cai quản 6 cung, con trai Lưu Cứ được sắc lập làm thái tử khi 6 tuổi. Thái tử thông minh dễ thương, rất thích đọc sách. Vũ Đế Lưu Triệt rất yêu thích con trai, cố ý dặn dò rằng, xây một nơi gọi là Bác Vọng Uyển trong cung thái tử để thái tử học tập, quảng nạp văn sĩ.

VII. Vụ án oan lớn thứ nhất trong thâm cung (phần 1)

Trong thâm cung nhiều đời của Trung Quốc có rất nhiều rất nhiều án oan đếm không xuể, do cung thất quá sâu, rất nhiều án oan trôi theo dòng thời gian, không ai biết đến. Nhưng, có hai vụ án oan lớn nhất được ghi chép trong sử sách, khiến cho hai vị hoàng hậu chết trong oan ức, sự phức tạp và rùng rợn của nó thật sự hiếm chưa từng có, làm người đời phải thổ dài não ruột. Hai vụ án oan lớn đó chính là vụ án “Vu cổ” cung nhà Hán và án “Thập hương từ” cung nhà Nguyên.

Người tạo ra vụ án “Vu cổ” nhà Hán chính là Vũ Đế Lưu Triệt, nguồn gốc có 2 mặt: một là do Vũ Đế Lưu Triệt tham sắc đa tình; hai là do Vũ Đế Lưu Triệt đa nghi, hay tin lời kẻ tiểu nhân. Người đầu tiên gây ra và sắp đặt vụ án này chính là tâm phúc của Vũ Đế Lưu Triệt, nịnh thần Giang Sung. Sở dĩ Giang Sung dám to gan vu không hãm hại thái tử, bức hoàng hậu phải tự sát, là do bình thường thái tử không đối phó với hạng người tiểu nhân như Giang Sung. Giang Sung biết rõ, một khi hoàng thượng qua đời, thái tử sẽ lên ngôi, không thể tha cho mình. Cho nên, Giang Sung bí mật lập kế hoạch, rồi chế tạo thành công vụ án oan này.

Vũ Đế Lưu Triệt độc sủng ca kỹ Vệ Tử Phu, đồng thời đưa Vệ Tử Phu xuất thân hèn kém lên ngôi vị hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, hành động này làm cho thiên hạ thấy lạ. Thật ra, điều này một mặt quyết định bởi sự háo sắc của Vũ Đế Lưu Triệt, mặt khác là do chế độ lễ pháp của nhà Hán chưa đủ hoàn chỉnh, cuộc sống con người khá tùy tiện, trong lòng cũng thấy thoải mái.

Mẫu thân của Vũ Đế Lưu Triệt Vương thị cũng chính là Vương hoàng hậu của Cảnh Đế Lưu Khải. Mẫu thân của Vương hoàng hậu tên Tàng Nhi,

là thê tử của một người dân bình thường Vương Trung. Vương Trung và Tàng Nhi sống cuộc sống yên bình, tĩnh lặng, ngày ngày bôn ba vì miếng ăn cái mặc, ban đêm lại có thú vui vợ chồng. Tàng Nhi sinh cho Vương Trung hai con gái, con gái lớn chính là Vương hoàng hậu sau này.

Vương thị xuất thân bình dân sao lại được tiến cung? Thật ra, Vương thị cũng sống cuộc sống bình thường của nàng dân nữ. Vương thị trưởng thành, có vóc dáng thanh mảnh, dung mạo rất đẹp, lại rất đầy đặn. Đến tuổi lấy chồng, Vương thị được gả cho Kim Vương Tôn làm thê tử. Kim Vương Tôn rất mực yêu thương người phụ nữ dễ thương này, Vương thị sinh cho Kim Vương Tôn một con gái.

Tàng Nhi không cam chịu sự cô độc, cũng không muốn con gái xinh đẹp của mình sống một cuộc đời như mình. Tàng Nhi bèn đi coi một quẻ bói cho con gái, quẻ nói cô gái này là người đại quý. Tàng Nhi đã không làm thì thôi, đã làm thì làm đến cùng, dẫn người đi cướp con gái Vương thị về nhà, buộc Kim Vương Tôn phải ly dị với Vương thị, đồng thời để con gái của Vương thị ở nhà họ Vương, chỉ để Kim Vương Tôn về nhà một mình. Kim Vương Tôn nổi giận đùng đùng, kiên quyết không đồng ý.

Tàng Nhi bị Kim Vương Tôn tranh chấp không lại, dứt khoát đưa con gái Vương thị vào hoàng cung, trực tiếp đưa vào Đông cung hầu hạ thái tử Lưu Khải. Thái tử Lưu Khải bị mê hoặc bởi vẻ đẹp và phong thái của Vương thị, chìm đắm trong tử sắc, không thể tự thoát ra được. Sau khi Văn Đế tạ thế, thái tử Lưu Khải kế ngôi, thành Hán Cảnh Đế, do đó Vương thị được sắc phong làm hoàng hậu, cai quản lục cung.

Vương hoàng hậu lần lượt sinh cho Cảnh Đế 3 con gái và một con trai, con gái lớn chính là Bình Dương công chúa, con trai là Lưu Triệt. Bình Dương công chúa là chị ruột của Lưu Triệt, Lưu Triệt là đứa con trai thứ 9 trong số những người con trai của Cảnh Đế, nhưng, Lưu Triệt lại do hoàng hậu sinh, là đích xuất.

Mẫu thân của Vương hoàng hậu Tàng Nhi là người phụ nữ rất tài giỏi, bà không chỉ cướp hôn đưa con gái vào cung để rồi vượt trội hơn người, đồng thời, bản thân bà cũng từ giã cuộc sống bình dân với Vương Trung, cải giá cho Điền gia địa vị cao quý, đồng thời sinh ra Điền Phần, Điền Thắng. Sau khi Lưu Triệt kế vị hoàng đế, tôn Vương thị làm hoàng thái hậu, tôn mẫu thân của Vương thái hậu Tàng Nhi làm Bình Nguyên quân, đồng thời phong Điền Phần làm Võ An hầu, Điền Thắng làm Châu Dương hầu.

Lưu Triệt là hoàng đế háo sắc đa tình. Lưu Triệt háo nữ sắc, và cũng mê nam sắc, một trong những người nam được ông sủng ái chính là Hàn Yên. Hàn Yên như hoa như ngọc, thông minh lanh lợi. Sở dĩ Hàn Yên được sự sủng ái lâu dài của Vũ Đế Lưu Triệt là vì thường làm thỏa đáng những việc mà Vũ Đế Lưu Triệt nghĩ không chu đáo.

Vương hoàng hậu rời khỏi bình dân Kim Vương Tôn, vào cung thái tử, cao thăng từng bước, cuối cùng được làm hoàng hậu. Vương hoàng hậu có thân phận, địa vị như thế đương nhiên không muốn nhắc lại chồng cũ Kim Vương Tôn, bà càng không muốn nhắc đến con gái của bà với Kim Vương Tôn, cảm thấy đó là sự sỉ nhục của mình, là một câu chuyện không tốt đẹp cho lắm.

Nhưng Hàn Yên lại nói hết tất cả mọi chuyện với Vũ Đế Lưu Triệt. Hàn Yên biết, con gái lớn của Vương thái hậu tức chị cùng mẹ khác cha của Vũ Đế Lưu Triệt vẫn sống cuộc sống bình dân yên ổn tại thành phố nhỏ Trường Lăng, mà không ai biết đến. Hàn Yên bèn kể bí mật này cho Vũ Đế Lưu Triệt nghe. Vũ Đế Lưu Triệt mới biết thái hậu còn có một con gái như thế, sống trong nhân gian, cuộc sống bình dân, hơn nữa còn rất cực khổ, nàng ấy là chị của mình.

Vũ Đế Lưu Triệt cho khởi giá, đến thị trấn Trường Lăng thăm chị mình. Thị trấn Trường Lăng nhỏ bé làm gì mà thấy được bóng dáng của hoàng đế? Uy nghiêm của Vũ Đế dường như làm quan viên ở Trường Lăng sợ

chết khiếp. Nhưng Vũ Đế Lưu Triệt hoàn toàn không quan tâm đến quan viên, mà trực tiếp đi thăm chị mình.

Ngự giá của hoàng đế đến nơi, bình dân ai không sợ vỡ mật? Người trong nhà không biết nội tình, cứ ngỡ rằng đã phạm tội gì, hoang mang chạy trốn. Cận vệ của Lưu Triệt tìm được chị của Lưu Triệt, dìu nàng ấy ra ngoài, bái kiến Lưu Triệt. Lưu Triệt xuống xe, dìu chị mình đứng dậy, nhìn nét mặt trắng bệch của chị mình mà áy náy nói rằng: đại tì vẫn luôn sống ở đây, ta không biết, nếu không, trăm đã rước chị vào cung từ lâu.

Vũ Đế Lưu Triệt dẫn chị mình trở về hoàng cung, để nàng sống trong cung Trường Lạc, sau đó báo cho Vương thái hậu. Thái hậu được tin, quá đổi vui mừng, một trái tim nhung nhớ cuối cùng cũng có được kết quả. Mẹ con gặp mặt, nước mắt như mưa, ôm nhau khóc suốt. Vũ Đế Lưu Triệt cảm thấy đó là chuyện vui lớn trong cung, nên hạ chỉ tổ chức tiệc mừng, thưởng cho chị 1000 vạn tiền, nô tì 300 đứa, ruộng đất 100 mẫu, nhà thượng lưu một khu, hiệu Tu Thành Quân.

Vũ Đế Lưu Triệt tài giỏi mưu lược dám làm dám chịu, không kiêng kỵ điều gì, không hề giấu giếm tình cảm của mình. Lưu Triệt vẫn sủng ái Vệ Tử Phu nhan sắc mặn nồng, lập làm hoàng hậu, cai quản hậu cung. Nhưng, vào tuổi trung niên, nhan sắc của Vệ Tử Phu cũng phai tàn theo thời gian, một Vũ Đế Lưu Triệt có tính háo sắc và dám nghĩ dám làm cũng vì nhan sắc Vệ Tử Phu tàn phai mà bắt đầu lạnh nhạt với nàng, sủng ái một mỹ nữ khác. Những mỹ nữ như Triệu phu nhân, Lý phu nhân lần lượt được đặc sủng.

Thời gian thấm thoát trôi qua. Tinh lực, khí phách không ai sánh bằng cũng dần dần rời bỏ mình. Lưu Triệt cảm thấy sợ sệt suy sụp, sợ hãi về sinh mạng bắt đầu vây quanh ông, ép ông cầu trời đất thần linh, tin theo lời của các thuật sĩ. Vũ Đế Lưu Triệt đi theo con đường tìm thuốc trường sinh như Tần Thủy Hoàng năm nào, không ngừng cử người đi mời phương sĩ,

tìm thuốc trường sinh bất lão, đồng thời tuần du thiên hạ, cầu trường thọ thần tiên.

Dù Vũ Đế Lưu Triệt cố hết tài lực và tâm lực đến thế nào đi nữa, thuốc tiên và thần tiên nào cũng không thể cứu vãn tuổi già của ông. Vũ Đế Lưu Triệt không biết những điều này, ông buồn phiền, sợ hãi, nổi giận như sấm. Nhưng tất cả đều không có tác dụng, bệnh tật vẫn thường xuyên hành hạ ông. Vũ Đế Lưu Triệt không thừa nhận kết quả tất nhiên của cuộc sống, lại nghi ngờ, suy đoán lung tung, cho rằng đó là có người trong cung do hận ông mà làm bùa phép hại ông. Do đó, phạm là người có chút nghi ngờ nhất loạt đều bị xử tội giết. Thế là nịnh thần Giang Sung thừa cơ dựng lên một trong những vụ án oan lớn nhất trong lịch sử.

Ban đầu Giang Sung không ở trong cung, càng không được tiếp cận Lưu Triệt, làm sao mà ông có được sự sủng tín của Lưu Triệt, từ đó giữ vị trí nội thần, làm cho cả triều thần phải xu nịnh ông? Chủ yếu là do Giang Sung biết nắm bắt thời cơ, biết nịnh nọt, nói những gì mà Lưu Triệt thích nghe. Lưu Triệt dần dần tín nhiệm ông, trọng dụng ông, giao cho ông từ việc lớn đến việc nhỏ, coi ông là tâm phúc. Đó là tai ương vĩnh hằng của loài người: thích nghe lời nói ngọt, thích người khác xu nịnh; người giỏi nịnh hót chỉ việc không cần da mặt, hoặc da mặt dày hơn và đen hơn, đi đến đâu thắng đến đó, tất cả mọi mục đích đều đạt được.

Lưu Bành Tổ là anh em khác mẹ của Vũ Đế Lưu Triệt, được phong làm Triệu Kính Tiêu Vương. Ban đầu Giang Sung nhậm chức trong phủ Triệu Kính Tiêu Vương, là quân thần được Tiêu Vương sủng tín. Triệu Thái Tử Đan không thích Giang Sung, cho rằng ông ta thâm hiểm hung ác. Giang Sung đã làm một việc làm Thái Tử Đan tức giận, Thái Tử Đan muốn trừng trị ông. Giang Sung rất sợ hãi, bèn trốn khỏi vương phủ, chạy thẳng đến kinh sư Trường An, mật báo Triệu Thái Tử Đan lòng dạ khôn lường, nhòm ngó ngai vàng.

Sau khi Vũ Đế Lưu Triệt biết tin, lập tức cử người đến Triệu Kính Tiêu Vương điều tra, kết quả đúng là như thế. Vũ Đế Lưu Triệt bèn hạ chỉ phê Triệu Thái Tử Đan làm thường dân, cố ý triệu kiến Giang Sung. Giang Sung cao to khôi ngô, dáng vẻ đàng hoàng, Vũ Đế Lưu Triệt nhìn thấy rất vui mừng, ứng đối cũng rất hợp ý, Vũ Đế Lưu Triệt bèn giữ Giang Sung bên cạnh, giao ông làm cầm y sứ giả, hầu hạ bên cạnh hoàng đế, thay hoàng đế điều tra giám sát những hành vi lời nói thất thố của hoàng thân quốc thích, triều đình đại thần. Trên thực tế là “mật thám” riêng, “đặc vụ” của hoàng đế. Sứ mệnh này chứng tỏ hoàng đế coi hấn là tâm phúc, hơn nữa ngày nào hấn cũng được gặp hoàng thượng, hầu hạ bên cạnh. Chính điều đó đã cung cấp cho một Giang Sung thông minh hơn người, giỏi nghe ngóng thăm dò cơ hội thể hiện tài năng của mình. Từ đó về sau, Vũ Đế Lưu Triệt không rời bỏ Giang Sung nữa.

Giang Sung có được sự tín nhiệm của hoàng thượng, bèn cố hết sức bán mạng cho hoàng đế. Ông chiêu binh mãi mã, tập hợp thành tổ chức tâm phúc, chuyên do thám các thành viên quan trọng ngoại trừ hoàng đế, đồng thời bẩm báo hết mọi lời nói hoạt động thường ngày của họ cho Vũ Đế Lưu Triệt đa nghi. Vũ Đế Lưu Triệt có những tâm phúc tai mắt như thế thấy mình nắm rõ mọi hành động của đại thần như lòng bàn tay, nên rất yên tâm, và cũng rất vui mừng. Vũ Đế Lưu Triệt đương nhiên tín nhiệm hoàn toàn và phân biệt đối xử với Giang Sung trung thành tuyệt đối này.

Có một lần, gia thần của thái tử Lưu Cứ vào cung, tấu việc theo thường lệ, ngồi trên xe đi vào cung. Đó đương nhiên là việc cấm kỵ, con đường này chỉ có hoàng đế được đi, là tượng trưng cho sự tôn quý, không ai được phép vượt quyền đi vào. Gia thần của thái tử đã làm như thế, đương nhiên bị tâm phúc của Giang Sung báo cáo với Giang Sung, Giang Sung bèn bắt gia thần của thái tử lại, giao cho thuộc hạ của mình xử lý.

Sau khi được tin báo, thái tử nổi giận đùng đùng, lập tức phái người đi gặp Giang Sung, và hy vọng không làm lớn chuyện này, đừng truy cứu

thuộc hạ của thái tử. Mục đích của thái tử rất rõ ràng, chính là biến việc lớn thành chuyện nhỏ, chuyện nhỏ coi như không, không muốn để hoàng thượng biết. Nếu hoàng thượng Lưu Triệt biết chuyện, chắc chắn sẽ nghi ngờ thái tử, nhẹ thì trách thái tử quản giáo thuộc hạ không nghiêm, nặng thì nghi ngờ thái tử có ý định cướp quyền, vượt lễ khi hoàng đế nhiễm bệnh.

Giang Sung bắt chấp mong muốn của thái tử, bèn nghĩ sao làm vậy, nói hết tất cả mọi chuyện với Vũ Đế Lưu Triệt. Vũ Đế Lưu Triệt đương nhiên rất tức giận hành vi của thuộc hạ thái tử, từ đó nghi ngờ thái tử, còn Vũ Đế Lưu Triệt lại tin như thật tất cả những lời bảm báo của Giang Sung về thái tử, càng nhìn thấy lòng trung thành tuyệt đối của Giang Sung, càng tin tưởng Giang Sung, rời xa thái tử. Giang Sung càng coi thường thái tử, triều thần không ai không kinh sợ. Giang Sung đắc sủng, môn sinh của hắn cũng nườm nượp kéo đến, những người phục vụ hết mình cũng đông như cây hội. Giang Sung làm khuynh đảo cả triều đình.

Vũ Đế Lưu Triệt kế vị năm 17 tuổi, tại vị 54 năm, từ già cõi đời năm 71 tuổi. Vũ Đế Lưu Triệt nhiều bệnh tật khi vào tuổi già, luôn nghi thần ngờ quỷ. 3 năm trước khi Lưu Triệt qua đời, chính là năm thứ 51, khi ông đến cung Kiến Chương, vô tình nhìn thấy một người đeo một thanh bảo kiếm, Vũ Đế Lưu Triệt cho rằng người này rất khả nghi, chắc chắn không phải là hậu vệ trong cung, bèn dặn đóng chặt cửa, lập tức tìm bắt. Rất nhiều cận thần được điều động, lùng sục khắp nơi, nhưng chẳng tìm được gì. Lưu Triệt tức giận, hạ lệnh tất cả vệ sĩ trong cung phải lục soát cung thất và cả vườn thượng uyển, đồng thời ra lệnh đóng cửa thành Trường An lục soát, tìm kiếm liên tục 11 ngày mà chẳng tìm thấy gì.

Vũ Đế Lưu Triệt càng bụng dạ rối bời, tâm trí vui buồn thất thường, lòng nghi ngờ càng nặng hơn, thậm chí thích bịa đặt vô lý, chém giết vô tội. Án Vu cổ (thuật niệm chú búp bê để hại người) trong cung được lật lại, giết chết vô số người, trong đó bao gồm cả con gái của Lưu Triệt Dương Thạch công chúa, Chư Ba công chúa, thái tử Lưu Cứ và hoàng hậu Vệ Tử Phu.

Đến cuối cùng, Vũ Đế Lưu Triệt mới biết rằng, đó là một bản án oan. Nhưng tất cả đã không gì có thể cứu vãn được.

Vu cổ là một loại thuật bùa chú lưu truyền rộng rãi trong dân gian, sau này được truyền vào trong cung, trở thành một loại thủ đoạn đầy đổi phương vào chỗ chết do những kẻ tranh giành sự sủng ái, quyền lực trong cung thực hiện. Vu cổ chính là niệm chú người mà mình căm ghét, đồng thời làm một người gỗ chôn dưới đất, thay thế cho người mà mình căm hận, dùng kim mà đâm, ngày tháng lâu dần, thì có thể đầy đổi phương vào chỗ chết, gọi là vu cổ.

Án oan vu cổ trong cung Hán bắt đầu từ Công Tôn Hạ. Công Tôn Hạ là người Hồ, do vợ Vệ Quân Nho là chị của hoàng hậu Vệ Tử Phu, Công Tôn Hạ được thăng làm thừa tướng. Công Tôn Hạ có một con trai, tên Kính Thanh, nâng niu như trứng, được nuông chiều hư thối. Kính Thanh kiêu ngạo, hoang dâm vô độ, dẫn đến tự ý lạm dụng hơn 19 triệu lượng của quân phí của quân Bắc. Sau khi vụ án xảy ra, Kính Thanh bị bắt giam vào ngục. Một khi phán tội, đương nhiên bị trọng hình.

Công Tôn Hạ là người tài giỏi, lại là thừa tướng quyền cao chức trọng, hơn nữa lại rất yêu con trai của mình. Vì muốn cứu con trai Kính Thanh, Công Tôn Hạ bèn chủ động xin được đi bắt Chu An Thế, để giải tỏa tâm bệnh của hoàng đế Lưu Triệt. Chu An Thế là đại tặc ở Dương Lăng, dân gian coi là một bậc đại hiệp, chuyên chống đối quan phủ, quan phủ điều động binh tướng nhưng cả cái bóng của hắn cũng không tìm được, Vũ Đế Lưu Triệt rất buồn bực về chuyện này.

Công Tôn Hạ chủ động xin đi bắt, muốn lấy công chuộc tội để cứu con trai của mình, huống hồ ông lại là quốc thích của mình, Lưu Triệt đồng ý lời thỉnh cầu của Công Tôn Hạ. Công Tôn Hạ tập trung tướng lĩnh tâm phúc của mình, họ ai nấy đều có công phu tuyệt kỹ, cùng nhau bắt Chu An Thế. Không bao lâu sau, quả nhiên Công Tôn Hạ bắt được Chu An Thế. Vũ Đế Lưu Triệt đương nhiên rất vui mừng, bèn xá tội cho Kính Thanh. Cha con

Công Tôn Hạ đoàn tụ vui vẻ. Nhưng, cha con Công Tôn Hạ vui mừng quá sớm, không ngờ bị Chu An Thế cản ngược lại một miếng.

Chu An Thế là anh hùng một đời, bỗng nhiên bị Công Tôn Hạ bắt giữ, trong lòng không thể nuốt trôi mối hận này. Nhưng Chu An Thế đã bị bắt, trở thành tù nhân của Công Tôn Hạ, không phục cũng phải phục. Thế là Chu An Thế nghĩ ra một kế, dù gì thì cũng không sống được nữa, thế thì hà cớ gì không để Công Tôn Hạ thâm độc đó chết theo mình? Chu An Thế bèn ngồi trong lao viết một bức thư kể hết mọi chuyện cho Vũ Đế Lưu Triệt.

Trong thư, Chu An Thế liệt kê hết mọi tội trạng của Công Tôn Hạ, đồng thời vạch ra rằng Công Tôn Hạ không hài lòng với thê tử, chị của hoàng hậu, còn tìm kiếm mỹ nữ, không gì mà không làm; đó còn chưa đáng gì, con trai của Công Tôn Hạ, Kính Thanh còn công nhiên thông gian với con gái của hoàng thượng là công chúa Dương Thạch, đồng thời âm mưu đoạt ngôi hoàng thượng, và còn chôn một người gở dưới con đường của cung Cam Tuyền mà hoàng thượng thường hay ra vào, bùa chú hoàng thượng. Bức thư này được chuyển đến tay của Vũ Đế Lưu Triệt.

Vũ Đế Lưu Triệt đã nghi xem xong bức thư, làm sao mà chịu đựng nổi việc này? Hết sức tức giận, Vũ Đế Lưu Triệt ra lệnh lập tức điều tra. Việc điều tra này đương nhiên giao cho Giang Sung phụ trách, Giang Sung cử sai nha đi khắp nơi, tìm kiếm tội danh, mượn cơ hội này để đánh cùng diệt tận nhà thừa tướng Công Tôn Hạ. Cha con Công Tôn Hạ bị bắt vào lao, bị tra khảo nghiêm hình, liên lụy đến nhiều người, làm cho rất nhiều người vô can bị bắt tội. Cha con Công Tôn Hạ chết thảm trong ngục. Giang Sung cảm thấy chưa đủ, còn diệt gia tộc Công Tôn Hạ, cả chị của hoàng hậu Vệ Quân Nho cũng không tránh khỏi bắt hạnh.

Giang Sung tiêu diệt Công Tôn Hạ, lại chuyển mũi giòi sang hoàng thân quốc thích nắm trọng quyền khác. Con gái của Vũ Đế Lưu Triệt, Dương Thạch công chúa, Chư Ấp công chúa, con trai của Vệ Thanh - Trương Bình hầu Vệ Kháng cũng bị liên lụy, hơn nữa đều bị giết chết. Giang Sung rất

đắc ý, từ đó chuyển ngọn kiếm hận thù sang thái tử Lưu Cứ từng đắc tội với hắn.

Thái tử Lưu Cứ vốn không thích Giang Sung. Giang Sung biết rất rõ điều đó, Vũ Đế Lưu Triệt đa bệnh đa nghi không còn sống bao lâu nữa, một khi Vũ Đế qua đời, thái tử kế vị, thì ngày tàn của mình sẽ đến. Giang Sung mượn lần điều tra Công Tôn Hạ này để lập ra một kế hoạch đưa thái tử vào trong vụ án đó, tốt nhất là giống như Công Tôn Hạ vậy, loại trừ vô số, giết cùng diệt tận.

Trời sinh thái tử hiền hậu, khoan dung có hiếu. Vũ Đế Lưu Triệt cảm thấy con trai không giống mình, nhân hậu là tốt, nhưng, trong thời đại thủ thành, thái tử phải là một quân chủ thánh minh thông đạt. Có một lần Vũ Đế Lưu Triệt nói với đại tướng quân Vệ Thanh: Nhà Hán lập quốc chưa bao lâu, các quy chế đều chưa hoàn chỉnh, giặc ngoài bốn phương không ngừng xâm lược quá nhiều, đó đều là những vấn đề phải giải quyết gấp rút; nếu ta không thay đổi chế độ, định ra pháp chế, thì hậu thế có gì để nương tựa? Nếu không dùng binh thảo phạt, chinh phục giặc ngoài, thì làm sao thiên hạ được an ninh? Chỉ do kết quả như thế, tất nhiên phải lao dân thương tài; số mạng của ta có hạn, nếu người thừa kế vương vị vẫn tiếp tục thay đổi chế độ như ta đang làm, không kiêng dè khi hưng binh, quốc gia sẽ lâm nguy, cũng giống như Tần Thủy Hoàng vậy, đi theo vết xe của Tần; thái tử đôn hậu hiền hòa, trời sinh tính nết hiền lành, là quân chủ có thể thủ thành an thiên hạ, chẳng có ai thích hợp hơn thái tử.

Điều đáng tiếc là, đại tướng quân Vệ Thanh chết trước Vũ Đế, không thể ngăn chặn tai ương vô cớ này. Lưu Triệt sử dụng luật pháp vô độ khi đến tuổi già, thái tử khoan hậu, hay làm ngược lại, thường chỉnh sửa một số sai lầm của Lưu Triệt. Nhưng, vô hình trung đắc tội với những đại thần thích dùng trọng hình tàn khốc mà Vũ Đế Lưu Triệt tin dùng, những người này thường làm điên đảo thị phi, nói xấu thái tử trước mặt Vũ Đế Lưu Triệt, vì vậy mà Vũ Đế Lưu Triệt và thái tử cứ xa nhau dần.

Sau khi nhan sắc của hoàng hậu Vệ Tử Phu tàn phai, Vũ Đế Lưu Triệt chuyển tình cảm sang Triệu phi. Triệu phi sống trong cung Cam Tuyền hoa lệ, Vũ Đế Lưu Triệt thường đến cung Cam Tuyền. Vũ Đế Lưu Triệt càng ngày càng ít đến cung thất của hoàng hậu, đương nhiên ít gặp mặt thái tử và hoàng hậu, khoảng cách đương nhiên không thể nào loại bỏ, tình cảm cứ nhạt dần theo từng ngày.

VIII. Vụ án oan lớn thứ nhất trong thâm cung (phần 2)

Một hôm, Vũ Đế Lưu Triệt hoảng hốt, mơ màng nhìn thấy hàng ngàn người gỗ, tay cầm binh khí, đằng đẵng sát khí tiến về phía ông. Khi tỉnh dậy, ông toát mồ hôi hột, thấy toàn thân mệt mỏi, không còn chút sức lực nào, tinh lực cũng không còn. Từ đó về sau, cảm thấy tinh khí giảm hẳn, sức khỏe sa sút. Lưu Triệt nghi ngờ đó là do vu cổ tạo thành, thế là bảo Giang Sung tăng cường điều tra.

Giang Sung mượn cơ hội này để đổ thêm dầu vào lửa, nói rằng trong cung có rất nhiều người căm hận hoàng thượng, mong hoàng thượng sớm châu trời, họ dùng tà thuật vu cổ để làm điều ác. Lưu Triệt càng tin đó là sự thật, phong Giang Sung làm cảm y sứ giả, chịu trách nhiệm tìm kiếm và lập tức nghiêm trị những người làm tà thuật vu cổ. Giang Sung hết sức đắc ý, tiếp chỉ rồi cử sai nha đi bắt khắp nơi, chủ yếu là loại bỏ những người mà hăm căm hận, nhất là thái tử.

Kinh sư Trường An và khắp các đất phong quận quốc, khắp nơi đều bị lục tung cả lên, hễ có người gỗ hoặc những thứ khả nghi, đều nhất loạt bị lùng bắt, rồi tra hình tàn khốc để bức cung họ, sau đó lôi ra xử chém. Hàng vạn người bị chém đầu sau khi bị tra khảo tàn khốc. Vụ án lớn nào cũng do Giang Sung đích thân xét xử, và đều trình lên Lưu Triệt. Lưu Triệt không chỉ chấp nhận những gì Giang Sung làm, mà còn hậu thưởng cho Giang Sung.

Giang Sung không kiêng cử điều gì, kiên quyết làm cho Lưu Triệt vui lòng. Giang Sung bẩm báo với Lưu Triệt, nói đại sứ quan sát thiên tượng bẩm báo, trong cung có một luồng âm khí, chính là khí vu cổ, nếu không thanh trừ khí này, e rằng bệnh tật của hoàng thượng ngày càng nặng. Lưu

Triệt lập tức lệnh cho Giang Sung dẫn người vào cung lục soát, thanh trừ khí vu cổ.

Giang Sung thống lĩnh tâm phúc An Đạo hầu Hàn Thuyết, ngự sử Chương Công dẫn theo rất nhiều sai nha cùng nhau tiến vào cung, đào bới từng cung từng cung một, đào sâu xuống 3 tấc đất, tìm người gõ. Phía dưới chỗ ngồi của hoàng thượng cũng bị đào xới, mọi cung mọi phòng đều ngổ ngang, cuối cùng đến Trung cung của hoàng hậu và Đông cung của thái tử, cũng bị đào sâu xuống 3 tấc đất.

Hoàng hậu Vệ Tử Phu và thái tử Lưu Cứ giận dữ khôn cùng, nhưng có thánh chỉ tại đó, hoàng hậu và thái tử đành phải nghe theo. Đào xới xong, Giang Sung bẩm với Vũ Đế, nói đào thấy rất nhiều người gõ tại Trung cung và Đông cung, hơn nữa mỗi một người gõ đều có viết rất nhiều lời chúc, niệm chú bệ hạ, câu văn không thể coi được. Đương nhiên Lưu Triệt hết sức tức giận, nhưng nghĩ lại cũng không đến nỗi thế, muốn triệu thái tử vào cung hỏi cho rõ ràng.

Lưu Triệt sống tại cung Cam Tuyền bên ngoài thành. Thái tử Lưu Cứ biết Giang Sung hãm hại mình, hết sức sợ hãi. Muốn ra ngoại thành gặp phụ hoàng, giải thích rõ ràng, lại ngần ngại không dám, sợ phụ hoàng không hỏi thị phi rõ ràng mà đã xử mình tội chết. Thái tử chẳng biết nên làm gì, bèn hỏi kế của Thạch Đức. Thạch Đức lại là người ham sống sợ chết và rất nhát gan, ông cũng sợ hoàng thượng trách tội thái tử, từ đó liên lụy đến mình, rất sợ hãi.

Thạch Đức nói với thái tử, cách đây không lâu cha con thừa tướng Công Tôn Hạ và công chúa Dương Thạch, công chúa Chư Ấp, đều bị tội vu cổ, lần lượt bị xử tử, liên lụy đến vô số người; nay, Giang Sung muốn vu cáo thái tử, không ai có thể tấu lên trên, tình hình hết sức nguy cấp; hoàng thượng có bệnh, nằm tại cung Cam Tuyền, hoàng hậu và thái tử muốn hỏi thăm bệnh tình, đều không có hồi âm, hoàng thượng lành dữ thế nào đều không biết; Giang Sung to gan làm càn như thế, chẳng phải là hành vi của

Triệu Cao đó sao? Tàn thái tử Phù Tô chính là chết trong tay của gian thần; lúc này, đã không còn sự chọn lựa nào khác, tốt nhất là lấy danh nghĩa của hoàng thượng, bắt giữ Giang Sung, rồi giết hắn, như thế có lẽ sẽ thoát được cơn nguy này.

Thái tử nhân hậu khoan dung chưa từng nghĩ đến cách này, cứ do dự không quyết. Thái tử cảm thấy, không có mệnh lệnh của phụ hoàng, làm sao có thể bắt giết sứ giả của phụ hoàng? Nếu đã như thế, chi bằng đến cung Cam Tuyền, bái kiến phụ hoàng, nói rõ chân tướng. Nhưng, Giang Sung cản trở thái tử vào cung Cam Tuyền. Vệ hoàng hậu cũng không ý thức đến sự việc nghiêm trọng đến thế, trong cung không có động tĩnh gì. Thái tử không còn cách nào khác, đành phải chấp nhận kế của Thạch Đức trong tình huống bó tay đó, cử người giả mạo sứ giả thiên tử, bắt Giang Sung, vừa gặp là giết ngay Giang Sung và tay chân của hắn.

Sau khi giết chết Giang Sung, ngay vào tối hôm đó, thái tử cử tâm phúc giả danh làm sứ giả thiên tử, tiến vào cung của hoàng hậu - cung Vị Ương, báo cho hoàng hậu tất cả những gì đã xảy ra, lúc này hoàng hậu mới biết tai nạn lớn sắp giáng xuống. Tình hình hết sức nguy cấp, thái tử điều động binh mã, xạ thủ của hoàng hậu, cử người mở kho vũ khí trong cung Trường Lạc, điều động gấp vệ sĩ cung Trường Lạc, cùng nhau bắt giết đồng đảng của Giang Sung. Máu bắt đầu chảy thành sông trong cung, kinh sư Trường An khói đen mù mịt, một cuộc đại loạn diễn ra.

Lòng người ở kinh sư bắt đầu hoảng loạn, không biết xảy ra chuyện gì, chỉ nghe nói thái tử mưu phản. Triều thần trong triều từ thừa tướng trở xuống, đều chẳng ai biết gì. Đồng đảng của Giang Sung – Tô Văn chạy khỏi kinh thành trong cuộc đại loạn tại kinh sư, chạy thẳng đến cung Cam Tuyền, bẩm báo với Vũ Đế Lưu Triệt, nói thái tử hưng binh trong cung tạo phản, còn giết luôn sứ giả Giang Sung.

Vũ Đế Lưu Triệt phái sứ thần gặp mặt thái tử, hỏi rõ tình hình. Sứ giả nhát gan sợ chết, không dám vào thành Trường An, bèn quay về bẩm báo

với Vũ Đế, nói thái tử tạo phản đã thành, phản binh cực kỳ hung ác, nếu không phải mình chạy cho nhanh, thì sớm đã đầu lìa khỏi cổ! Vũ Đế Lưu Triệt không ôm mộng tưởng nữa, thật sự tin rằng thái tử mưu phản, muốn thay thế chỗ của mình, thế là quyết định trừng phạt thái tử.

Hoàng đế không có mặt tại kinh sư, kinh sư xảy ra biến cố, đương nhiên do thái tử và thừa tướng phụ trách đối phó; nay thái tử tạo phản, đương nhiên do thừa tướng ra mặt đối phó. Khi đó, thừa tướng là anh thứ của Vũ Đế Lưu Triệt, tên Lưu Khuất Mao. Sau khi binh lính thái tử tiến vào phủ thừa tướng, đó cũng trở thành một nơi đại loạn. Thừa tướng chạy thoát khỏi phủ thừa tướng trong sự hỗn loạn, ngay cả đại án thừa tướng cũng không biết mất đi đâu. Thừa tướng Lưu Khuất Mao hoảng hốt lo sợ không biết xảy ra chuyện gì, bèn phái trưởng sử tướng phủ phi ngựa đến bẩm báo với Vũ Đế Lưu Triệt.

Vũ Đế Lưu Triệt hết sức tức giận, hỏi trưởng sử tướng phủ: Kinh sư đại loạn, thừa tướng có biện pháp đối phó gì? Trưởng sử tướng phủ quỳ tấu, nói thừa tướng không dám công bố thái tử mưu phản, chỉ biết chạy lấy mạng. Lưu Triệt mắng nói: Sự thật đã như thế, có gì mà không dám công bố, thừa tướng thật là quá bất tài! Lưu Triệt hạ lệnh cho thừa tướng phụ trách phải lo dẹp loạn; lệnh cho binh lính trong ngoài kinh sư và các quận huyện phụ cận đồng loạt do thừa tướng chỉ huy.

Thái tử kiểm soát được hoàng cung. Thái tử tuyên bố với bá tính trong thành là: hoàng thượng đang ở cung Cam Tuyền, bệnh tình nghiêm trọng, không có tin tức gì, e rằng trong cung có biến, gian thần thừa cơ đoạt quyền, nên khởi binh bắt gian thần. Chính vào lúc này, Vũ Đế Lưu Triệt đích thân dẫn quân tiến vào cung Kiến Chương, trực tiếp chỉ huy quân đội, chuẩn bị dẹp yên quân phản loạn.

Binh sĩ do thái tử chỉ huy thật sự quá ít. Thái tử cử người đến quân Bắc, mong rằng có thể chỉ huy quân Bắc, nhưng bị sứ giả quân Bắc là Nhậm An từ chối. Thái tử đành phải thống lĩnh binh sĩ ít ỏi đó quyết chiến với số binh

sĩ gặp nhiều lần do thừa tướng Lưu Khuất Mao chỉ huy, chiến đấu cả 5 ngày 5 đêm, bị chết và bị thương vô số, tiếng hô chém giết trong thành Trường An chấn động cả trời, thi thể chất như núi.

Thái tử bình hết bại trận, dẫn tàn binh chạy khỏi kinh sư Trường An. Sau khi quân của thừa tướng thống lĩnh chiếm lĩnh kinh sư, lòng bất kể chủ mưu tạo phản lần này, Thạch Đức và rất nhiều binh khách, già trẻ lớn bé của thái tử, đều bị giết chết. Hoàng hậu Vệ Tử Phu cảm thấy không thể thoát, con cái đều bị giết hết, bản thân sống để làm gì? Thế là tự sát.

Sau khi thái tử Lưu Cứ dẫn tàn quân của mình chạy khỏi Trường An, chạy trốn ở một ngôi nhà của nông dân tại Hương Văn Hà Nam hiện nay. Nhà nông này rất hiền lành, rất thông cảm với hoàn cảnh của thái tử, đồng ý che giấu thái tử, thoát khỏi đại nạn này. Nhưng nông dân nghèo khổ, chỉ có thể cung phụng thái tử bằng việc bán giày cỏ.

Thái tử chạy thoát, đương nhiên là cái gốc của tai họa. Vũ Đế Lưu Triệt hạ lệnh khắp các quận huyện, kiểm tra lòng sục nghiêm ngặt. Khắp các quận huyện nhận được thánh chỉ, đều tăng cường kiểm tra, hy vọng bắt được thái tử lãnh thưởng với Vũ Đế Lưu Triệt. Quan phủ sai nha được tung ra khắp nơi, chú ý đến từng hành tung của thái tử.

Đã hết đường chạy, nghèo đói khôn cùng, thái tử nhớ lại trong Hương Văn này có một người bạn rất thân với mình. Người bạn này vốn rất trung thực, thái tử bèn phái tâm phúc đi cầu cứu. Điều không may là, sự việc bị tiết lộ, quan phủ sai nha phát hiện hành tung của thái tử, binh sĩ nhanh chóng vây bắt thái tử. Quân binh bao vây dày đặc, vây quanh 3 lớp bên ngoài ngôi nhà nông dân mà thái tử đang trú ẩn. Thái tử nhận ra đã không còn hy vọng gì, bèn đóng chặt cửa, tự treo cổ chết, hai người con trai của thái tử cũng theo cha mình rời khỏi cõi đời.

Cả nhà thái tử chết hết. Vũ Đế Lưu Triệt không hiểu rõ, liên tục cử người đi điều tra việc này. Một năm sau, chân tướng của sự việc mới sáng tỏ, thái tử vô tội, hoàng hậu cũng chết oan, hoàn toàn do nịnh thần Giang Sung đạo

diễn toàn bộ vụ án oan này. Vũ Đế Lưu Triệt hết sức hối hận, nhưng hối hận thì được gì? Người cũng đã mất đi, không thể sống lại. Vũ Đế Lưu Triệt bị một đòn quá đau, tinh thần ngày càng suy sụp.

Vào lúc này, một người được giao trông coi lăng miếu của Hán Cao Tổ tên Điền Thiên Thu, chỉ là một quan chức nhỏ nhoi mà dám vượt cấp dâng thượng sách lên Vũ Đế Lưu Triệt, xin trả lại sự trong sáng cho thái tử và hoàng hậu. Điền Thiên Thu tình thật ý sâu, điều nào cũng có tình có lý, chứng cứ rõ ràng để minh oan cho thái tử. Trong sách nói: chuyện này, nếu nói thái tử có tội, chẳng qua chỉ là bị ép dấy binh, nếu phải trị tội thì cũng chỉ là tội nhẹ; con của thiên tử vì nhầm lẫn mà ngộ sát một người, nên định tội gì đây?

Vũ Đế Lưu Triệt đang đau như cắt nhìn thấy bản sớ của Điền Thiên Thu, lòng càng hối hận hơn, càng cảm thấy mình xử lý không thỏa đáng trong sự việc này. Vũ Đế Lưu Triệt hết đau nhưng vẫn còn nhớ đến nỗi đau đó, hào khí và tinh lực năm nào cũng không còn như xưa. Bản tính không câu nệ theo một khuôn mẫu nào khi sử dụng nhân tài của Vũ Đế Lưu Triệt lại sống dậy một lần nữa. Thế là, Vũ Đế Lưu Triệt triệu kiến Điền Thiên Thu, coi Điền Thiên Thu như tâm phúc.

Vũ Đế Lưu Triệt nhìn thấy Điền Thiên Thu, thành thật nói với Điền Thiên Thu rằng: Chuyện giữa cha con thì người thường không thể nói rõ, huống hồ là hoàng thượng và thái tử? Không ai dám nhiều lời. Người có thể nói thẳng không tránh, hơn nữa lại nói rất có lý, đó là thần linh Cao hoàng đế phù hộ, bảo người đến phò tá cho ta, làm sự nghiệp lớn. Vũ Đế Lưu Triệt tiếp đón viên quan giữ lăng này theo nghi thức trịnh trọng.

Vũ Đế Lưu Triệt bổ nhiệm Điền Thiên Thu làm Đại Hồng Lô. Không lâu sau, Vũ Đế Lưu Triệt lại đặc cách phong Điền Thiên Thu làm thừa tướng do tài năng xử lý công việc của ông. Vũ Đế Lưu Triệt thật sự là một hoàng đế thánh minh biết yêu mến và sử dụng nhân tài.

Điền Thiên Thu chỉ nhờ vào một bức sớ mà thể hiện tài năng và trí tuệ hơn người của mình, may được Vũ Đế Lưu Triệt sáng suốt trọng dụng, thật là sinh thế gặp thời. Không lâu sau, Lưu Triệt do nhớ thái tử, bèn xây một cung điện trong kinh sư Trường An, đặt tên cung Tư Tử (cung nhớ con), đồng thời xây một đài tưởng nhớ tại Văn Hương, để gợi nhắc nhớ nhưng thái tử.

Chương V

Lý Phi nghiên nước nghiên thành

I. Nghệ nhân âm nhạc Lý Diên Niên

Hoàng đế Trung Quốc rất hiếm người không háo sắc, nhất là hoàng đế đời Hán, vừa háo nam sắc, vừa háo nữ sắc. Hoàng đế đời Hán có sở thích kỳ quặc đối với nam sắc, nhưng không có ai là người đồng tính hẳn, họ vừa cần nam, vừa cần nữ, chỉ cần có sắc đẹp tuyệt trần là được.

Hoàng đế nhà Hán ham thích nam sắc đã được ghi lại trong lịch sử, hơn nữa rất mãnh liệt, rất si tình. Hán Cao Tổ Lưu Bang có nam sủng Tịch Nho. Hán Huệ Đế Lưu Doanh có nam sủng Hoàng Nho. Văn Đế Lưu Hoàng được mệnh danh là Hiền Đế cũng ân sủng hoàng đầu lang Đặng Thông. Vũ Đế Lưu Triệt văn võ hơn người si mê hai anh em hầu tôn Hàn Yên, Hàn Thuyết, mê nghệ nhân âm nhạc Lý Diên Niên, mê đến mức chết đi sống lại. Hán Ai Đế sủng ái xá nhân của thái tử Đồng Hiền. Những người này đều là những người đàn ông đẹp như tiên, đều là kẻ đồng tính luyến ái của hoàng đế.

Sủng ái cả nam lẫn nữ, hoàng đế nhà Hán làm được xuất sắc nhất phải kể đến Hán Vũ Đế Lưu Triệt. Lưu Triệt giỏi văn giỏi võ, tài văn của ông ai cũng rõ như ban ngày, làm cho mọi văn sĩ phải gọi là tuyệt bút; võ lược lại không ai sánh bằng, được gọi là đệ nhất trong thiên hạ. Vũ Đế Lưu Triệt cũng không thua ai về mặt yêu nam mến nữ, làm rất đến nơi đến chốn.

Hầu tôn Hàn Yên từ nhỏ đã sống với Vũ Đế Lưu Triệt, hai người sống với nhau rất vui. Hàn Yên có làn da rất trắng trẻo, đôi mắt long lanh, đẹp như phụ nữ, hết sức xinh đẹp. Hàn Yên và Vũ Đế Lưu Triệt sớm tối gặp nhau, ngày tháng lâu dần, tình bạn hữu sâu sắc, rồi nảy sinh tình cảm. Khi trưởng thành, một Vũ Đế Lưu Triệt háo sắc thành thói đã yêu Hàn Yên. Vũ Đế Lưu Triệt kể vị năm 17 tuổi, Hàn Yên hầu hạ bên cạnh. Sau này, Vũ Đế Lưu Triệt có càng nhiều nam sủng hơn, nhất là nghệ nhân âm nhạc Lý Diên Niên.

Lý Diên Niên là người Trung Sơn, tướng mạo tuấn tú dịu dàng, có chút giống mỹ nữ. Lý Diên Niên biết nhiều về âm luật, giọng hát trầm ấm, lại múa giỏi. Lý Diên Niên luôn được sự chú ý của Vũ Đế nhờ vào tướng mạo và đa tài đa nghệ, hầu hạ trong cung. Có một lần, Lý Diên Niên phạm cung quy, theo luật phải xử cung hình. Lý Diên Niên không có tiền thoát tội, đành phải chịu cung hình. Nổi thống khổ và bi ai của cung hình quả là không có từ nào có thể hình dung được, Lý Diên Niên như mới đi về từ cõi chết.

Điều kỳ lạ là, Lý Diên Niên càng đẹp hơn sau khi bị cung hình, chất giọng càng rung động lòng người hơn, điệu múa càng uyển chuyển dịu dàng hơn. Lưu Triệt háo sắc có lẽ muốn xem Lý Diên Niên sau khi bị cung hình có phải càng say mê lòng người hơn hay không, không ngờ Lý Diên Niên quả thực trở thành một giai nhân tuyệt sắc. Vũ Đế Lưu Triệt sủng ái Lý Diên Niên đến mức tột đỉnh. Lưu Triệt để Lý Diên Niên hầu hạ bên cạnh, lúc hứng chí lên thì triệu Lý Diên Niên ca hát nhảy múa. Lý Diên Niên trở thành một món đồ chơi sống mà Lưu Triệt si mê.

Đương nhiên Lý Diên Niên biết rằng, hoàng thượng sủng ái nam sắc chẳng qua chỉ là sở thích nhất thời, người thật sự nắm trọn trái tim của hoàng thượng, làm hoàng thượng thần hồn điên đảo cũng vẫn là nữ sắc; chỉ có người phụ nữ thông minh hơn người lại có vẻ đẹp tuyệt sắc mới thật sự lấy được trái tim cô độc nhưng ngạo mạn của hoàng thượng; cũng chỉ giành được sự sủng ái của hoàng thượng, mới được phú quý mãi mãi, hạnh phúc dài lâu.

Có người phụ nữ như thế sao? Lý Diên Niên biết có, hơn nữa đang ở bên cạnh, đó chính là Lý thị, chị em của mình. Lý Diên Niên biết rằng, chỉ cần thu hút sự chú ý của hoàng thượng, chỉ cần để hoàng thượng nhìn thấy em gái mình, Lưu Triệt sẽ không thể không xaouyến.

Vũ Đế Lưu Triệt yêu thích vẻ đẹp đầy đặn, phong thái tú nhã của Lý Diên Niên, càng ngất ngây hơn bởi giọng hát mê người của Lý Diên Niên.

Hề Lưu Triệt rảnh rồi, thì triệu Lý Diên Niên đến hầu hạ ngay, ca hát nhảy múa, tiêu sầu trợ hứng. Có một hôm, Lý Diên Niên được triệu vào hầu. Trông tâm trạng của Lưu Triệt rất tốt, trên mặt luôn nở nụ cười. Lý Diên Niên biết cơ hội đã đến, bèn thể hiện hết điệu múa nhẹ nhàng thanh thoát, cất ca giọng hát trầm âm ngân người của mình:

Phương Bắc hữu giai nhân, tuyệt thế dĩ độc lập.

Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc.

Ninh bất tri khuynh thành dữ khuynh quốc, giai nhân nan tái đắc.

(Tạm dịch là: Phương Bắc có một người đẹp, đẹp tuyệt trần nhưng vẫn còn độc thân.

Gặp lần thứ nhất làm người nghiêng ngả, gặp lại lần nữa làm nghiêng cả quốc gia.

Thà không biết nghiêng nước nghiêng thành, người đẹp khó mà có lại được)

Vũ Đế nghe xong khúc hát này, thử hỏi một người mê sắc đẹp hơn cả mạng sống như ông làm sao mà không say không si? Giai nhân phương Bắc nghiêng nước nghiêng thành, hoa nhường nguyệt thẹn, chỉ được gặp trong mơ, còn người thật thì chẳng biết ở đâu, đi đâu tìm bây giờ! Lưu Triệt nghe xong, cho rằng khó mà có được giai nhân, nên lắc đầu thở dài. Lý Diên Niên nhìn thấy tất cả những phản ứng của hoàng đế, nên trong lòng rất vui mừng.

Vũ Đế Lưu Triệt tư tưởng về giai nhân phương Bắc, luôn âu sầu than thở, chẳng buồn ăn uống, hình bóng của giai nhân cứ quẩn quanh ngày đêm, có đuổi cũng chẳng đi. Lưu Triệt cảm thấy kỳ lạ, khúc hát giai nhân của Lý Diên Niên đã làm ngất ngây hồn người như thế, đi vào lòng người như thế, tại sao mình lại khổ sở như thế? Phương Bắc có giai nhân này sao? Đó chẳng qua chỉ là khúc hát mà Lý Diên Niên xướng lên khi đang cao hứng, chỉ là người đẹp trong khúc ca mà thôi, hà cớ gì phải xem là thật?

II. Giai nhân phương Bắc

Lưu Triệt âu sầu buồn bã, không thể nào tận hưởng một môi trường sâu đậm như thế. Lưu Triệt thông thả đến nhà của chị mình là công chúa Bình Dương trong tâm trạng trống rỗng. Công chúa Bình Dương biết em trai thân làm hoàng đế của mình đang tương tư giai nhân phương Bắc trong bài hát của Lý Diên Niên. Trong lòng Bình Dương công chúa đã tính sẵn, dâng rượu ngon, nhưng Vũ Đế Lưu Triệt không màng đến, chỉ than rằng khó có được giai nhân.

Bình Dương công chúa mỉm cười, dẫn dò bày một bàn tiệc thịnh soạn, nói có một phương thuốc hay có thể giải sầu trong lòng của hoàng thượng. Lưu Triệt mỉm cười lắc đầu, lặng lẽ nhập tiệc, chỉ buồn bã uống rượu. Bình Dương công chúa nói, chẳng phải hoàng thượng đang than khổ rằng phương Bắc không có giai nhân sao? Có! Nếu không tin, thì hãy đến nhà của Lý Diên Niên xem sao, em gái của hắn chính là giai nhân tuyệt sắc nghiêng nước nghiêng thành.

Vũ Đế Lưu Triệt nở nửa nụ cười, cả ngày trời cũng chưa lấy lại thần. Đến khi hiểu rõ chuyện gì đang xảy ra, Lưu Triệt bèn đứng dậy, vui vẻ từ biệt chị mình, lập tức triệu kiến em gái Lý thị của Lý Diên Niên. Trái tim vốn không yên phận của Lưu Triệt lúc này lại càng cuồn cuộn dâng lên, ngăn sông lấp biển, ông không tài nào tưởng tượng Lý thị là người phụ nữ như thế nào, chắc là cũng chẳng hơn gì các cô gái trong hậu cung!

Lưu Triệt chờ đợi người đẹp trong sự bất an sốt ruột, thời gian sao mà chậm đến thế, tại sao Lý thị vẫn chưa đến? Bên tai Lưu Triệt luôn vang vang tiếng hát ngọt ngào, khúc hát làm ông say mê mất hồn của Lý Diên Niên. Lý thị có phải thật là tuyệt thế và một mình không? Sẽ nghiêng thành khi gặp lần đầu, rồi nghiêng nước khi gặp lần hai? Chắc không phải là cô gái có làn da trắng nõn và yếu đuối như liễu chứ?

Lưu Triệt như đang ngồi trên đồng lửa, cứ đi qua đi lại trong cung điện huy hoàng, sốt ruột chờ đợi Lý thị mà ông càng nghĩ càng thấy người ta xấu như ma. Lưu Triệt đột nhiên quay đầu lại, chỉ nhìn thấy trước cửa điện, có một cô gái thon thả dịu dàng, ăn mặc rất thanh thoát, tư thế đó, gương mặt đó, sự trong sáng đó, xinh đẹp đó, quả thật là một tiên nữ giáng trần.

Lưu Triệt đứng ngây ra đó. Cô tiên nữ trước cửa tuy thanh thoát dịu dàng nhưng lại giống như mặt trời mới mọc, thật rực rỡ loá mắt. Quả thật Lý thị quá đẹp, đẹp như thoát tục, đẹp xuất thế, đẹp đến nỗi không vương chút bụi trần, quả thật là tuyệt sắc mà độc đáo, làm sao mà không nghiêng nước nghiêng thành cho được.

Lưu Triệt mơ mơ hồ hồ ngồi trên long kỷ, đôi mắt chỉ chăm chăm nhìn vào Lý thị. Lý thị nửa sợ nửa thẹn thì lễ trước hoàng thượng, sau đó, hát nhẹ một bài hát, múa một điệu múa. Lý thị vẫn là người phụ nữ, điệu múa, giọng hát của phụ nữ có thể lấy mất hồn người, Vũ Đế Lưu Triệt như say như si bởi giọng hát của Lý Diên Niên nay lại càng mất hết hồn phách bởi giọng hát và điệu múa của Lý thị. Vũ Đế Lưu Triệt biết, từ đó về sau, ông sẽ không rời xa nàng.

III. Lý phi từ chối gặp hoàng đế

Lưu Triệt có được giai nhân phương Bắc Lý thị, yêu thương đến tột đỉnh. Lưu Triệt luôn để Lý thị hầu hạ bên cạnh ngày đêm với lòng yêu thương và lòng ham muốn nhục dục rùng rợn. Lý thị được hoàng thượng rất mực ân sủng, được tắm trong ánh nắng và nước mưa của hoàng thượng, được sủng ái nhất hậu cung. Không lâu sau, Lý thị đẹp tuyệt thế mang thai, khi đủ tháng, sinh hạ một đứa con trai. Nhưng không bao lâu sau, đứa con yếu ớt đó bất hạnh chết đi, được phong làm Xương Ấp Ai vương.

Do sức khỏe suy nhược, Lý thị xinh đẹp và thanh thoát không thể kiềm được lòng ham muốn không có biên giới của hoàng thượng và sự ồn ào phức tạp trong cung, nên bệnh liệt giường. Tất cả mọi ngự y trong cung đều được mời đến, nhưng đều không có tác dụng gì, bệnh tình không có chuyển biến tốt, mà ngày càng nặng thêm. Lý thị nằm liệt giường như thế trong thời gian rất dài, dung nhan tuyệt sắc của Lý thị cũng bị ma bệnh lấy mất, còn lại chỉ là gương mặt xanh xao và trắng nhợt, một gương mặt vàng vọt bệnh hoạn.

Vũ Đế Lưu Triệt sốt ruột muốn gặp Lý thị, nhưng lần nào cũng bị ngự y và Lý thị ngăn cản. Theo quy định trong cung, một khi con gái trong hậu cung nhiễm bệnh, thì tuyệt đối không cho đến gần hoàng thượng, hoàng thượng cũng bị nghiêm cấm tiếp xúc với người bệnh. Ngự y ra sức khuyên can Lưu Triệt đừng đến thăm Lý thị, đợi đến khi bệnh tình đỡ hơn, ngọc thể hồi phục thì hãy đi. Lý thị cũng biết, dung nhan của mình đã tiêu tụy, làm sao để hoàng thượng gặp mặt mình được? Lý thị kiên quyết từ chối hoàng thượng gặp mình.

Nhưng, Vũ Đế Lưu Triệt luôn độc đoán một mình, đâu chịu nghe theo lời khuyên của ngự y? Càng không có lòng nhẫn nại lâu đến thế để chờ đợi lời hứa của Lý thị. Lưu Triệt nghe nói bệnh tình của Lý thị ngày càng nặng,

ông không tài nào chịu được việc không được đi gặp người đẹp đã làm ông say đắm, hướng hồ người đẹp lại đang ở trong cung, chỉ cách nhau có mấy bước mà thôi! Đợi được mấy ngày, Lưu Triệt thật sự không chịu được nữa, bèn xông thẳng vào tẩm cung của Lý thị.

Lý thị bệnh tình trầm trọng, đang nằm trên giường, mặt mũi hốc hác xanh xao, đang nói chuyện với các chị em trong cung. Khi Lý thị được biết hoàng thượng đã đến, bèn mặc kệ tất cả, kéo tấm mền lên che hết cả người lẫn gương mặt. Các cung nữ vội vàng quỳ xuống nghênh đón Lưu Triệt. Khi Lưu Triệt tiến vào tẩm cung của Lý thị, không để ý đến những cô gái khác, mà đi ngay đến giường, gọi ngay tên Lý thị, hỏi han bệnh tình.

Lý thị không nói chuyện, chỉ kéo tấm chăn che kín gương mặt của mình. Lưu Triệt thấy rất lạ, nói mình đến thăm bệnh, tại sao lại như thế, tại sao không để trẫm nhìn một lần? Lý thị đau lòng nằm trong chăn nói: xin hoàng thượng hãy dung thứ cho nô tì vô lễ, nô tì bệnh đã lâu, dung mạo hình dáng bị huỷ hoại, không thể gặp mặt hoàng thượng; chỉ là, con trai và anh em xin giao lại cho người, thiếp cũng yên tâm.

Vũ Đế Lưu Triệt ngồi bên giường, lòng nóng như lửa, muốn nhìn mặt người đẹp mà mình hằng nhung nhớ, không ngờ người đẹp lại trốn dưới tấm chăn, chính là vì không muốn để ta gặp mặt, hơn nữa, lại còn giao phó con trai và anh em một cách quái gở như thế. Vũ Đế Lưu Triệt cố nén cơn giận đang sôi sục trong lòng, nhẫn nại nói với Lý thị: Phu nhân, bệnh của nàng cũng đã lâu, đúng là hơi nặng, nhưng vẫn có thể chữa khỏi; cho dù khó có chuyển biến tốt, thì cũng cho trẫm gặp một lần, hãy nhìn thẳng mặt trẫm mà giao phó con trai và anh em cho trẫm, như thế chẳng phải sẽ tốt hơn sao?

Lưu Triệt vừa nói vừa lấy tay kéo tấm chăn. Lý thị cứ nắm chặt góc chăn, bật khóc. Lý thị vừa khóc vừa đau khổ nói: Bệ hạ, hiện nay thiếp không trang điểm gì, không dám gặp quân phu, dung mạo của thiếp đã tàn tạ như thế, không dám gặp mặt hoàng thượng. Lưu Triệt ngồi bên giường

sốt ruột lo lắng, vừa kéo tấm chăn vừa khấn cầu Lý thị: Phu nhân, chỉ cần nàng để trẫm nhìn một lần, trẫm sẽ phong anh em nàng làm quan, thưởng cho nàng 1000 lạng vàng.

Lý phu nhân vẫn khóc lóc, kiên quyết từ chối. Lý thị trả lời: Bệ hạ, phong hay không phong anh em thiếp làm quan, không phụ thuộc vào lần gặp mặt này, mà tùy bệ hạ. Vũ Đế Lưu Triệt hết sức tức giận, lại giơ tay kéo đi tấm chăn, muốn nhìn người đẹp đang bệnh. Lý thị thông minh hơn người đã có chuẩn bị từ lâu, không buông tay, giữ tấm chăn càng chặt hơn. Hai người kéo qua kéo lại một hồi, tay của Lý thị không còn sức nữa, bèn trở người qua bên kia, mặt quay vào tường, ôm mặt đau khổ. Một Lưu Triệt háo sắc không ngờ có kết cục như thế, nên tức giận đứng dậy, nhìn trân trân vào người đẹp đang trốn trong chăn, giận dữ bỏ đi.

Sau khi Vũ Đế Lưu Triệt rời khỏi, các cung nữ quỳ dưới đất trong hậu thất nhanh chóng tụ tập lại. Họ đã tận mắt nhìn thấy tất cả, ai cũng thấy kỳ lạ. Hoàng thượng si tình một người phụ nữ như thế, có thể phá lệ đến thăm bệnh, chỉ muốn nhìn một lần, đó đã là rất có phúc lắm rồi, thế mà Lý thị lại không nhận, mà còn ngoảnh mặt đi, không để hoàng thượng gặp mặt, thật không thể giải thích nổi. Lý thị vẫn còn đang khóc. Các chị em vây quanh nàng, kéo tấm chăn xuống, nói hoàng thượng đã tức giận bỏ đi. Các chị em mồm năm miệng mười, lần lượt quở trách Lý thị, nói làm sao mà lại đối xử với hoàng thượng như thế? Để hoàng thượng gặp một lần, giao phó vương và anh em trước mặt hoàng thượng, chẳng phải càng tốt hơn sao? Tại sao lại oán hận hoàng thượng như thế? Chẳng phải làm cho hoàng thượng nổi giận sao? Hoàng thượng nổi giận rồi, thì còn có thể chăm sóc tốt cho vương và anh em của nàng được sao?

Lý thị không nói một lời, cung nữ lau khô nước mắt cho nàng. Đợi đến khi các chị em đã nói xong, Lý thị mới đau khổ nói: Cảm ơn ý tốt của các chị, nhưng, các chị không biết, sở dĩ tôi không gặp hoàng thượng, không phải do oán hận hoàng thượng, cũng không phải cố ý làm hoàng thượng nổi

giận, mà vì muốn giao phó con trai, anh em một cách tốt hơn. Lý thị vừa nói, nước mắt vừa tuôn rơi. Các chị em càng nghe càng mơ hồ, chỉ nhìn chằm chằm vào Lý thị.

Lý thị bình tĩnh lại, lau khô nước mũi và nước mắt, bình tĩnh nói: Ta xuất thân nghèo hèn, nhờ dung mạo khá đẹp nên mới được hoàng thượng sủng ái; nhưng, từ xưa đến nay, phàm là người làm vui lòng người khác bằng sắc đẹp, nếu sắc mà tàn thì tình yêu cũng giảm, mà tình yêu đã giảm thì ân chắc sẽ tuyệt; mấy năm nay, sở dĩ hoàng thượng quyến luyến ta, chăm sóc nhưng nhớ ta, không phải vì cái gì khác, mà chính vì dung mạo xinh đẹp của ta; nay, bệnh của ta rất nặng, dung mạo cũng tàn phai, hoàng thượng nhìn thấy hình dáng này của ta, chắc chắn sẽ cảm thấy chán, bỏ rơi ta, đến lúc đó, làm sao mà hoàng thượng còn chăm sóc cho con trai của ta, anh em của ta?

Lý thị nói rất bình tĩnh, nhưng câu nào câu nấy vững chắc, xuất phát từ trong đáy lòng. Các chị em nghe xong thấy tâm phục khẩu phục, im lặng không nói gì. Lời nói của Lý thị quả là rất có lý, kiến thức của Lý thị quả là sâu sắc, lời nói tuy ngắn gọn nhưng trúng vào trọng điểm.

IV. Thiên tử si tình

Từ đó về sau, Lý thị từ chối gặp lại hoàng thượng. Không lâu sau, Lý thị qua đời.

Sau khi Lý thị ra đi, vẻ đẹp và tất cả những gì tốt đẹp của nàng đều để lại trong lòng Vũ Đế Lưu Triệt, làm ông luôn hồi tưởng lại, mỗi khi hồi tưởng lại là nỗi nhung nhớ vô tận và khát vọng đau tận tim phổi. Hễ Vũ Đế Lưu Triệt rảnh rỗi, hễ nhắm mắt lại, tiếng nói, nụ cười và vẻ đẹp mê hồn của Lý thị lại xuất hiện trước mặt người, dù có làm gì thì cũng không xua tan được những hình ảnh, âm thanh đó. Vũ Đế Lưu Triệt nhớ nhung Lý thị, khao khát được gặp lại dung nhan nghiêng nước nghiêng thành của Lý thị, khát khao có lại một lần mắt hôn bạt vía vì người đẹp phương Bắc. Nhưng, rốt cuộc thì Lý thị cũng đã ra đi, tất cả giấc mơ đều không thể trở thành hiện thực.

Nỗi khát khao nóng bỏng của Lưu Triệt không tài nào biến đi, lòng đầy tâm sự chẳng biết bày tỏ như thế nào. Lưu Triệt nhung nhớ Lý thị, hồi tưởng lại tất cả những gì liên quan đến Lý thị, hồi tưởng lại lần gặp mặt cuối cùng. Lưu Triệt nhớ lại lời giao phó của Lý thị trước khi lâm chung, giống như tìm được một con đường để giải tỏa tâm sự, thế là hạ chỉ, phong anh trai của Lý thị Lý Quảng Lợi làm Nhị Sư tướng quân, tước Hải Tây hầu; phong anh trai Lý Diên Niên của Lý thị làm Hiệp Luật đô úy.

Thời gian lặng lẽ trôi. Vũ Đế Lưu Triệt ngày càng tương tư về Lý thị chim sa cá lặn, sắc đẹp say đắm lòng người hơn. Lưu Triệt nhìn vào cung, nhìn chiếc giường, nghe tiếng gió thổi, nghe tiếng mưa rơi, không một thứ gì không gợi lại nỗi nhớ vô hạn về người đẹp đã quá cố. Lưu Triệt thường uống rượu khóc lóc một mình, không thể tự thoát khỏi đó. Lưu Triệt thích ngâm thơ, cũng giỏi làm thơ phú, nỗi đau khổ tương tư đang dày vò Lưu Triệt, làm Lưu Triệt ăn không ngon, ngủ không yên, thế là ông mở một tờ giấy, viết lên bài thơ “Lạc điệp ai thiên” để tưởng nhớ người đẹp:

La duệ hề vô thanh, ngọc trì hề trần sinh.

Hư phòng lãnh dĩ tịch mạc, lạc điệp y vu trùng quynh.

Vọng mỹ chi nữ hề, an đắc cảm dự tâm chi vị ninh.

Vũ Đế Lưu Triệt sầu khổ tưởng nhớ Lý thị, tưởng nhớ quả là quá đau khổ, như tương tư một mối tình đơn phương vậy. Lưu Triệt không thể vực dậy, cả ngày chỉ trần trở loanh quanh, sầu tư trăm mối. Ông không thể chịu đựng cuộc sống không có Lý thị, nhưng Lý thị đã ra đi và không thể sống lại, làm sao đây? Lưu Triệt đau khổ tưởng nhớ, cuối cùng cũng nghĩ ra một cách: Tại sao không bảo các họa sư trong cung, vẽ một bức ảnh Lý thị, như thế chẳng phải ngày nào cũng được nhìn thấy như được nhìn người thật vậy?

Lưu Triệt lập tức cho gọi họa sư cung đình có trình độ cao thâm nhất đến, miêu tả tỉ mỉ dung mạo, hình dáng, đặc trưng của Lý thị, họa sư chuyên tâm vẽ, qua bao nhiêu lần chỉnh sửa, cuối cùng cũng vẽ được hình Lý thị sống động như thật. Bức vẽ quá thật, giống y như người thật, chẳng qua là không biết lên tiếng, không có nhiệt độ, không phải là một người sống mà thôi.

Lưu Triệt cung không rời tay, ngày nào cũng xem đi xem lại nhiều lần, ngỏ lời yêu dấu với bức vẽ. Sau khi xem đã mắt, thì đem treo tại cung Cam Tuyền mà sớm tối mình hay ra vào. Lưu Triệt nằm mơ nhiều lần, thấy mình tìm thấy Lý thị, cùng vui vẻ với nàng. Tuy nhiên, trong cuộc sống thật đã không còn Lý thị, mà chỉ còn lại một bức tranh. Tuy bức tranh có thần có hình, nhưng lại không thể cử động, lại càng không có sự sống, nếu có người biết chiêu hồn, để bức tranh sống lại thì tốt quá!

V. Chiêu hồn

Cũng may, vào đúng lúc đó, kinh sư xuất hiện một phương sĩ có tuyệt kỹ, mọi người gọi là Thiệu Ông, là người đất Tề, truyền rằng ông có thuật chiêu hồn tuyệt diệu, có thể làm cho người chết hồi sinh. Lưu Triệt nghe được lời tâu, vui mừng tột độ, truyền lệnh lập tức triệu Tề Thiệu Ông vào cung. Tề Thiệu Ông được dẫn vào cung, lập tức được yết kiến Lưu Triệt.

Thiệu Ông phụng chỉ vào cung chiêu hồn cho Lý thị. Lưu Triệt chọn ra một cung phòng yên tĩnh, để Thiệu Ông bố trí. Những thứ mà Thiệu Ông cần, được chuẩn bị đầy đủ. Căn phòng tối tăm vì rất ít đèn, các bức trướng bay phất phơ, màu sắc lẫn lộn dưới ánh đèn mờ ảo. Chiếc bàn phía trước tấm trướng được chất đầy sơn hào hải vị, thịt ngon rượu ngon.

Sau một hồi niệm chú và nhảy múa điên cuồng, Thiệu Ông bắt đầu nhập tịnh. Thiệu Ông bảo Lưu Triệt ngồi dưới một tấm trướng khác cách đó không xa. Đến giờ tí nửa đêm, Thiệu Ông chính thức dùng phép. Bức trướng được chiếu sáng bởi ánh đèn bỗng nhiên xuất hiện khói mù mịt, phát phơ trong không trung với âm thanh rất nhỏ. Vũ Đế Lưu Triệt đang ngồi ngay ngắn trong một tấm trướng khác, toàn tâm chú ý, mắt không chớp.

Không biết bao lâu đã trôi qua, Lưu Triệt nhìn đến nỗi có chút mệt mỏi bỗng nhiên nhìn thấy một bóng người trong bức màn đối diện, bóng người đang động đậy, bóng nghiêng ấy rất đẹp, đúng là một người đẹp. Người đẹp chuyển động, rồi ngồi xuống. Lưu Triệt nhìn kỹ lại lần nữa, đó chẳng phải là Lý thị đó sao? Tuyệt đối không sai, là Lý thị! Ngồi một lát, Lý thị đứng dậy, giống y như lúc nàng còn sống, khi chậm bước từ từ lại càng giống thật hơn! Đó đương nhiên là Lý thị sống lại rồi!

Vũ Đế Lưu Triệt không dám tin vào mình, bật dậy, chạy đến ôm chặt người đẹp mà mình tưởng nhớ nay đã sống lại. Thiệu Ông đột ngột xuất hiện trước mặt Lưu Triệt, giơ tay ra, cản Lưu Triệt lại, và lắc đầu, tỏ ý ông

không thể làm thế, nếu không sẽ làm kinh động linh hồn của người đẹp, người đẹp sẽ biến mất rất nhanh. Quả nhiên, một lát sau, mây mù tan dần, Lý thị cũng không biết biến đi đâu.

Phép chiêu hồn của Thiếu Ông rất thành công, Vũ Đế Lưu Triệt tin tưởng hết lòng, bèn hậu thưởng cho Thiếu Ông. Nhưng lần gặp hương hồn của Lý thị này, càng gợi nhớ nỗi nhớ người đẹp của Lưu Triệt. Một Lưu Triệt quá đau khổ vì tương tư không thể vui lên, cầm bút lên, viết thơ gợi nỗi nhớ. Vũ Đế Lưu Triệt đã viết nên bài “Thị tà phi tà” trong tâm trạng đó:

Thị tà phi tà?

Lập dĩ vọng chi,

Phiến hà san san kỳ lại tri?

(Tạm dịch: Là thật hay giả?

Chỉ dám ngược nhìn

Vì lẽ gì nàng lững thững đến muộn?)

Đó là cảm giác thật của Lưu Triệt lúc đó, là trực giác bán tín bán nghi, vui buồn lẫn lộn khi gặp được người đẹp mà mình đau khổ tương tư. Lưu Triệt giao bài thơ tâm huyết của mình cho nhạc phủ, để nhạc sư phối khúc ca xướng. Trong cung bèn hát truyền bài “Thị tà phi tà” buồn bã này.

Hương hồn của Lý thị đã gợi nên nỗi tưởng nhớ vô bờ bến của Vũ Đế Lưu Triệt. Lưu Triệt không buồn ăn uống, dù có hoan lạc với các mỹ nữ khác thì cũng chỉ là sự miễn cưỡng, không khi nào mà ông không nhớ đến Lý thị. Từng tiếng nói, từng nụ cười của Lý thị, mái tóc mượt mà, tình cảm của Lý thị đều hiện diện trong lòng của Lưu Triệt, làm cho Lưu Triệt ngày đêm không ngủ được, khó mà lãng quên. Nỗi nhớ của Lưu Triệt quá sâu sắc, bèn chấp bút viết nên bài “Lý phu nhân phú”.

Chương VI

Xuân sắc Hán cung – Câu chuyện của chị em họ Triệu

I. Cuộc sống tuổi thơ cực khổ

Chị em Triệu thị là một đôi mỹ nữ nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Chị Triệu Phi Yến, sắc đẹp, giọng ca, điệu múa đều tuyệt thế, nhất là thân nhẹ như yến nổi danh lịch sử. Một Triệu Phi Yến nghệ sắc vẹn toàn làm cho Hán Thành Đế nghiêng lòng, nhận vào cung, sủng hạnh không ai bằng, cuối cùng phong làm hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ. Sau khi Triệu Phi Yến vào cung, bèn giới thiệu đưa em gái đẹp hơn cả mình là Triệu Hợp Đức vào cung, Thành Đế mê muội thành thói, ngày đêm đắm chìm trong sự dịu dàng của Triệu Hợp Đức, cuối cùng chết do ăn chơi trác táng.

Triệu Phi Yến có sắc đẹp mê hồn, nhưng lại có xuất thân hơi kỳ quặc. Triệu Phi Yến vừa họ Triệu, vừa họ Phùng. Tại sao một người lại có hai họ? Là họ của cha và mẹ? Không, điều này liên quan đến thân thế độc đáo của Triệu Phi Yến. Cũng tương tự với tình hình tạo thành thân thế độc lập của Triệu Phi Yến, chính là kinh nghiệm cuộc đời phong phú của Triệu Phi Yến, từ đó tạo nên thân hình tuyệt đẹp thon thả, có điệu múa mê người và giọng hát làm người ngất ngây.

Sử sách ghi chép rằng, Triệu Phi Yến xuất thân từ một gia đình họn quan, mẹ của Triệu Phi Yến là quận chúa của Giang Đô Nhữ Vương, đẹp tuyệt trần. Quận chúa được gả cho viên quan Triệu Mạn. Quận chúa không hài lòng với sự ân ái của Triệu Mạn, bèn tư thông với Phùng Vạn Kim đang độ tuổi sung mãn, kết quả là lần lượt sinh ra hai đứa con gái, đó chính là chị em Triệu thị, nhưng quận chúa là vợ của Triệu Mạn trên danh nghĩa, nên hai đứa con gái đành phải mang họ Triệu.

Quận chúa là người phụ nữ phong lưu đa tình, bà không muốn mang thai sinh con, nhưng mang thai sinh con là việc không thể tránh, là kết quả của việc ăn chơi trác táng. Bà bất lực trước điều đó, nên đành phải chịu đựng mang thai đủ 10 tháng, sinh con cho xong chuyện. Con gái được sinh ra,

quận chúa bực mình vì thời gian vui chơi không đủ, làm gì còn thời gian dưỡng dục con gái? Huống hồ đó là đứa con riêng của mình với gã tình nhân tư thông sinh ra!

Ba ngày sau khi sinh ra Triệu Phi Yến, quận chúa đã ôm nó ra khỏi nhà, ném bên ngoài. Ba ngày ba đêm trôi qua, người làm mẹ còn một chút xíu lương tâm, bèn đi xem sao, không ngờ sinh mạng nhỏ bé đó vẫn còn sống, mà lại chẳng có thương tích gì? Tình mẹ của quận chúa trời dậy, bèn gơ tay ra ẵm đứa con gái mới chào đời được mấy ngày lên, trở về nhà, thử nuôi dưỡng xem sao.

Có lẽ số mệnh của Triệu Phi Yến quá rắn, hoặc có lẽ dục vọng của quận chúa làm cho trượng phu Triệu Mạn không chịu đựng nổi, Triệu Mạn đã từ già cỗi đời khi Triệu Phi Yến ra đời không bao lâu. Lúc này, chị em Triệu Phi Yến, Triệu Hợp Đức đều đã ra đời, đều là mang họ của Phùng Vạn Kim. Sau khi Triệu Mạn chết, gánh nặng cuộc sống đều đổ lên vai quận chúa. Quận chúa lại không phải là một người mẹ biết chịu khổ, gánh trách nhiệm gia đình, một lòng chăm lo cho con, mà là một phụ nữ tham thú hưởng lạc, làm sao bà lại chịu gánh trọng trách gia đình như thế được?

Quận chúa ẵm hai đứa con gái, đến nhà của tình nhân Phùng Vạn Kim. Phùng Vạn Kim cũng biết hai đứa con gái đó là cốt nhục của mình, ông lại thích hai cô con gái, lại càng yêu thích mẹ của chúng. Nhưng, sau khi quận chúa để lại hai đứa con, bà bỏ đi một mình, tự đi hưởng lạc, sống cuộc sống an nhàn tự tại, ăn chơi trác táng. Trọng trách nuôi dưỡng hai đứa con gái đặt lên vai cha chúng, Phùng Vạn Kim.

Phùng Vạn Kim cũng không phải là loại đàn ông tính toán tỉ mỉ, thích cuộc sống êm đềm, cuộc sống của mình đã chẳng đâu ra đâu, đột nhiên giờ lại xuất hiện thêm hai đứa con gái còn nhỏ, những ngày tháng khó khăn như thế thật không thể tưởng tượng nổi. Phùng Vạn Kim muốn chăm sóc hết lòng cho con gái, nhưng khả năng không cho phép, ngày càng khó khăn

hơn, từ cảnh túng quẫn, đi đến đường cùng. Không bao lâu sau, Phùng Vạn Kim cũng buông tay ra đi, để lại hai đứa con gái chỉ mới mấy tuổi.

Phùng Vạn Kim đi rồi, chị em Triệu Phi Yến, Triệu Hợp Đức ngày nào cũng lưu lạc ở đầu đường xó chợ, quần áo rách rưới. Ngày hôm đó, Triệu Phi Yến đang xin ăn tại kinh sư, gặp một cô gái dáng vẻ phú quý, dẫn theo cả bảy nô bộc. Chị em họ Triệu không dám bước lên xin ăn, nhưng cô gái đó lại bước đến chỗ của chị em họ Triệu. Cô gái này quan sát hai chị em mới mấy tuổi đầu này, phát hiện đôi mắt lông mày của họ rất đẹp, đôi mắt rất mê người, tuy mặt mũi nhem nhuốc, nhưng da dẻ trắng hồng, là đôi ngọc có thể mài giũa lại. Cô gái giàu sang đó bèn mua hai chị em họ, dẫn họ về phủ.

II. Bước vào phủ công chúa

Cô gái giàu sang đó không ai khác, chính là công chúa Dương A, chị của hoàng đế thứ 9 của nhà Hán, Hán Thành Đế Lưu Ngao. Chị em họ Triệu mở to đôi mắt mê người, đi theo công chúa Dương A bước vào phủ công chúa hoa lệ huy hoàng. Trong phủ có trăn châu la liệt, châu ngọc khắp nơi, nô bộc từng đám. Chị em họ Triệu được dẫn đến nhà sau tắm rửa thay áo, sau đó mới đi bái kiến công chúa. Công chúa nhìn kỹ lại họ, quả nhiên là một đôi tiên nữ: mắt đẹp mi đẹp, nhỏ nhắn xinh xắn, đôi mắt có thần có một không hai, chỉ là làn da hơi thô và đen, đó là kết quả của mưa gió phong sương, còn có chút vàng vọt gầy yếu, chắc là chăm sóc lại một thời gian thì sẽ thay da đổi thịt.

Từ đó chị em họ Triệu sống trong phủ công chúa ăn ngon mặc đẹp, học ca hát trong phủ với thân phận của một ca kỹ. Tuy chị em họ Triệu có địa vị thấp kém trong phủ, thân phận lại không khác gì với nô tì, nhưng đó vẫn là phủ đệ hào hoa của công chúa, hoàn cảnh ở đây rất tốt, quần áo mới mẻ sạch sẽ, có rất nhiều bộ y phục được thay đổi trong bốn mùa, nhất là ăn uống hàng ngày, tuy là bậc dịch nô tì, tuy không phải là sơn hào hải vị có mùi vị tuyệt vời, nhưng vẫn là những bữa ăn khá thịnh soạn, hơn nữa một ngày 3 bữa, bữa nào cũng được ăn no uống đủ. Đó thật sự khác một trời một vực với những ngày sống lưu lạc ở đầu đường xó chợ, không có ăn uống, không có quần áo!

Lưu Ngao là con trai của Hán Nguyên Đế Lưu Thịnh, mẫu thân là Vương Chính Quân, hoàng hậu của Nguyên Đế. Vương Chính Quân là cô mẫu của nhân vật nổi tiếng cuối nhà Hán Lưu Bôn. Vương Chính Quân được chọn vào cung khi Nguyên Đế còn làm thái tử, sinh ra con trai Lưu Ngao. Nguyên Đế kế vị, Vương Chính Quân được phong làm hoàng hậu,

Lưu Ngạo được lập làm thái tử. Nguyên Đế rời khỏi nhân thế khi 44 tuổi, thái tử Lưu Ngạo kế vị hoàng đế, là Hán Thành Đế, khi đó 19 tuổi.

Khi Hán Thành Đế tại vị, vương triều Tây Hán hưng thịnh đã đi vào giai đoạn cuối, bắt đầu xuống dốc. Thân thích bên ngoài họ Vương tiếng tăm hiển hách do Vương Chính Quân được làm hoàng hậu, dần dần không chế được triều đình và thâm cung. Trong họ Vương, có 9 người được phong hầu, còn các cữu cữu (người cậu) của hoàng đế Vương Phụng, Vương Thương, Vương Âm, Vương Căn... và con trai của Vương Ngạo lần lượt được phong hầu và nắm trọng quyền như đại tư mã, đại tướng quân. Đại quyền quân chính của triều đình đều tập trung trong tay của nhà họ Vương, hơn nữa những viên quan trọng yếu bên ngoài kinh sư và chốn biên cương dường như đều xuất thân từ nhà họ Vương. Trước cục diện đó, hoàng đế 19 tuổi Lưu Ngạo làm được gì? Huống hồ Lưu Ngạo vốn không phải là một minh chủ thánh minh thiên hạ.

Lưu Ngạo được sinh ra khi Nguyên Đế Lưu Thịnh còn là thái tử, khi đó Hán Tuyên Đế Lưu Tôn vẫn còn tại vị. Khi Lưu Ngạo ra đời, tiếng khóc nho nhỏ, rất dễ thương, Tuyên Đế hết sức vui mừng, rất yêu thích đứa cháu này, bèn ban cho “tự” là Vương Tôn. Khi Lưu Ngạo vừa lên 3, vị hoàng đế Lưu Tôn hết sức yêu mến Lưu Ngạo qua đời, thái tử Lưu Thịnh kế vị. Lưu Ngạo lớn lên trong cung, rất thích đọc sách, yêu thích văn nghệ, trời sinh tính lãng mạn.

Trời sinh Lưu Ngạo tính nết hiền hậu khoan dung, làm người cẩn thận tỉ mỉ, hành vi cử chỉ đều tuân thủ lễ nghi, tiếng hiền vang khắp trong cung, cả người ngoài cũng biết. Có một lần, Nguyên Đế triệu Lưu Ngạo, có việc khẩn cấp và quan trọng. Nguyên Đế đợi rất lâu, vẫn không thấy bóng dáng của Lưu Ngạo. Đến khi Lưu Ngạo tới nơi, Nguyên Đế đã tái mặt, hỏi có chuyện gì. Lưu Ngạo hết sức hoảng sợ, cẩn thận trả lời, Nguyên Đế chuyển nộ thành vui. Thì ra, Lưu Ngạo làm theo quy chế trong cung, không dám đi

trên con đường chỉ dành cho hoàng thượng dùng, thế là phải đi đường vòng, nên mất rất nhiều thời gian.

Nguyên Đế cho rằng Lưu Ngạo luôn ung dung, giữ lễ pháp dù có việc gấp, sau này chắc chắn là một minh chủ, nên hết sức coi trọng, phong làm thái tử. Sau khi Lưu Ngạo trở thành thái tử, bề ngoài vẫn cung cẩn giữ pháp, nhưng ngoài thú vui đọc sách ra, tính háo sắc háo rượu, đa tình trác táng dần dần lộ rõ. Thật ra, cha của Lưu Ngạo, Nguyên Đế Lưu Thịnh cũng là một người đàn ông đa tình lãng mạn, ông cũng đa tài đa nghệ, yêu thích âm nhạc, giỏi đánh đàn, trồng, thổi tiêu, nhất là thổi sáo, làm người nghe ngây ngất. Nguyên Đế ít nhiều cũng biết đến sự đa tình phóng khoáng của thái tử, nhưng cho rằng không liên quan đến chuyện lớn, nên dung thứ cho.

Lưu Ngạo lớn dần lên trong tiếng ca múa, tửu sắc của cuộc sống phú quý, quanh mình luôn là mỹ nữ xinh đẹp. Một Lưu Ngạo lớn lên trong tửu sắc, đương nhiên không thể rời xa mỹ tửu, mỹ nữ. Sau khi Nguyên Đế qua đời, Lưu Ngạo kế vị, nhà họ Vương nắm quyền hành trong tay về mặt chính trị, Lưu Ngạo chìm đắm trong tửu sắc, thế là hai chị em Triệu thị bèn trở thành trụ cột trong cuộc sống của Thành Đế Lưu Ngạo.

III. Cá tính của Hứa hoàng hậu

Sau khi Lưu Ngạo kế hoàng vị, năm sau lập con gái của tướng quân Hứa Gia làm hoàng hậu. Tiếp đó, Thành Đế Lưu Ngạo háo tửu háo sắc bèn cử người đi khắp thiên hạ, tìm kiếm mỹ nữ, bị quần chúng lên án khắp nơi. Vương thái hậu nắm quyền chính trong tay, những quyền cụ thể khác do anh của Vương thái hậu, đại tư mã, đại tướng quân Vương Phụng nắm giữ. Vương Phụng và tâm phúc của Vương Phụng đều biết Thành Đế háo sắc, bèn nghĩ ra trăm phương ngàn kế để lấy lòng ông, để Thành Đế chìm đắm trong đó.

Vương Phụng có một tâm phúc tên Đỗ Khâm, là vũ kho lệnh cai quản binh khí, Đỗ Khâm tiến tấu với Vương Phụng, hy vọng kiến lập chế độ hậu cung theo lễ xưa, chính là chọn nhiều mỹ nữ, bổ sung cho hậu cung, danh chính ngôn thuận sắc lập nhiều hậu phi. Vào đầu nhà Hán, ngoài hoàng hậu ra, chỉ có cơ và phu nhân. Vào thời Vũ Đế, định ra nhiều danh hiệu, trong hậu cung có tiệp dư, kinh nga, dung hoa, sung y, mỹ nhân. Kiến nghị của Đỗ Khâm thì không chỉ có thế, mà muốn lập càng nhiều danh hiệu hơn, nhưng nhất thiết phải nghiêm ngặt.

Đỗ Khâm viết trong tấu sớ rằng, hoàng đế xuất thân từ hậu đích, chiêu nạp nhiều mỹ nữ bổ sung vào hậu cung, đó là điều nên làm, đó là quy chế xưa từ đời Hạ Thương đến nay; nhưng, phải cẩn thận khi chọn các cô gái vào hậu cung, nên chọn người hiền đức, chứ đừng nên để các phụ nữ có thanh sắc vô độ vào hậu cung, nếu không, tranh phong ghen tuông, tranh quyền tranh sung, hậu cung sẽ không có ngày yên, càng nguy đến hoàng đế.

Tất cả những quy định và ràng buộc đều mất đi tác dụng trước Thành Đế tối cao, Thành Đế ngày đêm chìm đắm trong thanh sắc, ăn chơi trác táng. Hứa hoàng hậu dung mạo đoan trang, tri thư đạt lễ, Thành Đế hết sức yêu thích, sung ái hết mình. Ban phi dung dị đoan chính, thông thuộc kinh sử,

cao nhã siêu tục, khí chất hơn người, Thành Đế cũng hết sức yêu mến người này. Phần lớn thời gian của Thành Đế dùng để làm bạn và chung vui với Hứa hoàng hậu và Ban tiếp dư (Ban phi). Nhưng điều đáng tiếc là, Hứa hoàng hậu, Ban phi được hưởng tận sung ái nhưng lại không mang thai, không sinh con.

Năm Thành Đế thứ 5, quan viên phụ trách thiên tượng tấu báo xuất hiện nhật thực, nói đó là lời cảnh báo của thiên tượng. Thành Đế có chút sợ hãi, theo lệ hạ chiếu thư, lệnh cho công khanh bá quan dâng tấu, trình rõ thiệt hơn của việc đó đối với chính sự. Quang Lộc đại phu Lưu Hưởng lúc này đại diện cho quyền thần Vương Phụng, đứng ra dâng sớ. Hứa thị là người được chọn làm thái tử phi khi Thành Đế còn là thái tử, sau khi Thành Đế lên ngôi mới phong làm hoàng hậu. Hứa thị lên làm hoàng hậu, Thành Đế thi ân hậu tộc: Nhạc phụ Hứa Gia nhậm chức đại tư mã đại tướng quân, lại phong làm Bình An hầu. Cùng lúc với việc hậu tộc được huy hoàng, đương nhiên Thành Đế không coi thường gia tộc họ Vương của thái hậu: thăng Vương Phụng làm đại tư mã đại tướng quân lĩnh việc thượng thư. Từ đó, gia tộc họ Vương của thái hậu và gia tộc họ Hứa của hoàng hậu phân chia triều đình, tranh quyền đoạt lợi. Đương nhiên, một Hứa hoàng hậu có gốc không vững mấy không thể là đối thủ của gia tộc họ Vương của thái hậu.

Học giả Lưu Hưởng và Cốc Vĩnh tiến tấu, viết đầu ra đó. Lưu Hưởng nói, tai ương liên tiếp không ngừng, họa họa liên miên không dứt, hiện tượng trên trời cho thấy, mọi việc xuất phát từ hậu cung, hậu cung nên tăng cường chỉnh đốn, để lấp tai ương. Chủ nhân của hậu cung là ai? Theo quy chế trong cung, là hoàng hậu, hoàng hậu là chủ của lục cung, nhưng người thao túng thật sự lại là thái hậu. Câu nói xuất phát từ trong hậu cung của Lưu Hưởng đương nhiên nhằm vào Hứa hoàng hậu, là chỉ trách Hứa hoàng hậu thất trách, không lo liệu hậu cung cho tốt.

Thành Đế Lưu Ngạo không biết được sự tranh đấu quyền lực của hai tộc Vương, Hứa, xem xong tấu chương của học giả, cảm thấy nói rất có lý, bèn

hạ chỉ theo lệ quả trách. Hứa hoàng hậu xuất thân từ danh môn, thông hiểu thiên văn, địa lý, kinh sử. Hứa hoàng hậu không phải là loại người bình thường mà có văn tài xuất chúng, nghe xong tấu báo và xem xong thánh chỉ quả trách của hoàng đế, cảm thấy tất cả những gì do thiên tượng gây nên thật tức cười, hoàn toàn vô lý. Hứa hoàng hậu tài hoa giỏi giang cho rằng nhất thiết phải tự biện hộ cho mình, tay cũng có chút ngứa ngáy, bèn viết một bài “Thượng số ngôn thúc phòng dụng độ”. Nhưng bà không biết nguy hiểm đang đến gần.

Thượng số của Hứa hoàng hậu thể hiện văn tài xuất chúng, bài văn có tình có lý, thật đúng là tác phẩm tuyệt vời. Thượng số được đưa đến ngự án, Thành Đế xem xong, bèn ngăn người ra, không biết nên trả lời như thế nào, chỉ cảm thấy tất cả những gì mà hoàng hậu viết đều có lý, lời quả trách dường như không thỏa đáng lắm. Thành Đế đọc sách không nhiều bằng hoàng hậu, kiến thức, tài năng trời phú không bằng hoàng hậu, và đương nhiên Thành Đế không phải là đối thủ của hoàng hậu về mặt văn chương, chấp bút.

Thành Đế không phải là đối thủ, đại thần học phú ngũ xa cũng không phải loại người thường, nhất là học giả Lưu Hưởng. Thành Đế bèn giao tấu số của hoàng hậu cho Lưu Hưởng, Cốc Vĩnh, để xem họ trả lời như thế nào. Lưu Hưởng cũng xuất thân từ danh môn, là con cháu của tôn thất, quán thông kinh sử. Con trai của Lưu Hưởng là Lưu Hâm là một tài tử, tài cao tám đầu, là quốc sư của Vương thị. Chức vụ của Cốc Vĩnh trong triều đình là ngự sử đại phu phụ trách đốc sát. Cốc Vĩnh giỏi về học thuyết âm dương, thông hiểu kinh sử chư tử, là tâm phúc của đại tư mã đại tướng quân Vương Phụng.

Lưu Hưởng, Cốc Vĩnh xem xong tấu số của Hứa hoàng hậu, bèn viết một bài đáp văn, phản bác lại Hứa hoàng hậu. Đáp văn nói, gần đây tai ương liên miên, hồ cạn, giếng khô, nhật thực, chuột leo lên cây, tất cả những thứ đó đều do âm xâm dương, nên nói tai ương xuất phát từ hậu cung đương

nhiên người chủ hậu cung phải chịu trách nhiệm. Hứa hoàng hậu cảm thấy cuộc tranh luận này thật sự quá đáng cười, nên không để ý đến nữa.

Nhưng, cuộc tranh luận vô vị này lại dẫn đến một kết quả không tốt: Hứa hoàng hậu bị Thành Đế lạnh nhạt. Ban đầu Hứa hoàng hậu không để ý, đến khi ý thức được sự nghiêm trọng của sự việc thì đã quá muộn, bởi vì chị em họ Triệu vào cung, điều mà Hứa hoàng hậu phải đối mặt là nguy cơ bị truất phế. Hứa hoàng hậu bị phế ngôi do chị em họ Triệu gây nên, hai chị em xinh đẹp tuyệt trần này đã cướp đi sự sủng ái của Thành Đế đối với Hứa hoàng hậu, và cũng đoạt đi sự tự tôn và giữ ý giữ tứ mà mình hay tự hào.

Để lấy lại sự sủng ái, Hứa hoàng hậu bèn kết hợp với chị mình là Hứa Ma niệm chú Vương mỹ nhân đang có mang trong hậu cung. Triệu Phi Yến biết được, lập tức tâu lên nói hoàng hậu làm thuật vu cô trong cung, niệm chú Vương mỹ nhân và đại tư mã Vương Phụng. Thành Đế lập tức cử người điều tra sự thật, truất phế Hứa hoàng hậu. Hứa hoàng hậu bị phế, lại hại đến một tài nữ khác là Ban phi mà Thành Đế sủng ái. Thành Đế đã thật sự là một người bạc tình hay thay đổi tình cảm, có chị em họ Triệu rồi, thì quên đi tình nghĩa âm cung ngày xưa, đích thân tra hỏi tài nữ Ban phi lúc trước ân ái với mình, lại được thái hậu khen ngợi này.

IV. Tài nữ Ban tiếp dư (Ban phi)

Ban thị được chọn vào cung sau khi Thành Đế lên ngôi không bao lâu, lúc đó còn ít danh hiệu, đứng thứ 10 trong hậu phi. Vào cung không bao lâu, tài hoa xuất chúng của Ban thị dần dần hiện rõ, Thành Đế phải nhìn nàng với con mắt khác. Mỹ nhân được hoàng thượng nhìn với con mắt khác đương nhiên nhận được sự sủng hạnh, Ban thị thăng làm tiếp dư chỉ đứng sau chiêu nghĩa trong hậu cung. Địa vị đã cao, điều tương ứng với danh hiệu đương nhiên là sự đối đãi. Ban tiếp dư dời vào cung Tăng Thành trong khu thứ 3 của cung Vị Ương. Thành Đế thường lâm hạnh, ân ái thường xuyên, không bao lâu sau thì Ban thị mang thai, đủ tháng thì sinh ra một đứa con trai. Nhưng, đứa con đó đã rời khỏi nhân thế chỉ sau vài tháng chào đời. Con trai không giữ được, tương lai của Ban thị đương nhiên lạnh ít dư nhiều.

Thành Đế Lưu Ngao là một hoàng đế ăn chơi hưởng lạc thành tính. Thành Đế thích đến hậu uyển nhân du, khi nhân du lại thích gọi mỹ nhân trong cung đi theo. Thành Đế yêu mến Ban thị có tài hoa xuất chúng đến nỗi dường như gì cũng biết, thường triệu Ban thị cùng đi du ngoạn. Có một lần, Thành Đế nghĩ ra một cách, muốn ngồi chung xe tuần du với Ban thị. Ban tiếp dư lại từ chối thẳng thừng.

Ban tiếp dư nổi tiếng cung cấm nhờ vào bác học thông tài của mình, đương nhiên hết sức thông thuộc kinh sử. Ban tiếp dư nói với Thành Đế: Thiếp xem qua đồ họa của các danh quân nhiều đời, các thánh hiền quân chủ thời xưa, tuy từng bên cạnh đều có danh thần đọi giá, chỉ có ba vị quân chủ ngu muội, để tỷ nữ hầu hạ bên cạnh; hiện tại, hoàng thượng muốn ngồi cùng xe với thiếp, đó chẳng phải là gần giống với ba vị quân vương vong quốc đó sao? Thành Đế cảm thấy rất có lý, bèn thu hồi thành lệnh, từ bỏ ý nghĩ ban đầu.

Chuyện Ban tiếp dư cự tuyệt ngồi chung xe du ngoạn với hoàng thượng được truyền vào cung rất nhanh. Vương thái hậu nghe xong lời tấu báo chi tiết, than rằng: Cổ đại có vị hiền phu nhân gọi Phàm Cơ, nay có người con gái tốt chính là Ban tiếp dư. Phàm Cơ là phu nhân của Sở Trang Vương thời Xuân Thu, nhân trí hiền tuyệt, tri thư đạt lý. Phàm Cơ từng can gián Trang Vương, không muốn hờ một tí là xuất cung săn bắn, và khích lệ Sở tướng Lô Khuru Tử tiến cử hiền nhân Tôn Thúc Ngao, Trang Vương phong Tôn Thúc Ngao làm lệnh doãn, nắm quyền triều chính. Nước Sở nhanh chóng có nhân tài đến đông như kiến, xưng bá thiên hạ trong 3 năm.

Thái hậu so sánh giữa Phàm Cơ và Ban tiếp dư, cho thấy thái hậu rất nể trọng Ban tiếp dư. Thành Đế đương nhiên quý trọng, sủng ái Ban tiếp dư. Tuy nhiên, do chị em họ Triệu vào cung nên những cô gái tài đức vẹn toàn, văn nhã đàm bạc như Ban thị và hoàng hậu Hứa thị làm sao có thể giữ lại Thành Đế, khiến nhà vua khỏi bị mê hoặc bởi mỹ nữ phong lưu hơn người, sắc nghệ đều giỏi như hai chị em họ Triệu?

Mỗi họa vu cổ của Hứa hoàng hậu chẳng qua chỉ là một mắt xích, vận mệnh của Hứa hoàng hậu và Ban tiếp dư đã được ấn định sau khi chị em họ Triệu vào cung. Thành Đế mê muội cả người, quên đi những ân ái của ngày xưa, đích thân thăm vấn Ban tiếp dư: Tại sao lại cùng tham gia vu cổ với hoàng hậu? Ban tiếp dư hết sức bình tĩnh, từ tốn trả lời rằng: Giữa trời và đất, sinh tử có số, phú quý tại trời; tiem tu hành thiện lại không che giấu ân trạch và phúc lộc, hà cớ gì phải làm tà thuật vu cổ? Nếu quỷ thần biết được, nhất định sẽ nghe được lời của thiếp; nếu quỷ thần không biết, dù kêu oan thì có được gì? Chẳng muốn nói gì cả, tất thảy đều vâng theo mệnh trời vậy!

Thành Đế khuất phục trước sự ung dung bình tĩnh của Ban tiếp dư, bèn hạ đạo thánh chỉ, miễn truy cứu Ban tiếp dư. Nhưng từ đó về sau, Ban tiếp dư lạnh lùng với cuộc sống trong cung, mất đi hy vọng và nhiệt tình. Ban tiếp dư tấu thỉnh hoàng đế, xin lui về ở cung Trường Tín, cuối cùng hầu hạ

Vương thái hậu. Ban tiếp dư đang tuổi sung mãn, không muốn hầu hạ hoàng đế mà lại đòi hầu hạ thái hậu, đó vốn đã là điều vạ bất đắc dĩ, chứ thật ra trong lòng chẳng muốn. Nỗi cô tịch một mình thật khó mà chịu đựng, tài nữ Ban tiếp dư bèn viết bài “Tự thương điều phú” khiến người đọc rơi nước mắt về những tháng ngày khó khăn đó.

V. Sủng quán hậu cung

Đối lập rõ ràng với Hứa hoàng hậu, Ban tiếp dư chính là chị em họ Triệu được Thành Đế hết mực sủng ái. Việc vào cung của chị em họ Triệu mang càng nhiều màu sắc kịch tính hơn. Thành Đế lên làm hoàng đế năm 19 tuổi, vào năm ông 32 tuổi, tức là Hùng Gia nguyên niên, năm 20 trước Công Nguyên, ông đã làm hoàng đế 13 năm. Hậu cung có bổ sung người đẹp đến đâu thì cũng trở nên quá thường đối với một Thành Đế đã tận hưởng hết mười mấy năm, ông thấy ngán ngẫm, vô vị, bèn dự định vi phục xuất cung, đi tìm chút kích thích mới mẻ.

Thành Đế bản tính lang du, chỉ biết say mê trong tửu sắc. Thành Đế đổi tên thành Trương công tử, cùng vi phục xuất cung với con cháu quý tộc như Phú Bình hầu Trương Phóng, Định Lăng hầu Hưởng Vu Trường, ra ngoài ngoại thành đến các thôn làng xem đá gà đua ngựa, cướp đoạt các cô gái có sắc đẹp. Trương Phóng là huyền tôn của đại kỳ tướng quân Trương An Thế, là con trai của chị Nguyên Đế là Kính Võ công chúa và phò mã Trương Lâm, về mặt vai vế, là anh em bà con với Thành Đế Lưu Ngạo, còn phu nhân của anh ta là em gái ruột của Hứa hoàng hậu. Hưởng Vu Trường là con trai của chị hoàng thái hậu Vương Chính Quân, rất được thái hậu yêu chiều. Một nhóm hoàng thân quốc thích, vương tôn quý tộc cùng hoàng đế ra ngoài du lạc, chẳng lẽ lại không làm những gì mình muốn, làm đảo lộn thiên hạ hay sao? Họ còn kiêng sợ điều gì nữa chứ?

Một hôm, nhóm người của Thành Đế đến nhà của Dương A công chúa, công chúa hết sức vui mừng nhanh chóng bày biện yến tiệc. Rượu say tai nóng, để trợ vui cho em trai, công chúa cho người ra ca múa. Đằng sau tấm rèm tơ mềm mại bước ra một cô gái, da như ngọc, mềm yếu như không xương, eo thon lá liễu, chậm chậm bước ra, uyển chuyển như liễu lay trước gió. Thành Đế há hốc mồm, ngẩn người giây lát. Cô gái ấy có giọng hát hay

nghư họa mi, múa đẹp như yến bay, Thành Đế nhất thời mất đi hồn vía, không biết mình là ai? Mình đang ở đâu?

Thành Đế cũng ngồi không yên được nữa, bèn ôm chặt lấy mỹ nhân này, đi vào phòng ngủ, cởi rộng lưng áo, rồi lập tức chiếm hữu cô ấy. Tiếp đó, đưa nàng vào cung, sủng hạnh ngày đêm, trác táng hưởng lạc. Mỹ nữ này chính là Triệu thị thân mỏng manh như chim én tức Triệu Phi Yến. Triệu Phi Yến biết rằng, mình mê hoặc được hoàng thượng không phải nhờ vào nhan sắc mà là điệu múa và giọng hát, là nghệ không phải là sắc, nếu nói rằng tuyệt sắc mới có thể mê hoặc hoàng thượng dài lâu, vậy thì phải nhờ vào em gái Triệu Đức Hợp của mình. Thế là, Triệu Phi Yến không chỉ muốn được hưởng lạc một mình mà muốn nhân lúc Thành Đế đang đắc sủng mình mà giới thiệu em gái Triệu Đức Hợp với Thành Đế ngay trong những giây phút ân ái mặn nồng, để em gái cùng hưởng lạc với mình, cùng chiếm hữu hoàng thượng, đối phó với những mỹ nữ khác. Trên thực tế, hành động này của Triệu Phi Yến hết sức thành công.

Tuyệt sắc giai nhân Triệu Đức Hợp được tiến cung. Triệu Đức Hợp không chỉ có sắc đẹp trời cho, mà còn có một nét phong tình đặc biệt, có thể đoạt hồn phách con người trong im lặng, làm cho đàn ông đa tình phải hồn siêu phách lạc, tinh thần điên đảo. Một Thành Đế Lưu Ngạo háo sắc thành thói đương nhiên nhìn đến thì ngây dại cả người trước giai nhân tuyệt sắc này. Thành Đế vốn chìm đắm trong nồng tình của Triệu Phi Yến, bị mê hoặc bởi mỹ sắc và tài nghệ của Triệu Phi Yến, dường như không thể thoát ra được, không ngờ, Triệu Đức Hợp lại càng đẹp hơn, càng phong tình hơn cả chị Triệu Phi Yến của mình.

Thành Đế Lưu Ngạo ngần người ra, nhìn đắm đuối người đẹp trước mặt. Tuy từng thân cận của Thành Đế cũng nhìn dại cả người, không dám tin rằng đó là con gái của trần gian, nhân gian lại có một cô gái siêu phàm thoát tục đến thế? Tiến sĩ Náo Phương Thành chỉ nhìn thấy mỹ nhân được miêu tả trên sách vở, không ngờ lại gặp được người như thế trong đời thật. Tiến

sĩ học vẫn uyên thâm cũng không cưỡng nổi sự mê hoặc của mỹ nhân, nước dãi trong miệng trào cả lên, chảy ra ngoài. Tiến sĩ Náo Phương Thành nuốt lại nước miếng, nói một cách khó khăn rằng: Đó là nước nôi đấy, dùng để dập lửa thì không sao! Tiến sĩ cũng đã oán than như thế, huống hồ gì một Thành Đế yêu sắc như yêu mạng.

Thành Đế chiếm hữu được chị em họ Triệu, ngày nào cũng ở bên hai người, ăn chơi trác táng. Những phụ nữ khác trong hậu cung đành chấp nhận số mệnh, chỉ biết thở dài mà thôi. Thời gian lâu dần, Thành Đế thỉnh thoảng cũng lâm hạnh những phụ nữ khác. Năm Hồng Gia thứ 3, Vương mỹ nhân mang thai. Chị ruột Hứa Ma của Hứa hoàng hậu đã nhân cơ hội này làm tà thuật bùa chú Vương mỹ nhân, muốn để Thành Đế hồi tâm chuyển ý. Triệu Phi Yến biết rất rõ chuyện này, bèn mật báo với Vương thái hậu. Kết quả, qua tra khảo sự thật, Vương thái hậu liền xử lý Hứa hoàng hậu, đồng thời vu họa cho gia tộc hoàng hậu; những người như Hứa Ma đều bị xử chết do đại nghịch bất đạo; Hứa hoàng hậu bị phế và phải vào ở trong Chiêu Đài cung; người nhà trong gia tộc của hoàng hậu nhất loạt bị đuổi về quê Sơn Dương quận. Một năm sau, Hứa hoàng hậu mới dời đến Trường Định cung, bị giam lỏng trong 9 năm, do vụ án của Hưởng Vu Trường nên bị buộc phải chết tại cung Trường Định.

VI. Những sóng gió khi sắc lập hoàng hậu

Năm thứ hai sau khi Hứa hoàng hậu bị phế, Thành Đế đang say mê Triệu Phi Yến bèn hạ chỉ muốn lập Triệu Phi Yến làm hoàng hậu. Thái hậu Vương Chính Quân thấy như thế không thỏa đáng. Chẳng phải bà có ấn tượng không tốt với Triệu Phi Yến, mà ngược lại, vẻ đẹp, nét mê hồn của Triệu Phi Yến làm bà yêu thích, thêm vào đó Triệu Phi Yến cam tâm làm tâm phúc của thái hậu cùng nhau đối phó với Hứa hoàng hậu, được thắng lớn, thái hậu càng yêu thích Triệu Phi Yến hơn. Nhưng, yêu thích là một chuyện, đột nhiên đề Triệu Phi Yến lấp đầy vị trí hoàng hậu đang còn trống do Hứa hoàng hậu mới bị phế thì thái hậu thấy không thoải mái lắm. Đương nhiên, Triệu Phi Yến xuất thân nghèo hèn, lập làm hoàng hậu sẽ không dẫn đến việc hậu tộc nổi dậy, và sẽ không đối đầu với gia tộc của thái hậu, cũng không dẫn đến tình trạng chia triều kháng lễ, có được điểm này, thái hậu thấy dễ chịu rất nhiều.

Thái hậu không có ý kiến gì bất đồng đặc biệt trong việc lập Triệu Phi Yến làm hoàng hậu, cuối cùng thái hậu chỉ nói, Triệu Phi Yến xuất thân quá hàn vi, đột nhiên trở thành mẫu nghi thiên hạ, trong và ngoài triều có phục hay không? Hưởng Vu Trường hiến cho Thành Đế một kế: Phong cho cha của Triệu Phi Yến làm Thành Dương hầu trước, Triệu Phi Yến là con gái của hầu tước, không tôn quý sao? Phong cho cha rồi, sẽ lập con sau, chẳng phải danh chính ngôn thuận rồi sao? Thành Đế cảm thấy kế này rất hay, bèn tấu với thái hậu, thái hậu cũng thấy kế này khá hay, nên đã đồng ý. Như vậy, cha của Triệu Phi Yến được phong làm Thành Dương hầu trước, 7 tháng sau, Triệu Phi Yến được lập làm hoàng hậu mẫu nghi thiên

hạ. Em gái Triệu Hợp Đức của Triệu Phi Yến đương nhiên cũng có được danh hiệu khác, được phong làm chiêu nghi, chỉ đứng sau hoàng hậu.

Sự thay đổi này trong cung dẫn đến sự phản ứng của các đại thần. Nên biết rằng, việc phế lập hoàng hậu không chỉ là chuyện của hoàng gia, mà là đại sự của cả quốc gia triều đình, cho nên, triều thần đương nhiên không thể giữ im lặng, lần lượt dâng tấu sớ, bày tỏ cách nghĩ của mình. Có đại thần viết rõ ràng phản đối việc lập Triệu Phi Yến làm hoàng hậu, việc dùng từ đặt câu hết sức cay độc. Gián nghị đại phu Lưu Phụ viết trong tấu sớ rằng: Từ xưa đến nay, hưng thì giáng phúc lộc, yếu thì giáng tai ương, Vũ Vương, Chu Công năm xưa, thuận theo trời đất, vương quốc hưng thịnh, thiên hạ có đầy đủ mọi thứ, còn quân thần thì vẫn cẩn thận nghi kỵ lẫn nhau; nay hoàng thượng ham mê thanh sắc, mê muội con gái tì tiện hàn vi, cuối cùng lại muốn lập làm hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, đó chẳng phải là quá hồ đồ đó sao?

Thành Đế xem xong tấu chương này, tức sôi cả người. Nói thế là sao, chẳng lẽ xuất thân hàn vi thì không thể làm mẫu nghi thiên hạ? Thật là vô lý hết sức! Thành Đế trời sinh yếu đuối, trong lúc thịnh nộ còn nhớ đến Lưu Phụ dòng dõi tôn thất, không thể phạt tội chết, mà giáng xuống làm “lương quý”, cả đời phải trông coi nhang đèn trong lăng mộ. Thành Đế phạt Lưu Phụ nặng như thế đương nhiên là muốn giết gà dọa khỉ, để những đại thần tự cho rằng mình trượng nghĩa ngoan cố biết điều một chút, kiểm điểm lại bản thân, đừng nghĩ rằng muốn làm gì thì làm, không có chút sợ hãi, không biết rằng vẫn còn vương pháp!

VII. Nỗi lòng của Triệu hoàng hậu

Triệu Phi Yên được lên ngôi hoàng hậu. Chị em họ Triệu mê hoặc Thành Đế, ngày đêm chìm đắm trong dòng suối ái ân. Nhưng có lẽ là ý trời, Triệu Phi Yên được làm hoàng hậu cũng giống như Hứa hoàng hậu năm nào, đó là không thể mang thai. Kết cục của Hứa hoàng hậu làm cho Triệu Phi Yên sợ hãi, thử nghĩ xem, nếu Hứa hoàng hậu mang thai sinh con, thì có chuyện Triệu Phi Yên nhập cung lên ngôi tốt đẹp này sao? Cho nên, nếu muốn củng cố ngôi vị, củng cố sự sủng ái, nhất định phải mang thai sinh con. Nhưng, nghĩ hết trăm phương ngàn kế, Triệu Phi Yên vẫn không mang thai. Triệu Phi Yên nghĩ ra một cách khác, xem có thể mang thai không. Không mang được thai của hoàng đế, chẳng lẽ cũng không thể mang thai với người đàn ông khác? Triệu Phi Yên bèn đưa Thành Đế sang chỗ của em gái Triệu Hợp Đức, còn bản thân thì triệu những người đàn ông xinh đẹp khác vào cung.

Bi kịch của Hứa hoàng hậu chính do không bí mật. Triệu Phi Yên thông minh hơn người, sống với người đàn ông khác trong cung đương nhiên phải được giấu kín không chút sơ hở. Triệu Phi Yên giỏi âm nhạc ca múa, trời sinh yêu thích âm nhạc. Thành Đế có một thị lang tên Khánh An Thế, mới 15 tuổi, nhưng lại có mi đẹp mắt thanh, giống như một mỹ nữ vậy. Khánh An Thế tinh thông âm nhạc, giỏi đánh đàn trống, điệu khúc làm ngây ngất lòng người. Triệu Phi Yên thích nghe “Song phụng ly loan”, thường triệu Khánh An Thế vào tẩm cung, đàn tấu và thưởng thức khúc nhạc tuyệt vời này, hai người cùng múa cùng ca dưới khúc nhạc tuyệt vời, và rồi cùng nhau bước vào dòng sông ái tình.

Sau khi Khánh An Thế trở thành tình nhân của Triệu Phi Yên, trời đất dường như cũng có màu sắc mới. Khánh An Thế tự do ra vào tẩm cung hoàng hậu, phòng ngủ giường phụng cũng chẳng kiêng kỵ. Khánh An Thế nho nhã, phong thái xuất chúng, hẳn được bước lên tẩm thăm ân ái, tay cầm

quạt, hầu hạ hoàng hậu, lưu luyến trong tâm cung hoàng hậu, vui vẻ với hoàng hậu trên giường phụng. Triệu Phi Yến đã tư thông như thế, vừa là một cách thỏa mãn, vừa vì muốn mang thai. Nhưng, điều đáng tiếc là, dù Triệu Phi Yến có cố gắng đến mức nào đi nữa, thì việc mang thai cũng không thành công.

Triệu Phi Yến không phải là người dễ dàng chịu thua, không có thai thì sẽ không buông xuôi. Đương nhiên, Triệu Phi Yến đã thử hết mọi thú vui trong việc thông gian trác táng với những người đàn ông đẹp, và càng thử càng chìm sâu trong đó, càng muốn có thật nhiều người đàn ông đẹp. Triệu Phi Yến bèn tâu thỉnh Thành Đế, muốn xây một cung thất khác, ngày đêm cầu khẩn thần linh, mong sớm ngày có con. Thành Đế đồng ý với lời thỉnh cầu này. Triệu Phi Yến bèn xây một mật thất để hoan lạc trác táng trong ngôi nhà cầu khẩn thần linh. Sau khi xây xong mật thất, Triệu Phi Yến quy định rằng, khi bà đi vào mật thất, thì tất cả những người trong cung, bao gồm cả hoàng đế đều không được bước vào, để tránh xung đột với thần linh. Trên thực tế, trong mật thất không có thần linh nào cả, mà chỉ có con yêu dục vọng, bất cứ người nào đi vào trong đó cũng sợ gặp phải chuyện hành lạc của Triệu hoàng hậu.

Triệu Phi Yến cử tam phúc tuyển chọn thị lang có dung mạo xinh đẹp trong cung, rồi chọn những thiếu niên đa tình khỏe mạnh cường tráng. Triệu Phi Yến vẫn không mang thai, nên hạ lệnh tuyển chọn những thị lang, thuộc quan, cung nô có nhiều con nhiều cái trong cung thất và hoàng thất, lần lượt thông dâm với những người tuần tú, xinh đẹp và nhiều con nhiều cái. Vẫn không mang thai. Một Triệu Phi Yến ham nam sắc thành thói bèn cử thuộc hạ tam phúc, tìm kiếm khắp nơi trong kinh thành, hễ là thiếu niên cường tráng và điển trai, nhất loạt dẫn về, hóa trang thành nữ rồi dẫn vào hậu cung, mỗi ngày hơn mười người hoan lạc trác táng với Triệu Phi Yến. Triệu Phi Yến hưởng tận xuân sắc của nhân gian, nhục thể đã thỏa mãn nhưng vẫn không mang thai.

Triệu Phi Yến trác táng như thế, đương nhiên không che giấu em gái Triệu Hợp Đức. Triệu Hợp Đức ngày ngày quần lầy Thành Đế, Thành Đế đã không thể rời xa Triệu Hợp Đức. Nhưng Triệu Hợp Đức biết rõ rằng, một khi hành vi dâm loạn của chị mình với người khác bị hoàng đế phát hiện, hậu quả sẽ không thể tưởng tượng. Triệu Hợp Đức một mặt mê hoặc Hán Thành Đế, tầm hoan trác táng, một mặt tìm phương nghĩ kế, để che giấu cho chị mình. Một lần sau khi hoan tình, Triệu Hợp Đức nước mắt đầm đìa nhìn Hán Thành Đế, Thành Đế chẳng hiểu gì cả, hỏi xem xảy ra chuyện gì?

Mỗi giọt nước mắt của Triệu Hợp Đức như mỗi hạt trân châu, làm sao mà Thành Đế chịu đựng cho được? Thành Đế thương hoa tiếc ngọc bèn ôm chầm lấy Triệu Hợp Đức, hỏi nguyên do tại sao. Triệu Hợp Đức sau một hồi bình tĩnh, u buồn nói: Bệ hạ, chị em thiếp có vinh hoa phú quý của ngày hôm nay, toàn nhờ sự sủng ái của bệ hạ; nhưng, sủng ái dễ dẫn đến ganh tị, nhất là chị thiếp, tính tình cương liệt, dễ bị người đố hận; nếu có người hãm hại chị em thiếp, thì chẳng phải nhà họ Triệu của thiếp sẽ bị họa diệt tộc đó sao!

Hán Thành Đế si tình nghe xong, trái tim đang lo lắng của người như yên tâm hơn. Một mỹ nhân yêu kiều yếu đuối như thế, ai lại dám hãm hại? Hãm hại họ rồi, diệt gia tộc họ Triệu rồi, ta sống còn gì vui nữa? Thành Đế thề nguyện, ra sức khuyên giải và an ủi Triệu Hợp Đức, để nàng yên lòng, cho dù có ai định hãm hại, đã có hoàng thượng làm chủ thì còn sợ gì?

Quả nhiên không ngoài dự đoán của Triệu Hợp Đức thông minh hơn người, không bao lâu, có người mật tấu với Thành Đế, nói Triệu hoàng hậu không giữ đạo vợ, thường triệu thiếu niên đẹp vào cung, hết sức dâm lạc. Thành Đế nghe xong tức giận vô cùng, một Triệu hoàng hậu trong trắng như nước, làm sao có thể triệu thiếu niên vào cung? Quả đúng như những gì mỹ nhân Triệu Hợp Đức từng nói, là vu cáo do sự đố hận gây nên! Thành Đế lập tức hạ lệnh chém đầu kẻ thượng tấu, để làm gương. Có được sự che

đây và bảo vệ của Triệu Hợp Đức, Triệu Phi Yến càng chẳng kiêng kỵ điều gì.

VIII. Sự lưu luyến của hoàng đế biến thái

Triệu Hợp Đức thật sự là sủng vật một thời. Hán Thành Đế mê muội Triệu Hợp Đức, không thể tự thoát ra. Cả ngày chìm đắm trong sự ôm ấp êm dịu của Triệu Hợp Đức, sống mơ màng trong cơn say rượu và say tình, không màng chuyện triều chính, chỉ một mực nhìn mỹ nhân, miệng lầm bầm: Ôn dịu hương, ta chỉ cần Ôn dịu hương, không cần Bạch vân hương. Bạch vân hương chính là điều mà Lương Vũ Đế theo đuổi và hướng tới, là tên gọi của trường thọ, thành tiên. Thành Đế không muốn trường thọ, cũng không theo tiên đạo, chỉ hy vọng ngày đêm có Triệu Hợp Đức, bất kể là sống hay chết.

Thành Đế lưu luyến mỹ sắc của Triệu Hợp Đức, ngày tháng lâu dần, dẫn đến một thói quen kỳ lạ, đó là chỉ có nắm được bàn chân thon nhỏ như ngọc của Triệu Hợp Đức thì ham muốn tình dục mới trỗi dậy, mới ân ái được, nếu không, tất cả mọi cố gắng cũng chỉ vô ích. Thành Đế cảm thấy kỳ lạ, sự kỳ lạ ấy qua đi thì càng mê muội Triệu Hợp Đức hơn. Ngự y cho rằng Thành Đế chìm đắm trong mỹ sắc của Triệu Hợp Đức, có chút hơi quá, cứ ngày đêm ôm chân hoan lạc, thực tế đã là một chứng bệnh, là bệnh lạ không có thuốc trị.

Triệu Hợp Đức đẹp như chim sa cá lặn, nét đẹp kinh người. Tư chất của Triệu Hợp Đức rất cao, lại rất giỏi trang điểm làm đẹp. Khi Triệu Hợp Đức mới vào cung, trời phú cho xinh đẹp, khéo trang điểm, cả người sáng chói, thường làm cho giai nhân hậu cung phải thất sắc. Triệu Hợp Đức phát minh ra một phương pháp làm đẹp, gọi là “viễn sơn đại”. Nàng thoa một lớp bột nhão lên tóc, cuộn tóc lại, tạo thành một búi tóc cao, đẹp mê hồn người. Nàng lại kẻ lông mày vừa nhỏ vừa dài, trông có vẻ rất gợi cảm. Nàng còn

phát minh ra một cách trang điểm: Thoa một lớp phấn lên mặt trước, rồi thoa thêm một lớp son nhẹ, nhìn như lúc có lúc không, trông giống như một đám mây được mặt trời chiếu rọi, nhưng chốc chốc lại như trùng trùng điệp điệp, giàu màu sắc gợi cảm và xinh đẹp, gọi là “dung lai trang”.

Triệu Hợp Đức trời sinh mỹ miều, lại phong lưu đa tình như thế, giỏi trăng gió, mềm mại như không xương, yêu kiều dễ thương, đương nhiên Thành Đế không thể cưỡng lại bản thân, chỉ cúi đầu xưng thần dưới ống quần hồng. Triệu Phi Yến thân làm hoàng hậu sống trong cung. Triệu Hợp Đức thì được phong làm chiêu nghi sống trong Chiêu Dương cung. Thành Đế không rời xa Triệu Hợp Đức, cả ngày không rời Chiêu Dương cung.

Khu vườn trong Chiêu Dương cung thanh vắng, cửa sổ hành lang, cửa chính đều được điêu khắc chạm trổ, vẽ đầy sơn thủy và nhân vật tương truyền. Cửa trong cung Chiêu Dương đều được bọc bởi đồng vàng, bên ngoài thêm một lớp dát vàng.

Thành Đế ở bên Triệu Hợp Đức lâu ngày, nên có ý thay đổi khẩu vị. Một hôm Thành Đế ưa thích tử sắc chuyện phiếm với Triệu Hợp Đức, vô tình nói đến Hứa mỹ nhân có dung mạo xinh đẹp trong cung, nói cô ấy vừa sinh một con trai, mới được mấy ngày. Triệu Hợp Đức vừa nghe, lập tức thất sắc, đỏ mặt tía tai. Triệu Hợp Đức ném đi ly trà trong tay, đứng bật dậy, bật khóc lớn. Thành Đế ngây người ra, tay chân lúng ta lúng túng, không biết nên đối phó thế nào, càng không biết nên an ủi khuyên giải thế nào.

Triệu Hợp Đức làm ồn một hồi, bình tĩnh được một chút, nước mắt rùng rùng nói rằng: Thật hay cho bệ hạ, có lúc bệ hạ không về cung Chiêu Dương, nói là đi vào trong cung, cứ nghĩ rằng bệ hạ đến chỗ của chị thiếp, thì ra còn đến Hứa mỹ nhân, một con hồ ly tinh lẳng lơ! Bệ hạ thử nói xem, làm sao mà Hứa mỹ nhân mang thai được, làm sao mà sinh ra một con trai vô duyên vô cớ như thế!

Triệu Hợp Đức vừa nói vừa khóc, vừa khóc vừa kể, khóc lóc kể lể đến đau lòng, đau đến không muốn sống, lấy tay nắm chặt mái tóc của mình,

cào cào mặt mình, tự đánh mình, chích chiết mình. Đương nhiên Triệu Hợp Đức biết rất rõ, nàng không phải không có chuyện gì làm nên phải tự ngược đãi mình, mà nàng chỉ muốn dùng khổ nhục kế để chinh phục hoàng đế đến cùng. Thành Đế yêu Triệu Hợp Đức hết sức mình, nhìn thấy mỹ nhân của mình đau lòng như thế, tự ngược đãi mình như thế, như đang làm bản thân mình đau lòng, lòng đau như cắt, thì đau lòng rơi nước mắt, khóc lóc cùng nàng.

Triệu Hợp Đức nhìn thấy biện pháp của mình rất hiệu quả, nên không thể dừng ngay, vừa khóc vừa đâm mình vào bức tường mà Thành Đế đang đứng, nghe rõ tiếng đầu va vào tường. Thành Đế đau lòng từng chập từng chập. Triệu Hợp Đức đứng nhìn sự đau khổ của Thành Đế trong nước mắt, trong lòng trỗi dậy cảm giác vừa vui mừng, vừa cay đắng, vừa đau đớn và hạnh phúc. Các cảm giác này trộn lẫn vào nhau, càng cảm thấy oan ức, Triệu Hợp Đức kiên quyết lăn từ trên giường xuống đất, đầu đụng xuống đất, khóc lóc thương tâm.

Thành Đế lo lắng vô cùng, chỉ biết đứng đó rơi lệ mà chẳng biết làm gì. Cung nữ liền dìu Triệu Hợp Đức đang nằm dưới đất lên trên giường, hầu hạ cẩn thận. Nhưng, Triệu Hợp Đức chẳng nhận ai cả, chẳng cần ai đến gần, chỉ ra sức khóc lóc đau đớn, khóc cả một đêm. Triệu Hợp Đức khóc lóc, cả đêm không ngủ, Thành Đế cũng ngồi bên cạnh khóc theo, cả đêm không ngủ và cũng không còn tâm trạng đâu mà đi ngủ khi thấy mỹ nhân yêu quý của mình đau khổ.

Ngày hôm sau, đôi mắt của Triệu Hợp Đức sưng đỏ, nàng tuyệt thực tại Chiêu Dương cung. Mỹ nhân vốn đã rất yếu sức, nay lại tuyệt thực, chẳng phải là không muốn sống nữa sao? Thành Đế nhìn thấy Triệu Hợp Đức như thế, nên cùng làm theo nàng, không ăn không uống. Một ngày trôi qua, Triệu Hợp Đức đã đói lả người, không chịu được nữa, Thành Đế cũng đói đến không còn hơi sức. Triệu Hợp Đức thấy Thành Đế đối xử thật lòng với mình, nên có chút đau lòng. Nàng biết rằng, trận khóc lóc này chỉ muốn làm

ra vẻ cho Thành Đế coi, nhưng không thể làm thế mãi được, hai người vẫn giằng co trong cung Chiêu Dương.

Triệu Hợp Đức sợ Thành Đế đối mặt người, nên nuốt nước mắt nói với Thành Đế: Thiếp là tiện nữ, là nô tì, là kẻ không đáng giá một đồng của bệ hạ, thiếp đối chết rồi cũng không sao, không liên quan đến ai cả. Bệ hạ là hoàng thượng, là thiên tử thánh minh của thiên hạ, con gái trong thiên hạ đều là của bệ hạ, hà cớ gì bệ hạ lại chịu đối theo tiểu thiếp, chịu tội như thế? Khi bệ hạ vui, bệ hạ từng tuyên thệ với chị em thiếp rằng, tuyệt đối không thay lòng đổi dạ, cũng không lấy thêm thê thiếp, ôi thôi, nay thì tốt quá, lòng bệ hạ vẫn không thay đổi, lại có thêm một con trai, còn không nhanh lập đưa con trai này làm thái tử, tương lai làm hoàng đế?

Thành Đế giống như đứa trẻ phạm lỗi, chỉ muốn cố gắng làm việc để chuộc lỗi. Thành Đế lại thề một lần nữa, nói nếu còn ức hiếp hai chị em họ nữa, chắc chắn sẽ không được chết yên lành; ngày sau nhất định phải đối xử với nhau cho thật tốt, mãi mãi sủng ái hai người họ, để hai người họ được sống những ngày tháng vinh hoa phú quý không ai bì được. Triệu Hợp Đức nửa nguôi nửa giận, giả vờ như không tin. Thành Đế càng lo lắng hơn, hận một nỗi không lấy được trái tim của mình ra cho họ xem. Để buộc Thành Đế đi vào nề nếp, Triệu Hợp Đức lại giả tính nói: Nếu Bệ hạ thật lòng đối xử với chị em thiếp, thì hạ chỉ thưởng chết cho con trai của Hứa mỹ nhân, xem bệ hạ có dám hay không?

Thành Đế thật sự muốn lấy lòng mỹ nhân, chỉ muốn làm mỹ nhân vui vẻ, để có lại năng, làm gì còn nghĩ đến cốt nhục con trai gì nữa, càng không nghĩ đến giang sơn xã tắc và tử đích hoàng gia. Quả nhiên Thành Đế hạ một đạo chỉ, lệnh cho người ẵm con trai mới sinh vài ngày của Hứa mỹ nhân. Tuy tùng làm theo mệnh lệnh. Hứa mỹ nhân nào biết con trai của mình đang đối mặt với những ngày cuối cùng của đời người, mà cứ nghĩ rằng hoàng thượng không có con nhiều năm nay muốn nhìn mặt con trai yêu quý, Hứa mỹ nhân yên tâm để tùy tùng ẵm đi.

Rất nhanh, con trai của Hứa mỹ nhân được ẵm đến cung Chiêu Dương, giao cho Thành Đế. Thành Đế bế đứa con trai được quán trong tã lót, mắt cũng không chớp, bóp chết đứa con trai duy nhất của mình. Triệu Hợp Đức thôi khóc mỉm cười, nhưng bề ngoài vẫn đau lòng rơi nước mắt vì đứa trẻ và cũng vì mình. Triệu Hợp Đức biết rằng, cô đã hoàn toàn chiếm được Thành Đế, sự mê muội của Thành Đế đã vượt ra khỏi bình thường, thà giết chết con trai ruột của mình mong làm mỹ nhân vui, thật là hiếm có từ xưa đến nay!

Thành Đế ham mê mỹ sắc, không biết kiềm chế, cũng không nghĩ đến nhân luân lễ nghĩa, vương triều pháp thống. Cuộc sống hoang dâm của Thành Đế không bao lâu được truyền trong cung đình, các đại thần đều biết. Quang Lộc đại phu Lưu Hướn ầu sâu, quyết định tập hợp tất cả mọi chuyện về những hiền phi mỹ phụ làm huy hoàng quốc gia, lẫn những mỹ sắc dâm nữ làm bại hoại đất nước trong lịch sử từ xưa đến nay, viết thành một cuốn sách, dâng lên Thành Đế, để làm lời can gián. Lưu Hướn thông thuộc sử sách, rất nhanh đã viết xong cuốn sách này, lấy tên là “Liệt nữ truyện”, tiến trình ngự lãm. Thành Đế xem xong, hết sức vui mừng, khen ngợi hết lời về hành động này của Lưu Hướn. Nhưng Thành Đế vẫn làm theo ý mình, những gì mình thấy nên làm thì làm, vẫn ngày đêm du lạc trong Ôn dụ hương của chị em họ Triệu.

IX. Những ngày cuối cùng

Thành Đế dần dần thấy nhạt nhẽo về cách hoan lạc bình thường, bèn tìm cách mới, tìm kích thích mới. Thành Đế để tùy tùng thân cận tu sửa mới thâm cung và nơi hoan lạc với chị em họ Triệu, bốn bên bày lên bình phong, trên bình phong vẽ thêm những hình ảnh hoan dâm loã lồ. Thành Đế ngày đêm trác táng như thế, dù tâm bồ thể nào cũng không thể cản được cơ thể suy nhược, ốm yếu dần, tinh thần hoảng loạn. Mọi hành động hàng ngày của Thành Đế đành phải ỷ vào người hầu thân cận Trương Phóng.

Tuy Trương Phóng là nam, nhưng lại rất đẹp, giống một phụ nữ. Thành Đế sủng ái Trương Phóng, thật ra Trương Phóng là người đồng tính của Thành Đế. Thành Đế ham mê thanh sắc, lại cùng hoan lạc trác táng với chị em họ Triệu, tổn hại thân thể, thái hậu biết. Nhưng, thái hậu cũng không thể ngang nhiên chỉ trích chị em họ Triệu, hoặc mắng mỏ Thành Đế, bèn áp dụng cung hình với sủng nam Trương Phóng. Thái hậu triệu Thành Đế vào cung thái hậu, uyển chuyển khuyên giải Thành Đế, không nên quá sủng ái Trương Phóng, phải trân trọng long thể, đích thân lo liệu triều chính. Thái hậu lập tức ép Thành Đế hạ chỉ, trả sủng nam Trương Phóng trở về đất phong của hần, buộc hần lập tức rời khỏi hoàng cung, rời xa kinh sư.

Thành Đế không thể rời xa sự hầu hạ của Trương Phóng, Trương Phóng đi khỏi, Thành Đế làm sao chịu đựng nổi? Nhưng, ý chỉ của thái hậu đã ban, ai dám kháng chỉ? Trương Phóng đành phải nhận chỉ, Thành Đế cũng không có cách nào cứu hần. Trước khi Trương Phóng rời khỏi hoàng cung, Thành Đế đích thân ra tiễn. Thành Đế đa tình khóc như chưa từng khóc, lưu luyến tiễn Trương Phóng ra đi. Lương Châu thứ sử Cốc Vĩnh cảm thấy Thành Đế làm thế không phải là hành vi của một thiên tử thánh minh. Một lần thiên tượng thay đổi, Cốc Vĩnh mượn cơ dâng tấu lên Thành Đế, nói Thành Đế không coi trọng việc chí tôn, mà thích làm chuyện của bọn tiện tì

phục dịch, chán ghét tôn hiệu cao quý, mà thích tiện danh của bọn tiểu nhân thất phu, cả ngày quây quần bên đám tiện nhân, ngày đêm hoan lạc, không màng triều chính, công khanh bá quan không biết bệ hạ đang ở đâu, đã rất nhiều năm rồi! Thành Đế vẫn chỉ mỉm cười.

Kết quả của việc Thành Đế ăn chơi trác táng là nhanh chóng đưa mình xuống tuổi vàng. Năm Thành Đế 46 tuổi, mùa xuân năm thứ 7 trước Công Nguyên, Thành Đế bệnh nặng, bị méo miệng, không thể nói chuyện, nằm liệt giường. Ngự y bận đến bỏ hơi tai, nghĩ hết mọi cách, vẫn vô ích. Cuối cùng Thành Đế vẫn phải chết. Thái hậu Vương Chính Quân lòng sinh nghi hoặc, làm sao mà Thành Đế đang độ tuổi sung mãn trai tráng lại rời khỏi nhân gian như thế? Thái hậu phái đại tư mã Vương Bôn truy xét việc này, điều tra tường tận cuộc sống sinh hoạt của Thành Đế trước khi băng hà. Tra đến Triệu Hợp Đức, là Triệu Hợp Đức sống chung với Thành Đế, ăn chơi trác táng. Triệu Hợp Đức biết mình sẽ chết, nên đã nhất quyết tự sát trong cung.

Sau đó, thế gian lưu truyền một bài thơ, nhà thơ đã viết về cuộc sống dâm loạn của Thành Đế, miêu tả mỹ nhân sống chung và được Thành Đế yêu như mạng sống của mình, câu thơ đó sống động như thật:

Tiêm tiêm my cốt tự sinh hương, thùy vi ôn dụ bất đoạn trường?

Phanh đặc tình hoàn tiêu thụ lão, hợp hoan chằm thượng tiện vi hương.

(Lông mày thanh thanh tỏa hương thơm, ai bảo dụ hiền không đứt ruột?)

Chương VII

Hoàng hậu Đông Hán Đặng Tuy

I. Bốn đại gia tộc

Tây Hán là thời đại phát đạt phồn vinh, chế độ ngày một hoàn thiện của Trung Quốc. Trải qua những năm chiến loạn, chế độ rối ren, đạo đức lỏng lẻo, xã hội bại hoại vào cuối thời Tây Hán. Vương triều Đông Hán thu dọn tàn cục, tuy thiên hạ một lòng, quy về một mối về mặt chính trị, nhưng sự hỗn loạn của thời loạn thế vẫn ngấm trong từng giọt máu của vương triều mới. Thời thế loạn lạc sẽ làm nảy sinh học thuật, học thuyết và tư tưởng sống động, thời thế loạn lạc này cũng tạo ra biết bao anh hùng không ai sánh bằng, một vương triều mới thành lập lại vừa dọn xong loạn lạc càng nảy sinh ra nhiều cái mới cái quý hơn, từ đó hình thành những đại gia tộc quyền quý và hùng mạnh.

Tứ tính tiểu hầu và tứ đại gia tộc là những danh môn vọng tộc ảnh hưởng đến trong lẫn ngoài triều đình Đông Hán. Âm thị, Quách thị, Phàn thị, Mã thị là 4 gia tộc họ ngoại, là những gia tộc quyền quý một thời do kết thân với hoàng thất. Bốn họ này đều có con gái được hoàng thượng sủng ái, lập làm hoàng hậu, từ đó quý cực thiên hạ, gia tộc cũng hiển vinh theo, con gái trong tộc được phong quan bá tước, lưu truyền đời đời, hình thành vọng tộc, gọi là “tứ tách tiểu hầu” (4 họ tiểu hầu).

Âm thị là nhà mẹ của Âm Lệ Hoa. Âm Lệ Hoa là người vùng Nam Dương, Tân Dã. Khi Đông Hán Quang Vũ Đế Lưu Tú chưa lập nghiệp, có một lần vào Tân Dã, nghe nói Tân Dã có một mỹ nhân nghiêng nước nghiêng thành, trong lòng có ý định làm càn, gặp mặt rồi lại càng yêu thương hơn. Sau này, Lưu Tú bôn ba đến Trường An, nhìn thấy xe ngựa của Cháp Kim Ngô oai phong lẫm liệt, Lưu Tú than rằng: Làm quan phải làm như Cháp Kim Ngô, lấy vợ phải lấy Âm Lệ Hoa!

Sau khi Lưu Tú khởi nghiệp, quân đội hùng mạnh một cách nhanh chóng. Vào tháng 6 năm đó, mọi giấc mơ của Lưu Tú đều trở thành hiện

thực, lấy Âm Lệ Hoa làm vợ tại Uyển Thành, khi đó Âm Lệ Hoa mới 19 tuổi. Tiếp đó, Lưu Tú được bổ nhiệm làm hiệu úy, đến Lạc Dương nhậm chức. Âm Lệ Hoa không thể đi theo Lưu Tú, nên phải trở về Tân Dã. Lưu Tú đông chinh tây phạt, đoạt được thiên hạ, xưng vua tại phía Nam, cai quản 4 biển. Sau khi xưng đế, Lưu Tú lệnh cho thị trung Phó Tuấn tiến về Tân Dã đón Âm Lệ Hoa, Âm Lệ Hoa được đưa đến hoàng cung Lạc Dương, tấn phong làm quý nhân.

Âm Lệ Hoa dung mạo xinh đẹp, tâm lòng nhân hậu khoan dung. Lưu Tú muốn lập làm hoàng hậu. Âm Lệ Hoa khéo léo từ chối. Lưu Tú bèn lập Quách thị làm hoàng hậu. Âm Lệ Hoa luôn ở bên cạnh Lưu Tú, năm Kiến Vũ thứ 4, chinh phạt Bành Sủng, Âm Lệ Hoa sinh một con trai tại Nguyên Thị (nay là huyện Nguyên Thị, Hà Bắc), đặt tên là Lưu Trang, đó chính là Hán Minh Đế sau này. Năm Kiến Vũ thứ 17, Quách hoàng hậu bị phế, Lưu Tú lập quý nhân Âm Lệ Hoa làm hoàng hậu. Lưu Trang kế hoàng vị, trở thành Hán Minh Đế, mẫu thân Âm Lệ Hoa được tôn làm hoàng thái hậu. Âm Lệ Hoa thân làm hoàng hậu của hoàng đế khai lập nhà Đông Hán Lưu Tú, lại là mẫu thân của vua Lưu Trang, gia tộc Âm thị làm sao mà không quý hơn cả thiên hạ?

Quách thị, Phàn thị, Mã thị cũng có cơ may giống với gia tộc Âm thị. Quách thị là nhà mẹ của hoàng hậu Quách Thánh Thông của Hán Quang Đế Lưu Tú. Phàn thị là nhà mẹ của mẫu thân Hán Quang Đế Lưu Tú. Mã thị là nhà mẹ của hoàng hậu Mã thị của Hán Minh Đế Lưu Trang. Mã hoàng hậu là người vùng Thiểm Tây, con gái thứ ba của tướng quân phục ba Mã Viện, và cũng là con gái út trong nhà. Vốn ra, Mã Viện tướng quân chết trận khi chinh phạt dân tộc thiểu số Ngũ Khê, quyền thần Lương Tòng, Đâu Cô thừa cơ hãm hại gia tộc Mã thị, gia tộc Mã thị phồn thịnh đột nhiên thất thế, thường bị quyền quý phú hộ nhục mạ. Mã Nghiêm phần nộ tâu với Thái phu nhân, từ chối tất cả những người cầu hôn với tam muội, đưa tam muội tiến cung, để cầu sự phát đạt. Mã thị không phụ lòng mong mỏi của gia tộc,

năm 13 tuổi được chọn vào cung của thái tử Lưu Trang, được thái tử yêu mến. Thái tử Lưu Trang kế vị, Mã thị được lập làm quý nhân, năm Vĩnh Bình thứ 13, Mã thị được lập làm hoàng hậu.

Mã hoàng hậu thông hiểu thi thơ, thích đọc “Xuân thu”, “Sở Từ”, “Chu quan” và sách của Đồng Trọng Thư. Mã hoàng hậu tư chất thông minh, chất phác, không thích giao du. Khi hầu hạ Minh Đế, bàn về chính sự, Mã hoàng hậu thông minh luôn có nhiều cao kiến, có ích cho triều đình. Đặc biệt là vấn đề Sở Ngục nhiều năm không giải quyết được, tội phạm trọng hình, liên lụy đến nhiều người, người vào tù nhiều không kể xiết, Mã hoàng hậu tâu với Minh Đế, đừng bắt nhiều người vô tội phải liên lụy. Minh Đế cảm ngộ được, đại xá thiên hạ. Minh Đế yêu tha thiết Mã hoàng hậu, và cũng rất tôn trọng Mã hoàng hậu. Chương Đế kế vị, tôn Mã thị làm hoàng thái hậu, dự định phong ba người cậu là Mã Liêu, Mã Phòng, Mã Quang tước hầu, thái hậu từ chối nhiều lần. Mã thái hậu nói: Từ xưa đến nay, những gia đình phú quý giàu có, lộc vị quá nhiều, cũng giống như cây kết trái hai lần một năm, gốc tất bị thương.

Âm thị, Phàn thị, Quách thị, Mã thị bốn nhà họ ngoại, đều được hoàng thất coi trọng, hoàng đế rất mực tôn kính. Minh Đế Lưu Trang do kính trọng nên hạ chỉ lập cung Học Nam, chuyên dạy dỗ cho con cháu 4 họ ngoại, hiệu là tứ tính tiểu hầu, đặc biệt mời đại sư ngũ kinh có học phú 5 năm về dạy cho con cháu này học tập kinh sử. Tứ tính tiểu hầu hiển hách một thời, thế lực của họ không ai sánh bằng.

Bốn đại gia tộc là chỉ Âm gia, Mã gia, Đậu gia, Lương gia. Còn bao gồm cả Đặng gia của thái phó Đặng Vũ, tức là năm đại thế gia.

Sau khi Minh Đế qua đời, người con trai thứ 5, do Giả quý nhân sinh, Lưu Đát lên ngôi hoàng đế, hiệu Hán Chương Đế. Chương Đế tại vị 13 năm, qua đời năm 31 tuổi, con trai thứ 4 do Lương quý nhân sinh, là Lưu Triệu kế vị, là đời thứ 4 của nhà Đông Hán, hiệu Hán Hòa Đế. Khi Lưu Triệu lên ngôi, chỉ mới 10 tuổi, Đậu thái hậu lâm triều chấp chính. Đậu thái

hậu là người đàn bà thép rất giỏi lập mưu tính kế, hay giở thủ đoạn. Đậu thái hậu là người Bình Lăng Phù Phong, Thiểm Tây, là cháu gái của đại tư không Đậu Dung, cha là Đậu Khuyên, Đậu thái hậu là trưởng nữ. Năm Kiến Sơ thứ 2, Đậu thị và em gái cùng được tuyển vào cung Trường Lạc trong hậu cung của Chương Đế, được sự sủng ái của Chương Đế, năm thứ 2 được lập làm hoàng hậu. Đậu hoàng hậu trời sinh xinh đẹp, nhạy cảm, được độc sủng nhiều năm trong hậu cung. Trước đó, Tống quý nhân sinh cho Chương Đế con trai Lưu Khánh, lập làm thái tử; Lương quý nhân sinh cho Chương Đế con trai Lưu Triệu. Sau khi Đậu hoàng hậu được độc sủng, bà vẫn không mang thai sinh con, trong lòng hết sức ghen hận. Đậu hoàng hậu nhiều lần sàm tấu trước mặt Chương Đế, nói hai người Tống, Lương bất nhân, ép Tống quý nhân tự sát, hoàng thái tử Lưu Khánh cũng bị phế làm Thanh Hà vương. Đậu thái hậu theo đó nhận con trai của Lương quý nhân làm con nuôi, do mình nuôi dưỡng. Năm Kiến Sơ thứ 8, Đậu thái hậu gửi một bức thư nặc danh, hãm hại cha của Lương quý nhân là Thân Mẫn hầu Lương Tùng. Lương Tùng bị xử tội chết, làm cho Lương quý nhân cũng phần uất mà chết. Đậu thái hậu không chế Hòa Đế Lưu Triệu nhỏ tuổi, thống trị thiên hạ với vai trò là hoàng thái hậu.

Đậu thái hậu không chế được triều đình đương nhiên là nhờ sự trợ giúp của gia tộc họ Đậu. Tất cả mọi vị trí, chức trách quan trọng, đều lọt vào tay họ Đậu. Hòa Đế Lưu Triệu lớn lên từng ngày trong cung, dần dần biết được thân thế của mình, biết được mẫu thân của mình Lương quý nhân phần uất mà chết, còn nguyên nhân phần uất là do ông ngoại Lương Tùng bị Đậu thái hậu hại chết. Hòa Đế ghi mối thù này vào lòng, không động đến tử sắc, chỉ mong có ngày cơ hội chín muồi, sẽ hành động báo thù rửa hận.

Khi Hòa Đế 14 tuổi, đã là một hoàng đế lạnh lùng và uy nghiêm. Sức lực mạnh mẽ của thiếu niên không thể nén được thù mẹ hận nhà. Hòa Đế liên lạc với mấy hoạn quan thân tín, bí mật lập mưu. Một hôm, Hòa Đế đích thân đi đến khu doanh trại quân Bắc của cấm vệ quân kinh sư do họ Đậu

nắm quyền chủ quản, đột nhiên hạ lệnh, giải trừ quân quyền họ Đậu, tự lãnh Bắc quân, đánh tan phe đảng họ Đậu với thế chẻ tre, dẹp gọn gia tộc họ Đậu. Hòa Đế phát động chính biến cung đình, lấy lại đại quyền trong nháy mắt, thống trị triều đình. Tiếp đó, Hòa Đế bắt tay chuẩn bị đại hôn.

Hoàng đế đại hôn là đại sự của triều đình, nhất là hoàng đế trẻ có tài, lại càng phải giương cờ giống trống cho thật linh đình. Công việc chuẩn bị đại hôn chính là tuyển chọn mỹ nữ trong khắp thiên hạ, bổ sung đầy đủ vào hậu cung, rồi từ đó chọn ra hai người sau cùng, chuẩn bị định đoạt. Hai người sau cùng đã được chọn ra, một là con gái của Âm Cương, thuộc đại gia tộc họ Âm; một là con gái của Đặng Huấn thuộc đại hào tộc họ Đặng. Con gái họ Âm được đưa vào cung, lập tức được phong làm Âm quý nhân. Vào ngày đại tuyên, Đặng Huấn qua đời, con gái là Đặng Tuy lễ ra được chọn vào cung, phải thọ tang cha nên phải ở lại nhà, không vào cung. Năm đó Đặng Tuy mới 13 tuổi. Ba năm sau, Đặng Tuy đẹp đến mức hoa nhường nguyệt thẹn, thân hình thon nhỏ vừa đúng 16 tuổi, mãn tang cha, chính thức vào cung.

Hòa Đế có hoài bão rất lớn, cải cách chế độ trong 3 năm, tuyển chọn nhân tài, đổi mới cách nhìn cách làm. Chính vụ rõ ràng, quốc thể ngày một hưng thịnh, nhân khẩu gia tăng, lãnh thổ mở rộng. Hòa Đế tài trí mưu lược để ý đến hậu cung, nhưng vẫn chưa có cô gái nào thích hợp với vai hoàng hậu, vị trí hoàng hậu cứ để trống như thế. Đặng Tuy vào cung, và cũng bước vào cuộc đời của Hòa Đế. Hòa Đế rất thích cô gái xinh đẹp văn nhã này, phong Đặng Tuy làm quý nhân, nhưng có phong làm hoàng hậu hay không thì còn phải chờ xem.

Đặng gia là hào môn đại tộc, hầu tước cao vời. Thái phó công Đặng Vũ là khai quốc công thần của nhà Đông Hán, từng phò trợ Quang Vũ Đế Lưu Tú sáng lập vương triều Đông Hán, lập chiến công to lớn cho giang sơn nhà Hán. Cha của Đặng thị là hiệu úy Đặng Huấn, Đặng Huấn là con trai thứ 6 của Đặng Vũ. Mẫu thân của Đặng thị là Âm thị, là con gái trong họ tộc của

hoàng hậu Quang Liệt Âm. Đặng Tuy được sinh ra và lớn lên trong một gia đình vương hầu giàu có nhất thiên hạ này.

II. Nữ tiến sĩ vào cung

Thiên chất của Đặng Tuy rất tốt, từ nhỏ đã được sự giáo dục rất tốt. Sự thông minh hơn người và bản tính nhân hậu của Đặng Tuy được thể hiện từ khi còn nhỏ. Sử sách ghi chép rằng, khi Đặng Tuy 5 tuổi, một hôm tổ mẫu, tức phu nhân của thái phó Đặng Vũ, cắt tóc giùm nàng. Đặng Tuy điềm đằm, trang nhã, rất được tổ mẫu yêu mến. Nhưng, tổ mẫu tuổi tác đã quá cao, mắt mờ tai kém, làm sao mà thấy rõ mái tóc được? Tổ mẫu cầm lấy kéo, một nhát cắt trúng cái trán của Đặng Tuy, máu không ngừng tuôn ra.

Điều làm cho người hầu thấy kỳ lạ là, Đặng Tuy nhỏ tuổi lại giống như chẳng hề bị thương, không hề động đậy, im lặng không nói gì. Tổ mẫu rất hưng phấn cắt tóc, Đặng Tuy cứ ngồi im để tổ mẫu cắt xong như không có chuyện gì xảy ra. Sau đó người hầu mới hỏi Đặng Tuy, chẳng lẽ nàng không đau sao? Tại sao không lên tiếng? Đặng Tuy chỉ lắc đầu nói: Đầu chỉ bị cắt đi chút da, chảy máu, đương nhiên có chút đau; nhưng, tổ mẫu tuổi đã cao, vì yêu thích ta nên mới cắt tóc cho ta, nếu la đau, làm cho tổ mẫu biết được, chẳng lẽ tổ mẫu không buồn sao? Cho nên ta chịu đựng một chút cũng không sao.

Đặng Tuy được gia đình giáo dục từ rất sớm. Khi 6 tuổi, Đặng Tuy đã biết đọc sách, đến năm 12 tuổi, đã có thể đọc thuộc lòng và giảng giải các tác phẩm kinh điển như “Kinh thi”, “Luận Ngữ”. Ban đầu các huynh trong nhà không nhận ra cô em gái Đặng Tuy này rất có tài, khi họ đọc kinh thư, lúc thì Đặng Tuy nêu ra một số câu hỏi, luôn làm khó cho các huynh đến nỗi cả ngày cũng không thể trả lời. Đến lúc đó các anh của Đặng Tuy mới biết rằng em gái của mình là một cô bé tài hoa, nên gọi Đặng Tuy là tiểu tài nữ.

Tiểu tài nữ Đặng Tuy quả là hơn người, luôn đề tâm vào kinh sử điển tịch, làm cho người nhà đều gọi cô là chú sinh. Đặng Tuy lớn dần, không hề

nghe đến nữ công, nữ hồng, mà cả ngày chỉ đọc sách từ sáng đến tối không biết mệt. Mẫu thân của Đặng Tuy có chút lo lắng, thấy con gái mình ham mê học tập như thế mà không lo gì đến nữ công, nữ hồng, mai này mà gả đi thì biết làm gì? May nhà họ Đặng là hào môn đại gia, những người muốn gả cho cũng đều là nhà giàu, không để ý đến chuyện con gái nhất định phải biết nữ công, nữ hồng. Nhưng con gái vẫn cứ là con gái, mà đã là con gái thì phải biết kỹ nghệ của cuộc sống.

Một hôm mẫu thân của Đặng Tuy đến khuê phòng của Đặng Tuy, nhìn thấy Đặng Tuy tay ôm cuốn sách, đang đọc ngẫu nhiên. Âm thị bèn cười nói với Đặng Tuy: Con gái ngoan, con không học những việc nữ công gia chánh của con gái mà ngày nào cũng đọc sách như thế, chẳng lẽ con muốn làm một nữ tiên sĩ sao? Con gái trước sau gì cũng phải xuất giá, con không học chút nữ công, thì sau này làm sao mà trị gia cho được? Đặng Tuy thông minh ngoan ngoãn nghe mẫu thân nói thế, tuy không thích nữ công, nhưng vẫn nghe lời của mẫu thân, quyết định học chút nữ công. Đặng Tuy tự phân công cho mình như sau: ban ngày học nữ công chuyện nhà, ban đêm học tập thi thơ.

Đặng Tuy thích đọc sách, học không biết mệt, càng ngày càng thể hiện sự trang nhã điềm đạm, phong độ bất phàm. Phụ thân của Đặng Tuy thấy đứa con gái nhỏ này tài hoa bất phàm, trong lòng hết sức vui mừng. Hai cha con rất hoà hợp, tình cảm rất sâu sắc. Khi Đặng Tuy 13 tuổi, bất hạnh rơi xuống nhà họ Đặng: phụ thân của Đặng Tuy là Đặng Huấn lâm trọng bệnh, không lâu sau thì rời khỏi nhân thế. Đặng Tuy lễ ra vào cung tham gia tuyển mỹ nữ, nhưng do phải thọ tang cha, nên không thể vào cung. Đặng Tuy lòng đau khôn xiết, tế lễ cha hiền của mình, ở nhà thọ tang. Trong vòng 3 năm, Đặng Tuy cẩn thận thủ tang, không ăn món tanh, không chơi âm nhạc, mặt mày ủ rũ tiêu tụy. Người nhà và thân thuộc, người hầu đều thấy thương xót và cũng rất kính trọng Đặng Tuy.

Ba năm thọ tang vừa hết, lại rơi ngay vào đợt tuyển mỹ nữ trong cung. Đặng Tuy ăn uống trở lại bình thường, lại càng duyên dáng xinh đẹp hơn. Nhà họ Đặng là hào môn đại tộc, biết rất rõ cô gái xuất thân từ gia tộc như thế một khi được chọn vào cung thì càng dễ được hoàng thượng chú ý và coi trọng, càng có nhiều cơ hội hơn các mỹ nữ khác, vừa vào cung đã được sắc phong tần phi, còn vị trí hoàng hậu vẫn còn bỏ trống, sau khi Đặng Tuy vào cung thì có thể lên ngôi hoàng hậu.

Nhà họ Đặng bàn bạc về việc này. Thúc phụ của Đặng Tuy là Đặng Khang nói: Đặng Tuy xinh đẹp, lại là một tài nữ, vận may nhất định không ít; chẳng phải từng nói khi 10 tuổi, Đặng Tuy đã mơ nhiều lần, trong mơ thấy tay mình chạm đến trời, còn ngẩng đầu lên, uống dòng sữa dưới bầu trời trong xanh đó sao? Nên biết rằng, đó có thể là dấu hiệu của việc bước lên đến trời, thật đúng với lần vào cung này, vinh dự bước lên ngôi vị hoàng hậu!

Lời nói này của Đặng Khang đương nhiên làm mọi người có mặt tại đó vui mừng. Ai chẳng biết, một khi có con gái bước lên ngôi hoàng hậu, gia tộc sẽ một bước lên mây, hưởng vinh hoa phú quý bất tận. Mẫu thân của Đặng Tuy Âm thị tiếp lời: Khuê nữ này thật sự không phải là người thường, mấy năm trước, lục ca của chú từng mời một vị đại sư về xem quẻ, đại sư nghe xong giấc mơ, nửa ngày trời chẳng nói gì, cuối cùng mới hoảng sợ nói, đó là hiện tượng quý hiếm, giấc mơ này quý không thể nói, khi xưa Nghiêu Đế mơ thấy mình leo lên trời, Thang Đế cũng mơ thấy mình ngẩng đầu mút trời, chẳng phải họ đều trở thành đế vương lưu danh muôn đời trong sử sách đó sao? Đó là giấc mơ đại quý đại cát!

Ai nấy nghe xong đều vui mừng khôn xiết, thấy địa vị hoàng hậu này chẳng thuộc về ai khác là Đặng Tuy. Một thúc phụ khác của Đặng Tuy là Đặng Khắc lòng tràn đầy hy vọng nói: Đúng vậy, thái phó công năm xưa cũng từng nói, nói tôi thống binh trăm vạn, không giết lầm một ai, sau này gia tộc Đặng thị nhất định hưng thịnh! Xem ra nhà họ Đặng chúng ta có

thần linh phù hộ, được hưởng phúc, nên cúng tế tổ tiên, thần linh đảng hoàng. Anh của Đặng Tuy là Đặng Trắc cũng nói: Vào thời Chương Đế, phụ thân nhận lệnh đi Tấn Bắc, điều tra công trình chuyên chở tại sông Thạch Đạo và sông Hồ Đà, ông nhìn thấy công trình quá lớn, công dịch quá cực khổ, phụ thân lập tức thượng tấu, cầu xin đình công, để dân nghỉ ngơi. Hoàng thượng ưng chuẩn lời thỉnh tấu này, nhờ vậy mà giữ được tính mạng của không biết bao nhiêu nhân công.

Người nhà Đặng Tuy rất vui mừng, từ diện mạo, giấc mơ của Đặng Tuy đến việc hành thiện, tích đức của tổ tông, ai cũng tranh nói, rất náo nhiệt. Mọi người đều cảm thấy, Đặng Tuy là cô gái được rất nhiều may mắn, sau khi vào cung, vị trí hoàng hậu là để dành cho cô! Chỉ là, đó đều là sự suy đoán của người nhà, vận mệnh thật sự như thế nào, không ai đoán trước được. Lúc này, mẫu thân của Đặng Tuy bèn đề nghị, tìm một tướng sĩ có đạo hạnh rất cao xem tướng cho Đặng Tuy, xem cát hung họa phúc như thế nào? Người nhà nhất loạt đồng ý.

Qua tìm kiếm thăm dò, cuối cùng cũng tìm được một thầy tướng đoán quẻ tương lai. Vị thầy tướng này tên là Tô Văn, là đại sư thần toán nổi tiếng trong thành Lạc Dương. Tô Văn được mời đến Đặng phủ, sau khi vào chỗ ngồi, gọi Đặng Tuy bước ra. Tô Văn đưa mắt nhìn kỹ, thấy cô gái đoan trang điềm đạm, thân hình thon thả, thân cao 1m66, làn da trắng trẻo, mày rộng, mắt phụng, mũi cao, môi mỏng, tóc đen như mun, giữa hai lông mày có một luồng khí linh tuệ.

Đại sư Tô Văn kinh ngạc, đó là tướng phú quý, sau này quý không thể tả! Tô Văn im lặng không nói lời nào, sau khi Đặng Tuy lui ra nhà sau, Tô Văn mới nói với người nhà Đặng Tuy: Cung hỷ thượng phủ, tướng diện tiêu thư hợp thành quý cách, thân cao, mày rộng, mắt phụng, trán cao không lộ, mũi cao, trắng đen rõ ràng, đoan trang thông minh, bước đi thản nhiên, giọng nói như phụng kêu, âm sắc rõ ràng; tướng diện này, nam tất phong hầu bá tước, nữ tất thành hậu phi.

Những lời nói của cao nhân làm cho người nhà Đặng Tuy vui mừng tốt độ. Nhà họ Đặng trang điểm kỹ càng cho Đặng Tuy, đưa Đặng Tuy tham gia tuyển chọn mỹ nữ, đương nhiên được chọn. Khi Đặng Tuy sắp vào hậu cung hoàng thất, mẫu thân của Đặng Tuy dặn dò một lần nữa: Vào hoàng cung rồi, cũng giống như ở nhà, trong cung coi trọng lễ pháp, phạm việc gì cũng phải khiêm cung nhu thuật; quy củ trong cung rất nhiều, nhất thiết phải cẩn thận; lần vào cung này của con là họa là phúc, đều dựa hoàn toàn vào bản thân con.

Đặng Tuy bước vào cung cấm hoàng gia chí tôn chí quý với tâm trạng hoang mang bất an cùng với những mỹ nữ được vào cung như mình. Thân hình của Đặng Tuy cao thon, mặt phấn, tóc đen, bầu ngực tròn trịa, hết sức hấp dẫn người khác, nhất là trong nhóm mỹ nữ, lại càng nổi bật hơn, càng siêu thoát bất phạm. Nhưng điều đáng tiếc là, sau khi Đặng Tuy vào cung, vẫn chưa có cơ hội nhìn thấy hoàng thượng; mỗi khi xong việc triều chính, hoàng đế Lưu Triệu đều đi vào cung của Âm quý nhân mà mình đang sủng ái, tận hưởng tình nồng của Âm quý nhân, cùng cười nói và vui đùa.

III. Những hạch sách của hoàng hậu

Âm quý nhân vào cung 3 năm trước. Âm quý nhân đến từ danh môn, xuất thân cao quý, là cháu gái của Âm Thức, anh trai của Âm hoàng hậu của Quang Vũ Đế Lưu Tú. Âm quý nhân thông minh xinh đẹp, hiểu biết lòng người, thông hiểu thư nghệ, tài hoa xuất chúng. Âm quý nhân vào cung 3 năm, được sự sủng ái của Hòa Đế Lưu Triệu, được sủng ái nhất hậu cung. Hòa Đế quên đi sự tồn tại của những cô gái khác, một lòng một dạ với Âm quý nhân, quyến luyến không rời nàng. Đặng Tuy vào cung được nửa năm, đó là năm Vĩnh Nguyên thứ 8, năm 96 Công Nguyên, thì Hòa Đế 18 tuổi, long trọng sắc lập Âm quý nhân làm hoàng hậu, Đặng Tuy đồng thời được phong làm quý nhân.

Vị trí hoàng hậu vẫn luôn trống nay đã được Âm quý nhân đoạt mất, người nhà Đặng Tuy có phần thất vọng, bắt đầu nghi ngờ cao nhân xem tướng chẳng qua chỉ là ăn bữa nói ầu, không thể xem là thật. Tuy trong lòng Đặng Tuy có chút thất vọng, nhưng dù gì thì mình cũng chỉ mới vào cung, bề ngoài vẫn ung dung điềm tĩnh, không mất đi sự tao nhã khuê tú. Nhưng, hoàng hậu đã xuất hiện, hơn nữa lại không phải là cô gái bình thường, làm sao mà chịu được một Đặng quý nhân có sức uy hiếp rất lớn đến ngôi vị hoàng hậu của mình?

Đặng Tuy cẩn thận tỉ mỉ, tuân thủ lễ pháp cung cấm, nhưng Đặng Tuy không biết rằng tai họa sắp giáng xuống đầu mình. Thân hình, vẻ đẹp, khí chất, phong độ của Đặng Tuy không lúc nào không gây nên ngọn lửa đố kỵ của Âm hoàng hậu, không lúc nào không dẫn đến tai họa giáng xuống đầu. Nên biết rằng, Âm hoàng hậu được hưởng vinh dự trong cung là nhờ vào nét đẹp nhỏ nhắn của mình, hơn nữa vẫn luôn được hoàng đế sủng ái và tán thưởng. Còn Đặng quý nhân lại có thân hình cao ráo, trang nhã điềm đạm nhưng vẫn tha thướt yêu kiều. Âm hoàng hậu cảm thấy sống cùng với Đặng

quý nhân, không lần át được nàng ta, dường như là một con gà và một con phượng hoàng, vô hình trung cảm thấy mình vẫn là quý nhân còn Đặng quý nhân lại là hoàng hậu. Dù thế nào đi nữa thì cũng không thể chịu đựng được.

Hòa Đế xuân thu đang thịnh, sống nhiều năm với Âm hoàng hậu, cảm giác mới mẻ đương nhiên không còn tồn tại. Nét đẹp trời sinh và hơn hẳn mọi người của Đặng quý nhân đương nhiên không thoát khỏi Hòa Đế yêu thích mỹ sắc, làm sao Hòa Đế chịu bỏ qua một mỹ nữ như hạc này, làm sao mà bỏ vào lãnh cung không màng tới? Đó thật sự cũng là một sự chinh phục, một lần thử thách đối với trái tim anh hùng của hoàng đế muốn có sắc đẹp thiên hạ, Hoà Đế cảm thấy mình tràn đầy cảm giác vui vẻ hưng phấn vô tận. Hòa Đế ngậm nước bọt, tưởng tượng ngọc thể của Đặng quý nhân và khoái cảm hưng phấn khi khuất phục được thân thể ngọc ngà này. Hòa Đế không thể kiềm chế được bèn nhanh chóng bước đến cung Gia Đức.

Sau khi Đặng Tuy được phong làm quý nhân, được dời đến ở cung Gia Đức. Cung Gia Đức ở trong Cửu Long môn, trong cung vắng lặng, cảnh sắc tuyệt đẹp, ánh sáng mây gió làm ngây ngất lòng người. Sau khi hưởng thụ mỹ sắc của Đặng quý nhân, Hòa Đế bắt đầu quên mối si tình dành cho Âm hoàng hậu, chuyển sang mê muội Đặng quý nhân. Hòa Đế bỏ mặc hoàng hậu, và cũng quên thượng triều, chỉ sống trong cung Gia Đức, hoan lạc với Đặng quý nhân, Đặng Tuy điềm đàm trang nhã cũng chỉ dành tuân lệnh, làm hài lòng Hòa Đế. Thân làm phi tử, Đặng quý nhân làm sao có thể đuổi phu quân Hòa Đế háo sắc si tình ra khỏi cung Gia Đức?

Âm hoàng hậu ngồi đợi trong cung, từ sáng đến tối, từ tối đến bình minh, trong cung vẫn không xuất hiện hình bóng của Hòa Đế. Đó là hiện tượng chỉ xuất hiện sau khi Đặng quý nhân vào cung. Âm hoàng hậu trợn trừng đôi mắt, nhìn chăm chăm một cách đầy thù hận về phía Cửu Long môn! Âm hoàng hậu chờ đợi mỗi mòn từng đêm từng đêm dài trong sự thù hận. Sự cô đơn, cô độc của đêm dài không ngừng tăng thêm thù hận và ngọn lửa ganh

ghét trong lòng hoàng hậu. Âm hoàng hậu biết rằng, ngọn lửa ganh ghét không đốt chết Đặng quý nhân, mà ngược lại bản thân lại bị ngọn lửa đó đốt rụi.

Một hôm, trong cung có tiệc, Hòa Đế mời các hậu phi mỹ nhân cùng chung uống rượu. Rượu qua 3 tuần, các hậu phi lần lượt nâng ly kính rượu trượng phu chung. Đặng quý nhân cao hơn mọi người một tấc, thật giống như hạc giữa đám gà, mọi mỹ nhân đều rất căm ghét chuyện này. Âm hoàng hậu nhìn chằm chằm vào Đặng quý nhân, nói một cách lạnh lùng: Đặng quý nhân, nàng thật đẹp! Người thon như ngọc, như hạc đứng giữa bầy gà, tôi đây thật cảm thấy xấu hổ muôn phần! Âm hoàng hậu miệng nói thế, trên mặt lại như đeo một lớp băng, hơi lạnh tỏa khắp người.

Các cung phi đều cười hì hì, để lộ ra nét vui mừng trước tai họa của người khác. Đặng Tuy lập tức đáp lễ, hoảng hốt lo sợ. Đặng Tuy biết rõ rằng cung cấm hiểm ác, hề có hành động bất cẩn là tai ương ập đến ngay. Từ khi Đặng Tuy vào cung, vẫn rất cẩn thận tỉ mỉ, không làm những chuyện trái với lễ nghi, không nói những lời không hợp cung qui, nhất là tiên kiến Âm hoàng hậu, run sợ lấy bầy và rất cẩn thận, luôn an ủi các tì nữ, không dám đối xử tệ, không ngờ vẫn không tránh khỏi bị mọi người ganh ghét, vẫn không thoát khỏi sự trách mắng của Âm hoàng hậu.

Sau khi thi trọng lễ, Đặng quý nhân hoảng sợ nói: Kính bẩm hoàng hậu, thần thiếp thân nhờ phụ mẫu, mọi thứ của thần thiếp đều được sự che chở của hoàng hậu, kính mong hoàng hậu rộng lòng tha thứ. Đặng quý nhân khiêm nhường hoảng sợ, đáp lời hết sức đúng mực, Âm hoàng hậu không có gì để nói, mọi mỹ nhân cũng im lặng. Đặng quý nhân biết rằng, từ đó về sau, mình càng phải cẩn thận hơn, nếu không, kết quả sẽ khôn lường.

IV. Giữa cái sống và cái chết

Đặng Tuy bị ghì nén và hoảng sợ chịu không nổi cuộc sống căng thẳng như thế trong cung, cuối cùng đổ bệnh, nằm liệt giường nhiều ngày. Hòa Đế thương xót Đặng Tuy cho rằng Đặng quý nhân thương nhớ người thân, nên mới mắc bệnh, bèn đặc cách gia ân, cho phép mẫu thân, huynh đệ của nàng vào cung thăm nàng, chăm lo ăn uống và thuốc thang cho nàng, đồng thời còn đặc chuẩn không hạn chế thời gian. Đó là ân sủng trước nay chưa từng có, ngay cả Âm hoàng hậu cũng không được vinh dự như thế. Chính vì vậy, Đặng quý nhân càng cảm thấy không thể nhận ân sủng này, nếu không, sẽ dẫn đến phiền phức khó mà tưởng tượng nổi.

Hòa Đế lúng túng chẳng biết làm gì, hỏi Đặng quý nhân, tại sao lại từ chối ân sủng này? Đặng quý nhân đành phải trả lời rằng: Bệ hạ, cung cấm nghiêm ngặt, nếu để người nhà thân thiếp vào cấm địa trong cung, đó là việc vi phạm cung qui, là điều mà vương pháp không thể dung thứ; hơn nữa, đặc ân này của bệ hạ sẽ làm cho triều thần chê trách hoàng thượng vì tình cảm riêng tư mà coi thường vương pháp, thân thiếp càng được sủng ái, trên dưới càng ta thán, về công về tư đều không tốt, cho nên, thân thiếp không dám tiếp nhận hồng ân của bệ hạ.

Hòa Đế lắc lắc đầu, như đang lẩm bẩm một mình rằng: Những phi tần khác đều coi việc thân nhân được tiến cung thăm mình mà thấy vinh dự, quý nhân ngược lại lo lắng, hoảng hốt lo sợ vì chuyện đó, lại còn sợ dẫn đến chính nghị, lo lắng thay cho trẫm, thật là quá hiếm thấy, thật đáng quý. Lúc này, Đặng quý nhân mới chuyển ưu thành vui, nói với Hòa Đế rằng: Thân thiếp đa tạ bệ hạ, hậu ân của bệ hạ, thân thiếp không biết báo đáp thế nào. Từ đó, tình cảm của Hòa Đế và Đặng quý nhân càng sâu đậm hơn, càng hòa hợp hơn.

Âm hoàng hậu được sủng ái nhiều năm, vẫn không mang thai sinh con, khi Đặng quý nhân được sủng ái, điều mà bà sợ nhất là Đặng quý nhân mang thai. Sự sủng ái của Âm hoàng hậu đã bị Đặng quý nhân đoạt đi, nếu Đặng quý nhân mà mang thai sinh con, thì ngôi vị hoàng hậu chắc cũng sẽ bị Đặng quý nhân đoạt đi mất. Trong sự hoảng loạn, Âm hoàng hậu hề có cơ hội thì nghĩ ra trăm phương ngàn kế để hãm hại Đặng quý nhân, kiếm có sinh sự.

Đặng quý nhân sợ hãi, trong lòng thấy buồn bã, nhưng làm thế nào được? Nếu đã bước vào thâm cung, người đã kẹt trong đó, đành phải ứng phó cho tốt. Hễ trong cung tổ chức yến hội, xuất du, hậu phi mỹ nhân tranh nhau khoe sắc khoe tài, cố gắng tạo ra mới, cố ý trang điểm, còn Đặng quý nhân thì luôn trang điểm nhẹ nhàng, ăn mặc đơn giản, không thêm bất kỳ trang sức gì, và cũng không mặc thêm trang phục hoa lệ gì. Có lúc, màu sắc, kiểu dáng trang phục của Đặng quý nhân giống với hoàng hậu, Đặng quý nhân bèn sợ hãi đi vào phòng thay trang phục khác.

Nếu hoàng hậu có mặt, Đặng quý nhân không dám đứng thẳng, hoặc vui vẻ ngồi xuống, luôn cong người khom lưng, đứng một bên, lễ phép, tỏ ra hèn mọn thấp kém. Khi Đặng quý nhân và Âm hoàng hậu cùng tiến kiến Hòa Đế, Đặng quý nhân luôn lui ra phía sau, đứng trong một góc, cố gắng không gây sự chú ý. Nếu Hòa Đế có hỏi, Đặng quý nhân không bao giờ trả lời trước hoàng hậu, mà luôn đợi hoàng hậu trả lời xong, Hòa Đế hỏi lại, mới dám trả lời ngắn gọn.

Hòa Đế phong lưu đa tình, không nệ tiểu tiết, đều nhìn ra sự cẩn thận và nhún nhường quá mức của Đặng quý nhân. Hòa Đế cho rằng, Đặng quý nhân nhún nhường lao tâm như thế là biểu thị cung kính hoàng hậu, là biểu hiện lòng nhân đức khoan dung của mình, và cũng phản ánh sự trang nhã bất phàm của mình. Hòa Đế tán thưởng hết lời rằng: Đặng quý nhân cẩn thận chuyên tâm như thế, tu đức chi lao, thật là làm khó cho nàng ta quá.

Hòa Đế dần dần không thể rời xa Đặng quý nhân, hoàng hậu càng ganh ghét. Đặng quý nhân thấy tình hình như thế, trong lòng hết sức bất an. Hòa Đế sủng ái Đặng quý nhân, ban đêm luôn đến ở lại cung Gia Đức, Đặng quý nhân bèn bảo mình có bệnh, để Hòa Đế đến Trung cung, đến nơi của Âm hoàng hậu. Đặng quý nhân biết rằng, bản thân mình đã làm cho người ta ganh ghét đủ rồi, nếu mình còn được độc sủng, thì sẽ càng bị căm ghét hơn.

Hậu phi mỹ nhân trong hậu cung rất nhiều, nhưng vẫn không ai mang thai. Đặng quý nhân lo lắng vì người nối dõi của hoàng đế, thường cầu khẩn cho hoàng tử, đồng thời còn đích thân tuyển chọn cung nữ dâng cho Hòa Đế. Hòa Đế yêu mến nàng, nô tì kính trọng nàng, cung nữ ca tụng nàng, sự khoan hậu nhân đức của Đặng quý nhân vang xa trong cung, vượt qua cả hoàng hậu, Âm hoàng hậu càng ghen ghét càng ghen lợi. Đặng quý nhân không thẹn trong lòng, nhưng cho dù có chịu oan ức để cầu toàn, thì vẫn không thể thoát khỏi Âm hoàng hậu, Đặng quý nhân cảm thấy làm người không chút dễ dàng, sống quá mệt mỏi và cũng quá khó khăn.

Hòa Đế cần mẫn trị quốc. Lúc đó, thân thích bên ngoại nắm hết quyền hành, họa quan Trịnh Chúng đặc sủng. Trịnh Chúng là người Nam Dương, nhanh nhẹn tháo vát. Những năm Vĩnh Bình, Trịnh Chúng được vào phủ thái tử làm việc. Chương Đế kế vị, Trịnh Chúng được đến Tiểu Hoàng môn, làm Trung Thường Thị. Năm đầu của Hòa Đế, lên làm tuần lệnh. Đậu thái hậu chấp chính, anh trai của thái hậu Đậu Hiến trộm quyền uy phúc, làm mưa làm gió, khuynh đảo triều đình. Đồng đảng của Đậu Hiến có mặt ở khắp nơi trong triều đình và hậu cung, chuẩn bị giết chết Hòa Đế mọi lúc mọi nơi. Hòa Đế biết rõ âm mưu của Đậu Hiến, nên bàn bạc với Trung Thường thị Trịnh Chúng, cùng nhau lập mưu tính kế.

Lúc bấy giờ, Đậu Hiến nhận mệnh chỉ huy quân đội ở trọng trấn Lương Châu phía Tây. Trịnh Chúng cho rằng, nếu một lần bắt hết sai nha của Đậu Hiến trong kinh sư, e rằng Đậu Hiến sẽ làm loạn Lương Châu, chi bằng tạm

thời âm thầm chịu đựng, chờ đợi thời cơ. Đậu Hiến hết sức giỏi giang trong việc mở rộng lãnh thổ, biên cương. Năm Chương Hòa thứ hai, Hoà Đế phong Đậu Hiến làm xa kỵ tướng quân, để Cháp Kim Ngô làm phó tướng quân, tiến về phía bắc đánh Hung Nô. Năm sau, đại chiến Hán, Hung tại núi Kê Lạc, Hung Nô chiến bại, trăm hơn 1 vạn 3 ngàn thủ cấp, bắt hơn trăm vạn gia súc, hơn 20 vạn người đầu hàng. Đậu Hiến bước lên núi Yên Nhiên, chính là núi Kháng Ai phía tây Mông Cổ bây giờ, ra lệnh khắc đá ghi công.

Thời Minh Đế, sau khi phụng xa đô úy Đậu Cung chiếm lĩnh được Y Ngô Hộ vào năm Vĩnh Bình thứ 16, cử Ban Siêu lệnh sử dẫn 30 người đi sứ Tây Vực. Thời Hoà Đế, lệnh Ban Siêu làm đô hộ Tây Vực, trú thủ Qui Từ. Đến năm Vĩnh Nguyên thứ 6, các nước như Yên Kỳ đều quy phục triều Hán, hơn 50 nước Tây Vực xưng thần. Hoà Đế phong Ban Siêu làm Định Viễn hầu. Cùng lúc đó, khu vực đông bắc, Ô Hoảng hiệu úy nhậm thượng, đánh tan Nam Đan Vu, đưa Liêu Đông vào bản đồ nhà Hán, lập thành quận Bột Hải.

Hòa Đế cải cách chế độ, thanh lọc hệ thống chính trị, chú ý đến nông nghiệp, thông cảm cho nỗi khổ của dân. Theo lệ trong cung, hàng năm lệ chi (trái vải) tươi sản xuất tại Nam Hải, được nhanh chóng chuyển ngay đến kinh sư không quản ngày đêm, đưa ngay vào hậu cung Lạc Dương. Đường xa vất vả, người chết và bị thương không biết bao nhiêu mà kể. Vùng Nam Hải khổ sở vì chuyện đó, quan sứ tâu thỉnh bãi miễn, Hòa Đế vui vẻ đồng ý. Hòa Đế là vị hoàng đế vừa háo sắc vừa cẩn mẫn chính vụ, lại rất tôn trọng nhân tài, chú trọng học thuật, thường đích thân đến tàng thư lâu của hoàng gia, tìm đọc kinh điển, đồng thời chọn học giả chỉnh sửa tàng thư.

Năm Vĩnh Nguyên thứ 13, tức năm 101 Công Nguyên, Hòa Đế Lưu Triệu 22 tuổi bất hạnh nhiễm bệnh, nằm liệt giường. Sinh mạng của Hòa Đế lâm nguy, vùng vẫy giữa sinh tử âm dương giới. Âm hoàng hậu trấn giữ hậu cung cho rằng thời cơ trả thù đã đến, có thể giết tận gia tộc họ Đặng, để rửa nỗi oán hận nhiều năm. Âm hoàng hậu giận dữ nói với thân cận: Hễ ta đắc

chí, nhất định phải giết Đặng quý nhân, giết sạch cả nhà của ả, xem ả còn thần khí gì!

Khi đó, Hòa Đế bệnh liệt giường đang ở trong cung Chương Đức, hoàng hậu Âm thị đang ở tại cung Trường Thu, Đặng quý nhân đang ở cung Gia Đức. Hoàng đế bệnh, ngoài hoàng hậu ra, không có tuyên chiếu của hoàng đế, không ai có thể tùy ý ra vào Chương Đức cung, thăm hỏi bệnh tình. Cho nên, chỉ có Âm hoàng hậu mới biết bệnh tình của hoàng thượng, còn Âm hoàng hậu khẩu xuất cuồng ngôn, cận thần biết phân lượng của lời nói đó, thiết tưởng hoàng đế không được bao lâu nữa, nếu hoàng thượng băng hà, hoàng hậu được thế, Đặng quý nhân và gia tộc của nàng sẽ chết không toàn thân! Người hầu cận của Âm hoàng hậu ngưỡng mộ Đặng quý nhân, và cũng thông cảm với nàng, nên âm thầm báo tin này cho Đặng quý nhân.

Đặng quý nhân nghe xong lời này, sợ chết ngất. Đó thật sự là tiếng sấm ngang tai. Sau khi Đặng quý nhân định thần, nước mắt tuôn xuống như những hạt trân châu được xâu thành từng sợi. Đặng quý nhân khóc không thành tiếng mà nói: Ta cung kính cẩn thận, một lòng phục vụ hoàng hậu, không ngờ vẫn không được hoàng hậu tha thứ, xem ra họa của ta không xa nữa. Đặng quý nhân kính trọng hoàng hậu, quyết không có dã tâm thay thế chỗ của hoàng hậu, nhưng không ngờ vẫn có kết cục như thế. Đặng quý nhân chẳng sợ hãi cái chết, chỉ thấy đau lòng, oan ức. Điều Đặng quý nhân sợ hãi nhất là không những mình không mang lại sự yên bình và vinh dự cho gia tộc, mà ngược lại chỉ dẫn đến họa diệt môn, dù thế nào thì Đặng quý nhân cũng không cam lòng.

Nước mắt Đặng quý nhân rơi lã chã, trong lòng như bị một tảng đá đè nén, trầm lắng vô cùng. Sau khi bình tĩnh lại, Đặng quý nhân nghĩ xem làm thế nào để giải quyết vấn đề nghiêm trọng này. Đặng quý nhân nghĩ, dù gì thì mình cũng không giữ được mạng sống của mình, nhưng nhất định phải giữ được gia tộc của mình. Nếu muốn thế thì chỉ có một con đường để đi:

Đó chính là tự mình ung dung tìm lấy cái chết, cầu trời bảo hộ cho hoàng đế, để hoàng đế khỏi bệnh.

Đặng quý nhân nói cách nghĩ của mình với tì nữ tâm phúc Triệu Ngọc. Triệu Ngọc nghe xong, như vừa có ngàn mũi tên đâm trúng tim mình, bèn ra sức khuyên ngăn: Quý nhân phải suy nghĩ thật kỹ trước khi làm, tuyệt đối không được manh động. Đặng quý nhân nuốt nước mắt, khỏ sở nói: Nỗi khổ tâm này của ta, người nên hiểu rõ, đó là quyết định sau khi đã suy nghĩ rất kỹ; làm như thế, vừa báo đáp được hậu ân của hoàng thượng, mong cho hoàng thượng sớm ngày hồi phục, lại có thể loại bỏ tai ương vô cớ của gia tộc, còn có thể bảo toàn danh tiếng của hoàng hậu.

Đặng quý nhân giữ chủ ý, lệnh cho Triệu Ngọc chuẩn bị nhang án, tế phẩm. Đặng quý nhân quyết định uống thuốc tự vẫn sau buổi cúng tế đêm nay. Đặng quý nhân tắm gội, thay áo, mở giấy ra, lấy bút viết một bài thỏ văn, bày tỏ quyết định cầu phúc thay hoàng thượng, ung dung đi đến cái chết. Triệu Ngọc không biết làm gì, chỉ đành làm theo lời dặn của Đặng quý nhân. Trong lúc hoảng loạn, cái khó ló cái khôn, Triệu Ngọc nghĩ ra một kế: tại sao không dùng kế hoãn binh, cứu mạng cho quý nhân?

Đợi khi Đặng quý nhân cầm ly rượu độc lên, Triệu Ngọc chạy gấp vào cung, bẩm báo với Đặng quý nhân: Cung Chương Đức có tin, nói bệnh của hoàng thượng đã đỡ hơn, qua vài hôm nữa sẽ khỏi bệnh! Đặng quý nhân nghe xong, tảng đá trong lòng dường như cũng rơi xuống đất. Đặng quý nhân cho rằng vận tề của mình đã cảm động trời xanh, trời xanh phù hộ, để hoàng thượng hồi phục. Đặng quý nhân thở dài một hơi, nói: Tạ trời tạ đất, hoàng thượng hồi phục, ta cũng an tâm hơn nhiều.

Quả là trời xanh không tuyệt đường Đặng quý nhân, sự tình cũng thật trùng hợp, ngày hôm sau, đúng là có tin Hòa Đế khỏi bệnh. Trong cung sợ hãi một phen. Hòa Đế dần dần bình phục. Sau khi bãi triều, Hòa Đế đến cung Gia Đức nhiều hơn, cùng ăn cùng ở với Đặng quý nhân. Âm hoàng hậu ngày ngày bị lạnh nhạt, sức chịu đựng cũng đến mức giới hạn. Nhưng,

Âm hoàng hậu còn có thể làm gì? Âm hoàng hậu chẳng biết làm gì sau cùng cũng nghĩ ra một cách: Dùng tà thuật bùa chú Đặng Tuy, làm Đặng Tuy chết sớm ngày nào hay ngày ấy.

V. Nghề của hoàng hậu

Thuật vu cổ hại người khác lưu hành trong cung Hán vẫn luôn được các cung nữ tín phụng, nhưng cung Hán nghiêm cấm hành vi bất nhân này, bị coi là tà thuật, kiên quyết cấm chỉ. Thuật vu cổ mà Âm hoàng hậu thực hiện là độc nhất: Cung phụng một con nhện độc, nuôi trong mật thất, ngày ngày cung phụng, bí mật làm phép; đến một thời gian nhất định, trùng độc có thể thông thần, nghe theo lệnh của chủ nhân, hoàn thành ý nguyện của chủ, đưa kẻ thù đến chỗ chết.

Âm hoàng hậu vu cổ để hại Đặng quý nhân, được sự ủng hộ của người nhà. Ngoại tổ mẫu của Âm hoàng hậu Đặng Chu thường ra vào cung Trường Thu, Âm hoàng hậu để Đặng Chu bí mật cung dưỡng trùng độc, làm thuật vu cổ, niệm chú Đặng quý nhân. Thời gian lâu dần, có tâm phúc mật báo cho Hòa Đế. Hòa Đế đương nhiên đại nộ, nhưng Hòa Đế lại không động thanh sắc, cử tâm phúc hầu hạ thân cận Trung Thường thị Trương Thận và thượng thư Trần Bao lập tức điều tra. Kết quả thẩm tra, đương nhiên đúng là có sự việc đó, không chỉ Đặng Chu và hoàng hậu tham gia trong đó, mà bao gồm cả hai con trai của Đặng Chu là Đặng Phụng, Đặng Nghị; các em trai Âm hoàng hậu là Âm Dật, Âm Phó, Âm Thường.

Hòa Đế nổi giận đùng đùng, cho rằng Âm hoàng hậu không trọng phu đức, vi phạm cung quy, không đáng làm mẫu nghi thiên hạ. Hòa Đế cử tư đồ Lỗ Cung đến trung cung Trường Thu, thu hồi ngọc ấn của hoàng hậu, phế danh hiệu Âm hoàng hậu, đuổi Âm hoàng hậu ra khỏi cung Trường Thu, đến Vu Đông cung. Sau khi sự việc xảy ra, Đặng quý nhân ra sức khuyên can Hòa Đế, cứu mạng Âm hoàng hậu, nhưng Hòa Đế không nghe, tất cả đều vô dụng. Năm đó Âm hoàng hậu mới 24 tuổi, nhập cung mười mấy năm, không chỉ bị phế đi chức hoàng hậu, mà còn hại đến cả gia tộc: Đặng Phụng, Đặng Nghị, Đặng Phó bị bắt giam vào ngục, tra khảo đến

chết; phụ thân của Âm hoàng hậu Âm Cương tự sát; Âm Thường, Âm Dật, gia tộc Đặng Chu bị đày đi Nhật Nam (nay là Việt Nam). Chưa đến 1 năm, Âm hoàng hậu qua đời trong sự u uất.

Tâm trạng của Đặng quý nhân hết sức phức tạp, không biết nên vui mừng hay nên đau khổ. Âm hoàng hậu tự ép chết mình, hại cả nhà mình. Đặng quý nhân dường như đã trải qua biến cố lớn này, trong lòng trở nên bình tĩnh và tê dại. Đặng quý nhân chẳng cầu xin gì, chỉ mong được sống cuộc sống bình yên. Tuy nhiên, vị trí hoàng hậu còn trống, các triều thần không thể im lặng, chính vào mùa đông năm Vĩnh Nguyên 14, tấu chương của các đại thần tấu thỉnh Hòa Đế lập hoàng hậu lần lượt được gửi vào cung, chất cao như núi.

Trải qua biến cố này, Hòa Đế càng cẩn trọng hơn trong việc lập hậu. Hòa Đế cảm thấy, hoàng hậu nhất định phải đức chiêu thiên hạ, nhân lan bốn biển, chỉ có như thế, mới có thể thượng thừa tông miếu, mẫu nghi triều dã. Mà người có tư cách của hoàng hậu, thì Hòa Đế đã tính sẵn trong lòng, đó chính là quý nhân Đặng Tuy. Thế là, qua nghị định, sắc lập Đặng quý nhân làm hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ.

Đại diện sắc lập hoàng hậu được cử hành vào tháng 10 mùa đông năm Vĩnh Nguyên thứ 14. Hòa Đế mặc thịnh phục, bá quan tề tựu đông đủ, thái úy trông coi việc lễ tiết làm chính sử, trao ngọc ấn hoàng hậu; Tông Chính xuất nhiệm phó sử, nghênh hầu hoàng hậu. Hoàng hậu sách văn viết: Trường Thu cung khuyết, trung cung khoáng vị, Đặng quý nhân oai dung chiêu diệu, đức quán hậu đình, lập quý nhân làm hoàng hậu. Thái úy thụ ấn thụ sắc văn, hoàng hậu bái thụ. Ngọc ấn hoàng hậu được làm từ ngọc trắng, trên mặt có khắc: Hoàng hậu chi ấn. Thụ ấn của hoàng hậu có màu đỏ thẫm. Thái úy trao ngọc ấn, giao cho Trung Thường thị, Trung Thường thị quỳ xuống nhận ấn, chuyển giao cho tiếp như, tiếp như quỳ nhận, chuyển giao cho chiêu nghi, chiêu nghi chuyển trình hoàng hậu.

Năm Đặng Tuy được sắc phong làm hoàng hậu là năm nàng 22 tuổi. Nàng tự biết rằng, nàng đã không có kẻ tử thù, nhưng tuổi còn nhỏ, lại có vị trí quá cao, e rằng đức mỏng. Đặng hậu nhận thư bái tạ, cung kính hết sức, cẩn thận cai quản hậu cung. Đặng Tuy học hỏi nữ quan có học thức uyên bác trong cung Tào Đại Gia. Tào Đại Gia tức Ban Chiêu, là em gái của Ban Cố, tác giả cuốn “Tiền Hán thư” và Định Viễn hầu có công kiến tạo Tây Vực là Ban Siêu. Khi Ban Chiêu 14 tuổi, được gả cho Tào Thộ. Tào Thộ chết sớm, Ban Chiêu sống cô quả.

Ban Cố sáng tác “Hán thư”, sách chưa viết xong đã rời khỏi nhân thế. Hoà Đế nghe tài danh của Ban Chiêu đã lâu, lệnh Ban Chiêu vào cung, đến tàng thư hoàng thất Đông Quan, tiếp tục hoàn thành “Hán thư”. Ban Chiêu nhận lệnh, tiếp tục “Hán thư” bát biểu và thiên văn chí. Hoà Đế biết đến tài học của Ban Chiêu, lệnh nàng đến hậu cung nhậm chức, dạy cho phi tần dưới hoàng hậu trong cung đọc sách. Hoà Đế và phi tần trong cung đều kính trọng nàng, gọi nàng là Tào Đại Gia, không hề gọi thẳng tên của nàng.

Đặng Tuy bái sư Tào Đại Gia, một lòng học tập. Đặng Tuy vừa học kinh sử vừa học thiên văn, số học của Tào Đại Gia. Rảnh rỗi sau khi giảng bài, Ban Chiêu còn viết một bài “Nữ giới” gồm 7 phần lưu truyền thiên cổ, các mặt như tu thân, dưỡng tính, cư gia, xử thế đều được bàn luận và tường thuật với nội dung sâu sắc, lời lẽ dễ hiểu. “Nữ giới” nhấn mạnh tứ hạnh của phụ nữ, tứ phụ đức, phụ ngôn, phụ dung, phụ công, đó chính là tiêu chuẩn đạo đức của phụ nữ Trung Quốc, phải tuân thủ đàng hoàng.

Đặng hậu lễ trọng Tào Đại Gia, lại càng coi trọng “Nữ giới”. Đặng hậu thường gò mình theo “Nữ giới”, giáo dục người trong cung. Khi đó, quận quốc tranh nhau tiến hiến châu báu, trong cung, trong triều xa hoa lãng phí, quan viên các cấp tranh nhau tìm kiếm châu kỳ vật lạ đem vào cung. Đặng hậu nắm giữ Trung cung, hạ chỉ tiêu huỷ tất cả những châu báu thượng công, nghiêm cấm lãng phí, chỉ cần các nơi hiến giấy mực, những thứ khác đều không nhận.

Trong cung thời Hán có lệ, một khi đã là chính vị hậu cung, thì gia tộc hoàng hậu được phong quan bá tước. Sau khi Hòa Đế sắc lập Đặng Tuy làm hoàng hậu, ông cũng phải tiến phong nhà họ Đặng theo lệ, nhưng Đặng hậu khéo léo từ chối. Đặng Tuy đọc thuộc sử sách, biết rất rõ hậu tộc hùng mạnh, sẽ dẫn đến sự chống đối của hoàng tộc, kết quả nếu không bị phế, thì là họa diệt môn. Cho đến khi Hòa Đế qua đời, người trong tộc của Đặng hậu đều không có quan cao tước hậu, anh trai của Đặng hậu là Đặng Trắc chẳng qua cũng chỉ là tướng trung lang hạng trung trước khi Hòa Đế qua đời.

Hòa Đế lo lắng chính sự, chơi bời hưởng lạc, xuất cung vui chơi, uống rượu trác táng, kết quả là thể chất suy yếu, dễ nhiễm trọng bệnh. Chỉ một năm sau khi Đặng Tuy được sắc lập làm hoàng hậu, Hòa Đế lại bệnh nặng, ngày càng nặng, nguy hiểm đến tính mạng. Vào năm Nguyên Hưng thứ nhất, tức năm 105 Công Nguyên, cuối cùng Hòa Đế cũng không chống cự nổi nữa, đến tháng 12 thì chết ở điện Chương Đức, vào năm 26 tuổi, tại vị 16 năm.

Hòa Đế đột ngột qua đời, hoàng hậu không có con nối dõi, giang sơn xã tắc này nên giao phó cho ai? Đặng hoàng hậu năm đó 25 tuổi phải ra quyết định. Khi đó Đặng hoàng hậu đã vào cung được 9 năm, lúc lên lúc xuống, có lúc nguy đến tính mạng cũng có lúc hưởng tận sự sủng ái của hoàng thượng. Nhưng điều đáng tiếc là, Đặng thị vẫn không hề mang thai. Làm sao đây, nếu lập hoàng đế, đương nhiên phải là con trai của những cô gái khác, một khi hoàng đế trưởng thành, tay nắm hoàng quyền, chẳng biết rồi đây bản thân mình sẽ rơi vào hoàn cảnh nào? Đặng hậu bèn quyết tâm: Quyền lực nhất định phải nằm trong tay mình, quyết không buông quyền.

Lúc này Hòa Đế có hai con trai: con trưởng Lưu Thắng, con thứ Lưu Long. Lưu Thắng là con trai của Hòa Đế và cung nữ, lúc đó đã 8 tuổi, nhưng không thể nói năng, trời sinh khờ khạo. Lưu Long vừa mới chào đời, mới được 2,3 tháng. Theo nguyên tắc lập đích lập trưởng, Hoà Đế qua đời,

thì phải lập Lưu Thắng. Nhưng, Đặng hậu lúc này đã không còn là cô gái chịu oan ức để cầu toàn, khiêm nhường dễ khuất phục như ngày xưa, mà đã là một hoàng hậu có quyền trọng thiên hạ và thái hậu tương lai, Đặng hậu khẳng định phải suy xét tỉ mỉ, sắp xếp chọn người theo cách nhìn của mình.

VI. Ngày tháng thái hậu nắm quyền chấp chính

Lưu Long ra đời vừa mới mấy tháng, Đặng hậu nghĩ, nhận Lưu Long làm con nuôi, lập làm hoàng đế, bản thân mình vừa có thể nhiếp chính, vừa tiện việc khống chế, chẳng phải rất tốt sao? Thế là Đặng hoàng hậu kiến nghị, lập Lưu Long làm hoàng đế, đại thần chỉ đành phụng chỉ. Lưu Long kế vị hoàng đế, chính là Hán Thương Đế. Đặng hoàng hậu được tôn làm hoàng thái hậu, tổng giám triều chính. Hòa Đế được chôn tại Thận Lăng theo tang lễ. Anh trai của Lưu Long là Lưu Thắng được lập làm Bình Nguyên vương.

Đặng thái hậu lâm triều, hạ lệnh phò thần trong triều có thể vào hậu cung tấu trình. Đặng thái hậu khống chế đại quyền trong triều đình và trong cung. Nhưng Đặng thái hậu dù gì cũng là phụ nữ, đại sự trong triều không thể đích thân làm mọi việc, hỏi mọi chuyện, nhờ ai chấp chính bây giờ? Đương nhiên là người nhà của mình – gia tộc họ Đặng. Đặng thái hậu đã không còn là Đặng hoàng hậu đẹp mình để làm chuyện riêng, không dám phong quan bá tước cho gia tộc mình như lúc trước, mà đã là một thái hậu tay nắm trọng quyền sinh tử, không kiêng kỵ điều gì, nên đã nhất loạt phong hầu bá tước cho lớn nhỏ trong gia tộc họ Đặng, giao cho họ những trách nhiệm quan trọng.

Đặng thái hậu phong anh trai Đặng Trắc của mình làm Thượng thái hầu xa kỵ tướng quân, nắm giữ binh quyền lẫn quản lý triều chính. Nên biết rằng, khi Hòa Đế còn sống, Đặng Trắc chẳng qua chỉ là viên quan hạng trung Hổ Phấn trung lang tướng, mà chỉ trong một đêm, đã trở thành quan đứng dưới một người mà đứng trên cả thiên hạ. Em trai Đặng Lý, Đặng Xương, Đặng Hoảng của Đặng hậu cũng lần lượt được phong hầu. Năm

xưa Hòa Đế muốn phong quan cho người nhà họ Đặng, Đặng hậu thuộc lâu lịch sử kiên quyết từ chối, nói từ xưa đến nay hậu tộc hiền quý, sẽ dẫn đến tai họa. Chẳng lẽ Đặng hậu lúc này đã quên đi bài học lịch sử? Hiển nhiên, Đặng hậu khi xưa rơi vào thế nguy hiểm, lúc nào cũng phải cẩn thận mà sống, còn bây giờ, Đặng hậu đã nắm trọng quyền trong tay, có thể làm mưa làm gió, chẳng hề nghĩ đến có nguy hiểm gì. Nhưng Đặng hậu tuyệt nhiên không ngờ rằng, bà phong quan bá tước như thế, làm cho gia tộc hiển vinh, sẽ dẫn đến họa diệt môn.

Sự vụ của triều đình đều do anh em Đặng Trắc, Đặng Lý, Đặng Xương, Đặng Hoàng thao túng hết, trình tấu đại sự là xong chuyện. Tuyên truyền ý chỉ, Đặng hậu có thể nhờ họa quan như Trịnh Chúng, Thái Luân. Đặng Trắc tổng quản triều chính được đặc chỉ sống trong cung, để dễ bề thương nghị quốc sự. Chính quyền ổn định, Đặng thái hậu công bố chiếu thư đầu tiên của mình: Đại xá thiên hạ, những tội phạm bị giam trong lao từ thời Kiến Vũ đến nay nhất loạt được miễn tội, trở thành bình dân.

Tiếp đó, Đặng thái hậu chỉnh đốn cung đình. Vật dụng y phục do các nơi cung cấp trong cung chất đống như núi, cống vật được dâng lên không dứt, còn dân thì than khổ, Đặng thái hậu hạ lệnh giảm thiểu hoặc giảm một nửa. Ẩm thực trong cung quá xa xỉ, Đặng thái hậu hạ chỉ chỉ cho ăn một món thịt một món rau trong hai bữa sáng và tối, không được phép tùy tiện tăng thêm, càng không được phép hờ một tí là sơn hào hải vị. Cống vật do các quốc quận cống nạp hàng năm nhất loạt được giảm một nửa. Quận quốc và địa phương gặp phải thiên tai, thì được miễn một năm tiền tô thuế. Điều nhân đức nhất là, Đặng thái hậu ở trong cung nhiều năm nên biết được nỗi đau khổ của phụ nữ ở lâu trong thâm cung, hạ lệnh tất cả những nô tì trong tông tộc, những tì nữ bị bắt vào trong cung, nhất loạt được trở về quê, ai nấy được lập gia đình.

Lưu Long tức hoàng đế mới 8 tháng tuổi đã bất hạnh qua đời, hoàng vị lại bị bỏ trống một lần nữa. Đối mặt với vấn đề nan giải này, còn lại chỉ có

đưa con trai duy nhất mới 9 tuổi Lưu Thắng của Hòa Đế. Lưu Thắng đã bỏ qua cơ hội một lần, Đặng thái hậu lo lắng, lần trước không lập hấn, chẳng lẽ hấn không ôm hận trong lòng? Nếu lần này lập hấn, hấn sẽ cho rằng đó là lẽ đương nhiên, đến khi hấn chấp chính, chắc chắn sẽ báo thù. Đặng thái hậu bèn triệu anh trai Đặng Trắc vào bàn bạc đối sách.

Đương nhiên Đặng Trắc cũng nghĩ như thế. Đặng thái hậu thở phào nhẹ nhõm, bèn bảo Đặng Trắc điều tra xem trong thân thích đông đúc của hoàng thượng có thằng bé nào còn nhỏ thích hợp để kế thừa hoàng vị, mấu chốt là phải còn rất nhỏ, càng nhỏ càng tốt, để dễ bề khống chế. Sách sử của thế hệ hoàng gia đã được ghi chép hết sức rõ ràng, tra là biết ngay, anh trai Thanh Hà vương Lưu Khánh của Hòa Đế là nhánh gần với Hòa Đế nhất, Lưu Khánh có một con trai, tên là Lưu Hựu, năm nay mới 13 tuổi, xem ra chỉ có Lưu Hựu là thích hợp nhất.

Đặng thái hậu tìm hiểu kỹ, lại triệu Lưu Hựu vào xem mặt, quyết định lập Lưu Hựu làm đế. Lưu Hựu được đại thần nghênh đón vào cung, long trọng lập làm hoàng đế, chính là Hán An Đế. Đặng hậu vẫn được tôn làm thái hậu như cũ, lâm triều chấp chính, nắm đại quyền trong ngoài triều và trong cung. Đặng thái hậu đã trải qua thử thách, cảm thấy tuyệt đối không dễ dàng giao quyền lực cho bất kỳ người nào, nhất định phải nắm chặt trong tay, một khi An Đế trưởng thành, cũng không thể chấp tay nhường quyền.

Đặng thái hậu một tay che trời, làm mưa làm gió, coi đại thần triều đình như không thấy, hiển nhiên dẫn đến sự bất mãn mãnh liệt của đại thần. Đại thần mà đại diện là tư không Châu Chương tỏ ra phản đối quyết liệt hành động của Đặng thái hậu. Các đại thần như Châu Chương nhiều lần dâng sớ, chỉ trích việc làm của Đặng thái hậu. Đặng thái hậu giữ lại tấu sớ, không màng đến. Châu Chương thấy đã vạch tội mà chẳng thấy phản ứng gì, càng làm càng phần nộ, thế là bí quá hóa liều, chuẩn bị phát động chính biến.

Châu Chương bí mật sử dụng thiếu số thân tín, mua chuộc bảo vệ cửa cung cửa thành; dự tính sẽ tiến vào cửa cung vào thời điểm tốt nhất, rồi đóng chặt cửa cung, sau đó bắt giết Đặng Trắc, Trịnh Chúng, Thái Luân...; tiếp đó, giam lỏng thái hậu, phế An Đế làm Viễn Quốc vương; lập Bình Nguyên vương Lưu Thắng làm hoàng đế. Châu Chương rút cuộc vẫn là một tư không chẳng có tí binh quyền và chính quyền trong tay, đại quyền quân chính nằm trong tay của Đặng Trắc, bọn triều thần âu sầu rầu rĩ mà Châu Chương có được, chẳng qua chỉ là bọn ô hợp, đều tính toán đến lợi ích riêng của mình, làm sao có thể thành đại sự?

Âm mưu của Châu Chương bị tiết lộ rất nhanh, Đặng thái hậu chuẩn bị lòng bắt, Châu Chương thấy tội nên tự sát, liên luy rất nhiều người bị trừng phạt, cuộc chính biến đó vẫn chưa hình thành đã bị tiêu diệt. Sau sự kiện này, Đặng thái hậu càng nắm chắc quyền lực. Chỉ cần có triều thần nhắc đến chuyện trao trả triều chính, thì Đặng thái hậu nhạy cảm sẽ tăng cường trừng trị, không nể chút tình. Lang trung Đỗ Căn nổi tiếng vì chính trực, vì chuyện đó mà dâng thư lên Đặng thái hậu, nói hoàng đế đã trưởng thành, thái hậu nên trả lại quyền bính. Đặng thái hậu nhìn thấy tấu sớ, lệnh cho người bỏ Đỗ Căn vào bao bố, đánh chết ngay tức khắc, sau đó mang ném ra ngoài thành. Đỗ Căn mạng lớn, không bị đánh chết, dần dần tỉnh lại. Đặng thái hậu phái người ra ngoài thành tìm thi thể, Đỗ Căn chỉ đành giả chết, 3 ngày 3 đêm, hộc mắt cũng có dòi, bò khắp mặt. Xem ra đúng là chết chắc, sai nha trở về cung phục mệnh, Đỗ Căn mới giữ được tính mạng này. Sau khi vết thương lành miệng, Đỗ Căn chạy đến một ngọn núi tại Nghi Xương Hồ Bắc, làm tiểu nhị sống qua ngày, cho đến khi Đặng thái hậu qua đời.

Đặng thái hậu cứ làm càn như thế, thúc phụ của bà là Việt Kỵ hiệu úy Đặng Khang cũng thấy quá đáng. Đặng Khang biết hậu quả của việc nói thẳng sẽ không tốt, bèn khéo léo tiến tấu: Nghe triều thần bàn luận, mình đang lạm dụng tư quyền. Đặng thái hậu không màng đến. Đặng Khang bèn thác bệnh ở nhà, không lên triều. Đặng thái hậu có chút không yên, cử một

tì nữ tâm phúc đến nhà Đặng Khang thăm bệnh, thì nữ này lúc trước vốn là nô bộc trong nhà Đặng Khang, lần này về lại nhà của chủ nhân xưa, thì nữ đã không còn là nô tài của năm xưa, mà là đặc sứ của thái hậu, tự xưng là Trung đại nhân, coi trời bằng vung. Đặng Khang xem không vừa lòng, bèn quở trách ngay. Trung đại nhân này hồ thẹn thành giận, hỏi bẩm thái hậu, nói Đặng Khang nói năng lung tung, bất kính với thái hậu. Thái hậu nổi giận, miễn chức của Đặng Khang.

Đặng thái hậu tay nắm trọng quyền, nhưng cũng làm không ít việc thiện, cũng rất cần mẫn trong việc chính vụ. Bà đích thân đến chùa Lạc Dương xét xử vụ án oan vào năm đại hạn. Một tội phạm, trọng hình bức cung, bị ép tự nhận giết người, bị hành hạ trong ngục đến mức chẳng ai nhận ra, ốm yếu vô cùng. Thái hậu giám ngục, ngục sử đi cùng, tù nhân muốn giải oan nhưng lại không dám. Tội phạm tâm sự chồng chất, chính vào lúc muốn rời khỏi, Đặng thái hậu triệu hấn đến, xét xử lại từ đầu, kết quả đúng là vụ án oan. Tù nhân vô tội được phóng thích, Lạc Dương lệnh đền tội bị giam vào ngục Lạc Dương.

Đặng thái hậu cũng hết sức xuất sắc trong việc uy phục bốn biển. Dân tộc Khương thừa cơ Hán chủ Tây Bắc qua đời, phát động phản loạn, cùng nhau xâm phạm đất Hán, sinh dân đồ thán. Thời Hán sơ từng xây dựng và bảo vệ hiệu uy Khương tại nơi ở của dân tộc Khương tại Cam Túc. Phụ thân của Đặng thái hậu Đặng Huấn từng nhậm chức hộ Khương hiệu uy, được sự tin phục sâu sắc của dân tộc Khương. Dân tộc Khương tạo phản, Đặng thái hậu lệnh cho anh trai mình Đặng Trắc thống lĩnh 5 vạn binh, tiến đến trú đóng tại Cam Túc, trấn áp dân tộc Khương. Hán Khương giao tranh tại Thông Vị, quân Hán thảm bại, giết hơn 8 ngàn người, dân tộc Khương thừa thắng tiến vào Thiểm Tây, Sơn Tây.

Đại tướng quân Đặng Trắc thấy không thể giành thắng lợi, thêm vào đó quân đội gặp khó khăn, nên gọi tâu sớ lên thái hậu, kiến nghị bỏ Cam Túc, chuyển sang phòng thủ chặt Thiểm Tây, Sơn Tây. Kiến nghị vừa mới nêu

ra, dư luận bàn tán xôn xao, nhất là sự phản đối cực lực của thái úy Trương Vũ. Đặng thái hậu bèn hạ chỉ điều Đặng Trắc trở về, sai Nhậm Thượng thống binh bình loạn người Khương. Lâm chiến đối thống soái, binh nhà Hán phối hợp không khéo, quân Khương được thế tiến vào phía Đông, đến gần Hoàng Hà, phòng tuyến thứ nhất của kinh sư. Kinh sư Lạc Dương giới nghiêm, ngự lâm quân quân Bắc tiến trú Mạnh Tân. Thượng đẳng đại chiến, Nhậm Thượng giành thắng lợi, giải nguy cho thành Lạc Dương. Thái hậu biết người giỏi chọn, giao Ngô Vũ, một tướng tinh thông binh pháp, giỏi thao lược, tiến vào Cam Túc bình loạn dân tộc Khương. Tây Bắc an ninh trở lại.

Mùa thu năm Sơ Vĩnh thứ ba, mẫu thân của Đặng thái hậu Tân Dã quân nhiễm bệnh, bệnh tình ngày càng trầm trọng. Đại phu dùng hết mọi phương thuốc, nhưng đều không hữu hiệu, cuối cùng Tân Dã Quân qua đời vì bệnh. Đặng Trắc xin nghỉ chịu tang, Đặng thái hậu cũng phải thọ tang 1 năm. Đặng thái hậu tay nắm trọng quyền, sợ hoàng quyền rơi mất, đương nhiên không thể thọ tang một năm, nhưng anh trai Đặng Trắc chịu tang là lẽ đương nhiên, thái hậu cũng không muốn ông rời khỏi kinh sư để đi chịu tang, không biết làm thế nào cho tốt? Thái hậu hỏi Tào Đại Gia, Tào Đại Gia nói, Đặng Trắc nên về quê chịu tang, vừa có thể hoàn thành chữ hiếu của ông, lại được danh là khiêm nhường để lại chức vụ quan trọng, nhất cử lưỡng tiện. Đặng thái hậu tiếp nhận ý kiến này.

Đặng thái hậu hết sức coi trọng việc giáo dục con cháu hoàng tộc và gia tộc, đồng thời lần lượt lập hai trường trong cung. Năm Vĩnh Sơ thứ 4, Đặng thái hậu sáng lập trường học trong cung đầu tiên, để chỉnh lý kinh truyện, giáo dục cho người trong cung. Năm Nguyên Sơ thứ 6, năm 119 Công Nguyên, Đặng thái hậu sáng lập trường học trong cung thứ hai, đó là ngôi trường quý tộc dạy con cháu hoàng tộc và gia tộc họ Đặng, và con cháu của hai vương Tề Bắc, Hà Gian, con cháu trai gái trên 5 tuổi, tổng cộng hơn 40

người, cộng thêm hơn 30 con cháu của gia tộc họ Đặng, tổng cộng hơn 80 người.

Mở trường học, truyền thụ kinh sử, nam nữ cùng đến trường, đó là lần đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Đặng thái hậu không phân biệt nam nữ tôn ti trong việc giáo dục con cháu, đó là điều hết sức đáng quý. Điều càng đáng quý hơn là, Đặng thái hậu luôn quản thúc rất nghiêm ngặt đối với người trong gia tộc họ Đặng, rất ít khi cậy quyền thế. Để ràng buộc người trong tộc, Đặng thái hậu còn trình trọng phân bố “Lệnh tri tư pháp quan viên thuyết”, được viết từ sổ tay của bà:

“Mỗi lần nhìn những triều đại trước, ngoại thích tân khách, hoảng loạn phụng công, làm dân oán thán, lỗi tại chấp pháp không nghiêm. Từ nay trở đi, tông tộc tân khách từ Xa kỵ tướng quân Đặng Trắc trở xuống, nếu có phạm pháp, đều phải xử lý công minh, không được khoan dung”.

Có một lần, con trai Đặng Phụng của Xa kỵ tướng quân Đặng Trắc tiếp nhận con ngựa tốt do nguyên soái thống binh viễn chinh Tây Bắc Nhậm Thượng tặng, Đặng thái hậu phát giác, Đặng Trắc kinh hãi sợ sệt, biết sự việc không hay. Đặng thái hậu quả nhiên xử lý, ra lệnh cho cạo đầu của Đặng Phụng và vợ của Đặng Trắc, cho mặc áo phạm nhân, chịu tội tại nhà. Đặng thái hậu muốn đối xử hà khắc, cứng rắn với người nhà như thế sao? Đặng thái hậu từng nói: Ngoại thích đời trước triều trước, quyền thế một thời, nhưng không gia tộc nào không bị diệt vong, quản thúc nghiêm ngặt tông tộc, để họ biết luật pháp, có thể giữ gìn lâu đời!

VII. Kết cục thảm hại

Đặng thái hậu khổ tâm làm việc, hy vọng gia tộc họ Đặng tránh nạn diệt môn, giữ gìn lâu đời, nhưng sự việc lại không như ý muốn. Nguyên năm Kiến Quang, Đặng thái hậu chấp chính 16 năm, bệnh chết trong cung, tuổi 41. Năm đó An Đế 28 tuổi, đích thân quản lý việc triều chính. An Đế kế vị năm 13 tuổi, khi đó, ngài rất cung kính hiếu thảo, được thái hậu hết sức yêu mến. Sau này, An Đế ngày một trưởng thành, không còn nghe lời nữa, thái hậu có chút không vui. Con trai Lưu Dực của Hà Gian vương dung mạo nghiêm trang, thái hậu hết sức yêu mến, giữ Lưu Dực ở lại trong cung, muốn để hắn làm hậu đích của con trưởng Hòa Đế Bình Nguyên vương Lưu Thắng.

Đặng thái hậu yêu thích Lưu Dực như thế, An Đế đương nhiên sợ hãi, không biết tên kia có thể chỗ hoàng vị hay không? Vú nuôi của An Đế Vương Thánh, rất hận thái hậu, thường chỉ trích thái hậu trước mặt An Đế, khiến cho An Đế vừa sợ vừa hận thái hậu. Đặng thái hậu qua đời, có người mật báo, nói anh em Đặng Lý, Đặng Hoàng, Đặng Xương của thái hậu muốn phế bỏ An Đế, lập Lưu Thắng. Khi đó, ba anh em này đã qua đời, An Đế thừa cơ phát động chiến tranh, ra lệnh bắt con trai của Đặng Lý, Đặng Hoàng, Đặng Xương, với tội đại nghịch bất đạo, bãi quan làm dân, ép phải tự sát, thân thuộc phải đi lưu đày. Tiếp đó, Đặng Trắc bị bãi quan, Đặng Trắc và con trai Đặng Phụng, tuyệt thực nhiều ngày, tự sát vong thân. Con cháu họ Đặng trong đó có 7 người đang làm quan đều bị ép phải tự sát.

Chương VIII

Rối rắm tình cảm trong cung Tào Ngự

I. Tào Tháo háo sắc

Tào Tháo là nhân vật hết sức nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc. Khi Tào Tháo còn sống, tuy không kể vị xưng đế, nhưng nhìn từ phương diện quyền lực đến địa vị danh vọng, Tào Tháo thật sự là một hoàng đế vô danh hữu thực. Tào Tháo sáng lập cơ nghiệp của giang sơn Tào Ngụy, đến đời con trai Tào Phi, hưởng thụ giang sơn do Tào Tháo để lại, chính thức kiến Ngụy xưng đế, sử gọi là Ngụy Văn Đế. Văn Đế Tào Phi dễ dàng có được giang sơn, đương nhiên không quên ân đức to lớn của phụ thân Tào Tháo, bèn truy phong Tào Tháo làm Ngụy Vũ Đế. Cho nên nói đến đế vương của Ngụy tam quốc, đương nhiên phải nói đến Tào Tháo.

Tào Tháo là nhân vật kiệt xuất trong thời kỳ biến động lớn của lịch sử, có khí phách hào hùng, có tâm kế của gian hùng, càng có khí khái anh hùng càn quét thiên hạ. Tào Tháo tự Mạnh Đức, tiểu tự A Mãn, là người đất Tiều nước Bái, chính là người huyện Hào, An Huy ngày nay. Tào Tháo là con trai của Hán thái úy Tào Sùng. Xuất thân của Tào Tháo không rõ ràng lắm, từng bị đối thủ châm chọc, có một thời kỳ Tào Tháo hết sức đau buồn vì chuyện đó. Nếu Tào Tháo đã được sinh ra trong đại tộc hào môn của thái úy như thế, tại sao lại có xuất thân không rõ ràng, bị người cười chê? Chuyện gì cũng có nguyên nhân của nó cả.

Nghe nói tổ tiên của Tào Tháo xuất thân từ một hệ của Hoàng đế xa xưa, chính là hậu duệ của Hoàng đế. Khi đến Cao Dương, chính thức được mang họ Tào. Phát triển đến thời kỳ Hán Cao Tổ Lưu Bang thống trị, Tào Tham của gia tộc họ Tào trở thành một nhân vật nổi tiếng, có công trong việc quân, được phong làm Bình Dương hầu, hơn nữa tước sĩ được truyền từ đời này sang đời khác. Họ Tào một mạch truyền đến Tào Tiết, tiếng thơm về nhân ái khoan dung, trung quân báo quốc được truyền khắp thiên hạ. Tào Tiết có con trai tên Tào Đằng. Tào Đằng rất tuấn tú, lại rất thông minh,

được hoàng thất coi trọng, nên được vào ở trong cung, học chung với hoàng thái tử. Đến khi Hán Thuận Đế Lưu Bảo kế hoàng vị, Tào Đằng học chung với ngài từ Tiểu hoàng môn được thăng lên chức Trung Thường thị, chính thức nhậm chức trong cung, không lâu sau dời đến Đại trường thu, tiền phong Phí Đình hầu.

Tào Đằng lên chức như điều gặp gió, làm cho bá quan trong ngoài triều ngưỡng mộ, làm rạng rỡ môn đình, gia tộc họ Tào đương nhiên hân hoan cổ vũ, tuy nhiên, cái giá mà Tào Đằng phải trả khi nhậm chức trong cung là, hoàng gia tuyệt không dung thứ cho bất kỳ người đàn ông khỏe mạnh nào ra vào thâm cung. Tào Đằng không có con trai, bèn nhận nuôi một con trai, lấy tên Tào Sùng. Tào Sùng lớn lên trong môi trường thoải mái giàu có, được Tào Đằng yêu thương hết mực. Sau khi Tào Đằng qua đời, con nuôi Tào Sùng kế hầu tước, đồng thời nhậm chức triều đình với tài năng, tư chất đặc biệt, làm quan đến chức thái úy. Thái úy Tào Sùng sinh một đứa con trai, đó chính là Tào Tháo.

Tào Tháo là con trai của con nuôi Tào Đằng, điều đó cũng có nghĩa là không phải huyết thống của họ Tào, mà là con của con riêng. Gia thế không rõ ràng này của Tào Tháo đương nhiên không được sự chấp nhận của gia đình quyền quý danh giá, do đó Tào Tháo thường gặp phải sự lạnh nhạt và khinh miệt của gia tộc hào môn này. Tào Tháo là một nhân vật tranh mạnh hiếu thắng, lúc nào cũng muốn vượt hơn hẳn mọi người, giỏi giang hơn người, ông không hề nhụt chí, mà dũng cảm tiến lên, thậm trọng từng li từng tí, cuối cùng, Tào Tháo diệt trừ quần hùng, dựng cờ độc lập, làm nên bá nghiệp, thống nhất miền Bắc Trung Quốc bằng lòng can đảm phi thường.

Tào Tháo chinh phục thiên hạ trong sự khốn đốn khi bị người khác coi khinh. Tào Tháo trở thành một gian hùng trong thời loạn thế, có hai thủ đoạn tuyệt diệu khi chinh phục thiên hạ: Một là tính toán quân sự kỹ càng, đoạt lấy thiên hạ bằng vũ lực, làm cho bốn biển thần phục; hai là không kiêng kỵ điều gì, chiếm hết mỹ nhân trong thiên hạ về cho bản thân mình,

làm cho đàn ông trong thiên hạ hổ thẹn vì mình không bằng, cúi đầu tâm phục. Tào Tháo có một trái tim anh hùng chinh phục thiên hạ. Trái tim anh hùng đó không chỉ cứng hơn đá tảng, không gì mà nó không phá nổi, có được thiên hạ do mình độc tôn; hơn nữa, trái tim đó cũng rất nhi nữ tình trường, nhu tình như nước, có thể dung nạp hàng ngàn hàng vạn mỹ sắc trong thiên hạ.

Tào Tháo là một hào hùng, cực kỳ yêu thích mỹ sắc. Tự cổ anh hùng yêu mỹ nhân, đó quả thực không sai, bởi vì từ xưa đến nay, có anh hùng nào tranh đoạt giang sơn lại không yêu mỹ nhân, không hưởng thụ mỹ nhân? Tào Tháo cũng giống như tất cả những vị hoàng đế vừa háo sắc vừa giành lấy giang sơn trong lịch sử, yêu thích mỹ sắc, nhưng không chìm đắm trong đó. Đương nhiên, có khi bị mỹ sắc mê hoặc, lãng quên trong đó, hành sự thiếu suy nghĩ, nguy hiểm đến tính mạng, việc đó cũng diễn ra vài lần, đó cũng là cái giá phải trả của việc Tào Tháo ham mê mỹ sắc.

Tào Tháo quan hệ với bao nhiêu cô gái, ta không thể kiểm chứng. Nhưng có thể nói, trong cả đời Tào Tháo, ông đã chiếm hữu rất nhiều rất nhiều cô gái. Chỉ qua sử sách thôi cũng có thể biết, những phụ nữ bị Tào Tháo chiếm hữu được ghi trong sử sách gồm có Đinh phu nhân, Hạ phu nhân, Doãn phu nhân, Lưu phu nhân, Đổng phu nhân, Tào phu nhân, Vương Chiêu Nghi, Lý cơ, Tôn cơ, Châu cơ, Tống cơ, Lưu cơ, Triệu cơ. Đó chỉ là những phu nhân, thê thiếp quan hệ với Tào Tháo và có danh hiệu rõ ràng, chỉ những người này thôi đã mười mấy người.

Tập sách nổi tiếng ghi lại sự tích nhân vật thời Ngụy Tấn “Thế thuyết tân ngữ” có một câu chuyện thế này, có một mỹ nam nổi tiếng tên Hà Yển, từng bị Tào Tháo cưỡng bức, Tào Tháo buộc hắn phải đổi họ, không lấy họ Hà, mà lấy họ Tào. Hà Yển là con cháu của quyền thần nhà Hán Hà Tiến. Làm thế nào mà Hà Tiến lại có quyền thế như vậy? Đó là vì trong nhà họ Hà có một người được làm hoàng hậu. Trên thực tế, ban đầu nhà họ Hà chẳng qua

chỉ là một gia đình đồ tể, có được một người làm hoàng hậu, nhà họ Hà như một bước lên mây, không ai sánh bằng.

Nhưng, trời lại hay có mưa gió thất thường. Hà hoàng hậu bị Đồng Trác giết chết, Hà Tiên cũng bị loạn binh giết chết. Phụ thân của Hà Yến qua đời rất sớm, gia tộc họ Hà xuống dốc dần, Hà Yến rơi vào cảnh túng quẫn. May mà mẫu thân của Hà Yến tài giỏi, biết lo lắng chuyện nhà, duy trì sinh tồn. Mẫu thân của Hà Yến không chỉ giỏi giang, mà còn xinh đẹp mặn mà. Dung mạo của mẫu thân Hà Yến đã vang danh gần xa, nhưng mẫu thân của Hà Yến đã có con, đã trở thành một người mẹ, tuổi cũng đã không trẻ lắm. Chính vì thế, mẫu thân của Hà Yến là Doãn thị đã không thể thoát khỏi đôi mắt mê sắc của Tào Tháo.

Tào Tháo yêu mến mẫu thân Doãn thị của Hà Yến, bèn tranh thủ nhà họ Hà đang xuống dốc, chiếm hữu Doãn thị cho riêng mình. Cuộc sống của Doãn thị rơi vào cảnh khốn cùng nên trong lòng đã thuận nhưng ngoài mặt còn e, đương nhiên nhận lời của Tào Tháo, tuân phục theo ông, có chỗ dựa đến cuối đời. Như vậy, Doãn thị đã trở thành thiếp của Tào Tháo. Tào Tháo có được Doãn thị, Doãn thị dọn vào Tào phủ, con trai Hà Yến của Doãn thị đương nhiên cũng dọn vào Tào phủ. Tào Tháo nghênh ngang đắc ý nhìn thấy Hà Yến thông minh tuấn tú, hết sức dễ thương, nên yêu mến Hà Yến, muốn Hà Yến đổi sang họ Tào, chính thức trở thành con trai của mình.

Nhưng, tiểu thần đồng Hà Yến thông minh hơn người lắc đầu quây quây, không đồng ý. Hà Yến chỉ là một đứa trẻ, một đứa trẻ làm sao cự tuyệt được một Tào Tháo ngang bướng? Hà Yến khoanh một vùng đất nhỏ, để mình ngồi trong vòng tròn đã khoanh ra. Người trong phủ mơ hồ chẳng hiểu, hỏi Hà Yến: Người đang làm gì thế? Hà Yến nói rất có hồn rằng: Đó là đất nhà họ Hà, không ai được tiến vào. Sau khi được báo, Tào Tháo biết thằng con trai này của Doãn thị người nhỏ mà gan to, sẽ không đồng ý đổi họ, nên nể mặt mỹ nhân, không cưỡng ép Hà Yến nữa. Sau này, Hà Yến trưởng thành, Tào Tháo ngày càng yêu mến. Hà Yến không chỉ thông minh

hơn người, mà còn hết sức anh tuấn, ngay cả Hà Yến cũng phải rung động trước nét đẹp của mình, thường ngấm mình trong gương, nghĩ mình lại xót cho thân mình, được mọi người gọi là Hà lang đánh phấn! Tào Tháo háo sắc đương nhiên không chịu tha cho Hà Yến, bèn gả con gái Kim Hương công chúa của mình cho Hà Yến, làm vợ của Hà Yến.

Tào Tháo là người đa tình mà háo sắc. Cái tính trăng hoa của Tào Tháo được bộc lộ ra từ khi ông còn là một đứa trẻ và khi còn là thiếu niên, sau này theo sự gia tăng của tuổi tác, bản tính đó ngày càng rõ rệt hơn và chẳng kiêng kỵ điều gì. Khi còn nhỏ, Tào Tháo thích thả ung và chó đi săn, ngày ngày chẳng làm việc gì, du đãng vô độ. Thúc phụ của Tào Tháo lo lắng vô cùng, nhiều lần đề cập đến tương lai của Tào Tháo với phụ thân của Tào Tháo Tào Sùng, không khỏi lo âu muôn trùng. Sau khi biết được những chuyện này, Tào Tháo cũng có chút sợ hãi, bèn tìm cách đối phó với thúc phụ.

Một hôm, Tào Tháo đứng bên đường, xa xa nhìn thấy thúc phụ đang đến gần. Tào Tháo đứng ở đó, miệng méo mũi xếch, mặt đầy vẻ hằn học, ủ rũ. Thúc phụ đi đến, nhìn thấy dáng vẻ đó của Tào Tháo, cảm thấy hết sức kỳ lạ, hỏi Tào Tháo làm sao trở thành như thế? Tào Tháo nói một cách chững chạc đàng hoàng: Đột nhiên trúng gió độc. Thúc phụ cảm thấy có chút không hay, lập tức nói chuyện này với Tào Sùng. Tào Sùng vội vàng đi tìm Tào Tháo, nhìn thấy Tào Tháo chẳng có chuyện gì, rất bình thường, bèn hỏi: Thúc phụ vừa nói con trúng gió, tại sao mới chỉ một lát là không sao rồi? Tào Tháo giả ngây thơ chớp chớp mắt, từ tốn nói: Vốn ra con chẳng hề trúng gió, chỉ là thúc phụ không thích con, cố ý nói xấu con! Tào Sùng tỏ ra nghi ngờ lời nói của em trai mình. Từ đó về sau, em trai của Tào Sùng có nói lỗi lầm của cháu Tào Tháo, Tào Sùng cũng không tin. Tào Tháo đắc ý vô cùng, từ đó về sau ngày càng phóng túng du đãng, không kiêng kỵ ai cả.

Thiếu niên Tào Tháo du đãng từ nhỏ lại có một sở thích, đó là thích nhìn vợ mới cưới của người khác, nghĩa là thích nhìn tân nương tử của người

khác trong ngày thành thân. Viên Thiệu sau này bị Tào Tháo diệt cũng thích du hảo hiệp khi còn nhỏ, thường chơi đùa với Tào Tháo, nhưng Viên Thiệu khi còn nhỏ nhiều lần không thắng nổi một Tào Tháo lắm kể nhiều mưu, điều đó định ra vận mệnh bi thảm của Viên Thiệu sau này khi bại dưới chân của Tào Tháo. Có một lần, Tào Tháo và Viên Thiệu cùng nhau đi xem tân hôn của người khác, hai thanh niên đa tình hiếu động lạng lẽ trốn trong vườn hoa của chủ nhà, cho đến đêm khuya. Đêm khuya vắng lặng, Tào Tháo đột nhiên la lớn: Có trộm! Có trộm! Một trận hỗn loạn, mọi người ai nấy chạy ra ngoài lòng bắt kẻ trộm. Còn Tào Tháo thì đã xem trộm và mên ngay nàng tân nương xinh đẹp, thiếu niên vẫn chưa chín chắn này đã thừa cơ này bước vào động phòng, rút ra con dao mang trên người, uy hiếp và bắt cóc tân nương rồi rút lui với Viên Thiệu. Tân lang và mọi người sốt ruột, nhờ người đuổi bắt khắp nơi. Tào Tháo, Viên Thiệu vội quá quên đường, nên đã lạc hướng, rơi vào đám bụi gai, Viên Thiệu nhấp nhò không yên. Tào Tháo đột nhiên la lớn: Trộm ở đây! Trộm ở đây! Rồi chạy mất. Viên Thiệu kinh hãi cố gắng chạy ra, vết thương trên mặt, trên người nhiều vô kể, suýt nữa bị bắt đi.

Tào Tháo nhanh nhẹn, xảo quyệt, giỏi quyền thuật, nhiều tâm kế. Nhưng Tào Tháo đã phóng đảng, không chính đạo, nổi danh chơi bời lêu lổng khắp thôn dã từ khi còn rất nhỏ. Tào Tháo bị người đời phỉ báng, nhưng lại được sự tán thưởng của Kiều Huyền người nước Lương, Hà Ngẫu người Nam Dương. Kiều Huyền là một nhân sĩ nổi tiếng, làm quan đến chức thái úy nhà Hán. Kiều Huyền nhìn thấy Tào Tháo, bị xúc động bởi khí thế của Tào Tháo, thành thật nói: Danh sĩ thiên hạ mà ta nhìn thấy thật sự đã quá nhiều, nhưng vẫn chưa phát hiện ra người nào sánh bằng ngươi, ngươi phải biết tự trân trọng; tuổi tác ta đã cao, không thể làm gì nữa, muốn giao phó vợ con cho ngươi.

Khi đó, anh em Hứa Tịnh, Hứa Thiệu người Nhữ Nam nổi tiếng xa gần nhờ tài xem xét sự kiện, thời sự, bình phẩm con người, mỗi tháng bình luận

nhân vật một lần, được mọi người gọi là Nhữ Nam nguyệt đán bình. Sau khi quan sát Tào Tháo kỹ càng, Kiều Huyền biết rằng Tào Tháo không phải là người bình thường, sau này nhất định làm nên nghiệp lớn. Nhưng Kiều Huyền biết rằng, đến giờ Tào Tháo vẫn chưa có danh vọng, không được người đời biết đến, làm sao mới được nổi danh thiên hạ? Kiều Huyền nói với Tào Tháo: Ngươi vẫn chưa có danh tiếng, có thể đến Nhữ Nam gặp Hứa Thiệu. Tào Tháo theo lời đi đến Nhữ Nam, gặp được Hứa Thiệu, hỏi: Ta là người như thế nào? Hứa Thiệu nhìn một hồi lâu, không trả lời. Tào Tháo khẩn thỉnh 3 lần, mong được Hứa Thiệu chỉ điểm, lúc này Hứa Thiệu mới nói: Ngươi là kẻ có tài cai trị, là loạn thế gian hùng. Từ đó, Tào Tháo nổi danh khắp thiên hạ.

II. Đình phu nhân cố chấp

Tào Tháo đã là kẻ có tài cai trị, vừa là loạn thế gian hùng, lại là tên cực kỳ háo sắc. Phiêu kỵ tướng quân Trương Tế đóng quân tại nông thôn hoang dã, thiếu thốn lương thực, binh sĩ đói rét. Trương Tế dẫn binh từ Quan Trung chuyển chiến Nam Dương, bị đánh toi tả, trúng tên, không may qua đời. Con cháu Trương Tú của Trương Tế thay thế Trương Tế, thống lĩnh binh sĩ. Năm Kiến An thứ 2, đầu năm 197 Công Nguyên, Tào Tháo thống lĩnh đại quân, thảo phạt Trương Tú. Trương Tú giao tranh đại bại, nên đầu hàng Tào Tháo. Tào Tháo nghe nói vợ của tướng quân Trương Tế quá cố có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành, lúc đó nhận binh lính đầu hàng của Trương Tú, quả phụ của Trương Tế đương nhiên cũng ở trong số đó. Tào Tháo cử tâm phúc tìm vợ của Trương Tế, quả thật sắc đẹp mê hồn, nét đẹp làm rung động lòng người. Tào Tháo bèn chiếm hữu luôn người phụ nữ này đồng thời giữ bà ta làm của riêng mình, giữ lại trong hậu cung.

Trương Tế qua đời, đó vốn là điều bất hạnh của gia tộc họ Trương. Nương tử như hoa như ngọc của Trương Tế là niềm an ủi của gia tộc họ Trương, lại là nữ thần của bộ chúng Trương Tế. Đột nhiên, nữ thần bị Tào Tháo chiếm hữu, Trương Tú và mọi người làm sao mà không hận Tào Tháo? Thế là, Trương Tú có chút hối hận sau khi đầu hàng bèn quyết kế phản lại Tào Tháo. Tâm phúc của Tào Tháo phát hiện lòng tạo phản của Trương Tú, mật tâu với Tào Tháo, Tào Tháo quyết kế phải loại trừ Trương Tú. Nhưng điều kỳ lạ là, một Tào Tháo nổi danh là quả đoán nay lại không hành động ngay, mà lại chìm đắm trong mỹ sắc hoan tình của Trương Tế phu nhân. Và tai ương đã giáng xuống như thế đấy.

Trương Tú dẫn binh đột ngột tấn công Tào Tháo vào giữa đêm khuya. Binh sĩ của Trương Tú dũng mãnh vô cùng, thế như chẻ tre. Quân Tào không có phòng bị, đột nhiên xảy ra chuyện, trở tay không kịp, hoang mang

ứng chiến, quân Tào đại bại. Một trận giao tranh đẫm máu ác liệt tàn khốc, Tào Tháo giết mình tinh dậy trong cơn mơ tình ái, lúng túng trốn chạy, và bị trúng tên trong lúc hoảng loạn ấy. Con trai trưởng Tào Ngang, đệ tử An Dân của Tào Tháo bị loạn binh giết chết. Điền quân hiệu úy Điền Vĩ tử thủ cửa doanh Tào Tháo, mười mấy chỗ trên người bị thương, máu chảy đầm đìa, quyết chiến đến hơi thở cuối cùng. Tào Tháo mang vết thương, dẫn tàn binh bại tướng lui thủ Vũ Âm, đó chính là vùng tây bắc Tất Dương, Hà Nam bây giờ. Quân Tào vừa mới ổn định lại tinh thần, quân của Trương Tú đã đuổi đến nơi. Tào Tháo nhiều mưu lắm kẻ dẫn tướng nghênh chiến, đánh bại Trương Tú, Trương Tú dẫn kỵ binh rút lui.

Tào Tháo đại bại trở về Hứa Xương cùng với vết thương do tên bắn và nỗi đau mất đi con yêu, người thân, một lượng lớn tướng sĩ. Các huyện như Nam Dương lần lượt quay lại đầu hàng Trương Tú. Nghỉ ngơi vài tháng, đến mùa đông năm ấy, vết thương lành miệng, Tào Tháo dẫn binh quay về Nam Dương, trả thù Trương Tú. Tào binh đến đất Uyển, công phá mấy toà thành trì, đến tháng 3 năm sau, vây khốn Trương Tú tại đất Nhường, chính là huyện Nam Đặng, Hà Nam bây giờ. Lưu Biểu kháng khí với Trương Tú như môi với răng, phái binh cứu viện Trương Tú. Tào Tháo giỏi chiến trận tính toán khéo léo, đánh bại Lưu Biểu, Trương Tú. Nhưng Trương Tú vẫn chưa bị tiêu diệt, mà tự dựng cờ, chiến đấu tới cùng với Tào Tháo. Trước khi xảy ra trận chiến Quan Độ, Viên Thiệu cử người thuyết phục Trương Tú, hẹn Trương Tú xuất binh đánh Hứa. Mưu sĩ của Trương Tú sau khi phân tích kỹ lưỡng, mưu sĩ Giả Hủ khuyên Trương Tú hàng Tào, Tào Tháo sẽ phong Trương Tú làm Dương Vũ tướng quân.

Do sự háo sắc của Tào Tháo mà dẫn đến hàng loạt biến cố, Trương Tú và Tào Tháo cuối cùng cũng có một kết thúc, nhưng cái chết của con trai trưởng Tào Ngang của Tào Tháo vẫn chưa xong. Tào Ngang không phải là con trai của phu nhân Tào Tháo Đinh thị, Đinh phu nhân không có con. Mẫu thân của Tào Ngang là thiếp lớn của Tào Tháo Lưu phu nhân. Lưu phu

nhân sinh Tào Ngang, Tào Thước và Thanh Hà công chúa, đều là bảo bối trong lòng của Tào Tháo. Điều không may là, hồng nhan bạc mệnh, Lưu phu nhân đã ra đi từ rất sớm. Trước khi qua đời, Lưu phu nhân uỷ thác con của mình cho Đinh phu nhân khoan dung nhân hậu. Đinh phu nhân quan tâm đến 3 người con này, đặc biệt yêu mến con trai trưởng Tào Ngang, một tay nuôi nấng khôn lớn, coi như con đẻ, yêu thương hết mực.

Tào Ngang càng lớn càng tuấn tú, thông minh hơn người, lại rất có hiếu, nam chinh cùng với Tào Tháo, trở thành tướng quân trẻ tuổi. Một thanh niên có tài như thế chết đi trong trận phản loạn của Trương Tú, Đinh phu nhân nghe tin đau đứt ruột, không muốn sống nữa. Đinh phu nhân đau lòng chỉ hận không thể giết Trương Tú, bèn chuyển nỗi hận sang Tào Tháo: Là ông Tào Tháo tham hoan háo sắc, bức ép Trương Tú phản loạn, giết chết Tào Ngang! Đinh phu nhân căm hận Tào Tháo, từ đó về sau, lạnh lùng với Tào Tháo, làm cho Tào Tháo mất hứng hết lần này đến lần khác. Tào Tháo ôm một bụng lửa, cuối cùng không thể chịu đựng nữa, bèn tống Đinh phu nhân về nhà khi đang giận quá hoá dại. Đinh phu nhân xuất thân bản hàn, gia cảnh thanh bần. Đinh phu nhân thân nhiên trở về nhà, đoạn tuyệt dục vọng của trần thế, không muốn hiển vinh, không màng danh vọng, không luyến phú quý, ngày ngày thêu thùa dệt vải, sống cuộc sống thanh đạm bản hàn.

Cuộc sống của Đinh phu nhân yên lành như thế, làm cho Tào Tháo hết sức tức giận. Tào Tháo vốn muốn dọa Đinh phu nhân, để Đinh phu nhân hồi tâm chuyển ý, đổ vài giọt lệ nhận lỗi, thì sẽ vui vẻ như xưa, nhưng không ngờ Đinh phu nhân lại kiên cường như thế, chẳng có chút ý làm lành. Đinh phu nhân có thể tha thứ Tào Tháo háo sắc, dường như háo sắc là thiên tính của đàn ông, cũng giống như chó không thích ăn cơm, người có thể quá thật thà? Nhưng, Đinh phu nhân không thể tha thứ cho việc Tào Tháo quá háo sắc đến nỗi làm cho Tào Ngang mất mạng, đó là lỗi lầm tuyệt đối không thể tha thứ.

Đinh phu nhân rời khỏi hoàng cung như thế, ra khỏi cuộc sống của Tào Tháo, xa rời thế giới hồng trần làm người ta phiền não. Sau khi Đinh phu nhân rời khỏi, Tào Tháo sủng ái Biện phu nhân để thay chỗ cho Đinh phu nhân, trấn giữ hậu cung họ Tào. Đinh phu nhân là con gái nhà lành, có trái tim lương thiện thuần chính. Biện phu nhân xuất thân từ xưởng môn, bản tính lãng mạn đa tình, giỏi trăng gió, được sự sủng ái của Tào Tháo. Tào Tháo giữ Biện thị bên mình, tìm vui bên chăn gối, ân ái bất tận. Biện thị xinh đẹp đầy đặn, làm xao động lòng người. Tào Tháo cầu hoan thỏa thích. Biện thị chìm đắm trong đó, mang thai hết lần này đến lần khác, lần lượt sinh cho Tào Tháo 4 người con: Tào Phi, Tào Chương, Tào Thực, Tào Hù.

Tuy Biện thị xuất thân từ xưởng môn, tướng mạo xuất chúng, phong lưu đa tình, nhưng trước mặt Tào Tháo lại tỏ ra rất hiền thực thông minh, dịu dàng, nói gì nghe nấy. Biện thị thông minh xuất chúng, lòng tốt của bà lan khắp trong cung, các mỹ nhân cung nữ đều rất cảm ân. Biện thị được sự sủng ái của Tào Tháo nhờ vào nét đẹp và trí tuệ của mình, lại liên tục sinh những đứa con trai xuất chúng để củng cố sự sủng ái. Là một phụ nữ, Biện thị rất thành công lại rất may mắn.

Biện thị được Tào Tháo sủng ái không gì bằng, nhưng Biện thị luôn dịu dàng bình tĩnh như thế, không hề cậy thế hiếp người, được sủng mà kiêu. Đinh phu nhân thì lại khác, không chịu để nửa hạt cát trong mắt. Chỉ cần tự mình cho rằng đó là hạt cát, thì tuyệt đối không thể chịu đựng. Đinh phu nhân kiên cường hiếu thắng, đương nhiên làm cho Tào Tháo tức giận; Đinh phu nhân không nề tình riêng, càng làm cho Tào Tháo giận dữ hơn. Đinh phu nhân bị Tào Tháo lạnh nhạt cũng là lẽ tất nhiên.

Nhưng Đinh phu nhân trở về nhà, sống cuộc sống bình yên, đàm bạc như cũ. Tào Tháo hết sức kỳ lạ, và cũng hết sức buồn lòng. Rốt cuộc thì Tào Tháo cũng vẫn là một người háo sắc, Đinh phu nhân xinh đẹp như thế, nhàn nhã trong nhà, qua một thời gian thì Tào Tháo cảm thấy bứt rứt trong

người, khó chịu đến mức hoảng loạn. Tào Tháo không thể chịu đựng được việc Đinh phu nhân cố chấp đối xử lạnh lùng với mình, nhưng ông lại mê muội Đinh phu nhân nghiêng nước nghiêng thành, có tính tình độc đáo, rồi ông bị dày vò trong tâm trạng phức tạp mâu thuẫn đó. Cuối cùng sự háo sắc cũng thắng thế, Tào Tháo không chịu đựng được sự mê hoặc của mỹ sắc, cúi mình đại giá đến nhà mẹ của Đinh phu nhân để gặp Đinh phu nhân.

Tào Tháo đang vào thời gian rảnh rỗi trong chiến tranh, một lần hành quân ngang qua nhà của Đinh phu nhân, cố ý cưỡi ngựa đến thăm Đinh phu nhân. Tào Tháo quân phục chỉnh tề, hết sức anh vũ, đội thị vệ hiên ngang đứng hầu hai bên. Tào Tháo mặc áo giáp đẩy cửa ra, ngẩng đầu nhìn thấy Đinh phu nhân trang phục sơ sài, ngồi trên máy dệt vải, đang tập trung tinh thần dệt vải. Tuy quần áo bình thường, nhưng càng toát ra nét đẹp siêu phàm thoát tục, gương mặt trắng xanh càng thanh tú hơn, tỏa ra một chút khí tiên phiêu diêu, lay động lòng người, làm người phải yêu mến.

Tào Tháo nhìn trân trân phu nhân mà đã lâu mình không gặp, trái tim đột nhiên rung lên. Tuy từng nhìn thấy Đinh phu nhân không có phản ứng gì, sợ Tào Tháo thống soái ngàn binh vạn mã ê mặt, bèn nhỏ nhẹ đánh động Đinh phu nhân, nói Tào Tháo đến rồi, cố ý đến thăm nàng. Đinh phu nhân vẫn bình thản dệt vải như cũ, như chẳng nghe thấy gì, không để ý gì đến họ. Tào Tháo bước đến bên máy dệt vải, nhìn Đinh phu nhân bằng ánh mắt đa tình, đặt tay ra sau lưng Đinh phu nhân, nói với Đinh phu nhân: Trở về cung với ta được không? Đinh phu nhân bưng tai không nghe, đầu cũng không ngẩng lên, vẫn ngồi ở đó, cẩn thận từng li từng tí dệt vải.

Ngày ra đó cả nửa ngày, Tào Tháo chẳng biết nên làm sao cho tốt. Trước mặt cận vệ thì ra lệnh, nay Tào Tháo thấy hơi lúng túng, may mà chúng đều là tâm phúc. Tào Tháo cười một cách đau khổ, lắc lắc đầu, bắt lực rời khỏi máy dệt, đi ra cửa, chuẩn bị lên ngựa rời khỏi căn nhà tranh. Các cận vệ đều vãi cả mồ hôi hột, sợ sự lạnh lùng của Đinh phu nhân sẽ làm Tào Tháo nổi giận, từ đó gây nên sóng gió. Không ngờ, Tào Tháo lại chuẩn bị rời khỏi

nơi đây một cách bình tĩnh như thế, khoan dung như thế. Nỗi lo sợ của các cận vệ cuối cùng cũng qua đi.

Nhưng việc bất ngờ tiếp tục diễn ra. Trước khi lên ngựa, Tào Tháo đa tình còn quay đầu nhìn lại mái nhà tranh, lưu luyến không muốn rời. Sau cùng, Tào Tháo không chống nổi sự háo sắc, lại bước vào cửa, đến bên Đình phu nhân. Đình phu nhân vẫn lạnh lùng như cũ, vẫn dẹt vải như cũ. Tào Tháo khẩn thiết hỏi lại Đình phu nhân: Có thể quay về với ta không? Giọng nói và thái độ khẩn cầu đó của Tào Tháo làm cho cận thần ngăn người há hốc mồm. Tào Tháo nhìn Đình phu nhân bằng sự đa tình, đợi câu trả lời của Đình phu nhân, giống như một đứa trẻ có lỗi đang khao khát cầu khẩn sự khoan dung của người lớn.

Các cận vệ kinh ngạc, nhưng Đình phu nhân lại chẳng thấy bất ngờ gì. Đình phu nhân hiểu rõ Tào Tháo, biết Tào Tháo thấy mỹ sắc là động lòng, tìm vui xong thì không màng đến nữa, quên đi sạch sẽ. Đừng nhìn Tào Tháo lúc này tội nghiệp như thế, một khi nhận lời hấn, hấn được vui vẻ rồi, thì sẽ quay lưng đi tìm mỹ nữ khác. Tào Tháo là thế, yêu sắc như yêu mạng, thấy sắc là động lòng, chẳng thể thay đổi được. Trái tim mà Đình phu nhân dành cho Tào Tháo đã chết, không muốn nói lại với Tào Tháo, không muốn thêm nhiều phiền phức. Đình phu nhân cứ giả lơ như bên cạnh không có ai, cẩn thận dẹt vải, tiếp tục việc làm của mình.

Trước sự lạnh nhạt như thế, tuyệt tình như thế của Đình phu nhân, Tào Tháo hết sức thất vọng, tuyệt vọng than rằng: Ôi, thật là tuyệt tình! Lúc này Tào Tháo thất thểu đau khổ rời khỏi đó. Không lâu sau, Tào Tháo cử sứ giả đến nói với Đình phu nhân rằng, nàng có thể lấy người khác nếu nàng muốn. Đình phu nhân không đáp lời, chẳng ừ cũng chẳng hừ. Nhưng người nhà của Đình phu nhân xu phụ kẻ có quyền thế, dù thế nào đi nữa cũng không nhận lời, nói dù gì đi nữa, Đình phu nhân cũng sẽ không lấy ai cả. Ý tại ngôn ngoại, Đình phu nhân sẽ giữ cho Tào Tháo, mong rằng Tào Tháo có thể đưa Đình phu nhân đi.

Sau này, quả nhiên Tào Tháo ngán ngẩm mỹ nhân khác, nhớ Đinh phu nhân mãnh liệt. Sau khi đến Nghiệp Thành, Tào Tháo không chịu đựng nổi nữa, bèn phái người cưỡng ép Đinh phu nhân về cung. Đinh phu nhân vào hậu cung, Tào Tháo vui mừng khôn xiết, trịnh trọng bày yến tiệc khoản đãi Đinh phu nhân. Đinh phu nhân chẳng nói một câu. Khi khai yến, Tào Tháo chỉ mời Đinh phu nhân. Đinh phu nhân lặng lẽ ngồi ăn, không màng gì đến Tào Tháo đa tình. Ăn xong, Đinh phu nhân bảo người đưa về nhà mẹ. Tào Tháo lo lắng như đứng trên đồng lửa, không biết làm cách nào. Dịu dàng không thể cảm hoá trái tim tuyệt vọng của mỹ nhân, Tào Tháo không còn kế hay nữa, đành phải đứng nhìn Đinh phu nhân rời khỏi đó.

Tào Tháo chịu đựng không được mấy ngày, lại nhớ nhung Đinh phu nhân, lại cử tâm phúc đến nhà Đinh phu nhân, lại cưỡng ép Đinh phu nhân về hậu cung. Đinh phu nhân vẫn không nóng không lạnh như lần trước, không nói câu nào, ăn xong thì về. Tào Tháo mơ hồ không hiểu, không biết tại sao Đinh phu nhân lại có trái tim sắt đá lạnh lùng như thế? Tuyệt tình như thế? Lặp lại nhiều lần, Đinh phu nhân được ép đưa đến hậu cung, ăn cơm xong thì lại trở về nhà mẹ, nàng chẳng nói chẳng cười từ đầu đến cuối, mà cứ yên yên lặng lặng.

Lặp đi lặp lại, nhiều lần như thế, Đinh phu nhân tử tế bắt đầu thấy có chút buồn bực, bèn trịnh trọng nói với Tào Tháo: Người phung phí, làm sao mà cứ dây dưa mãi như thế được? Từ đó về sau, Đinh phu nhân từ chối theo bất cứ người nào về hậu cung, cũng từ chối gặp bất kỳ tâm phúc hoặc sứ thần nào của Tào Tháo. Cũng từ đó, Đinh phu nhân không trở về hậu cung nữa, cũng không gặp mặt Tào Tháo nữa. Không lâu sau, Đinh phu nhân uất không vui nhiễm bệnh, chết lặng lẽ tại nhà. Nghe tin Đinh phu nhân bệnh chết, Tào Tháo đau lòng khôn xiết, vừa nhớ nhung nàng lại cảm thấy hổ thẹn với nàng, vẫn còn nhung nhớ nàng trong những lúc đau lòng. Trước khi lâm chung, Tào Tháo hết sức hổ thẹn nói: Sau khi suy đi nghĩ lại, trong tim ta luôn nhớ đến Đinh phu nhân, quan tâm đến nàng, không hề bạc tình;

nhưng, nếu như thật sự có linh hồn sau khi chết, con trai Tào Ngang nếu hỏi ta, mẫu thân ở đâu? Ta biết trả lời thế nào đây?

III. Truyền thuyết Lạc Thần

“Lạc Thần phú” là tác phẩm xuất sắc được truyền tụng thiên cổ do tài tử phong lưu Tào Thục cô đọng lại bằng tâm huyết của mình. Tào Thục miêu tả người phụ nữ có sắc đẹp tuyệt luân trên trời lẫn dưới đất bằng ngòi bút sinh động như thật. Người phụ nữ này vừa giỏi vừa đẹp, được khí trời đất kết tụ thành, từ dung mạo, hình thể, làn da, mái tóc đến khí chất, phong độ đều mang những đặc điểm mà không cô gái nào trong nhân gian có thể so sánh được. Người phụ nữ này hoàn mỹ vô khuyết, được coi là Lạc Thần trong lòng của Tào Thục.

Sau khi “Lạc Thần phú” ra đời, mọi người tranh nhau sao chép lại, vui mừng khi được xem. Lạc Thần mỹ diệu tuyệt luân lôi cuốn văn nhân của thời đại này đến thời đại khác. Hàng trăm hàng ngàn năm nay, biết bao nhiêu nhà thơ nhà văn hao tốn biết bao nhiêu bút mực để miêu tả Lạc Thần, khen ngợi Lạc Thần, tâm hồn điên đảo, hồn mộng vẩn vương vì Lạc Thần. Sau khi “Lạc Thần đồ quyền” ra đời, từ sự hưởng thụ trong việc miêu tả bằng văn tự trừu tượng, nay mọi người lại được hưởng thụ bằng tranh vẽ sống động như thật, Lạc Thần càng phổ biến trong thiên hạ hơn, khiến cho văn nhân tài sĩ thế gian không ai không vì đó mà điên đảo.

Truyền thuyết Lạc Thần là tẩu tẩu (chị dâu) Chân thị mà Tào Thục nhớ thương, chính là phi tử của Ngụy Văn Đế Tào Phi Chân Lạc Chân phu nhân. Đại học giả đời Đường Lý Thiện chú giải “Lạc Thần phú”, ông kể lại mối tình của Tào Thục và Chân Lạc một cách sống động như thật, gộp Chân Lạc và Lạc Thần lại làm một. Mọi người yêu thích câu chuyện tình lãng mạn này, càng muốn tin tưởng sự trắc trở, chân thật của câu chuyện. Như thế, truyền thuyết về Lạc Thần Chân phu nhân được lan truyền nhanh chóng, thịnh hành cả thiên hạ nhờ vào lời văn đẹp đẽ của “Lạc Thần phú” và sự chú giải lãng mạn của Lý Thiện.

Lý Thiện là học giả văn thơ tài giỏi đời Đường, đồng thời cũng là tài tử giàu chất lãng mạn. Lý Thiện chú giải “Lạc Thần phú” như thế này: Vào cuối đời Hán, Đông A vương Tào Thực ngưỡng mộ con gái Chân thị của Chân Dật, yêu mến trong lòng, nhưng lại không có duyên phận. Tào Tháo gả Chân thị cho con trai trưởng Ngũ quan trung lương tướng Tào Phi. Tào Thực thấy bất bình trong lòng, sớm nhớ chiều mong, lưu luyến nữ thần trong lòng của mình, chẳng buồn ăn ngủ. Sau khi Tào Tháo qua đời, Tào Phi kế vị. Một lần, Tào Thực vào triều, Tào Phi đem chiếc gối chạm ngọc của Chân phu nhân đã quá cố cho Tào Thực xem. Tào Thực vừa nhìn thấy chiếc gối này, nhìn vật nhớ người, nước mắt không cầm được, rơi xuống như mưa. Tào Phi hết sức cảm động, bèn thưởng vật này cho Tào Thực. Chân phu nhân bị Quách hoàng hậu hãm hại đến chết, khi đó Tào Phi có chút tỉnh ngộ, nhưng người đã chết đi, hối hận không cùng. Tào Phi biết Tào Thực yêu mến Chân thị, cũng hết sức nhớ thương mối chân tình của Tào Thực. Tào Thực tưởng nhớ Chân thị, khi Lạc Thủy gần tắt thở, đột nhiên có một cô gái xinh đẹp bay từ trên mây xuống. Mỹ nữ chân tình nói với Tào Thực: Lòng của thiếp vốn ra được giao phó cho chàng, nhưng vẫn không được như ý; chiếc gối chạm ngọc này được tổ tiên nhà thiếp truyền lại, khi xuất giá từng giao cho Ngũ quan trung lang tướng, hiện nay, cái gối này tặng cho chàng, thật là có duyên. Thế là, hoan tình giao nhau, không thể miêu tả bằng lời. Tào Thực vui buồn không thể tự thắng, bèn viết bài “Cảm Chân phú” tuyệt xướng thiên cổ. Sau khi Ngụy Minh Đế Tào Nhuệ đọc bài phú này, cảm động sâu sắc, bèn đổi tên thành “Lạc Thần phú”. Chân thị là mẫu thân của Ngụy Minh Đế Tào Nhuệ.

Đó thật sự là câu chuyện tình cảm động lòng người. Đáng tiếc câu chuyện này được sáng tác bởi một tài tử đa tình. Chân phu nhân của Tào Phi thật sự rất đẹp, “Lạc Thần phú” của Tào Thực đích thực cũng khiến trời đất, quỷ thần kinh ngạc, nhưng Lạc Thần dưới ngòi bút của Tào Thực là nữ thần trong lòng ông, chứ không phải là Chân phu nhân. Chân phu nhân là

chính phi của Tào Phi, vốn được Tào Phi ngưỡng mộ, sau khi kế vị lập làm hoàng hậu, nhưng bị Chân thị từ chối. Chân phu nhân sinh Ngụy Minh Đế Tào Nhuệ, cũng chính do Tào Nhuệ mà bà có được địa vị không thể thay thế được trong lịch sử Tào Ngụy. Chính bởi vì Chân thị là tâu tâu mà Tào Thực kính ngưỡng, ca ngợi, cũng chính bởi vì “Lạc Thần phú” của Tào Thực luôn được mọi người cho rằng Lạc Thần chính là Chân phu nhân, do đó Chân phu nhân được lưu danh thanh sử, trở thành mỹ thần trong lòng rất nhiều người. Chân phu nhân lớn hơn Tào Thực mười mấy tuổi.

IV. Nhân sinh tế ngộ của mỹ nhân Chân Lạc

Chân thị là người Trung Sơn Vô Cực, là con gái nhỏ nhất của Chân Dật từng làm Thái huyện lệnh. Mẫu thân của Chân thị là Trương thị, là mỹ nhân nổi tiếng xa gần Thường Sơn. Vợ chồng Chân Dật rất ân ái, sinh được 3 con trai, 5 con gái, Chân thị là con gái nhỏ nhất, sinh vào tháng 12 năm thứ 5 Hán Linh đế Quang Hòa, tức là năm 182 Công Nguyên. Chân thị nhỏ nhất, thông minh xinh đẹp, được nhiều người yêu mến. Vợ chồng Chân Dật yêu thương không gì bằng, coi như hạt minh châu trên tay. Anh trai, chị gái của Chân thị đều rất yêu quý nàng.

Chân thị quả thật là mỹ sắc kinh người, như tiên nữ hạ phàm. Nghe nói, mỗi lần nàng nằm ngủ, da trắng như ngọc, làm cho người nhà dường như nhìn thấy có người đắp ngọc lên người nàng, kỳ lạ không thể hiểu. Từ đó có thể thấy Chân thị ngọc nhan mỹ sắc, sắc sỡ lóa mắt. Chân thị lớn lên trong gia đình quyền thế, là hậu duệ của thừa tướng nhà Hán Chân Hàm. Dòng máu của Chân thị mang chất quý tộc, sau này quả nhiên tài đức hơn người. Trương thị sinh ra 3 trai, 5 gái, rất tự hào vì những người con này. Vợ chồng Chân Dật đặt tên cho 3 đứa con trai là: Chân Dự, Chân Nghiêm, Chân Nghiêu; tên 5 người con gái là: Chân Khương, Chân Thoát, Chân Đạo, Chân Vinh, Chân Lạc.

Khi Chân Lạc 3 tuổi, phụ thân Chân Dật rời khỏi nhân gian, gánh nặng gia đình bỗng chốc rơi lên vai của mẫu thân Trương thị. Chân Lạc hết sức đáng yêu, mới chào đời được 3 năm, phụ thân đã qua đời. Trương thị có chút mơ hồ, không biết những gì mà đứa con gái bé nhỏ dễ thương này mang đến cho gia đình sau này là họa hay là phúc. Trương thị nghĩ đến việc cầu tướng sĩ đến trong lúc khó khăn. Trương thị mời tướng sĩ Lưu Lương

nổi tiếng trong vùng đến nhà, để xem tướng cho các con của bà. Lưu Lương quan sát thật kỹ con trai và con gái của Trương thị, im lặng không nói một lời. Nhìn đến Chân Lạc nhỏ nhất, Lưu Lương giật nảy cả mình, ánh mắt toát ra nét kỳ dị. Sau khi nhìn kỹ Chân Lạc, Lưu Lương nói nhỏ với Trương thị: Con bé này quý không thể nói.

Trái tim huyền hoặc của Trương thị cuối cùng cũng có chỗ đáp, bà nuôi dưỡng cẩn thận Chân Lạc hơn, để nàng lớn lên trong sự bình yên. Trương thị biết rằng, hiển vinh của nhà họ Chân rất có thể ứng trên người của Chân Lạc, cô nương quý không thể tả này, sau này nói không chừng có thể được chọn làm phi tử của hoàng đế, hoặc là hoàng hậu. Cái quý của con gái, chắc hẳn sẽ là hậu phi. Chân Lạc vô ưu vô lo trưởng thành trong sự kỳ vọng lớn lao của người nhà.

Chân Lạc thông minh lanh lợi, từ nhỏ đã thích học chữ đọc sách. Khi 9 tuổi, Chân Lạc thường lấy bút viết vẽ trên giấy của mấy người anh. Mấy người anh nhìn thấy thường cười nhạo cô, nói em là con gái, con gái thì nên học nữ hồng nữ công, ngày ngày nhận chữ đọc sách, muốn làm nữ tiến sĩ hay sao? Chân Lạc còn nhỏ mà đã nghiêm chỉnh trả lời rằng: Từ xưa đến nay, có hiền nữ nào không đọc sách nhận chữ, không học đạo lý làm người từ trong sách, tiếp thu thành bại của người đi trước để lấy đó làm gương? Không đọc sách nhận chữ, làm sao mà làm được? Mấy người anh nghe xong, hết sức kinh ngạc, không ngờ cô gái mới 9 tuổi mà có thể nói ra những lời nói bất phàm như thế.

Chân Lạc ngày một trưởng thành, đẹp đến nỗi hoa nhường nguyệt thẹn. Chân Lạc yêu thích học tập đã đọc rất nhiều sách, thông hiểu kinh sử, trở thành tài nữ nổi tiếng gần xa. Mấy người anh không cười nhạo nàng nữa, mà giúp nàng học tập, tham thảo học vấn, dần dần, tri thức có hạn của mấy người anh bắt đầu gặp khó khăn, ứng đáp không nổi với Chân Lạc. Học thức của Chân Lạc không bao lâu đã vượt qua mấy người anh lớn tuổi hơn cô rất nhiều. Chân Lạc đọc sách hiểu lý, hiểu biết đại sự thiên hạ, có cách

nhìn riêng của mình về được mất của triều đình, về sự mờ ám và minh bạch của chính trị, nghiêm nhiên là một tài nữ, không hề bước ra khỏi nhà mà vẫn hiểu rõ mọi chuyện của thiên hạ.

Năm cuối thời Đông Hán, khói lửa chiến tranh nổ ra khắp nơi, quần hùng tranh tài, triều đình Lưu Hán chia rẽ rạn nứt. Đồng Trác nắm trọng quyền trong tay cưỡng ép Hán Hiến để dời đô Trường An, cung thất Lạc Dương đèn đuốc sáng rực, châu báu đầy nhà làm cho trong vòng 200 dặm quanh Lạc Dương trở thành vùng đất hoang tàn, nhà cửa bị quét sạch, không có dấu chân người. Nhân dân đói khổ lưu lạc khắp nơi. Đối mặt với chính trị tàn nát không thể tả, đại hộ hoạn quan Chân phủ phân phát tài sản quốc gia, lấy một lượng lớn lương thực đã tích trữ từ lâu đổi lấy vàng bạc châu báu của dân đói.

Chân Lạc 10 tuổi biết được những việc làm của mẫu thân, bèn trình trọng nói với mẫu thân: Hiện giờ binh hoang mã loạn, trật tự của cuộc sống bình thường hoàn toàn bị đảo loạn, không biết tai ương sẽ ập xuống khi nào; dân đói ngày một nhiều, họ không có gì để ăn, mặt vàng người ốm, đau khổ khôn cùng; nhưng, rất nhiều phú hộ thừa nước đục thả câu, lấy lương thực có giá trị thấp đổi lấy vàng bạc châu báu của dân đói, làm thế thật sự chẳng hay chút nào; nếu nhà ta cũng làm như thế, nhất định sẽ dẫn đến sự căm hận của dân đói, mai này có thể phát sinh bất trắc; chi bằng lấy lương thực trong kho ra, chu cấp cho bạn bè thân thích, hàng xóm bên cạnh, một khi có biến, cũng sẽ có người chăm nom; cứu tế dân đói, sẽ không dẫn đến tai họa. Trương thị như tỉnh giữa cơn mơ.

Chân Lạc mất cha khi mới 3 tuổi. Không lâu sau, anh cả là Chân Dự cũng rời khỏi nhân thế. Khi Chân Lạc 14 tuổi, nhị ca Chân Nghiêm cũng qua đời. Từ khi phụ thân Chân Dật rời khỏi nhân thế, đại ca, nhị ca vẫn luôn làm trụ cột trong nhà, chống đỡ gia đình to lớn này. Nhị ca là người liêm khiết hiếu thảo, ra ngoài làm quan, đột ngột chết đi, Chân phủ hết sức đau buồn, tiểu Chân Lạc cũng đau lòng rơi lệ, buồn bã vô cùng. Nhị ca

Chân Nghiêm đi rồi, để lại vợ và con trai. Trương thị đối xử với người rất nghiêm khắc, không vì Chân Nghiêm qua đời mà khoan đãi vợ con của chàng. Chân Lạc rất kính yêu nhị ca Chân Nghiêm, cảm thấy hết sức bất an khi thấy mẫu thân đối xử hà khắc với vợ con của nhị ca.

Qua một đoạn thời gian, Chân Lạc tìm lúc mẫu thân cao hứng, nói với mẫu thân Trương thị: Nhị ca đã qua đời, nhị tẩu lại trẻ trung như thế, mà phải ở nhà chịu góa, thật sự rất đáng thương, còn phải chăm sóc cho một đứa con, thử nghĩ xem lòng đau khổ biết dường nào? Khó khăn biết dường nào? Mẹ nên đối xử tốt với chị ấy, tốt hơn khi nhị ca còn sống, giống như con gái ruột của mình mới đúng. Trương thị có chút cảm động, nghĩ rằng a đầu này thật sự đã trưởng thành, nhỏ người mà to gan, nói rất có lý. Từ đó trở đi, Trương thị hậu đãi vợ con của Chân Nghiêm, trong nhà êm ấm hòa hợp như xưa. Chân Lạc còn cầu thỉnh sống chung với nhị tẩu, chăm sóc cháu trai. Nhị tẩu hết sức cảm kích, cũng hết sức yêu quý Chân Lạc. Nhị tẩu hề gặp người đều khoe, vô tình, tiếng thơm của Chân Lạc vang xa khắp nơi.

Khi đó, người Nhữ Dương Nhữ Nam xuất thân từ đại tộc hào môn 4 đời tam công Viên Thiệu đã chiếm cứ Ký Châu, Thanh Châu, U Châu, Tịnh Châu, thế lực hùng mạnh, chiến đấu với hào hùng một phương cát cứ phía bắc Tào Tháo, tranh đoạt thiên hạ. Nhữ Dương Nhữ Nam hiện là tây nam Thương Thủy Hà Nam. Ký Châu bao gồm miền trung và niêm nam của Hà Bắc ngày nay. Thanh Châu tức đông bắc Sơn Đông ngày nay. U Thanh tức phía bắc Hà Bắc ngày nay. Tịnh Châu tức Sơn Tây. Năm đầu Kiến An, khi Chân Lạc 10 tuổi, Viên Thiệu nhậm chức đại tướng quân, kiêm lĩnh Ký Châu mục, Vô Cực Trung Sơn nơi Chân thị đang sống cũng thuộc phạm vi cai quản của Viên Siêu. Tiếng thơm tài sắc song tuyệt của Chân Lạc vang xa khắp nơi, đương nhiên Viên Thiệu cũng biết, bèn cưới cô gái xinh đẹp này cho con thứ hai của mình Viên Hy.

Viên Thiệu có 3 con trai: con trai trưởng Viên Đàm, con thứ hai Viên Hy, con thứ ba Viên Thượng. Trong số 3 con trai, Viên Thiệu yêu thích con thứ

3 Viên Thượng nhất, người thừa kế vương vị đương nhiên là Viên Thượng. Viên Thượng được ở lại bên Viên Thiệu với vai trò là người kế vị. Con trai trưởng Viên Đàm của Viên Thiệu rất khôi ngô tuấn tú, phong thái cao nhã, ban đầu rất được Viên Thiệu và phu nhân Lưu thị yêu mến. Vốn lẽ Viên Thiệu lập con trưởng Viên Đàm, nhưng lại cảm thấy Viên Đàm tuấn tú có thừa, mà nhanh nhạy dũng cảm lại không đủ. Ông thiên vị đứa con thứ 3 hơn, trong việc xác lập người thừa kế vương vị, ông đắn đo nhiều lần, cũng không có được chủ ý. Cuối cùng, Viên Thiệu chọn biện pháp chiết trung, phái con trai trưởng Viên Đàm đóng trú tại Thanh Châu, con trai thứ Viên Hy trú tại U Châu, để con trai thứ ba mà mình yêu quý nhất ở bên cạnh, thủ Ký Châu, để quan sát tài năng của hắn, sau đó xem biểu hiện của 3 người rồi mới xác định người thừa kế – trên thực tế, giữ con thứ 3 ở lại bên cạnh, đó chính là người thừa kế vương vị trên thực tế.

Viên Thiệu sắp xếp con trai thứ 3 làm người thừa kế vương vị theo sự yêu ghét của mình, đương nhiên làm tổn thương đến con trai trưởng và con trai thứ. Con trưởng Viên Đàm, con thứ Viên Hy tuy không dám công khai phản đối, nhưng oán hận trong lòng, từ đó về sau, cha con họ Viên đồng sàng dị mộng, bằng mặt không bằng lòng, sự diệt vong của nhà họ Viên cũng bắt rễ từ đó. Người được chọn đầu tiên là con trưởng Viên Đàm, thân làm con trưởng, lại mạnh mẽ, tướng mạo tuấn vĩ, lại không nhận được sự coi trọng của phụ thân, trong lòng toàn là oán hận, và cũng bất bình nhất. Chẳng phải phụ thân chê mình dũng vũ không đủ sao? Hà cớ gì không chủ động khiêu chiến, đi tấn công Tào Tháo! Viên Đàm suy đi nghĩ lại, nhưng lại thay đổi ý nghĩ, nghe nói Tào Tháo dùng binh như thần, mình chẳng thể là đối thủ của hắn, hà tất phải lấy trứng chọi đá?

Nếu đã không dám khiêu chiến với Tào Tháo, vậy thì nhận mình là vô năng, như vậy chẳng phải đã quá dễ dãi cho thằng em nhỏ nhất sao? Hắn nhờ vào cái gì mà được kế vị, có được giang sơn cơ nghiệp mà phụ thân chúng ta đã giành được? Rốt cuộc thì Viên Đàm cũng là một tên tiểu nhân

không biết gì vừa vô dũng vô mưu vừa có lòng dạ hẹp hòi, hẳn cảm thấy nếu con trai trưởng đã không có được cơ nghiệp của phụ thân sáng lập, thì con thứ, con út khác cũng đừng hòng có được; thà chấp tay dâng cho người khác, cũng không để con thứ, con út được lợi! Con trưởng Viên Đàm ở vào trạng thái phần nộ và điên cuồng lại tiếp tay cho giặc, thỉnh cầu kẻ thù Tào Tháo tấn công Viên Thượng. Đó chẳng khác gì hành động rước sói vào nhà.

Quan độ đại chiến, Tào Tháo có được thắng lợi mang tính quyết định vì ít thắng nhiều, Viên Thiệu thảm bại. Dưới tình hình đó, Viên Đàm thỉnh cầu Tào Tháo tấn công Viên Thượng, Tào Tháo bèn tiến về phía trước, dẫn binh vây chặt Nghiệp Thành. Viên Thượng nghe nói binh Tào vây đánh là do Viên Đàm dẫn đến, hết sức tức giận, dẫn trọng binh cuồn cuộn tiến về Thanh Châu trước, đánh nhau với huynh trưởng Viên Đàm, binh giới gặp nhau trước khi binh Tào đến nơi của mình. Tào binh đến Nghiệp Thành, trong thành đã trống rỗng, trong thành chỉ có người già bệnh tật, không hơn một vạn người, đó làm gì là đối thủ của 3 vạn binh Tào sĩ khí đang hăng? Người Nghiệp Thành hoang mang sợ hãi.

V. Phụ tử tranh mỹ nữ

Phòng thủ Nghiệp Thành do đại tướng Thẩm Phối, phó tướng Tô Do phụ trách. Thẩm Phối, Tô Do vẫn không hợp nhau lắm, hai người thường hục hặc với nhau. Vào thời khắc then chốt nhất, Viên Thượng rời khỏi Nghiệp Thành là một sai lầm lớn; Viên Thượng sai Thẩm Phối, Tô Do hai người không hợp nhau làm đại tướng, phó tướng thủ Nghiệp Thành lại càng sai lầm hơn. Có hai sai lầm này, Nghiệp Thành thất thủ là tất nhiên.

Nghiệp thành binh đến dưới thành, nguy đến nơi. Đối mặt với thế nguy trùng đễ đầu đẳng, ý kiến của đại tướng, phó tướng không bao giờ đồng nhất trong việc nên giữ thành như thế nào, cứ tranh cãi với nhau. Binh địch vẫn chưa đánh thành, tướng thủ đã chia rẽ, mọi người đều thấy nguy, chính vì thế mà Nghiệp Thành không giữ được. Sau khi suy nghĩ kỹ càng, phó tướng Tô Do gửi thư đến Tào Tháo, tình nguyện làm nội ứng, hiến Nghiệp Thành. Đại tướng Thẩm Phối trung thành với họ Viên, sẽ không phản bội họ Viên mà đầu hàng Tào Tháo. Tâm phúc của Thẩm Phối biết chuyện báo cáo với Thẩm Phối, nói Tô Do muốn phản, chuẩn bị đầu hàng Tào Tháo. Tô Do cũng nhanh chóng biết được bí mật của mình đã bị lộ, thế là, Tô Do lanh lợi khéo léo chạy khỏi Nghiệp Thành, đầu hàng Tào Tháo trước khi Thẩm Phối truy bắt.

Tào Tháo có được phó tướng của Nghiệp Thành Tô Do, đương nhiên hết sức vui mừng. Tô Do thân làm phó tướng đương nhiên hiểu rất rõ tình hình phòng thủ, binh lực, tài lực, nhân lực của Nghiệp Thành. Tào Tháo lập tức triệu kiến Tô Do, vặn hỏi cặn kẽ tình hình phòng thủ của Nghiệp Thành, đồng thời chú trọng hỏi xem có còn gia quyến nào của nhà họ Viên trong Nghiệp Thành không? Tô Do trả lời mọi câu hỏi của Tào Tháo, kể tường tận tỉ mỉ tình hình của Nghiệp Thành với Tào Tháo.

Khi nói đến người nhà họ Viên, Tô Do nói, phu nhân Lưu thị của Viên Thiệu ở lại trong thành, Lưu thị sợ cô đơn, con dâu thứ hai Chân thị rất được Lưu thị yêu thích, nên được giữ lại bên cạnh Lưu thị, giữ lại Nghiệp thành. Tào Tháo háo sắc nghe nói con dâu thứ hai Chân thị là người đẹp nhất, phong tình nhất trong số những thê thiếp diễm lệ của cha con họ Viên, Tào Tháo nghe nói Chân thị còn ở trong Nghiệp thành, thì tim đập thình thịch, hết sức kích động. Tào Tháo đa tình muốn chứng thực vẻ đẹp của Chân thị, nên nói một cách hàm súc: Luôn nghe nói mấy con dâu của Viên Thiệu đều rất đẹp, Chân thị đó như thế nào?

Tô Do đương nhiên biết Tào Tháo có trái tim háo sắc, bình tĩnh trả lời: Mấy con dâu của Viên Thiệu quả thật ai nấy cũng như tiên giáng trần; nhưng trong số những con dâu đó, thì con dâu thứ hai Chân thị là đẹp nhất; Chân thị không chỉ mỹ diễm tuyệt luân, hơn nữa lại biết sách biết lễ, giỏi hiểu lòng người; Lưu phu nhân nổi tiếng có tính tình kỳ quặc trong phủ, không ai hầu hạ được, chỉ có con dâu thứ hai Chân thị, hợp tính của Lưu phu nhân, Lưu phu nhân hết sức yêu thích nàng; Chân thị hòa hợp với trên dưới trong Viên phủ, trong ngoài hài hòa, ai nấy trong phủ đều yêu quý nàng.

Một viên võ tướng thủ thành nói đến con dâu thứ hai Chân thị đều nói đầu ra đây, tâm trí hướng về, có thể thấy tiếng thơm của mỹ nhân này truyền khắp Nghiệp Thành, già trẻ lớn bé đều biết. Tô Do bình thản kể, miêu tả người đẹp một cách sinh động như thật. Tào Tháo háo sắc thành thói đã bị đốt lên ngọn lửa dục vọng. Tào Tháo giận mình không thể bước một bước đến ngay Nghiệp Thành, ôm ngay ưu vật tuyệt thế vào lòng, hưởng tận tình yêu. May mà Nghiệp Thành đã nằm trong tay, người đẹp này có cánh cũng khó mà bay được.

Viên Thượng lĩnh binh đến Thanh Châu nghe nói Nghiệp Thành bị vây khốn, kinh hãi thất sắc, nhanh chóng quay binh về cứu viện. Năm chắc chiến thắng trong tay, Tào Tháo đương nhiên án binh mai phục trên đường,

đuổi giết binh lính của Viên Thượng. Viên Thượng trở tay không kịp, thảm bại một trận, đành phải dẫn tàn binh chạy trốn, chạy đến Trung Sơn, cầu cứu nhị ca Viên Hy. Cứu binh của Nghiệp Thành bị đánh bại, cứu viện vô vọng, lương thực trong thành đã cạn. Tào Tháo hạ lệnh công thành. Trước khi công thành, Tào Tháo cũng không quên người đẹp Chân thị trong thành, bèn ra một lệnh đặc biệt: Khi thành bị phá, không được tàn sát bá tính, không được cướp bóc, cưỡng hiếp, không được làm hại già trẻ lớn bé nhà họ Viên.

Nghiệp Thành đã rơi vào cảnh nguy khốn, không có hy vọng giải cứu nào. Tướng giữ thành Thảm Phối trung thành tuyệt đối với Viên thị, giữ đến chết mới thôi, tuyệt đối không đầu hàng. Cháu trai của Thảm Phối Thảm Vinh biết đại thế đã mất, tử thủ là chết một cách vô vị, chỉ bằng đầu hàng, bảo toàn tính mạng. Thế là, Thảm Vinh lãnh binh mở rộng cửa đông, chào đón binh Tào. Binh Tào tiến vào thành như ong vỡ tổ, chiếm vùng trọng yếu, tiến vào trung tâm. Một nhánh tinh binh nhất nhanh chóng chạy vào Viên phủ, bao vây Viên phủ.

Binh tốt bao vây Viên phủ là vệ binh của Tào Phi, con trai của Tào Tháo. Thì ra, sau khi Tô Do tường thuật tình hình của Nghiệp Thành và già trẻ lớn bé của Viên phủ, Tào Phi trốn đằng sau nghe lén, rồi đơn độc triệu kiến Tô Do, vặn hỏi chi tiết người đẹp Chân thị. Tào Phi bị mê hoặc bởi vẻ đẹp của Chân thị, ngày đêm mơ về. Chân thị có mái tóc đẹp như mây, thân hình thon thả, eo thon như liễu, ngực đầy mông tròn, làn da như tuyết, tất cả những vẻ đẹp đó đều hiển hiện trước mặt Tào Phi .

Tào Phi khi đó đang tuổi 19 khao khát phụ nữ, có những lời nói kích thích, bèn bí mật lập kế hoạch, dù có lệnh cấm của phụ thân Tào Tháo, vào ngày phá thành, tự dẫn vệ binh, chạy thẳng đến Viên phủ, tranh đoạt Chân thị trước, không ngờ lại tranh giành một người phụ nữ với phụ thân! Sau khi Tào Phi vây chặt nhà họ Viên, tự mình chạy vào hậu thất. Lưu phu nhân nghe biến trong hậu thất hết sức bình tĩnh, bên cạnh có một người phụ nữ,

mặt mũi lem luốc, rõ ràng là cố ý làm thế để che đậy. Tào Phi vừa nhìn đã thấy, người phụ nữ bên cạnh Lưu phu nhân có quốc sắc thiên hương, không nghi ngờ gì nữa, đó chính là Chân thị.

Tào Phi đến gần Chân thị. Tay cầm kiếm sáng loáng, sức lực mạnh mẽ của Tào Phi làm Lưu phu nhân và Chân thị kinh hãi. Tào Phi để Chân thị ngẩng đầu lên, Lưu phu nhân vẫn ôm chặt Chân thị, hai giọt nước mắt lăn trên mặt. Tào Phi biết rằng, đó là giọt nước mắt sợ hãi, bèn lấy vạt áo lau nước mắt cho Chân thị, và cũng lau hết lớp tro trên mặt. Tào Phi thật sự ngẩn người ra, thật sự chẳng có từ ngữ nào có thể miêu tả vẻ đẹp của người phụ nữ này, quả thật là đẹp hơn mấy trăm ngàn lần so với lời miêu tả.

Tào Phi đã say mê. Gương mặt trái xoan của Chân thị trắng như ngọc, lông mi như rèm, một đôi mắt long lanh, giống như hai đầm nước sâu, đôi chân mày cong cong lá liễu, mũi nhỏ nhỏ thon thon, miệng như hoa đào, mái tóc suông mềm như suối nước, quả thật là đẹp rung động lòng người, chim sa cá lặn. Tào Phi chưa thấy qua cô gái nào đẹp đến thế, không kiềm được thốt lên: Một tiên nữ! Sau khi an ủi Lưu phu nhân vài câu, Tào Phi đứng dậy từ biệt. Sự lo lắng của Lưu phu nhân như được giải tỏa, bình tĩnh nói với Chân Lạc: Yên tâm đi, chúng ta không chết đâu.

Tào Tháo phái tâm phúc dẫn đội vệ binh bảo vệ Viên phủ, đồng thời sai dẫn mỹ nhân Chân Lạc đến. Vệ binh bay ngay đến Viên phủ, phát hiện đã có vệ binh của Tào Phi trấn giữ. Tùy tùng thân cận báo với Tào Tháo, nói Tào Phi đã đi rồi, đang thủ tại Viên phủ. Tào Tháo nổi giận đùng đùng, nói: Làn đánh Nghiệp Thành này là vì Chân thị! Tào Tháo tức giận vì mỹ nhân như thế mà bị con trai Tào Phi giành trước! Nhưng, con trai chiếm trước, làm phụ thân thì không thể ra tay quá mạnh, không thể công khai tranh giành một người phụ nữ với con trai được?

Tào Phi bái kiến Tào Tháo, vừa gặp mặt đã ngoan ngoãn khéo léo cầu xin phụ thân, hãy thương Chân thị cho mình. Tào Tháo không còn cách nào khác, đành phải nhận lời. Thế là Chân thị trở thành phu nhân của Tào Phi.

Năm đó Tào Phi 19 tuổi, còn Chân thị 24 tuổi, lớn hơn Tào Phi 5 tuổi. Đó là năm Kiến An thứ 9, chính là năm 204 Công Nguyên. Tào Phi có được Chân thị, yêu thương rất mực. Tào Phi văn tài võ lược, đều rất giỏi. Tào Phi đam mê sắc đẹp của Chân thị, và càng yêu văn tài của Chân thị hơn. Một Tào Phi tự cho mình là tài sĩ hết sức ngưỡng mộ tài hoa của Chân thị, mỗi lần mời văn nhân mực khách đến uống rượu, đều để Chân thị đi cùng, cùng nhau uống rượu ngâm thơ. Ân ái không lâu, Chân thị mang thai, đủ tháng sinh ra một con trai, đặt tên Tào Nhuệ, chính là Ngụy Minh đế sau này. Không lâu sau, lại sinh một con gái, sau này được phong làm Đông Khánh công chúa. Ban đầu Chân thị một lòng hầu hạ Tào Phi, làm tròn trách nhiệm của người vợ. Sau này, Chân thị thay đổi dần dần.

Chân thị hiểu rõ, mình trở thành phu nhân của Tào Phi là nhờ vẻ đẹp và là mối tình chớm nở của Tào Phi, nhưng hiện thực không cho phép nàng có khát vọng gì. Nàng lớn hơn Tào Phi 5 tuổi, hơn nữa là con dâu của họ Viên kẻ thù của gia tộc họ Tào, trở thành con gái tái giá, có hai điều này thì còn hy vọng gì nữa? Nhưng bảo toàn được tính mạng, được tiếp tục sống. Chân thị bèn nghe theo và dựa vào Tào Phi trong tâm trạng như thế, không dám đua đòi, không dám được độc sủng.

VI. Cuộc sống đồng sàng dị mộng

Sau khi Tào Phi trở thành hoàng đế, Chân thị nói với Tào Phi: Hoàng thượng gánh vác trọng trách của giang sơn xã tắc; đế vương xưa nay đều lập nhiều thê thiếp, sinh nhiều con cháu, như thế mới bảo đảm được đế nghiệp vạn thế trường cửu; mong rằng bệ hạ lấy giang sơn xã tắc làm trọng, quảng cầu hiền nữ, sinh dưỡng con cái, trở thành người thừa kế nghiệp lớn của bệ hạ. Tào Phi vốn là người háo sắc, có lời nói này của Chân thị, đương nhiên hết sức vui mừng, nhưng sắc đẹp của Chân thị vẫn còn mê hoặc ông sâu sắc, ông không thể rời khỏi Chân thị, chỉ thỉnh thoảng lâm hạnh mỹ nữ khác.

Nhậm phu nhân làm Tào Phi không vui, Tào Phi muốn phế Nhậm phu nhân. Chân Lạc cầu xin nói: Nhậm phu nhân là thiên kim tiểu thư, xuất thân từ danh môn vọng tộc, là người xinh đẹp nhã nhặn, dịu dàng hiền huệ, đó đều là những thứ mà thiếp thua rất xa, làm sao ngài lại phế bỏ nàng ấy? Tào Phi giận dữ lắc đầu: Tầm nhìn của Nhậm thị rất gần, lòng dạ hẹp hòi, tính tình hung bạo, hỉ nộ vô thường, không chỉ không dịu dàng hiền huệ, ngược lại hết sức oán hận ta, nhất định phải phế bỏ! Chân Lạc biết Tào Phi vì sủng ái mình nên mới mượn cớ phế bỏ Nhậm phu nhân, nên rơi lệ, tiếp tục cầu xin: Bệ hạ, trong cung đều biết ngài sủng ái thiếp, nếu phế bỏ Nhậm phu nhân, mọi người sẽ nghĩ rằng thiếp đứng đằng sau xúi giục bệ hạ, như thế, thiếp vừa mang tội tư lợi vừa mang tội chuyên sủng, đó đều là những tội mà thiếp không thể đương đầu được, xin bệ hạ khoan dung độ lượng với nàng ấy.

Tào Phi là người thông minh, biết rất rõ bất kỳ người phụ nữ nào cũng muốn được chuyên sủng, những gì mà họ nói hoàn toàn khác với những gì mà họ đang nghĩ. Tào Phi không nghe lời tiến ngôn của Chân Lạc, vẫn giữ nguyên ý phế bỏ Nhậm phu nhân của mình. Tuy ngoài mặt Chân Lạc dịu

dàng nhả nhận, nhưng cuối cùng vẫn là người phụ nữ đang tuổi sung mãn, nàng cũng vô tình hay cố ý tranh sủng với rất nhiều mỹ nhân khác trong hậu cung. Ngày tháng không thương tình ai cả, đợi đến khi người già đi héo hon, ai cũng không muốn nhìn một bà lão không còn tí nhan sắc nào. Chân Lạc thông minh một mặt được sự sủng ái đặc biệt của Tào Phi, đồng thời, Chân Lạc cũng nghĩ đến ngày sau của mình, hết lòng hầu hạ Biện phu nhân, mẫu thân của Tào Phi. Biện phu nhân hết sức yêu mến Chân Lạc, như thế Chân Lạc đã có một chỗ dựa hết sức vững chắc.

Sau khi Tào Tháo công hạ Nghiệp Thành, lại tiến công vào Viên Đàm. Năm sau, Tào Tháo truy sát Viên Đàm đại bại tại Nam Bì. Viên Hy, Viên Thượng vốn muốn thủ chặt U Châu, tích lũy lực lượng, không ngờ tướng sứ mưu phản, làm anh em họ Viên khốn đốn. Viên Hy, Viên Thượng đến bước đường cùng, đành phải chạy đến Ô Hoảng. Năm Kiến An 12, Tào Tháo bắc chinh Ô Hoảng. Viên Hy, Viên Thượng chạy đến Liêu Đông. Liêu Đông do thái thú Công Tôn Khang nắm giữ, Công Tôn Khang lập kế giết Viên Hy, Viên Thượng, rồi hiến đầu của hai anh em này cho Tào Tháo.

Cả nhà họ Viên bị Tào Tháo giết sạch. Chân thị không thể tự quyết cho mình, chỉ đành kết duyên với Tào Phi. Chân Lạc cũng từng âm thầm rơi lệ cho chồng trước Viên Hy, nhưng ngoài việc đó ra thì còn có thể làm gì bây giờ? Chỉ đành hầu hạ kẻ thù đã giết chồng và cả gia đình của chồng. Chân Lạc hầu hạ Tào Phi rất cẩn thận, để thời gian làm phai mờ đi ký ức, cố gắng quên đi ngày tháng trước đây. Sau này Chân Lạc mang thai, sinh hạ con trai. Chân Lạc có con chung với Tào Phi như thế đấy, ngày tháng cứ vô tình trôi đi.

Cường địch vẫn rất nhiều, quyết tâm thống trị thiên hạ khiến cho Tào Tháo tiếp tục chinh phạt. Tháng 7 năm Kiến An 16, tức năm 211 Công Nguyên, Tào Tháo dẫn binh Tây chinh, tấn công hai kẻ thù mạnh có võ nghệ cao cường Hàn Toại, Mã Siêu. Biện phu nhân mà Tào Tháo yêu thương hết mực tức mẫu thân của Tào Phi cũng đi theo. Tào Phi thắng

nhậm Phó thừa tướng, ở lại giữ Nghiệp Thành, đương nhiên Chân Lạc cũng được ở lại. Trên đường hành quân, Biện phu nhân đột nhiên bệnh nặng, không thể đi theo Tào Tháo, đành phải ở lại Mạnh Tân, điều dưỡng lại cho khỏe.

Chân Lạc được ở lại Nghiệp Thành nghe nói Biện phu nhân bệnh nặng, đang ở tại Mạnh Tân, bèn quyết ý cầu xin đến Mạnh Tân, chăm sóc cho Biện phu nhân. Mạnh Tân cách Nghiệp Thành mấy trăm dặm, lại cách con sông Hoàng Hà nước chảy cuồn cuộn. Khi đó, quân đội thiếu thốn, trộm phi khắp nơi, hai bờ Hoàng Hà cường đạo khắp nơi. Trước tình hình đó, không có đại quân hộ tống, Tào Phi làm sao cho phép thê tử như hoa như ngọc của mình đi đến Mạnh Tân? Tào Phi không cho phép, Chân Lạc chỉ đành khóc lóc. Tấm lòng hiếu thảo với mẹ chồng của Chân Lạc làm cảm động mọi người, và nhanh chóng lan truyền đến Mạnh Tân, Biện phu nhân cũng nghe thấy. Đương nhiên Biện phu nhân cũng hết sức cảm động.

Đương nhiên Tào Phi cũng sốt ruột cho mẫu thân của mình, liền phái tâm phúc qua lại giữa chiến tuyến và Mạnh Tân, Nghiệp Thành. Chiến sự tiến triển thuận lợi. Mạnh Tân cũng rất an toàn. Sau khi điều dưỡng một thời gian, sức khỏe của Biện phu nhân cũng nhanh chóng bình phục. Chân Lạc nghe nói Biện phu nhân đã lành bệnh, hết sức vui mừng, nhưng vẫn không yên tâm, bèn nói với Tào Phi: Khi phu nhân ở nhà, sức khỏe có lúc cũng không tốt, thường kéo dài một thời gian mới thấy đỡ hơn chút đỉnh, lần này bệnh nặng như thế, lại đột ngột như thế, làm sao mà nhanh bình phục như thế được? Bệ hạ sợ thiếp lo lắng, mới an ủi thiếp như thế phải không? Tào Phi đành phải phái người đi Mạnh Tân, thăm hỏi bệnh tình.

Người được cử đi Mạnh Tân trở về rất nhanh, còn đem về bức thư do chính Biện phu nhân viết. Trong thư nói Biện phu nhân đã khỏe mạnh hoàn toàn, không bao lâu nữa có thể trở về Nghiệp Thành, bảo Tào Phi và Chân Lạc yên tâm, không cần lo lắng, mong nhớ. Tào Phi và Chân Lạc xem qua thư, đương nhiên rất vui mừng, cả hai cùng chờ đợi Tào Tháo khải hoàn và

Biện phu nhân trở về Nghiệp Thành. Trong thời gian này, Chân Lạc dịu dàng hết lòng hết sức hầu hạ cho trượng phu của mình, chăm sóc con cái, hai vợ chồng sống hết sức vui vẻ.

Năm Kiến An thứ 17, Tào Tháo đại bại Hàn Toại, Mã Siêu, dẫn quân trở về Nghiệp Thành. Tào Phi, Chân Lạc dẫn văn võ bá quan ra thành nghênh đón. Kiệu của Biện phu nhân vừa xuất hiện, Chân Lạc vui mừng khôn xiết đã rơi lệ từ lâu, xúc động không thôi. Những người bên cạnh đều rất yêu mến Chân Lạc, nhìn thấy nàng đối với mẹ chồng thật tình thật ý như thế, ai nấy cũng hết sức cảm động. Biện phu nhân cũng cảm động trước tấm lòng của Chân Lạc, sau khi xuống kiệu, thì đi ngay đến Chân Lạc, nước mắt cũng tuôn rơi không ngừng. Biện phu nhân xúc động nói: Con luôn lo lắng cho bệnh tình của ta, cứ tưởng giống như lúc trước, phải kéo dài thời gian, thật ra, lần này chỉ là bệnh nhẹ, mười mấy ngày là khỏi, không tin, con cứ xem sắc mặt ta? Chân Lạc nhìn thấy Biện phu nhân thân thiết như thế, lại xác thật sắc mặt hồng hào, nên lau nước mắt mỉm cười, vui mừng hết sức. Biện phu nhân kéo tay của Chân Lạc, nói với mọi người: Đây thật sự là một con dâu tốt! Chân Lạc hồ thẹn cúi đầu xuống.

Tào Tháo lấy Nghiệp Thành làm căn cứ địa của mình, để lớn nhỏ trong nhà đều đến sống tại Nghiệp Thành, tiếp tục nam chinh bắc phạt, thực hiện ước mơ đập bình thiên hạ của mình. Khi Tào Tháo xuất chinh, thường để con trai trưởng Tào Phi ở lại giữ Nghiệp Thành, con thứ Tào Chương đi theo xuất chinh, con út Tào Thục làm tùy tùng bên cạnh. Trời sinh Tào Thục thiên chất thông minh, tài tư nhạy cảm, thích rượu, xuất khẩu thành văn, làm cho sĩ tử thiên hạ bá phục. Tào Thục phong độ hiên ngang, dung mạo tuấn tú, vừa có khí anh hùng, lại có tài hoa bất phàm, đương nhiên rất được Tào Tháo yêu mến. Người người trong Nghiệp Thành đều biết đến tài hoa không ai sánh bằng của Tào Thục. Tào Thục sống vui vẻ trong Nghiệp Thành, và cũng yêu sâu sắc tòa thành này.

Nghiệp Thành hiện nay là khu vực khoảng 30 dặm phía tây nam thành huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc hiện nay, là thành cổ nổi tiếng thời xưa Trung Quốc. Nghiệp Thành chia làm hai phần nam thành và bắc thành. Nghe nói, ban đầu bắc thành được xây vào thời Xuân Thu, do Tề Hoảng Công xây nên. Đến thời Chiến Quốc, nước Ngụy chính thức lập huyện tại đây. Vào đời Hán, nơi này trở thành trụ sở của quân Ngụy. Vào cuối đời Đông Hán, Viên Thiệu chiếm cứ nơi đây, làm căn cứ địa, chinh phạt bốn phương, lập ra giang sơn rộng lớn. Tào Tháo đánh bại Viên Thiệu, chiếm hết lãnh thổ của Viên Thiệu, Nghiệp Thành trở thành đại bản doanh của họ Tào.

Hán Hiến để hữu danh vô thực đưa Tào Tháo đang nắm thực quyền làm Mục Kí Châu, trấn trị Nghiệp Thành. Tào Tháo danh chính ngôn thuận đóng doanh tại Nghiệp Thành. Đến năm Kiến An 18, tức năm 213 Công Nguyên, Tào Tháo nhận mệnh làm Ngụy công do công lao nổi tiếng, chính thức xây tông miếu xã tắc tại Nghiệp Thành, xây Kim Hồ đài. Năm Kiến An 21, Tào Tháo được phong làm Ngụy vương, chính thức lấy Nghiệp Thành làm đô thành. Tào Tháo bèn công khai xây dựng cung thất với quy mô lớn, xây dựng Đồng Tước đài, Kim Phụng đài nổi tiếng vào rất nhiều cung điện, nha thự, vườn hoa.

Kim Phụng đài vốn tên là Kim Hồ đài, là thôn Tam Đài huyện Lâm Chương tỉnh Hà Bắc hiện nay, cùng với Đồng Tước đài, Băng Tỉnh đài hợp làm tam đài. Tam đài nổi danh trong lịch sử Trung Quốc, văn nhân nhã sĩ nhiều đời đề vịnh ngâm thơ, nhớ lại quá khứ, ca thán không thôi. Đồng Tước đài được xây khi Tào Tháo nhậm chức Kí Châu mục, cai trị Nghiệp Thành vào năm Kiến An 15 tức năm 210 Công Nguyên. Đồng Tước đài cao hơn 10 trượng, cung điện lầu các đến hơn trăm gian. Khi Đồng Tước đài xây xong, Tào Tháo ra lệnh cho con trai Tào Phi, Tào Thực đăng đài phú thơ, để lại tiếng tăm trong văn đàn, và cũng đã bắt đầu cho sự thay tình cảm của Chân Lạc. Kim Phụng đài cách Đồng Tước đài 100 m về phía bắc, vốn

được xây theo dạng cầu nổi, liên kết với hai đài Đồng Tước và Băng Tinh, có 135 gian phòng trong đài. Kim Phụng đài xây vào năm Kiến An 18, tức năm 213 Công Nguyên. Băng Tinh đài nổi tiếng do cái giếng giữ băng trên đài. Băng Tinh đài xây vào năm Kiến An 19, tức năm 214 Công Nguyên, cách Đồng Tước đài khoảng 100 m về phía nam, 3 đài này liên kết với nhau. Băng Tinh đài cao khoảng 27m, trên có 3 băng thất, mỗi thất có nhiều giếng sâu hơn 50m, dùng để giữ băng tảng, than, muối.

Tào Tháo hết sức thích Đồng Tước đài. Đài được xây trên đỉnh núi, bên trái là Phù Dung trì, bên phải là Hoa Minh viên, cảnh trí mê người. Tào Tháo thích uống rượu tầm hoan tại 3 đài nhất là Đồng Tước đài. Khi tổ chức đại yến mời khách, Tào Tháo thường để các con đi theo, uống rượu ngâm thơ. Tào Tháo văn tài võ lược, tài năng tư duy của ông độc đáo nhất đương thời. Bên cạnh Tào Tháo có rất nhiều cao thủ văn chương, những người nổi tiếng bao gồm Trần Lâm, Vương Mễ, Ứng Dương, Lưu Trinh. Con trai của Tào Tháo là Tào Phi, Tào Thực, Tào Cỗ cũng không phải là tay vừa. Đồng Tước đài đã để lại không biết bao nhiêu chuyện hay về văn chương của cha con họ Tào và văn nhân mặc khách.

Một hôm, Tào Tháo hết sức hưng phấn, dặn dò bày yến tại Đồng Tước đài, khoản đãi văn võ bá quan. Tào Tháo uống mỹ tửu, nhìn các đài cao, các cây cột được điêu khắc công phu trong ánh hồ sơn sắc, tâm hồn thư thái, càng lúc càng hưng phấn hơn. Tào Tháo viết nên bài “Đồng Tước đài phú” cùng với các con. Tào Phi, Tào Cỗ cầm bút trên tay, phân chia bố cục, tìm ý kiếm tứ, rất lâu nhưng vẫn không thành bài, còn Tào Thực trời sinh tài năng bất phàm, ung dung tự nhiên, vừa cười nói vừa hạ bút đề thơ, một chốc đã xong bài. Tào Tháo khen ngợi hết lời, chúng thần cũng tán phục không thôi. Tào Phi vốn không phải là cây bút tầm thường, chấp bút viết lên một câu danh ngôn lưu danh thiên cổ: “Phi các quật kỳ đặc khởi, tàng lâu nghiêm dĩ thừa thiên”. Nhưng Tào Phi vẫn không thể so bằng với Tào

Thực, đương nhiên thua màu kém sắc hơn. Tào Phi càng căm hận Tào Thực.

Tài năng xuất thế của Tào Thực khiến Tào Tháo kinh phục, Tào Tháo có chút do dự trong việc lập người thừa kế. Tào Phi thân là huynh trưởng mà tài năng không bằng tiểu đệ, luôn bị động trong việc lập đích, tình thế hết sức bất lợi. Tào Tháo tán thưởng Tào Thực. Tướng phủ Dương Tu mà Tào Tháo tin tưởng nhất cũng nhận thấy giá trị của Tào Thực, thân cận với Tào Thực. Những người có chức vụ quan trọng trong tướng phủ như Đinh Nghị, Đinh Dực, Giả Đôn... cũng đều hướng về Tào Thực. Những người này đều thân cận Tào Tháo, có cơ hội thừa bẩm với Tào Tháo, nói tốt về Tào Thực, nói chàng thông minh thế nào, giỏi giang thế nào. Khi Tào Tháo có việc, Dương Tu đều luôn báo cho Tào Thực biết trước, để Tào Thực có sự chuẩn bị, đồng thời giỏi trong việc lập mưu tính kế. Tào Tháo cũng có ý lập Tào Thực làm người thừa kế vương vị.

Khi Tào Thực được phong làm Bình Nguyên hầu, huynh trưởng Tào Phi chỉ là Ngũ quan trung lang tướng, bổng lộc chỉ 2 ngàn hộ. Tào Phi u uất trong lòng, nói với vợ yêu Chân thị của mình bằng giọng hết sức buồn bã. Nhưng, Chân thị không chỉ không thông cảm nỗi buồn của phu quân, không giỏi trong việc lập mưu, mà ngược lại luôn ra sức bênh vực Tào Thực, nói lời nói tốt cho Tào Thực. Chân thị hết sức ngưỡng mộ tài hoa của Tào Thực, khâm phục khí chất văn nhân và phong cách cao quý của Tào Thực, so ra, Tào Phi chẳng là gì cả. Thê tử không nói tốt cho trượng phu, ngược lại bảo vệ cho người khác, làm trượng phu đương nhiên không thể chịu đựng được. Tào Phi nổi giận đùng đùng, bèn trút giận lên người Chân thị, từ đó phu thê lạnh nhạt, như người xa lạ. Chân thị cũng hiểu rằng, nàng và trượng phu đồng sàng dị mộng.

Tào Phi không nhận được sự quan tâm và yêu thương của Chân thị, bèn kể khổ với người thiếp yêu là Quách thị. Quách thị giỏi hiểu lòng người, tế nhị chân tình, lại giỏi tâm kế, lúc nào cũng nghĩ thay cho Tào Phi, lập mưu

tính kế cho Tào Phi, Tào Phi cảm kích vô cùng rồi nghiêng lòng yêu thương sang nàng. Quách thị nghĩ ra một cách rất hay để đánh đổ Tào Thục, bèn gọi Ngô Chát là mưu sĩ xuất chúng, nhận chức ca lĩnh trong triều. Tào Phi như hổ thêm cánh, và tàn cục của Tào Thục dường như đã được định bởi mưu kế chi tiết của họ. Kết quả mưu kế của Ngô Chát là, Tào Tháo xa rời Tào Thục, Tào Thục cũng u uất bất đắc chí; Dương Tu thân cận Tào Thục cũng uất hận tự sát.

So sánh lực lượng trong việc lập đích, tài tử Tào Thục và đồng đảng của chàng gặp phải cảnh thảm bại, Tào Phi và Quách thị, mưu sĩ Ngô Chát thì đoạt được thắng lợi mang tính quyết định. Tào Phi được lập làm thế tử, quan báii phó thừa tướng, đồng thời được đặc quyền mở phủ tự lập quan thuộc. Tào Phi giành được địa vị thế tử thừa kế giang sơn xã tắc, cũng có được người thiếp yêu Quách thị mưu trí hơn người, nhưng Tào Phi lại mất đi Chân thị. Chân thị cho rằng tài hoa của người làm huynh trưởng là Tào Phi mà không bằng tiểu đệ, lòng dạ không cần phải hẹp hòi như thế, không dung thứ cho người khác, càng không nên để hận trong lòng, cạnh tranh từng chút với tiểu đệ. Tào Phi đánh bại Tào Thục, Chân thị cho rằng Tào Phi làm người không có liêm sỉ, ngày càng khinh miệt Tào Phi.

VII. Tình yêu sống lại

Năm Kiến An thứ 21, tức năm 216, Tào Tháo thống soái đại quân nam hạ công Ngô, chuẩn bị huỷ diệt Tôn Quyền, thống nhất thiên hạ. Biện phu nhân mà Tào Tháo sủng ái nhất cũng đi theo. Tào Phi và Chân Lạc và một trai một gái của họ cũng tùy giá nam chinh. Khi xuất chinh, Chân Lạc nhiễm bệnh, không thể đi cùng, đành ở lại Nghiệp Thành một mình. Đến tháng 9 năm sau, chính là năm Kiến An 22, năm 217, đại quân Tào Tháo khải hoàn trở về triều. Chân Lạc nghe tin lập tức ra thành nghênh đón. Biện phu nhân nhìn thấy Chân Lạc, thật sự không dám tin vào mắt mình nữa: Chân Lạc trắng trẻo nõn nà, mặt mày sáng mịn tóc đen mượt, càng rung động lòng người hơn. Đó là hình ảnh chỉ xuất hiện khi người phụ nữ chìm đắm trong dòng sông tình ái, làm gì giống với một người phụ nữ đã có một trai một gái? Càng không giống với trạng thái của một người phải rời xa chồng, con trong thời gian dài!

Nhìn Chân Lạc khác một trời một vực, Biện phu nhân yêu quý Chân Lạc bèn quan tâm nói: Con và con cái chia xa trong thời gian lâu như thế, chẳng lẽ con không nhung nhớ họ sao? Sắc mặt của con tốt như thế, xảy ra chuyện gì rồi? Chân Lạc vui vẻ nói: Con cái đều theo bà, con có gì để lo lắng, chỉ là cực khổ cho bà. Biện phu nhân biết rằng, trong lòng Chân Lạc có chuyện tốt đẹp, nhất định là chuyện rất ngọt ngào.

Có một cách nói được lưu truyền rộng rãi rằng, trong khoảng thời gian này, Tào Thục và Chân Lạc đôi nam nữ ngưỡng mộ lẫn nhau này mặc kệ tuổi tác chênh lệch nhau 10 tuổi, lại nghiêng lòng yêu thương nhau, quên hết mọi thứ mà đắm chìm trong dòng sông tình ái, yêu đến nỗi chết đi sống lại. Chân Lạc như sống lại lần nữa nhờ có được tình yêu của tài tử Tào Thục, càng xinh đẹp hơn. Đó chỉ là một câu chuyện tình yêu đẹp đẽ, khó mà phân biệt được thật giả.

Năm Kiến An 25, tức năm 220, Tào Tháo từ giã trần thế vì bệnh. Thế tử Tào Phi kế vị, nhậm chức thừa tướng, tự phong làm Ngụy vương. Tháng 10 năm đó, Tào Phi ép Hán Hiến đế thoái vị, phế Hán tự lập, quốc hiệu Ngụy, là Ngụy Văn Đế, truy phong Tào Tháo làm Ngụy Võ đế, định đô Lạc Dương. Sau khi định đô Lạc Dương, Tào Phi bắt đầu xây dựng cung điện Lạc Dương. Tào Phi sống tại cung Bắc, triệu kiến triều thần tại Kiến Thủy điện. Trong hậu cung, Tào Phi vẫn yêu thương Chân Lạc, thấy Chân Lạc khí chất cao quý, có thể làm mẫu nghi thiên hạ, có ý muốn sắc phong Chân Lạc làm hoàng hậu. Con trai trưởng của Chân Lạc là Tào Nhuệ, lập Chân Lạc làm hoàng hậu là điều đương nhiên, không thuộc sự lựa chọn của nàng.

Nhưng, Chân Lạc coi thường Tào Phi, không muốn có dây mơ rễ má quá nhiều với Tào Phi, nên kiên quyết từ chối, không muốn làm hoàng hậu. Đó là điều độc nhất vô nhị trong lịch sử Trung Quốc. Tào Phi luôn để bụng chuyện Chân Lạc không thể giải khó chia ưu với mình, ra mưu lập kế và tức giận trong lòng, nhưng nghĩ rằng Chân Lạc là thế tử chính của mình, lại sinh cho mình con trai, nên đã tha thứ cho nàng, lập nàng làm hoàng hậu, không ngờ nàng cũng không nể mặt. Tào Phi sủng ái Quách thị trong lòng, và cũng rất yêu Quách thị, Tào Phi biết rằng, nhờ có Quách thị mà giang sơn này mới thuộc về mình, không có Quách thị, thì rất có thể có lẽ mình cũng không thể lên làm hoàng đế!

VIII. Kết cục không lời

Chân Lạc từ chối làm hoàng hậu, Quách thị thì một lòng muốn làm hoàng hậu. Làm sao loại bỏ Chân Lạc, lên ngôi vị hoàng hậu, đó luôn là tâm sự của Quách thị. Quách thị giỏi việc quan sát ngôn ngữ sắc mặt, lấy lòng Tào Phi. Chân Lạc cự tuyệt làm hoàng hậu, làm Tào Phi nổi giận, Quách thị thấy cơ hội đã đến, bèn khéo léo nói với Tào Phi rằng Tào Nhuệ mà Chân Lạc sinh chào đời sau 8 tháng, có thể không phải là cốt nhục của Tào Phi. Đó là điều chí mệnh, nếu Tào Nhuệ không phải là con của Tào Phi, vậy thì Chân Lạc không có gì làm cho Tào Phi lưu luyến.

Tào Phi hết sức kinh ngạc khi nghe lời nói này của Quách thị, càng nghĩ càng thấy đúng là như thế. Quách thị sống tại thành đô Lạc Dương của nước Ngụy, Chân Lạc lại được giữ tại Nghiệp Thành. Tào Phi lòng đầy nghi hoặc không thể giải thích chuyện này một cách thấu đáo, càng nghĩ càng thăm thía lời nói của Quách thị. Tháng 6 năm sau, Tào Phi thống binh nam chinh Tôn Quyền, ngang qua Nghiệp Thành, ở lại vài ngày. Nhìn thấy Lạc Chân, cuối cùng cũng không thể kiềm chế nữa nên đã tra hỏi thân thế của Tào Nhuệ. Chân Lạc tức giận vô cùng, hai người cãi nhau kịch liệt, chia tay trong sự buồn bã. Không bao lâu sau, Chân Lạc u sầu trầm mồi, tâm trạng u uất, lòng đau như cắt, đã viết nên bài thơ truyền thế “Đường Thượng hành”.

Chân Lạc cứ sống trong tâm trạng buồn khổ. Không bao lâu sau, Chân Lạc đột nhiên qua đời. Cái chết của Chân Lạc vẫn luôn là một câu đố trong lịch sử. Trên sử sách có hai cách nói hoàn toàn tương phản nhau về nguyên nhân cái chết của Chân Lạc: “Ngụy thư” là đại diện thứ nhất; “Ngụy chí” là đại diện thứ hai. “Ngụy thư” chép rằng, sau khi Tào Phi sắc phong Chân Lạc làm hoàng hậu, thư ần được đưa đến 3 lần, nhưng Chân Lạc vẫn khéo léo cự tuyệt; khi đó đang vào giữa mùa hạ, Tào Phi muốn đến sau mùa thu mát mẻ mới sắc phong lại Chân Lạc; không lâu sau, Chân Lạc đột ngột

nhằm bệnh, rồi qua đời tại Nghiệp Thành. Đó có nghĩa là Chân Lạc bệnh chết. “Ngụy chí” lại ghi rằng, Chân Lạc thất vọng về Tào Phi, lòng đầy oán hận, có lúc nói lên những lời oán trách; sau khi được báo, Tào Phi hết sức giận dữ; đến tháng 6 năm sau, Tào Phi đòi sứ thần tuyên chỉ, thưởng cái chết cho Chân Lạc. Nghĩa là Chân Lạc bị buộc phải chết.

Rốt cuộc thì Chân Lạc bệnh chết hay bị buộc phải chết? Phán đoán theo thường tình, có thể Chân Lạc bị Tào Phi bị buộc phải chết, khả năng bệnh chết là rất ít. Vấn đề là, Chân thị bị Tào Phi buộc phải chết như thế nào? Tại sao lại bị buộc phải chết? Chẳng lẽ chỉ vì nói lời oán thán thôi sao? Chân thị là người đọc sách biết lễ, rất có giáo dục, nàng không thể chỉ vì thất vọng, ghen tuông với hạng người hay tranh sủng như Quách thị, mà làm náo loạn cung thất.

Đạo đức cao đẹp của Chân thị được ghi nhiều trong sử sách. Sử sách bảo ban đầu nàng chỉ được lâm hạnh, rồi ngày càng được sủng ái, ngày càng được ngưỡng mộ, tự biết hài lòng với mình, tìm kiếm rộng rãi các cô gái hiền thực hiển tặng cho Tào Phi. Chân thị chẳng những không đố kỵ oán hận những cô gái được sủng hạnh trong cung, mà ngược lại càng ra sức khuyên bảo và khích lệ họ. Nếu có cô gái nào bị thất sủng, thất vọng, nàng đều an ủi họ về nhiều mặt, từ từ khơi gợi cho họ. Ngày thường, Chân Lạc thường khuyên bảo Tào Phi, nên tìm kiếm nhiều hiền nữ, giống như Hoàng Đế vậy, thê thiếp rất nhiều, con cháu đầy nhà, để có nhiều người kế thừa. Từ những ghi chép đó, ta có thể thấy nhân phẩm, học thức, đối nhân, xử thế của Chân Lạc đều không có thiếu sót gì cả, không có gì để người khác chê cười. Có thể Tào Phi vì oán hận Chân Lạc, nên hạ chỉ thưởng chết cho nàng. Còn về nguyên nhân oán hận, có thể là do Chân Lạc khinh thường nên Tào Phi không chịu được? Liệu có chuyện Chân Lạc thay đổi tình cảm sang Tào Thực và bị Tào Phi biết được? Hay là Tào Phi nghi ngờ thân thế của Tào Nhuệ nên làm hai người cãi nhau, làm Tào Phi nổi giận? Nhiều nguyên nhân như thế, chẳng biết cái nào là thật cả.

Năm thứ 3 Hoàng Sơ, chính là năm thứ hai Chân Lạc qua đời, Tào Phi muốn lập Quách thị làm hoàng hậu, ra lệnh cho hữu tư chuẩn bị lễ nghi. Các đại thần được tin, lần lượt phản đối. Thượng lang Sạn Tiềm thượng tấu khuyên can nói: “Xuân Thu” đã viết, không nên lập thiếp làm thê; nay muốn để Quách thị làm hoàng hậu, chẳng phải là khiến tiện nhân thành phú quý, đảo lộn trật tự sao? Vì thần sợ rằng hậu thế sẽ bàn tán, họa loạn sẽ bắt đầu từ đây!” Tào Phi không để ý đến lời phản đối kiên quyết của triều thần, vẫn lập Quách thị làm hoàng hậu, đồng thời lệnh cho Quách thị nhận Tào Nhuệ làm con, thay thế Chân Lạc nuôi dưỡng Tào Nhuệ.

Tào Nhuệ lớn dần trong cung. Tào Phi nhìn thấy đứa con trai thông minh này, tuy có chút vui mừng, nhưng trong lòng vẫn có một nỗi ám ảnh không thể xóa nhòa, nên vẫn không lập Tào Nhuệ làm thái tử. Đến tháng 5 năm thứ 7 Hoàng Sơ, tức năm 226 Công Nguyên, Tào Phi mắc bệnh đột ngột, nằm liệt giường. Tào Phi biết ngày tháng của mình chẳng còn bao lâu nữa, trước khi chết, hạ chiếu lập Tào Nhuệ làm thái tử, đồng thời chiếu Tào Chân, Tào Hưu, Tư Mã Giang làm Phụ Bất phò tá Tào Nhuệ. Không bao lâu sau, Tào Phi chết tại điện Gia Phúc, Lạc Dương, hưởng dương 40 tuổi. Tào Nhuệ 22 tuổi kế hoàng vị trước linh cữu của Tào Phi, làm Ngụy Minh đế.

Ngụy Minh đế Tào Nhuệ truy phong mẫu thân Chân thị làm Văn Chiêu hoàng thái hậu, tôn hoàng hậu Quách thị làm thái hậu. Tào Nhuệ lớn lên trong cung, biết mẫu thân chết đột ngột, nên hết sức đau lòng, còn về vấn đề mẫu thân qua đời khi nào, Tào Nhuệ cũng muốn biết rõ ràng, muốn tìm ra chân tướng sự việc. Tào Nhuệ không thích Quách thái hậu, nhưng Quách thái hậu nuôi dưỡng chàng, chàng không có chứng cứ gì nên đành phải đối đãi với Quách thái hậu theo nghi lễ.

Năm Thanh Long thứ 3, tức năm 235 Công Nguyên, Lý phu nhân yết kiến Minh đế Tào Nhuệ, nói có việc muốn bẩm báo. Trước khi chết, Chân Lạc có uỷ thác Lý phu nhân chăm sóc cho Tào Nhuệ còn nhỏ. Lý phu nhân

nói với Tào Nhuệ rằng, mẫu thân của chàng Chân thị khi khâm liệm sau khi chết, Quách thái hậu dặn dò, bảo người cắt tóc che mặt Chân thị, lấy đường nhét vào miệng, để bà mãi không thể chuyển thân, cũng không thể nhục mạ. Tào Nhuệ giận dữ vô cùng, chạy ngay đến cung Vĩnh An, chất vấn Quách thái hậu. Quách thái hậu giả biện chống chế, phủ nhận. Tào Nhuệ dặn dò đình chỉ tất cả ẩm thực của Quách thái hậu, để Quách thái hậu tự vẫn. Quách thái hậu đi đến đường cùng, đành phải tự sát. Tào Nhuệ dặn dò mai táng Quách thái hậu theo cách mà Quách thái hậu đã làm với Chân thị. Tào Nhuệ truy tôn mẫu thân làm Văn Chiêu hoàng thái hậu, lập lăng miếu riêng, tế lễ tương đồng với tổ miếu.

Chương IX

Tấn cung không chút bình yên

I. Thái tử ngu si

Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm là vị hoàng đế rất có thành tựu trong lịch sử Trung Quốc. Sau khi Tư Mã Viêm hoàn thành đại nghiệp thống nhất Trung Quốc, kiến lập vương triều nhà Tấn, bắt đầu bỏ bê chính sự, ăn chơi trác táng. Tư Mã Viêm thích nghe lời nói thẳng, trọng dụng nhân tài, nhưng cũng rất háo nữ sắc. Sau khi đại phá Đông Ngô, nước Ngô có hàng ngàn hàng vạn mỹ nữ trở thành vật trong túi của Tư Mã Viêm. Tư Mã Viêm hạ chiếu, tuyển chọn 5 ngàn mỹ nữ trong số họ đưa vào cung, thêm vào hàng ngàn mỹ nữ đã có sẵn trong cung, mỹ nữ hậu cung có hơn một vạn. Làm sao tận dụng mỹ sắc? Tư Mã Viêm bèn phát minh ra chiếc xe dê: Ngồi trên xe, mặc cho xe dê đi đâu, đến cung thất nào thì dừng chân tại đó. Thế là mỹ nữ trong cung lần lượt rắc muối trên đường, nhét lá trúc trên cửa sổ, để chiêu dụ xe dê. Xe dê được lưu danh thiên cổ nhờ vào Tấn Vũ đế Tư Mã Viêm.

Tư Mã Viêm lên ngôi hoàng đế, đắc ý trong lòng. Nhà văn học Tả Tư viết bài “Tam đô phú”, mất thời gian 10 năm. Tiếng tăm của “Tam đô phú” vang khắp thiên hạ, mọi người tranh nhau tương truyền, tranh nhau mua, giấy tại Lạc Dương rất mắc. Tư Mã Viêm rất trọng nhân tài, hết sức kính ngưỡng tài hoa của Tả Tư. Tư Mã Viêm nghe nói Tả Tư có một em gái, cũng là văn chương cái thế, tài hoa giỏi giang, bèn hạ chỉ chiêu nạp em gái của Tả Tư là Tả Phân vào hậu cung, phong làm Tu Nghi, được vào quý tần. Nhưng Tả Phân dung mạo bình thường, chỉ nhờ vào tài năng thì làm sao có thể làm Tư Mã Viêm xao lòng? Sự háo sắc hoang đường của Tư Mã Viêm đã làm lỡ một tài nữ.

Sự hoang đường trong tình cảm của Tư Mã Viêm đã làm hại cả đời của Tả Phân, khiến nàng phải chịu đựng sự lạnh nhạt cả ngày, không thể nào hạnh phúc; và ông cũng chọn sai người thừa kế hoàng vị, khiến cho giang

son Tây Tấn do ông tốn hết tâm huyết cả đời sáng lập nên sớm rơi vào tay kẻ khác, vương triều nguy trong gang tấc. Tư Mã Viêm chiến đấu sa trường quả cảm anh võ, nhưng lại mềm yếu như nhi nữ trong tình cảm, còn thua cả sự nhân từ của người vợ. Người thừa kế đã phạm một sai lầm quá tai hại, tuy kiến thức thấu triệt trong việc thái tử lập phi, nhưng lại sai lầm một lần nữa trong thời khắc quyết định. Tuổi thọ ngắn ngủi của vương triều nhà Tấn bắt đầu bắt rễ từ đó.

Có rất nhiều phụ nữ được Tư Mã Viêm sủng ái, những mỹ nữ tuyệt đẹp này lần lượt sinh cho ông 26 con trai. Điều bất hạnh là, tuy trong số 26 người con này không thiếu người tài trí thông minh, nhưng con trưởng Tư Mã Quỹ bất hạnh chết yểu, con trai thứ Tư Mã Trung trở thành con trưởng trên thực tế, được trở thành người thừa kế theo nguyên tắc lập đích lập trưởng của Trung Quốc, Tư Mã Viêm nên lập Tư Mã Trung làm thái tử, nhưng Tư Mã Trung lại chỉ là một tên điên khùng, không màng thế sự, một con sâu hồ đồ.

Tư Mã Trung sinh vào năm Ngụy Cam Lộ thứ 4, tức năm 259 Công Nguyên, là con trai thứ 2 của Võ đế Tư Mã Viêm, cũng là đích trưởng tử, mẫu thân là Dương Diễm hoàng hậu. Theo chế độ lập đích, Tư Mã Viêm không thể phản bác việc lập Tư Mã Trung làm thái tử. Tháng giêng năm Thái Thủy thứ 3, tức năm 267 Công Nguyên, Tư Mã Trung chỉ mới 8 tuổi, Võ đế Tư Mã Viêm bèn lập Tư Mã Trung làm hoàng thái tử.

Tư Mã Viêm làm sao có thể uỷ thác giang sơn đại nghiệp này cho một con trai như thế? Điều này thật sự làm cho mọi người thấy khó khăn, không dám vi phạm chế độ tông pháp. Là khai quốc hoàng đế, lẽ ra không nên quá tuân theo quy tắc. Sự ngu si của Tư Mã Trung đã được tuyền tuyền trần tấu, triều thần cũng nghe tiếng từ lâu. Sự kiện sinh động thú vị nhất là, một hôm Tư Mã Trung nghe sự phụ của thái tử là Lý Thiện giảng bài. Lý Thiện đang giảng về “Mạnh Tử. Công Tôn”. Tuân Húc, Hòa Kiêu do Võ đế Tư Mã

Viêm sai đến phủ đông cung thái tử quan sát thái tử, họ đứng dưới cửa sổ lắng nghe.

Lý Thiện giải thích cặn kẽ: Người không có lòng trắc ẩn, không biết thiện ác, không nhường nhịn, không phân biệt thị phi, đều không thể dùng; người làm vua nhất định phải coi trọng 4 điều này, nhất là phải có lòng trắc ẩn; chỉ có lòng trắc ẩn mới yêu dân, và chỉ biết phân biệt thị phi mới có thể phân biệt thiện ác; vua nếu không thể phân biệt thị phi, chính trị sẽ không thể rõ ràng, công tư lẫn lộn, thưởng phạt vô phép; căn bản của vua là đại công vô tư, liêm công quả đoán, như thế chính trị sẽ rõ ràng.

Khi đó, ngoài trời đang mưa. Tiếng mưa rơi tí tách bên cửa. Tiếng ếch kêu khắp nơi, nghe hết sức não ruột. Tư Mã Trung lắng nghe thầy giảng bài cả nửa ngày, chỉ hiểu rằng phải vì công vì tư, còn những điều khác đều như gió thoảng mây bay. Thầy hỏi hần có vấn đề gì? Tư Mã Trung nghe thấy tiếng ếch du dương buột miệng hỏi: tiếng ếch kêu trong vườn, là công hay là tư? Sư phụ Lý Thiện nghe hỏi, lòng lạnh cả đi, chỉ đành la trời than thở, biết rằng đó là một thanh gỗ mục, không thể điêu khắc được!

Đại thần Tuân Húc, Hòa Kiều phụng chỉ đứng bên ngoài cửa quan sát thái tử học hành cũng nghe thấy câu hỏi đó của thái tử, biết rằng thái tử ngu si, không phải là người có thể đào tạo được. Hòa Kiều là người có học vấn cao, chỉ đành đứng dưới hành lang lắc đầu, còn Tuân Húc lại có phản ứng khác, âm thầm chẳng nói gì cả. Sau khi tan lớp, Tuân Húc, Hòa Kiều cùng ăn trưa với thái tử, sư phụ Lý Thiện cũng có mặt tại đó. Thái tử Tư Mã Trung bình sinh rất háu ăn, ăn đủ mọi sơn hào hải vị đến nỗi vừa trắng vừa mập. Tư Mã Trung lớn lên trong thâm cung, luôn được ăn ngon mặc ấm, hần làm gì trải qua sự đói nghèo? Làm gì biết rằng một hạt cơm là một giọt mồ hôi? Làm gì biết nỗi gian truân của nhà nông?

Thái tử Tư Mã Trung ăn uống ngồm ngoàm, chẳng hề xem những món ăn ngon này là gì cả. Sư phụ Lý Thiện nhìn không quen mắt, bèn khéo léo nói với Tư Mã Trung: Điện hạ, cơm gạo trong chén, từng hột từng hột đều

do nông dân vất vả trồng trọt mới có được, điện hạ không biết đến nỗi gian lao của nông dân sao? Nay hoang phí như thế, trong khi bá tánh không có lương thực để ăn, đang phải nhịn đói. Tư Mã Trung nghe nói thế, thấy rất kỳ lạ, buột miệng hỏi: Không có cơm ăn, tại sao không ăn món cháo thịt? Thái phó Lý Thiện không thể cười nổi. Một học trò như thế làm sao có thể dạy cho thành người ?

Hòa Kiêu, Tuân Húc phụng mệnh quan sát thái tử phải trở về phục mệnh. Hòa Kiêu lo lắng quốc sự, cho rằng thái tử ngu si như thế, tương lai khó mà gánh vác trọng trách quốc gia, bèn bẩm báo mọi sự thật. Tuân Húc lại có cách nghĩ của mình, nói sự việc này hết sức phức tạp, không đơn giản như thế, phải biết rằng, Dương hoàng hậu là người không bao giờ dễ dàng thay đổi thái tử, hoàng thượng cũng phải kính nể vài phân, chúng ta lại làm gì được? Nếu chúng ta bẩm báo sự thật, thế tất sẽ đắc tội với hoàng hậu, vận mệnh tương lai như thế nào khó mà liệu được, nhưng điều có thể khẳng định là, sẽ không có kết quả tốt đẹp, làm không khéo sẽ rước họa sát thân.

Tuân Húc làm thế là không nghĩ đến tiền đồ của quốc gia, chỉ nghĩ đến sự an nguy của mình, mà tất cả những gì hắn nói đều rất thực tế, rất có khả năng xảy ra. Sự ích kỷ của Tuân Húc, tạo thành một sai lầm to lớn, làm tăng tốc độ diệt vong của vương triều nhà Tấn. Tuân Húc kiên trì, Hòa Kiêu đành phải im lặng. Tuân Húc tiến tấu Vũ đế, nói thái tử có tấm lòng nhân từ, biết phân biệt thị phi, công tư, lại hay thảo luận với sư phụ, có tiến bộ nhiều trong đức nghiệp, học vấn. Tuy trong lòng Vũ đế vui mừng, nhưng vẫn không yên tâm lắm, cảm thấy lạ khi đứa con ngu ngốc của mình lại có thể tiến bộ nhiều như thế? Vũ đế quay qua hỏi Hòa Kiêu, Hòa Kiêu úp mở nói, thái tử vẫn giống như lúc trước.

Vũ đế biết rất rõ tài năng thấp kém của thái tử Tư Mã Trung, ông biết đứa con trai này khó mà gánh vác được trọng trách quốc gia. Nhưng Dương hoàng hậu phản đối việc thay đổi thái tử. Dương hoàng hậu tên Dương Diễm, tự Quỳnh Chi, là người Hoa Âm, Thiểm Tây, phụ thân Dương Văn

Tông là quý tộc nhà Ngụy, có công nên được phong làm Vụ Đình hầu. Dương hoàng hậu rất xinh đẹp, xuất thân từ hào môn đại tộc, sinh cho Vũ đế 3 trai 3 gái, con trai trưởng chết yểu, con trai thứ chính là Tư Mã Trung này, là thứ hóa thành trưởng. Vũ đế nhiều lần lo lắng nói thái tử không tiến triển, trời sinh ngu xuẩn, khó mà đảm đương đại sự. Lần nào Dương hoàng hậu cũng dịu dàng phản bác: Con trai tuy không thông minh, nhưng lại trung hậu đôn lương, chỉ cần được chỉ dạy đến nơi đến chốn, sẽ có tiến triển. Vũ đế thăm dò nói, hiện nay việc thay đổi thái tử vẫn còn kịp. Dương hoàng hậu lắc đầu, nói danh phận thái tử đã định, quyết không thể dễ dàng thay đổi, theo lập đích lập trưởng, đều nên là thái tử, phá vỡ pháp chế này, ngày sau chắc sẽ loạn mất? Thiếp kiên quyết phản đối.

II. Phong ba thái tử phi

Vũ đế Tư Mã Viêm quả cảm cương nghị trở nên do dự yếu đuối, không thể hạ quyết tâm trước mặt mỹ nhân. Đến khi Tuân Húc tiến tấu, nói thái tử có tiên bộ, Vũ đế tín nhiệm Tuân Húc, nhất là học vấn cao thâm và tài năng bất phàm của Tuân Húc, càng tin tưởng Tuân Húc, nên rất yên tâm, không nghĩ đến chuyện thay đổi thái tử. Thấm thoát thái tử đã 13 tuổi, theo tục lệ ngày đó, đã là lúc phải tuyển hôn cho thái tử. Thái tử tuyển hôn dù là đối với hoàng gia hay toàn thể quốc dân, thì đều là chuyện lớn, bởi vì người được chọn sẽ là quốc mẫu tương lai, là mẫu nghi thiên hạ, nắm giữ hậu cung. Hoàng thân quý thích, vương công đại thần ai nấy đều làm đẹp cho con gái của gia tộc mình, hoạt động tích cực, chuẩn bị tុtu thành cho mỗi nhân duyên tốt đẹp, từ đó làm hiển vinh gia tộc. Lúc này, không ai nghĩ đến chuyện thái tử là người ngu ngốc hay là vai lệch chân thiếu, chỉ cần là thái tử, dù là người gố cũng được, hạnh phúc cá nhân của con gái hoàn toàn bị coi thường trong thời đại đó, sự hiển vinh gia tộc mới đại diện cho sự quật khởi của thế lực mới.

Vũ đế rất coi trọng chinh đông đại tướng quân Vệ Quán trong cuộc chinh chiến nhiều năm, hiểu được gia tộc của Vệ Quán, rất hài lòng với con gái của Vệ Quán – nghe nói rất trắng trẻo, xinh đẹp, rất có phong thái. Người cạnh tranh với Vệ Quán là khai quốc công thần Giả Sung. Giả Sung có 4 con gái: vợ trước Lý thị sinh hai con gái, vợ sau Quách thị cũng sinh 2 con gái. Con gái trưởng Giả Thuyên đã gả cho con trai của Tư Mã Sư Tề Vương Tư Mã Du. Giả Sung quan cao vị hiển, bá Xa kị tướng quân, xuất nhậm thủ phụ triều đình. Điều quan trọng nhất là, khi xưa Tư Mã Viêm được lập làm thái tử hoàn toàn nhờ sự giúp sức của Giả Sung. Cho nên, Tư Mã Viêm hết sức tín nhiệm Giả Sung.

Giả Sung dựa vào thân phận đặc biệt và sự tín nhiệm sủng ái của Vũ Đế Tư Mã Viên, một mặt ra sức nịnh bợ, lấy lòng Vũ đế và hoàng hậu, một mặt kết đảng dinh tư, lật đổ các đại thần chân chính, kéo bè kết đảng. Dân tộc Khương ở tây bắc phản bội triều đình, chiến tranh liên miên, khu vực Thiểm Cam rơi vào cảnh hoảng loạn, dân sinh lầm than. Vương triều nhà Tấn gấp rút phái một đại tướng lãnh binh bình loạn, trấn thủ vùng Thiểm Cam. Thị trung Vương Huấn, Nhậm Khải tiến cử Giả Sung ra quân. Vũ đế cảm thấy cũng chỉ có Giả Sung là giỏi giang nhất trong số các võ tướng, bèn hạ chỉ lệnh Giả Sung trấn thủ Quan Trung. Tại buổi tiệc chia tay, Tuân Húc có tư giao rất sâu với Giả Sung, rất hiểu con người của Giả Sung, biết Giả Sung không thoải mái lắm, không muốn đến Quan Trung xa xôi, Tuân Húc tức kè đa mưu bèn lập kế với Giả Sung, nghĩ ra một cách vừa không kháng chỉ, vừa có thể được an toàn ở lại kinh sư.

Tuân Húc là tâm phúc của Vũ đế, rất tâm đầu ý hợp với tên Giả Sung đầy tính toán xảo quyết này, tình thâm giao rất sâu sắc. Giả Sung là người Nhượng Lăng, Bình Dương, chính là vùng tây nam Lâm Phần, Tây Sơn ngày nay. Nhà họ Giả là thế gia đại tộc của một vùng. Giả Sung từng hợp mưu với Tư Mã Chiêu, giết chết Ngụy đế Tào Mao, giành được đế vị. Giả Sung tiến ngôn lập Tư Mã Viêm làm thái tử nước Tấn. Vì thế mà năm đầu Tây Tấn lưu truyền một bài ca dao như thế này: Giả, Bùi, Vương, loạn cương kỷ; Vương, Bùi, Giả, đầy thiên hạ. Đó là chỉ Giả Sung, Bùi Tú, Vương Thâm cùng trợ giúp nhà Tư Mã, diệt vong Tào Ngụy, là khai quốc công thần của Tây Tấn, nhất là tư cách Giả Sung già nhất, được sủng mà kiêu ngạo, thế khuynh triều dã.

Giả Sung thâm hiểm xảo quyết, giỏi nịnh hót và quyền thuật. Giả Sung công cao vị trọng, kết thành đồng đảng với trọng thần trong triều thái úy thái phó thái tử Tuân Khải, thị trung trung thư lâm Tuân Húc, việt kị hiệu úy Phùng Thâm, chống đối với phe bên kia gồm thị trung Bùi Khải, Nhậm Khải và Hà Nam Nghiêm Cảnh Đôn. Hai phái này tranh giành kịch liệt,

giống như lửa và nước, tranh sức với nhau nhiều lần. Lần này để Giả Sung trấn thủ Quan Trung, trên thực tế là do Nhậm Khải, Vương Huân sắp đặt, là lần thất bại của nhà họ Giả, làm sao mà Tuân Húc lại đầu hàng chịu thua, bàng quan mặc kệ?

Tuân Húc nói với Giả Sung: Người là tể phụ của triều đình, làm sao có thể chịu sự khống chế của bọn heo chó Nhậm Khải! Tôi có một cách, có thể làm cho hoàng thượng thu hồi thành mệnh. Giả Sung hỏi kế này có an toàn không? Tuân Húc nói, nay thái tử đang tuyển hôn, nếu có thể kết thân với thái tử, vậy thì được ở lại kinh sư là chuyện đương nhiên. Giả Sung như giật mình tỉnh giấc, càng vui mừng vì mình có đến mấy đứa con gái. Nhưng, có thể tin nhiệm ai đây, ai có thể nói chuyện này? Tuân Húc tự bảo mình giỏi giang, có thể thử xem sao. Có Tuân Húc lộ mặt, chuyện này chắc đã thành công một nửa.

Tuân Húc lập tức bắt tay vào chuyện lớn. Trước tiên hấn mời thê tử của Giả Sung Quách Khuê dùng tiền mua tâm phúc bên cạnh Dương hoàng hậu, để họ khen ngợi con gái của Giả Sung có phẩm hạnh đoan trang, thông minh văn tĩnh, có hiền đức, có sắc đẹp, có thể chọn làm thái tử phi. Dương hoàng hậu tin nhiệm tâm phúc, ngày tháng lâu dần, tự nhiên động lòng, có thiện cảm với con gái họ Giả, cho rằng cô gái có tiếng tăm như thế nhất định rất tốt. Cùng lúc đó, Tuân Húc liên lạc với một nhóm tâm phúc trọng thần trong triều như Tuân Khải, Phùng Thâm, trong mọi trường hợp, ra sức khen ngợi con gái của Giả Sung tài đức vẹn toàn, không ai sánh bằng. Sau đó Tuân Húc bạo gan thượng tấu lên Vũ đế, bảo con gái của Giả Sung tư đức thực mao, có thể được đưa vào danh sách tuyển chọn.

Vũ đế Tư Mã Viêm vẫn không biểu lộ gì. Tư Mã Viêm có cách nghĩ của riêng mình, nhưng nếu trong triều đều xôn xao như thế, đều nói con gái của Giả Sung hết sức xuất sắc, chuyện này phải bàn bạc với hoàng hậu. Vũ đế hỏi Dương hoàng hậu có ý kiến gì trong hôn sự của thái tử? Dương hoàng hậu nói, nghe nói tài sắc của con gái Giả Sung đều vẹn toàn, chắc là hết sức

xuất sắc. Vũ đế hỏi con gái của Vệ Quán thì sao? Dương hoàng hậu nói, người khen ngợi con gái của Vệ Quán rất ít, chắc là tài sắc chỉ tầm thường.

Vũ đế Tư Mã Viêm lắc đầu, nói con gái họ Giả không được, có 5 thứ không được. Dương hoàng hậu thấy rất kỳ lạ, hỏi 5 thứ nào không được? Vũ đế nói: Gia tộc họ Giả hung hãn, không sinh được con trai, thân hình thấp bé, làn da hơi đen, dung mạo không đẹp, đó chính là 5 thứ không được của con gái họ Giả, một trong 5 thứ đó không được thì đều không được lấy, huống hồ nay có hết 5 thứ? Ngược lại với họ Giả, gia tộc Vệ Quán trời sinh hiền hậu, trai gái đều trắng trẻo, thân hình cao ráo, tướng mạo xinh đẹp, nhất là nhân khẩu lại rất đông. Con gái họ Giả và họ Vệ khác nhau hoàn toàn.

Dương hoàng hậu đã có thiện cảm với con gái họ Giả từ lâu, bị Vũ đế phản bác nên có chút hồ thẹn, nhưng vẫn nói: Chúng ta vẫn chưa gặp qua con gái họ Giả và họ Vệ, cũng chỉ nghe người ta nói mà thôi; một người nói tốt đương nhiên không bằng 10 người nói tốt, phần lớn đều nói là tốt thì chắc là không sai, thiếp vẫn cảm thấy con gái nhà họ Giả thích hợp hơn. Trời sinh Dương hoàng hậu tính ngang bướng, những chuyện mà mình đã quyết thì không ai có thể thay đổi. Vũ đế đã nói rõ ràng như thế mà Dương hoàng hậu vẫn kiên quyết giữ ý kiến của mình, Vũ đế cũng không muốn tranh chấp làm gì, nên không nói gì nữa.

Sự hung hãn của họ Giả đã thuộc về gia truyền, nói thế là vì thê tử của Giả Sung Quách Hòe nổi tiếng thiên hạ vì tính tình ngang ngược hung hăng. Vốn dĩ Giả Sung có thê tử họ Lý, tướng mạo hết sức xinh đẹp, đối xử với mọi người rất hiền hậu. Phụ thân của Lý thị Lý Phong phạm tội lớn trong thời Ngụy, theo luật bị xử chết, cả nhà họ Lý bị liên lụy, bị đày đến biên ải, Giả Sung đành phải ly hôn với Lý thị, tiếp đó lấy Quách Hòe làm vợ.

Sau khi họ Tư Mã lập nên nhà Tấn, đại xá thiên hạ, Lý thị ở nơi biên ải xa xôi được trở về Lạc Dương. Con gái của Lý thị và Giả Sung là Lý

Thuyên đã trưởng thành, khi đó đã là vương phi của Tề vương Tư Mã Du. Vũ đế Tư Mã Viêm biết Lý thị hiền thực dịu dàng, nên để Giả Sung gương vỡ lại lành, cho phép hấn lập Lý thị làm nhị phu nhân, không phân biệt thê thiếp, địa vị ngang nhau. Nhưng, Giả Sung đã lĩnh giáo sự lợi hại của Quách Hòe, biết rằng Quách Hòe vừa hung hãn vừa đồ kị, có chút sợ hãi. Quả đúng như thế, sau khi biết chuyện, Quách Hòe làm ầm ĩ cả lên, kiên quyết phản đối để Lý thị bước vào cửa nhà họ Giả. Giả Sung không có cách nào khác đành phải từ chối, nói không dám tuân chỉ nhận Lý thị làm tả hữu phu nhân.

Giả Thuyên rất yêu thương mẫu thân của mình, ra sức tác thành cho Giả Sung và mẫu thân đoàn viên. Giả Sung sợ Quách Hòe, nên lén lút đưa Lý thị đến ở tại Vĩnh Niên, Lạc Dương, hơn nữa không dám đến thăm trong thời gian dài. Sau khi biết chuyện này, Quách Hòe không dám buông lỏng, chú ý đến từng động tĩnh của Giả Sung, chỉ cần Giả Sung ra khỏi cửa là cử người đi theo ngay, để ngăn ngừa Giả Sung gặp Lý thị. Giả Sung vừa nhắc đến Quách Hòe là kinh hãi thất sắc, các đồng liêu đều lấy đó trêu đùa ông, đương nhiên Vũ đế cũng biết chuyện này. Giả Sung sợ vợ, Quách Hòe hung hãn là chuyện cả triều đình đều biết.

Bộ lạc Tiên Ti xâm lược, tin cấp báo về tình hình quân sự tại Tần Châu, Ung Châu bay về triều đình liên tục, Tư Mã Viêm hết sức lo lắng, bèn ra lệnh Giả Sung làm đặc sứ, đô đốc quân sự của hai châu Tần, Lương, giúp đỡ trấn áp, nhưng Giả Sung không chịu đi. Chuyện thái tử chọn phi đang gây cản, ai nấy đều bàn tán xôn xao rằng con gái của Giả Sung rất xứng đôi với thái tử, Vũ đế cũng không muốn hỏi thúc vị đại thần có khả năng trở thành thân gia của mình rời khỏi kinh sư nữa. Dương hoàng hậu kiên quyết chọn con gái của Giả Sung làm thái tử phi, Vũ đế chỉ im lặng, không nói gì nữa.

Người vợ hung hãn của Giả Sung Quách Hòe lần lượt sinh cho Giả Sung hai đứa con gái, không có con trai. Con gái lớn của Quách Hòe Giả Nam

Phong, con nhỏ là Giả Ngộ, đều đến tuổi gả chồng; con lớn 15 tuổi, con nhỏ 12 tuổi. Con nhỏ Giả Ngộ thông minh lanh lợi, tướng mạo lại rất đẹp, nhưng tuổi tác hơi nhỏ, người vẫn chưa phát dục, rất gầy ốm, trang phục không giúp gì được, lại nhỏ hơn thái tử 1 tuổi, cho nên, hai người con vừa mới trưởng thành, đều không biết nhân sinh là gì, chưa biết đàn ông và phụ nữ có chuyện gì, làm sao mà sống chung với nhau được? Còn con gái lớn thì lớn hơn thái tử 2 tuổi, đầy đặn, chín chắn, có chút nhan sắc, thích hợp với thái tử hơn.

Nhưng, Giả Nam Phong hơi nhỏ người, làn da hơi đen, giống như mẫu thân của nàng vậy, mà điều quan trọng khó mà nhận ra được là nàng kế thừa quá nhiều cá tính của mẫu thân Quách Hòe: hung hăng, đồ kị, kiêu ngạo, gian xảo, nóng nảy, giỏi nịnh hót và giỏi thủ đoạn. Giả phủ là cao môn đại tộc, Giả Nam Phong là con gái lớn của nữ chủ nhân trong đại gia tộc, được Quách Hòe xem là viên ngọc sáng trên tay của mình, từ nhỏ đã được nuôi chiều thành hư hỏng, dám làm xằng làm bậy, không kiêng kị điều gì, ngang ngược thành thói. Người phụ nữ như thế được lập làm thái tử phi, mai sau trở thành mẫu nghi thiên hạ, tương lai của vương triều nhà Tấn không cần nghĩ cũng biết sẽ trở nên thế nào, trong cung đương nhiên không thể nào yên tĩnh được.

Tháng 2 năm thứ 8 Tấn Vũ đế thành nghiệp, tức năm 272 Công Nguyên, thái tử Tư Mã Trung kết hôn khi 14 tuổi, Giả Nam Phong được sắc lập làm thái tử phi, được vào ở Đông cung. Tư Mã Trung ngu ngốc chẳng biết gì, làm sao là đối thủ của Giả Nam Phong? Tư Mã Trung nhanh chóng nghe theo mệnh trời, Giả Nam Phong khống chế Đông cung. Giả Nam Phong giống hệt mẫu thân về sự đồ kị trong tình cảm, đến mức độ có chút thần kinh, hơn nữa một khi tái phát, thì không thể kiểm soát, làm long trời lở đất.

Thực ra Quách Hòe cũng sinh cho Giả Sung hai con trai, nhưng đều vì sự ghen tuông quá đáng nên hại hai con trai chết yểu. Khi con trai thứ nhất 3 tuổi, nó rất thông minh hoạt bát, hết sức đáng yêu. Từ khi con trai ra đời, nó

luôn được vú nuôi nuôi dưỡng, không rời vú nuôi nửa bước, tình cảm của hai người gắn bó như keo sơn. Một hôm, vú nuôi ốm thiếu gia ra ngoài cửa sổ chơi, Giả Sung đến. Đứa trẻ nhìn thấy cha, bèn giơ tay ra, đòi phụ thân Giả Sung bế. Giả Sung rất yêu mến đứa con trai này, nên bước qua đó, ôm đứa trẻ từ trong lòng của vú nuôi. Không ngờ, ngay trong thời điểm đó, Quách Hòe xuất hiện, nhìn thấy Giả Sung đang lúi ra từ người của vú nuôi, lập tức nghi ngờ hai người gian dối với nhau, nên nổi giận ùng ùng.

Quách thị thịnh nộ đến miệng mồm đều run cả lên, mặt trắng bệch ra, mắt đỏ như máu. Nắm ngay một vật cứng, ném mạnh về phía vú nuôi. Vú nuôi không biết nên làm gì, phản ứng không kịp, sợ hãi run rẩy, hồn vía lên mây, run rẩy không thôi. Đứa bé chưa thấy qua cảnh này, nên sợ hãi nép vào lòng của Giả Sung, đôi mắt tròn tròn sợ hãi. Giả Sung cũng đứng ngây ra đó, không biết đang xảy ra chuyện gì, mặt mày lúc xanh lúc trắng. Quách Hòe giận dữ kéo vú nuôi ra khỏi nhà, đánh như điên như khùng. Ban đầu vú nuôi còn đau khổ kêu thét, sau đó tiếng kêu yếu dần, chỉ còn tiếng rên rỉ, cuối cùng im bật. Vú nuôi đã bị đánh đến chết trong cơn thịnh nộ và ghen tuông của Quách Hòe.

Tiếng khóc, tiếng kêu thảm thiết của vú nuôi như xé tan trái tim non nớt của trẻ con, từ đó đứa trẻ kinh hãi, rồi bệnh liệt giường. Vú nuôi chết đi, đứa trẻ không nhìn thấy vú nuôi, khóc lóc suốt ngày đêm, bệnh tình ngày càng trầm trọng. Không bao lâu sau, đứa trẻ bệnh chết. Quách Hòe trút được cơn giận, thì con trai có chết đi cũng chẳng là gì cả. Bị kịch được tái diễn một lần nữa. Đứa con trai thứ hai sinh ra chưa được 1 năm, cũng được vú nuôi nuôi dưỡng. Một hôm vú nuôi đang bế đứa bé, Giả Sung đến gần, vò đầu đứa trẻ, lại bị Quách Hòe nhìn thấy, lại cứ cho rằng vú nuôi dụ dỗ Giả Sung, lại đánh vú nuôi đến chết. Đứa trẻ mất đi vú nuôi, không buồn ăn uống, khóc lóc suốt ngày, không bao lâu thì đứa trẻ chưa đến 1 tuổi đã rời khỏi nhân thế.

Giả Nam Phong cũng không hề thua kém mẫu thân trong thói ghen tuông tại Đông cung, hơn nữa còn hơn cả mẫu thân của mình. Giả Nam Phong độc tôn bản thân, làm mưa làm gió trong Đông cung. Nếu thấy ai không thuận mắt, trong lòng có chút không thoải mái, thì Giả Nam Phong sẽ giết chết cung nhân. Giả Nam Phong nghe nói có một cung nữ mang thai của thái tử, bụng rất lớn, sắp sanh, nên nổi giận đùng đùng, lập tức sai tâm phúc thị nữ dẫn cung nữ sắp sanh đó đến. Giả Nam Phong giận dữ đi qua đi lại trong điện, không ngờ một thái tử ngu si như thế lại chẳng ngu chẳng ngốc tí nào về mặt nữ sắc, còn chẳng giấu giếm, hai lần ba lượt làm cho cung nữ mang bụng bầu! Tên tiện phu này cũng không phải là người, ả không dụ dỗ thái tử ngốc ghêch này thì làm sao thái tử lại làm thế được?

Giả Nam Phong đang tức giận, bỏ quên cô gái đang đứng trong điện, ngẩng đầu lên nhìn, chính là cung nữ đang mang thai, bụng rất lớn, muốn báỉ kiến thái tử phi, lại không cúi người xuống hành lễ được, không biết phải làm gì. Nhưng, ánh mắt của cung nữ đang mang thai lại không có chút sợ hãi, trên mặt là sự tự đắc và hạnh phúc vì đang mang thai, một nụ cười mím nở trên môi. Con giận của Giả Nam Phong lên đến đỉnh điểm, tiện tay vớ lấy cây kích ngắn, nhanh như cắt, đâm ngay vào vùng bụng nhô ra của cung nữ mang thai. Chỉ nghe một tiếng “xẹt” nhỏ, cung nữ kêu thảm một tiếng, ngất đi, ngã người ra sau. Máu vọt ra khắp nơi, mùi tanh của máu bay khắp đại điện, một thứ đỏ hồng đang nhúc nhích trong vũng máu, đó chính là đứa trẻ chưa chào đời, vẫn chưa được sinh ra thì đã rời khỏi nhân thế. Cảnh tượng ấy tàn nhẫn không thể tả, các cung nữ tùy tùng đều trợn mắt ngẩn người ra. Giả Nam Phong chẳng coi chuyện đó ra gì cả, ném cây kích đi, ra lệnh cho thị nữ thu dọn mọi thứ như chẳng hề xảy ra chuyện gì cả.

Câu chuyện rợn người trong Đông cung này nhanh chóng được lan truyền khắp tẩm cung hoàng thất. Vũ đế Tư Mã Viêm nghe tin, thật sự không thể tin đó là sự thật. Sau khi tùy tùng thám thính sự thật, Vũ đế mới có chút hồi hận, hồi hận mình không nên nghe theo lời của Dương hoàng

hậu, lấy cho thái tử một người vợ tàn độc làm xằng làm bậy, chẳng thể quản cũng chẳng thể dạy này. Nhưng đã lập làm thái tử phi, nên làm gì bây giờ? Phế bỏ đi? Lúc này, Kim Dung thành vừa sửa xong, là lãnh cung hoang vu dành cho hậu phi bị phế. Tư Mã Viêm dự định phế bỏ thái tử phi Giả Nam Phong, tống vào Kim Dung thành, rồi chọn một cô gái hiền thực dịu dàng khác làm thái tử phi.

Nhưng, phía sau Giả Nam Phong lại có một gia tộc có thế lực rất lớn, trong cung trong triều có một đám nhân vật có quyền có thể nói tốt cho ả. Giả Nam Phong có thế lực hùng mạnh đó làm hậu thuẫn, có gia tộc đủ thực lực hùng hậu làm chỗ dựa, có Dương hoàng hậu nói thay cho ả, đương nhiên có nguy cũng chẳng sợ! Vũ đế Tư Mã Viêm bắt đầu tức giận. Ý kiến phế thái tử phi vừa được nêu ra, thì triều đình lập tức ồn ào. Đồng đảng của Giả Sung, Tuân Húc, Phùng Thâm, Dương Đào và Giả Hoa, Triệu Kiệt tích cực ra mặt, nói thay cho Giả Nam Phong, cứu lấy thái tử phi sắp bị tống vào Kim Dung thành.

Những người cầu xin không ai không nói thái tử phi tuổi còn nhỏ, dễ làm việc theo tình cảm, tức giận quá mức; nhưng từ xưa đến nay ghen tuông là thiên tính của người phụ nữ, rất bình thường, đến khi tuổi đã đủ lớn, đương nhiên sẽ đỡ hơn. Người ra mặt nói thay ngày càng nhiều, hơn nữa họ đều là trọng thần, tùy bộc được nhiều người tín phục, Vũ đế nguôi giận dần. Vũ đế chuyển sang hỏi ý hoàng hậu ra sao? Lúc đó, hoàng hậu Dương Diễm đã rời khỏi nhân thế, cái chết của Dương hoàng hậu do sự háo sắc của Vũ đế gây nên. Vũ đế không thỏa mãn với cô gái trong hậu cung, bèn hạ lệnh tuyển chọn các cô gái có độ tuổi thích hợp của các danh môn đại tộc vào cung, chuẩn bị tuyển dùng.

Lệnh tuyển nữ lần này được công bố vào tháng 9 sau khi Dương Diễm được lập làm hoàng hậu tức tháng 8 năm Thái Thủy thứ 9, phạm con gái của công khanh đại viên, nhất loạt được dự tuyển, người trốn tránh không dự tuyển được xử chết theo tội bất kính. Các mỹ nữ được đưa vào cung. Tư

Mã Viêm vì tôn trọng Dương hoàng hậu nên để bà chủ trì tuyển chọn. Dương hoàng hậu vốn ghen tuông trong lòng, làm sao chấp nhận các cô gái xinh đẹp vào hoàng cung hầu hạ hoàng đế, đoạt ái đoạt sủng? Thế là chỉ chọn các cô gái cao to, thân hình thô kệch vào cung, còn các cô gái xinh đẹp thật sự thì được đưa trở về nhà.

Con gái lớn của Biện Phan đẹp chim sa cá lặn, Tư Mã Viêm ngăn người ra. Dương hoàng hậu vẫn đưa nàng về nhà theo lệnh cũ. Tư Mã Viêm sốt ruột, lấy lòng Dương hoàng hậu: Hoàng hậu, cô gái này rất tốt, rất tốt đấy! Dương hoàng hậu phản bác ngay, nói nhà họ Biện làm hoàng hậu 3 đời, không thể để cô gái này oan ức làm phi tử! Ba đời nhà họ Biện làm hoàng hậu là chỉ thê tử của Tào Tháo, thê tử của Tào Hào, thê tử của Tào Hoán. Tư Mã Viêm vừa nghe xong đã nổi giận đùng đùng. Sau đó, Tư Mã Viêm dứt khoát tự tuyển mỹ nữ, không màng đến hoàng hậu nữa.

Dù gì thì Dương hoàng hậu và Tư Mã Viêm đã có tình cảm với nhau, có 3 trai 3 gái. Ba con trai là: Tư Mã Quỹ, Tư Mã Trung, Tư Mã Giản. 3 con gái là: Công chúa Bình Dương, công chúa Tân Phong, công chúa Dương Bình. Tư Mã Viêm buộc tám khăn hồng trên cánh tay của các mỹ nữ được chọn, đưa vào hậu cung, rồi lần lượt sắc phong cho hơn mười cô gái tuyệt sắc trong số những người được chọn đó, trong đó người đặc sủng nhất là quý tần Hồ Phương, phu nhân Gia Cát Uyển, địa vị chỉ đứng sau hoàng hậu. Dương hoàng hậu u uất đau khổ, bệnh liệt giường. Khi lâm chung, Tư Mã Viêm ngồi bên cạnh giường, Dương hoàng hậu gồi đầu trên đùi của Tư Mã Viêm, khẩn cầu ông, sau khi bà chết, hãy lập con gái của thúc phụ Dương Tuấn Dương Chỉ làm hoàng hậu. Tư Mã Viêm nuốt nước mắt nhận lời, khi đó Dương Chỉ chính là hoàng hậu.

Tư Mã Viêm hỏi Dương Chỉ hoàng hậu nghĩ sao về việc phế lập thái tử phi? Dương Chỉ hoàng hậu nói: Giả Sung là công thần thứ nhất trong triều, không thể vì Giả Nam Phong, mà quên đi công đức của họ Giả đối với vương triều; Giả Nam Phong tuổi còn nhỏ, ghen tuông là chuyện bình

thường, đợi đến khi lớn một chút, chắc sẽ tốt hơn; thiếp sẽ cố gắng dạy dỗ nàng ta. Tư Mã Viêm nghe nói tâm phúc đại thần và hoàng hậu nói như thế, lại có chút do dự. Sóng gió trong việc phế bỏ thái tử phi bình lặng trở lại. Dương Chi hoàng hậu giáo huấn nghiêm ngặt Giả Nam Phong mấy lần, Giả Nam Phong không hề cảm ơn Dương hoàng hậu vì chuyện đó, mà ngược lại cho rằng Tư Mã Viêm muốn phế bỏ mình là chủ ý của Dương hoàng hậu, nên đã hận Dương hoàng hậu.

Vấn đề của thái tử vẫn luôn là tâm bệnh của Tư Mã Viêm. Chuyện sắc lập thái tử và giữ lại được thái tử đều nhờ vào sự kiên trì của hoàng hậu và bản thân Tư Mã Viêm cùng nhau đối phó với triều đình luôn lo lắng về tương lai của quốc gia trong tay của thái tử ngu ngốc. Nếu lúc này lại thừa nhận thái tử là người ngu đần, thì chẳng phải thừa nhận một người hào hùng cả đời như mình đã làm chuyện hoang đường nhất trong thiên hạ sao? Nhưng, triều thần vẫn luôn cho rằng thái tử ngu ngốc, làm sao buộc các triều thần câm miệng? Tư Mã Viêm nghĩ ra một chủ ý càng hoang đường hơn, bày đại yến đãi quần thần, thử tài thái tử trước mặt mọi người.

Yến tiệc đương nhiên rất thịnh soạn, triều thần và quan viên lớn nhỏ trong cung thái tử đều được mời dự tiệc. Khi rượu đã nóng tai, vài tâm phúc của Tư Mã Viêm dâng tấu chương, có vài việc lớn cần xử lý. Tư Mã Viêm ra lệnh phong kín tấu chương, đưa cho đông cung thái tử xử lý. Thái tử phi Giả Nam Phong biết chuyện, biết được ý định của hoàng thượng, bèn ra lệnh cho tâm phúc trả lời. Vị tâm phúc này rất có học vấn, người cũng rất tinh anh, tinh thông chính vụ, lời phê đương nhiên không có gì có thể đả kích. Một thân tín khác của Giả Nam Phong là Trương Hoảng xem qua, khen lời phê quá tinh diệu, cho rằng không thỏa đáng lắm, nói các triều thần và hoàng thượng đều biết thái tử không giỏi đọc sách, nhìn thấy những chữ này chắc chắn sẽ sinh nghi, và đương nhiên không tốt cho thái tử, chỉ bằng đi đến đâu lo đến đấy, viết ý kiến xử lý theo cách đơn giản dễ hiểu. Thái tử phi cho rằng rất có lý, bèn lệnh cho Trương Hoảng sửa lại, rồi để thái tử

chép lại rồi đưa đến cho hoàng thượng. Tư Mã Viêm mở ra đọc ngay trước mặt mọi người, đương nhiên hết sức vui mừng, tiện tay đưa cho thiếu phó Vệ Quán, người chủ trương thay đổi thái tử xem. Đó đương nhiên là giả, vừa nhìn đã biết, nhưng Vệ Quán phải nói gì bây giờ? Từ đó về sau, các đại thần đều không nhắc đến chuyện thay đổi thái tử nữa.

Địa vị thái tử được ổn định khi các đại thần truyền đọc bản tấu chương của thái tử, Đông cung đương nhiên bình yên. Thái tử phi Giả Nam Phong cố gắng mang thai sinh con, một loạt mang thai 4 lần, đều là con gái, không có con trai. Thái tử phi hết sức buồn phiền, bèn trút hận lên các cung nữ mang thai khác, tự tay giết chết hai cung nữ mang thai, đồng thời không cho các cung nữ khác đến gần thái tử. Mà trên thực tế, khi đó, thái tử đã có một con trai, chỉ là thái tử không biết mà thôi. Rốt cuộc đó là chuyện gì?

Thì ra trước khi thái tử lấy vợ, Vũ đế Tư Mã Viêm đã nghĩ rằng thái tử quá nhỏ, không biết chuyện kín trong phòng nam nữ, nên có ý tuyển tài nhân Tạ Cửu đầy đặn chín chắn, biết quy tắc trong cung đến Đông cung chỉ dạy cho thái tử. Tạ Cửu xuất thân nghèo hèn, phụ thân là tay đồ tể, làm nghề giết dê. Trời sinh Tạ Cửu xinh đẹp xuất chúng, được chọn vào hoàng cung. Tạ Cửu đến Đông cung, hầu hạ thái tử ăn uống nhà ở, dạy thái tử chuyện làm tình, đến khi thái tử phi Giả Nam Phong đến thái tử phủ, Tạ Cửu đã mang thai. Tạ Cửu biết đến sự lợi hại của thái tử phi từ rất lâu, sống với nhau một thời gian càng hiểu rõ hơn, nếu cứ ở lại, không chỉ con khó giữ, mà e rằng tính mạng cũng khó mà giữ được.

Tạ Cửu biết thái tử phi sẽ không tha cho mình, bèn tiến tấu Vũ đế, cầu xin trở về Tây cung. Khi đến tháng, Tạ Cửu sinh con trai, lấy tên là Tư Mã Duật, nuôi tại hậu cung của Vũ đế. Khi Tư Mã Duật lên 3, một hôm thái tử đến thỉnh an phụ mẫu tại hậu cung, nhìn thấy Tư Mã Duật trong vườn, đùa chơi với cháu được một chút, thì Tư Mã Viêm nói cho thái tử biết, đó chính là con trai của thái tử do Tạ Cửu sinh. Thái tử hết sức lạ lùng.

Thái tử ngu xuẩn, nhưng đứa con trai này của thái tử lại hết sức giỏi giang, Vũ đế Tư Mã Viêm rất thương yêu đứa cháu này. Khi Tư Mã Duật lên 5, vào một buổi tối, trong cung phát hỏa, khói đen ngùn ngụt, lửa sáng cả bầu trời. Vũ đế đứng dưới ánh lửa nhìn thấy lửa lớn thế. Khi đó, tiểu hoàng tôn kéo y phục của Vũ đế chạy đến chỗ tối. Vũ đế thấy rất lạ, hỏi tại sao? Tiểu hoàng tôn thành thật nói: Tối đêm cháy nhà, quá hỗn loạn, không thể không đề phòng chuyện không may, hoàng thượng không nên đứng dưới ánh lửa, đề lộ gương mặt. Vũ đế kinh ngạc nhìn đứa cháu mới 5 tuổi của mình, làm sao có thể tin đó chính là đứa con của thái tử ngốc nghếch!

Tư Mã Viêm không phế thái tử Tư Mã Trung, trên một mức độ nào đó là muốn uỷ thác hy vọng phục hưng vương triều cho hoàng tôn thông minh hơn người này. Tư Mã Viêm cảm thấy, thiên chất của thái tử không đủ, có thể để hoàng tôn bù đắp, có đứa cháu này, còn lo gì cơ nghiệp vương triều? Do đó, Tư Mã Viêm thường khen ngợi trước quần thần, tùy tùng rằng: Đứa trẻ này đương hưng nghiệp nhà Tư Mã của ta. Lời khen của Tư Mã Viêm làm cho tiếng thơm của hoàng tôn lan khắp thiên hạ, quần thần triều dã đều biết hoàng thượng có một đứa cháu giỏi giang thông minh bất phàm, là con trai của thái tử, tương lai không thể có giới hạn.

Người giỏi quan sát thiên văn tiến tấu Võ đế, nói khí màu tím tại Quảng Lăng rất mù mịt, có thiên tử khí. Vũ đế thương yêu hoàng tôn, bèn lập hoàng tôn Tư Mã Duật làm Quảng Lăng vương, 5 vạn hộ dân, đồng thời chọn tiến sĩ nhà Nho Lưu Định làm lão sư, để Mạnh Hoành làm bạn, để Dương Chuẩn, Mã Tôn phụ trách dạy văn học. Đến khi thái tử Tư Mã Trung kế hoàng vị, Tư Mã Duật đương nhiên trở thành thái tử, cẩn thận chọn lựa đại thần đức cao vọng trọng trong thiên hạ làm sư phó thái tử: Nhận Hà Thiệu làm thái sư, Vương Giới làm thái phó, Dương Tề làm thái bảo, Bùi Giới làm thiếu sư, Trương Hoa làm thiếu phó, Hòa Kiêu làm thiếu bảo. Nhưng, cha con Vũ đế và quần thần thiên hạ kỳ vọng quá cao vào Tư Mã Duật. Sau khi trưởng thành, Tư Mã Duật làm mọi người thất vọng: Sử

sách ghi sau khi trưởng thành, Tư Mã Duật không thích học tập, chỉ thích giết trâu dê, và tham luyện nữ sắc. Tư Mã Duật vẫn là hậu duệ của Vũ đế háo sắc và tên đồ tể.

Tư Mã Viêm háo sắc, ăn chơi trác táng, đêm nào cũng đi xe dê du lạc hậu cung, sức khỏe tổn hại dần dần, nhiễm bệnh liệt giường. Tháng 4 Nguyên niên Thái Hi, tức năm 290, Tư Mã Viêm qua đời tại điện Hàm Chương Lạc Dương, tại vị 26 năm, hưởng dương 55 tuổi. Thái tử Tư Mã Trung kế vị trước linh cữu, làm Tấn Huệ đế. Dương Chỉ hoàng hậu được tôn làm hoàng thái hậu, thái tử phi Giả Nam Phong được lập làm hoàng hậu. Phụ thân của Dương Chỉ là Dương Tuấn nhậm chức thái úy, thái phó, đại đô đốc, thống lĩnh quân chính, tổng lý triều đình chính vụ. Trên thực tế, quân chính và đại quyền trong cung đều nằm trong tay của cha con thái hậu Dương Chỉ. Hoàng hậu Giả Nam Phong đương nhiên không thể cam chịu, một trận tranh giành quyền lực đẫm máu diễn ra trong hậu cung nhà Tấn thật khó mà tránh khỏi.

III. Thủ đoạn của Giả hoàng hậu

Sau khi được làm hoàng hậu, Giả Nam Phong hết sức hả dạ. Nhưng, đại quyền trong cung và triều đình nằm toàn trong tay của cha con thái hậu Dương Chỉ, điều này đương nhiên là một điều không thể chấp nhận được đối với một hoàng hậu ngang tàng, tính tình cay độc, chuyên làm xằng làm bậy. Theo tục lệ trong cung từ xưa, chủ nhân của hậu cung là hoàng hậu, lễ pháp quy định hoàng hậu làm chủ lực cung. Huống hồ Dương Chỉ thái hậu không phải là mẹ ruột của đương kim hoàng thượng, dựa vào cái gì mà nắm đại quyền quân chính, khống chế hậu cung?

Dương Tuấn tuy có thái hậu làm hậu thuẫn, lại kiêm nhiều chức vụ, quản lý chính vụ, đại quyền tập trung trong tay ông. Nhưng, khả năng của thái hậu cũng có hạn, mà sức khống chế hậu cung và triều đình lại do Dương Tuấn nắm giữ, nhưng Dương Tuấn lại là người bình thường, không có chí lớn, chẳng có tài cán gì, đã vậy lại khư khư bảo thủ, thân tiểu nhân, xa hiền thần, chuyên quyền hẹp hòi. Dương Tuấn kết bè đảng, làm mưa làm gió, triều chính hỗn loạn, tiếng xấu lan khắp nơi. Trước tình hình đó, Dương Tuấn gặp phải đối thủ là con lóc xoáy đen hoàng hậu Giả Nam Phong đây thủ đoạn, coi như tàn cục của Dương Tuấn đã định.

Dương Tuấn không có danh vọng gì trong triều đình, vương công đại thần hết sức bất mãn đối với ông. Dương Tuấn tầm nhìn hạn hẹp chỉ biết tranh quyền. Giả Nam Phong làm hoàng hậu, có thể khống chế Huệ đế theo ý của mình. Giả Nam Phong bèn lợi dụng vương bài của Huệ đế để ra lệnh, còn Dương Tuấn thì luôn làm ngược lại, tạo thêm sức ép cho mình. Sự tranh giành quyền lực giữa hoàng hậu và thái hậu đã âm thầm màn mở đầu. Hai bên chiêu binh mãi mã, tranh giành đấu đá nhau, triều đình và hậu cung khó tránh xảy ra một trận rối ren.

Vào lúc này, Giả Sung chịu trách nhiệm xử lý mọi chuyện trong triều đình đã qua đời, Giả Nam Phong chủ yếu dựa vào người anh họ Giả Mạc, ông cậu Quách Chương, xem họ là hai tâm phúc và mưu chủ, cùng thương nghị đại sự, đối phó với cha con thái hậu. Khi còn sống, Giả Sung nắm đại quyền, nhà họ Giả có quan hệ rất mật thiết, thậm chí có thể nói là thâm căn cố đế với trọng thần triều đình. Giả Sung, Bùi Tú, Dương Hộ, Vương Trầm, Tuân Húc đều là tâm phúc của Vũ đế, giữa họ với nhau lại có tình bạn rất thân thiết, họ đều thuộc các đại tộc, đời sau của họ cũng quan hệ hết sức mật thiết. Mẫu thân của Giả Nam Phong Quách Hòe là Quách Phối, thái thú Thành Dương, chị của Quách Hòe được gả cho đại thần Bùi Tú, sinh ra Bùi Cố, Bùi Cố nổi tiếng đương thế nhờ “Sùng hữu luận”, có sức ảnh hưởng rất lớn.

Giả Nam Phong căm hận Dương Tuân, lại càng căm hận Dương thái hậu hơn. Dương thái hậu tuy là bề trên của Giả Nam Phong, trên thực tế, lại nhỏ hơn Giả Nam Phong 2 tuổi. Giả Nam Phong chẳng hề xem thái hậu Dương Chỉ và đại đô đốc Dương Tuân là gì cả, bà biết, hai người này đều không phải là đối thủ của mình. Giả Nam Phong đương nhiên không thể coi thường thực lực của cha con thái hậu, quyết không khinh địch khi lập mưu tính kế, mà càng cẩn thận hơn, ra sức lập kế hoạch chi tiết tỉ mỉ hơn.

Dù gì thì Dương Tuân nắm đại quyền trong tay, thân tín, tay sai, kẻ nịnh hót dưới trướng rất nhiều. Ông để cho những người đáng tin cậy như cháu gọi bằng cậu nhận chức vụ quan trọng gần thiên tử, và để tâm phúc thống lĩnh cấm quân, kiểm soát hậu cung. Dương Tuân phong thưởng hàng loạt, kết bè đảng rộng rãi, không buông tay, ra sức bài xích, đối với những triều thần quý tộc hoàng thân không trung thành với ông như hoàng thân vương công, nhất là làm suy yếu và ức chế Tế Nam vương Tư Mã Lượng, tạo nên sự bất mãn của Tư Mã Lượng và những phong vương khác, khiến cho ai cũng muốn loại trừ ông để hạ con giặc.

Giả Nam Phong nhìn rõ chính cục, quyết định bắt đầu từ các chư vương, lợi dụng lực lượng của các vương để tiêu diệt Dương Tuấn. Các chư vương đều là tông thân của Vũ đế Tư Mã Viêm nên được phong đất. Thúc tổ phụ của Vũ đế là Tư Mã Phù được phong An Bình vương; cháu trai Tư Mã Ngẫu được phong Hà Gian vương; thúc phụ Tư Mã Lượng được phong làm Tế Nam vương; thúc phụ Tư Mã Luận được phong làm Triệu vương; thúc phụ Tư Mã Do được phong làm Lăng Nhã vương, Tư Mã Duệ là cháu trai của ông; đệ đệ Tư Mã Du được phong Tề vương, Tư Mã Thương là đứa con trai thừa kế ông; đồng tổ đệ đệ Tư Mã Việt phong làm Đông Hải vương; Tư Mã Giản được phong Tần vương, Tư Mã Vĩ phong Sở vương, Tư Mã Nghệ làm Trường Sa vương; Tư Mã Dĩnh phong làm Thành Đô vương.

Dương Tuấn không coi ai ra gì, lạm dụng quyền hành đối với các đại thần, cận thị ngoài bè đảng của ông. Điện trung Lý Triệu, Lang Mạnh Quan tự thấy tài cao, nhưng vẫn luôn bị Dương Tuấn coi thường, Dương Tuấn thấy họ mà xem như không, hoặc ngạo mạn vô lễ, Mạnh Quan, Lý Triệu hết sức tức giận, tự nguyện đầu quân dưới trướng của hõn quan Đồng Mạnh, thân tín của hoàng hậu Giả Nam Phong. Giả Nam Phong có được hai người này, đương nhiên rất vui mừng, để họ chú ý từng động tĩnh của Dương Tuấn, tấu báo vào mọi lúc. Mạnh Quan, Lý Triệu hai người chỉ trích Dương Tuấn kéo bè kết đảng, làm bại hoại triều chính, nguy hại quốc gia nên chuyển làm tâm phúc trung thành của hoàng hậu Giả Nam Phong và chú ý nhất cử nhất động của Dương Tuấn. Có hai người này bẩm báo, Giả hoàng hậu biết địch biết ta, nắm chắc phần thắng trong tay.

Giả Nam Phong cảm thấy thời cơ đã đến, bèn mật báo với Tế Nam vương Tư Mã Lượng đang trấn giữ tại Hứa Xương. Tâm phúc bí mật câu kiến Tư Mã Lượng, thông báo tình hình chính biến, cùng nhau loại trừ Dương Tuấn. Tư Mã Lượng tự thấy sức mình mỏng, không dám nhận lời. Giả Nam Phong bèn làm theo kế hoạch 2: Cho gọi em trai của Huệ đế đang trấn giữ tại Giới Châu là Sở vương Tư Mã Vĩ. Tâm phúc của Giả hoàng hậu

Lý Triệu nhận mệnh đi nhanh đến Giới Châu, nói rõ ý định của mình, đồng thời thể hiện sự coi trọng của hoàng hậu đối với ông. Tư Mã Vĩ lập tức đồng ý. Hành động thực tế loại trừ Dương Tuấn bắt nguồn từ đó.

Sở vương Tư Mã Vĩ cầu thỉnh tiến kinh triều kiến, nhận được lời phê chuẩn. Ngày 12 tháng 12 năm Vĩnh Bình thứ nhất, chính là năm 291, Sở vương Tư Mã Vĩ và đô đốc Dương Châu, Hoài Nam vương Tư Mã Sung đến kinh sư Lạc Dương. Qua mưu tính tỉ mỉ, ngày 8 tháng 3, chính biến bộc phát. Mạnh Quan, Lý Triệu nhận lệnh tiến tâu Huệ đế, nói Dương Tuấn mưu phản. Huệ đế hạ chiếu thư vào nửa đêm, tuyên bố giới nghiêm toàn thành kinh sư; hạ chỉ cắt hết mọi chức vụ của Dương Tuấn; lệnh Sở vương Tư Mã Vĩ cùng với Tư Mã Dao (thúc thúc của Huệ đế) thống lĩnh 400 cấm vệ quân của kim điện đến bắt Dương Tuấn; Sở vương Tư Mã Vĩ lãnh binh trấn thủ Tư Mã môn; phong Hoài Nam tương Lưu Tụng làm tam công thượng thư, thống lĩnh quân hộ vệ kim điện.

Khi chiếu thư hạ xuống, Dương Tuấn đang ở trong nhà riêng của mình, nơi ở xưa của Tào Sảng tại phía nam kho quân giới hoàng gia. Kinh sư giới nghiêm, binh giáp trong cung được điều động, hoàng cung phát động chính biến. Tin tức truyền đến chỗ Dương Tuấn, Dương Tuấn biết đại sự không tốt, lập tức triệu tập văn võ bá quan, mở cuộc họp gấp, đề ra kế sách ứng phó với chính biến. Tâm phúc của Dương Tuấn phần lớn là loại người chỉ biết ăn nhậu hưởng thụ, khi có chuyện lớn thì chẳng có ai phân biệt chủ thứ. Biến cố này xảy ra sau khi Sở vương, Tế Nam vương vào kinh được vài ngày, kẻ thù cũng đã rất rõ ràng, mục đích cũng hiện ra ngay trước mắt. Mọi người bàn tán xôn xao, nhưng chẳng tìm được kế nào.

Đáng tiếc, thái phó chủ bác Chu Chấn có tầm nhìn xa lại không được Dương Tuấn thu nạp, Dương Tuấn mất đi cơ hội cuối cùng để cứu vãn bại cục. Chu Chấn nói: Hoàng cung đột ngột xảy ra phản loạn, mục tiêu hết sức rõ ràng, không cần nói cũng biết rất rõ; đó chắc chắn là mưu kế mà bọn loạn quan ngu xuẩn bày ra cho Giả hoàng hậu, hết sức bất lợi đối với các

hạ; cách tốt nhất là đốt cháy cửa Vân Long, chạy thẳng đến cửa Vạn Xuân, chỉ huy cấm quân trú đóng ở thành ngoài và đông cung vào cung đẹp loạn; đưa hoàng thái tử vào cung, bắt gian đảng; cung cấm chấn động, nhất định phải bắt kẻ chủ mưu, chém đầu thị chúng; nếu không, khó mà thoát khỏi tai ương này.

Lời nói này cũng đã quá rõ ràng. Mục tiêu phản loạn rất rõ ràng, người bị nhắm vào chính là Dương Tuấn nắm đại quyền quân chính và cấm quân trong tay. Đám họa quan chẳng biết gì mà Chu Chấn nhắc đến, chính là nói cho các đại thần nghe, để Dương Tuấn kêu gọi mọi người, cùng nhau dẹp loạn. Kế sách này vừa thiết thực lại rõ ràng: Đốt cháy Vân Long ở cửa Nam hoàng cung, ép chặt tuyến đầu; chiếm Vạn Xuân ở cửa đông hoàng cung, dẫn vệ quân đông cung và cấm quân ở ngoài thành do mình thống lĩnh nhanh chóng kịp thời tiêu diệt phản loạn, giết chết chủ mưu. Trận biến cố này có thể tránh khỏi. Nhưng, Dương Tuấn gan nhỏ như chuột, nghe biến thì kinh sợ hồn bay phách tán, làm sao có thể quyết đoán được?

Dương Tuấn nghe xong lời nói của Chu Chấn, các đại thần, tâm phúc đều nhìn vào ông, chịu làm theo ý của ông. Nhưng Dương Tuấn lại do dự cả ngày, rồi nói lời châm chọc Chu Chấn: cửa Vân Long do Minh đế thánh minh (Tào Duệ) xây nên, hao tốn rất nhiều công sức và tiền bạc, làm sao có thể đốt ? Dương Tuấn sốt ruột đến mức đi vòng vòng trong điện. Các đại thần, tâm phúc đều khóc lóc, không biết nên làm gì. Người thông minh chút thì biết đại thế đã mất, ngày tận thế của Dương Tuấn không còn xa nữa.

Sau khi nghe tin, thái hậu Dương Chỉ kinh hồn thất sắc. Thái hậu biết sự tình khẩn cấp, nguy như trứng để đầu đũa, có chút sơ sẩy thì sẽ gặp ngay họa diệt vong, diệt tộc. Trong tình thế khẩn cấp đó, thái hậu Dương Chỉ nảy sinh ra một ý, viết một hàng chữ trên một tấm lụa trắng, buộc vào tên bắn ra ngoài cung. Quân sĩ nhặt được tấm lụa này là người của Giả hoàng hậu, lập tức trình lên Giả hoàng hậu. Trên tấm lụa chỉ viết: Người cứu thái phó có

thường. Giả Nam Phong cười lạnh lùng, lập tức công bố tám lạng này với mọi người, bảo thái hậu và Dương Tuấn cùng nhau mưu phản.

Binh sĩ và cung thủ chiếm cứ hết các lầu cao, tên bắn như mưa, người đi theo Dương Tuấn lần lượt ngã gục, tiếng kêu thảm thiết vang lên khắp nơi. Dương Tuấn thấy tình thế bất lợi, kinh hãi chẳng biết làm gì, lúng ta lúng túng chạy đến chuồng ngựa, trốn trong chuồng ngựa. Binh sĩ đuổi đến, lùng sục khắp nơi, đâm lung tung vào đám cỏ trong chuồng, Dương Tuấn chết thảm. Chính biến tiến triển thuận lợi, hết sức thành công, Giả Nam Phong thừa cơ đó kiểm soát Đông cung và triều chính. Mật chỉ được ban ra, nhanh chóng truy bắt em trai của Dương Tuấn là Dương Đào, Dương Tế và hàng loạt thân thích, bè cánh, giết chết toàn bộ, tru di tam tộc. Giả Nam Phong quả là người có lòng dạ sắt đá, chỉ trong một đêm, nam nữ già trẻ bị giết lên đến mấy ngàn người.

Tấn Vũ để khi xưa rất sủng tín Dương Tuấn, khi lâm chung còn lệnh Dương Tuấn giữ gìn chiếu thư. Giả hoàng hậu sợ chiếu thư này truyền ra ngoài, sẽ bị mọi người bàn tán, nên lập tức phái tâm phúc đến ngay Dương phủ, đốt hết mọi văn kiện trong Dương phủ, không được để lại mảnh giấy nào. Từ đó có thể thấy khả năng tùy cơ ứng biến của Giả hoàng hậu lợi hại đến mức nào. Dương Tuấn chết đi, thân thích bạn bè của Dương Tuấn đều bị tru di tam tộc. Chỉ còn lại một kẻ tử thù là thái hậu Dương Chi.

Ngày hôm sau, đó là ngày 9 tháng 3, Giả Nam Phong mượn danh nghĩa của Huệ đế hạ chỉ để tướng quân hậu quân Tuân Lý áp giải hoàng thái hậu Dương Chi đến cung Vĩnh Ninh, giam lỏng lại, cử trọng binh canh giữ chung quanh. Xuất phát từ lòng nhân đạo, đặc chỉ bảo toàn tính mạng của mẫu thân Dương thái hậu là Bàng thị, lệnh cho mẹ con bà ở chung với nhau, để thể hiện ân điển của mình. Trên thực tế là chuẩn bị diệt một lần cho tận gốc. Quả nhiên, không bao lâu sau, Giả hoàng hậu hạ độc thủ đối với mẹ con Dương Chi.

Giả Nam Phong xúi giục sai nha sửa thư tiến tâu, nói Dương thái hậu bắn tên ra ngoài, âm mưu chiếm đoạt xã tắc, đó là tội lớn, theo lẽ phải phế thái hậu thành thứ dân, giam lỏng trong Kim Dung thành. Giả hoàng hậu giao bức tâu chương này cho đại thần thương nghị. Các đại thần vừa mới trải qua đại loạn, thoát khỏi cái chết trong gang tấc, mùi máu tanh vẫn còn phảng phất trong điện, ai dám không theo? Thái hậu Dương Chi bị phế trở thành thứ dân.

Tiếp đó, lại có tâu chương đến ngự án, nói Dương Tuấn mưu phản, theo lẽ gia thuộc phải chém đầu; thê tử Dương Tuấn Bàng thị sở dĩ được bảo toàn tính mạng, là để an ủi thái hậu, nay thái hậu đã bị phế thành thường dân, thái hậu không tồn tại nữa, Bàng thị theo lý phải xử chém, để chứng minh vương pháp nghiêm minh. Giả Nam Phong hết sức nghiêm túc, lại đưa tâu chương này cho đại thần thương nghị. Đại thần đương nhiên nghe theo. Huệ đế chỉ biết nghe lệnh, bèn chém đầu Bàng thị. Bàng thị chết đi không lâu, tức tháng 2 năm Nguyên Khang thứ 2, thái hậu Dương Chi cũng bị bỏ đói đến chết.

Dương Chi chết tại Kim Dung thành, tình cảnh thảm hại không thể tả. Kim Dung thành hết sức yên tĩnh, nhưng sự vắng lặng đìu hiu lại bao trùm toàn Kim thành. Binh sĩ được bố trí dày đặc trong khuôn viên rộng lớn trong thành, Bàng thị yếu đuối vì tuổi già đã bị xử tử tại hình trường tạm thời này. Bàng thị chưa hề trải qua những chuyện đó, nên đã ngất đi từ trước. Thái hậu Dương Chi kêu trời gọi đất thảm thiết, đau khổ cầu xin. Thánh chỉ như núi, quan hành hình và tay đao phủ chỉ đành chấp hành mệnh lệnh. Trong lúc nguy cấp, Dương Chi cắt đi một nắm tóc của mình, quỳ dưới đất, tự bảo là tiểu thiếp, cầu Giả hoàng hậu tha cho mẫu thân của mình. Van vãn cầu xin cũng vô ích, Bàng thị vẫn bị xử tử.

Kim Dung thành chỉ còn lại thái hậu Dương Chi có oan chẳng biết kêu đâu, lòng đau như cắt. Cả nhà bị chém, tam tộc đã tận, mẫu thân chết thảm trước mặt mình, Dương Chi chỉ còn thoi thóp thở. Sau khi bị phế thành thứ

dân, tùy tùng hầu hạ thái hậu cũng bị đuổi đi hết, Dương Chỉ phải tự lo cho cuộc sống của mình. Một thái hậu Dương Chỉ sống trong nhung lụa, vào cung hưởng tận mọi phú quý vinh hoa từ nhỏ làm sao tự lo được cuộc sống của mình? Huống hồ ăn uống ngày càng kém, rồi dần dần bị cắt đi nguồn ăn uống. Dương Chỉ đã bị đói chết trong Kim Dung thành như thế. Giả Nam Phong sợ âm hồn của Dương Chỉ đến ám phủ cáo trạng, nên để mặt của Dương Chỉ úp xuống khi đặt vào quan tài, quan tài còn được dán lên mấy tấm bùa chú, linh vật áp hồn ma.

Quyền lực của cha con thái hậu Dương Chỉ bị tước đoạt, lại bị huỷ diệt đến tận cùng, Giả hoàng hậu mất đi đối thủ tranh giành quyền lực. Huệ đế nhân hậu ngu ngốc có thừa, trí thức tài cán thì không, lúc này đại quyền trị quốc thực tế từ cha con Dương thị chuyển sang tay Giả Nam Phong. Giả Nam Phong thông giữ hậu cung với vai trò là hoàng hậu, biến hậu cung thành trung tâm chỉ huy của triều đình, đương nhiên phải nhờ các tâm phúc trọng thần chủ chính trong triều, nghe theo mệnh lệnh, cân bằng lại các mối quan hệ. Sau khi tiêu diệt cha con Dương thị, Giả hoàng hậu bắt đầu tìm mời những tâm phúc vừa nghe lời bà vừa có thể đảm đương một mình.

Ngày 19 tháng 3, Giả hoàng hậu và Tấn Huệ đế Tư Mã Trung triệu kiến Sở vương Tư Mã Vĩ có công trong việc bình loạn Dương thị, phong làm tướng quân thủ lĩnh cấm quân bảo vệ an nguy cho cấm cung, thống lãnh cấm quân cung đình. Triệu Nhữ Nam vương Tư Mã Lượng, phong làm thái tử, cùng thái bảo Vệ Quán phò chính. Tư Mã Lượng, Vệ Quán đều là người đức cao vọng trọng và có học thức bất phàm, còn Sở vương Tư Mã Vĩ có chấp bảo thủ, tính tình tàn bạo, háo lạc thích giết, vô học vô thuật. Tư Mã Lượng, Vệ Quán rất ghét Tư Mã Vĩ, nhiều lần tiến tấu, muốn đoạt đi binh quyền của Tư Mã Vĩ.

Tư Mã Vĩ là đại công thần trong cuộc bình loạn Dương thị, bản thân ông lại đoạt được công đầu do cứu được tôn thất. Cha con Dương thị bị tiêu diệt, quyền lực trở về tay của Huệ đế và hoàng hậu, hai ông già Nhữ Nam

vương Tư Mã Lượng và Vệ Quán chẳng thấy mặt đâu khi bình loạn Dương thị lại được ra phò chính, độc hưởng đại quyền sau khi giành thắng lợi, Tư Mã Vĩ đương nhiên không phục. Sau này, Tư Mã Vĩ phát hiện Tư Mã Lượng, Vệ Quán chán ghét mình, lại còn muốn tước đi chức vệ tướng quân cai quản cấm quân của mình, nên nổi giận đùng đùng, chỉ hận là không ăn sống nuốt tươi hai kẻ đó.

Tư Mã Vĩ bề ngoài thô lỗ nhưng bên trong lại rất cẩn thận, trước tình hình đó, ông nén cơn giận xuống trước, tích cực dựa dẫm vào Giả hoàng hậu có thực quyền trong tay nhưng lại chưa có tâm phúc thích hợp phụ giúp. Giả hoàng hậu đương nhiên rất vui mừng, cảm thấy có được một thân vương phò tá, lực lượng sẽ càng hùng hậu hơn. Giả hoàng hậu bèn uỷ nhiệm Tư Mã Vĩ làm thiếu phó thái tử. Từ đó Tư Mã Vĩ nắm đại quyền, ngang vai ngang vế với Tư Mã Lượng và Vệ Quán trong triều đình. Tư Mã Lượng lão luyện thành thực, cậy mình nhiều tuổi nên chẳng coi Giả hoàng hậu đen như mực đó ra gì cả. Vệ Quán là đối thủ tranh giành thái tử phi năm xưa, ông lão An Ba Hà Đông này luôn cho rằng mình thuộc gia thế thanh cao phong nhã, tài trí hơn người, học vấn uyên thâm, giỏi về văn nghệ, không ai sánh bằng nên coi thường nhà họ Giả, Giả Sung hận ông đến tận xương tủy.

Vệ Quán quả thực nổi tiếng khắp nơi nhờ vào học vấn của mình, chữ thảo của ông hết sức tuyệt vời, múa bút xuất thần nhập hóa. Chữ thảo của Vệ Quán là cái cốt của chữ thảo của nhà thư pháp Trương Bá Anh, thể hiện được phần thịt trong thư pháp của Trương Bá Anh, khi cùng nhậm chức thượng thư, hai người được mọi người gọi là nhất đài nhị diệu, làm cho văn sĩ thiên hạ ngưỡng mộ. Vệ Quán được dời đến tư không thị trung thượng thư lệnh nhờ vào tài năng và danh vọng của mình, ngang vai ngang vế với Giả Sung giỏi pháp lý, khảo khoa, còn danh vọng thì cao hơn cả Giả Sung.

Nhà họ Vệ và nhà họ Giả tranh nhau chức thái tử phi, nhà họ Vệ thua cuộc, từ đó hai nhà kết thù với nhau. Sau khi đoạt được đại quyền từ tay cha

con Dương thị, để ổn định triều chính, Giả Nam Phong tạm thời để Vệ Quán và Tư Mã Lượng đức cao vọng trọng phò chính. Nhưng hai người không biết nguy hiểm đang đến gần, vẫn dương dương tự đắc, coi thường hoàng hậu. Khi đại quyền đã ổn định, Giả hoàng hậu bắt đầu dẹp gọn hai trọng thần không chịu bị ràng buộc này.

Năm xưa Dương Tuấn có một người bạn thân thiết tên Kỳ Thịnh. Khi phát hiện thế của Dương Tuấn đã mất, Kỳ Thịnh bèn giúp đỡ Sở vương Tư Mã Vĩ tiêu diệt Dương Tuấn. Vệ Quán hết sức căm ghét tên tiểu nhân bỉ ổi phản phúc vô thường Kỳ Thịnh này, dự định bắt giam hắn. Kỳ Thịnh nghe tin, lập tức chạy ngay đến Tư Mã Vĩ, bí mật bàn kế sách với thân tín của Tư Mã Vĩ là trưởng sử Công Tôn Hoằng, chuẩn bị đánh trợn diệt tận Tư Mã Lượng và Vệ Quán.

Tấu chương được trình lên Giả hoàng hậu, nói Tư Mã Lượng, Vệ Quán âm mưu phế truất hoàng đế, lập vua khác. Giả hoàng hậu đang khổ vì không có cơ gì diệt trừ hai người vẫn luôn để mối hận trong lòng, liền mượn cơ hội này, lợi dụng lực lượng của Tư Mã Vĩ phát động chính biến một lần nữa, loại bỏ Tư Mã Lượng, Vệ Quán. Tháng 6 năm Thái Hi thứ nhất, chính là năm 290 Công Nguyên, Giả Nam Phong để Huệ đế đích thân hạ chỉ, để Tư Mã Vĩ tuyên chỉ miễn trừ toàn bộ chức quan của Tư Mã Lượng và Vệ Quán.

Chiếu thư nhanh chóng được viết xong, Giả hoàng hậu cử tâm phúc là Hoàng Môn đưa đến chỗ của Tư Mã Vĩ ngay đêm hôm đó. Tư Mã Vĩ là người cẩn thận, nhìn thấy chiếu thư, kinh hãi vô cùng, cảm thấy chuyện này trọng đại, e rằng là giả, quyết định tấu báo lần nữa, để chứng thực mới yên tâm được. Hoàng Môn trình trọng nói với Tư Mã Vĩ, nói đó là Giả hoàng hậu đích thân giao cho, đưa ngay đến chỗ của các hạ ngay trong đêm, chính là sợ tin lộ ra ngoài, nếu còn tấu báo lần nữa thì chẳng phải tin sẽ lan ra ngoài hay sao, thế còn gì là mật chỉ?

Lúc này Tư Mã Vĩ mới yên tâm, lập tức chiêu tập đại tướng tâm phúc, lệnh Công Tôn Hoảng, Lý Triệu lãnh binh bao vây Tư Mã Lượng vương phủ, truy bắt Tư Mã Lượng; đồng thời, lệnh cho thị trung Thanh Hà vương Tư Mã Hà tìm bắt Vệ Quán. Tâm phúc của Tư Mã Lượng được tin chính biến, lập tức báo ngay cho Tư Mã Lượng, yêu cầu hành động nhanh chóng, điều binh chống đỡ. Tư Mã Lượng do dự, thấy công khai đối kháng là không được. Rất nhanh, binh sĩ vây quanh đã leo lên bức tường cao của vương phủ, kêu hò lớn tiếng, làm cho trong phủ hoảng loạn cả lên.

Tư Mã Lượng kinh hãi chẳng biết làm gì, nói với thủ lĩnh Công Tôn Hoảng: Ta không có hai lòng, tại sao phải làm thế? Nếu có chiếu thư, hãy đưa cho ta xem! Công Tôn Hoảng chẳng thèm để ý đến lời của ông, lệnh cho quân sĩ tăng cường phá cửa vương phủ. Tâm phúc của Tư Mã Lượng thấy dù có nói lý đến thế nào thì cũng vô dụng, bèn nói: Xem ra đây là một âm mưu, anh hào trong phủ như rừng, binh sĩ lại nhiều, đi với hấn coi như chết, chi bằng liều một phen người chết ta sống. Tư Mã Lượng ngăn cản hành động của tâm phúc, bỏ ý định chống đối tới cùng. Cửa phủ bị phá, binh sĩ thấy người thì giết, máu chảy thành sông trong vương phủ. Tư Mã Lượng bị giết. Phủ đệ của Vệ Quán cũng bị Tư Mã Hà bao vây, người trong phủ lần lượt đòi chống đỡ. Vệ Quán cũng từ chối lời thỉnh cầu của họ, thúc thủ chịu trôi.

Tư Mã Vĩ hận Tư Mã Lượng, Vệ Quán, một lúc giết chết cả hai. Dã tâm của Tư Mã Vĩ rất lớn, luôn bất mãn với hậu đảng của họ Giả. Khi đó, tâm phúc của Tư Mã Vĩ kiến nghị Tư Mã Vĩ thừa thế loại trừ hậu đảng của họ Giả, nhất là loại trừ tòng đệ Giả Mạc nắm giữ trọng quyền của Giả hoàng hậu. Vào lúc then chốt nhất, Tư Mã Vĩ lại do dự không quyết, không nỡ ra tay với họ Giả. Tư Mã Vĩ cuối cùng cũng bại dưới tay của Giả hoàng hậu, đó là điều chẳng có gì lạ.

Giả hoàng hậu vẫn còn nghi ngờ Tư Mã Vĩ, biết rằng quyền thế của Tư Mã Vĩ quá lớn, không có lợi cho mình. Khi tâm phúc của Tư Mã Vĩ, Kỳ

Thịnh kiến nghị Tư Mã Vĩ thanh trừ hậu đảng, phế bỏ Giả hoàng hậu và tự xưng đế, thì Giả hoàng hậu đang ở hậu cung nghĩ xem nên đối phó với Tư Mã Vĩ có binh quyền trong tay như thế nào. Tư Mã Vĩ do dự, đã tạo một thời cơ rất tốt cho Giả hoàng hậu. Thiếu phó thái tử Trương Hoa vội vã báo kiến tâm phúc thân tín của hoàng hậu là thái giám Võ An hầu Đồng Mạnh ngay trong thời điểm quan trọng nhất trong đêm chính biến.

Trương Hoa nói với Đồng Mạnh: Sở vương Tư Mã Vĩ giết chết thái phó Tư Mã Lượng, lại giết thiếu bảo Vệ Quán, đại quyền trong tay, e rằng sẽ chẳng coi ai ra gì; Sở vương cố chấp bảo thủ, tự dương tự đắc, lại có binh quyền, mai này khó mà khống chế được; chi bằng nhân cơ hội này, lấy tội lạm sát đại thần để loại trừ hắn ta, như thế, uy quyền vẫn thuộc về hoàng hậu. Đồng Mạnh thấy kế này rất hay, bèn chạy như bay về hậu cung, bẩm báo với Giả hoàng hậu, Giả hoàng hậu cũng rất tán đồng, bèn bí mật tiêu diệt Tư Mã Vĩ.

Tư Mã Vĩ là nhân vật chính trong hai trận biến cố, đồng thời tay nắm binh quyền cầm quân, lại nhận nhiều chức vụ trọng yếu trong triều, tiêu diệt một nhân vật như thế thật sự không phải là dễ. Ngoài ra, thúc tổ của Huệ đế là Bàng Tây vương Tư Mã Thái lại rất thân với Sở vương, thường liên lạc với nhau, một khi hai người cùng nhau hợp sức, thì càng khó đối phó hơn. Nhưng, không dễ đối phó cũng phải nhân cơ hội này mà ra tay, nếu bỏ qua cơ hội này, thì sau này chỉ còn cách nghe theo sự bày bố của Tư Mã Vĩ mà thôi. Giả hoàng hậu suy nghĩ đến kiệt sức, biết rõ tình hình khẩn cấp, nhất định phải nhanh tay nắm bắt, nhưng lại không có kế nào hay cả.

Đồng Mạnh vẫn là một tâm phúc nguy kế đa đoan, hiến kế cho Giả hoàng hậu, tấu báo với Huệ đế, thỉnh xuất Trâu Ngu Phiên trong triều đường, giải trừ binh quyền của Tư Mã Vĩ, đồng thời nhanh chóng truy bắt về hỏi tội! Giả hoàng hậu nghe xong, hết sức vui mừng, chủ ý này thật sự quá tuyệt, ngoài kế này ra, e rằng chẳng thể tìm được biện pháp giải quyết

nào thích hợp hơn, như thế vừa không phải dùng binh, vừa thuận lợi loại trừ Tư Mã Vĩ.

Thời Tấn có một chế độ thế này: Triều đường có hai loại cờ, một loại là Bạch Hồ Phiên, trên có thêu hình bạch hồ; một loại là Trâu Ngu Phiên, trên cờ có thêu hình con trâu. Trâu Ngu là một con thú hiền lành trong truyền thuyết, không ăn sinh vật. Khi Tấn gặp chuyện lớn, thỉnh Bạch Hồ Phiên có nghĩa dùng binh chinh chiến, tướng sĩ thấy cờ mới xuất chinh; thỉnh Trâu Ngu Phiên có nghĩa thu binh ngưng chiến, tướng sĩ thấy cờ phải giải trừ binh giới. Hai lá cờ này đều do đặc sứ do hoàng đế cử đi truyền lệnh.

Mưu kế của Giả hoàng hậu và Đồng Mạnh đã định, chỉ còn làm theo cho đúng là được. Ngày hôm sau, Trương Hoa tiến tấu Huệ đế, nói đại cục đã định, tứ hải yên bình, thỉnh cầu xin xuất Trâu Ngu Phiên để thu binh. Huệ đế đương nhiên nghe theo lời của Giả hoàng hậu, lệnh cho tướng quân Vương Cung trong điện thỉnh xuất Trâu Ngu Phiên, do Trương Hoa phụng chỉ thống lĩnh, từ triều đường xuất cung, đi như bay, Trương Hoa tuyên gọi: Sở vương giả truyền thánh chỉ mưu phản, mọi người không được nghe theo lệnh của hắn. Các binh sĩ kinh sợ, đến khi nhìn thấy Trâu Ngu Phiên, mới lần lượt bỏ vũ khí. Tư Mã Vĩ muốn phản kháng cũng chẳng thể được, đành phải thúc thủ chịu trôi.

Trong cuộc tranh giành quyền lực này, Giả hoàng hậu chẳng bị tổn hại đến một sợi tóc, mà lại dễ dàng diệt trừ được cha con thái hậu, hai thân vương, đại quyền triều chính lại được tóm gọn trong tay. Khi này, Giả hoàng hậu không còn đối thủ nào được xem là kẻ địch rõ ràng nữa, nên có thể ung dung sắp đặt tâm phúc, khống chế triều đình. Bước tiếp theo của Giả hoàng hậu là khống chế chặt binh quyền và chức vụ quan trọng của triều đình trong tay, loại trừ hết tất cả những ai dám chống đối mình.

IV. Thiên hạ của Giả hoàng hậu

Giả hoàng hậu xem tộc huynh Giả Mạc, cháu trai Giả Mật, nội giám Đồng Mạnh là tâm phúc, tất cả quân chính đại sự, đều phải triệu tập 3 người bàn bạc. Đồng Mạnh thấy Trương Hoa có tài cán phi phàm, lại không phải là người nhà cũng chẳng phải là bạn cũ của họ Tư Mã, sẽ không mưu phản đoạt quyền, có thể nhậm chức thủ phó. Giả hoàng hậu cho rằng suy nghĩ này rất có lý, phong Trương Hoa làm thủ phó, quản lý triều chính, còn đại quyền quân chính vẫn nắm chặt trong tay mình. Họ Giả có được thiên hạ, khí thế hùng hực, con cháu họ Giả không ai sánh bằng. Nhất là con trai của em gái hoàng hậu Giả Ngộ là Giả Mật.

Giả Ngộ là người nổi tiếng trong lịch sử về việc lén lút vụng trộm tình cảm. Giả Sung không có con trai, nên để con trai của Giả Ngộ là Hàn Mật nối dõi tông đường, nhận làm cháu nội, đổi sang họ Giả, tên là Giả Mật. Phụ thân của Giả Mật là Hàn Thọ, cùng với Giả Ngộ là đôi cao thủ số một trong việc trộm hương cướp ngọc. Hàn Thọ là thư ký của Giả Ngộ, rất cao lớn anh tuấn, khí chất nho nhã. Một lần Giả phủ đãi tiệc mời khách, nhị tiểu thư của Giả phủ chớm hiểu về tình yêu Giả Ngộ nhìn thấy Hàn Thọ, nhất kiến chung tình, hết sức yêu mến hẳn.

Tâm tư của Giả Ngộ không thoát khỏi ánh mắt của thị nữ tâm phúc, sau khi biết chuyện, thị nữ bí mật nói với Hàn Thọ, đồng thời nói nhị tiểu thư Giả Ngộ xinh đẹp tuyệt trần, thiên hạ không ai sánh bằng. Hàn Thọ đương nhiên động lòng ngay, bái tạ thị nữ, đồng thời nhờ thị nữ truyền đạt mối si tình của hắn đối với nhị tiểu thư. Từ đó hai bên móc nối thành công, qua lại với nhau, bày tỏ lòng yêu mến với nhau. Hàn Thọ như đang bị đốt trong lửa, khó mà tự kiềm chế, Giả Ngộ si tình như lửa, khó mà tự thoát. Hàn Thọ bèn vượt tường vụng trộm với Giả Ngộ dưới sự sắp xếp của thị nữ, như say như si, quên tất cả.

Tây Vực tiến công một loại hương liệu, hết sức quý hiếm. Khi được đắp lên người, hương thơm rất nồng, cả tháng không phai, hơn nữa lại có tính kích thích rất mạnh, rất có lợi trong việc trợ tình. Vũ đế đã thưởng loại hương liệu này cho tâm phúc Giả Sung. Khi đó, Giả Ngộ đang đắm chìm với Hàn Thộ đã lấy trộm hương liệu gia bảo này, tặng cho Hàn Thộ, hai người cùng thoa lên người, kích thích tình dục, trộm tình hoan ái, phiêu diêu như tiên, khoái lạc đến mức chết đi sống lại.

Ban ngày, Tào Thộ vẫn nhậm chức trong phủ, bạn bè người thấy mùi hương trên người hắn, ngưỡng mộ khen ngợi không thôi. Giả Sung biết được chuyện này, nảy sinh nghi ngờ. Tra hỏi cẩn kẽ, quả đúng là con gái Giả Ngộ của mình tặng cho hắn; khảo hỏi thị nữ, thì được biết thiên kim tiểu thư của mình tư thông với người đàn ông tuần tú đó từ rất lâu, hơn nữa, e rằng đã mang thai. Giả Sung là người rất coi trọng thể diện, chuyện xấu này làm sao truyền ra ngoài được? Bèn thuận dòng chảy thuyền, gả đứa con gái xinh đẹp này cho Hàn Thộ. Thế là có một câu kết luận trong “Câu chuyện Quỳnh Lâm” như thế này: Quách nữ tuyệt phu chi đích, thử nữ trung chi đồ giả; Giả nữ thâm Hàn Thộ chi hương, thử nữ trung chi thâm giả. Quách nữ chính là chỉ Quách Hòe, Giả nữ là chỉ Giả Ngộ. Hai người phụ nữ này một người đồ kị ghen tuông một người thâm loạn, còn chị của Giả Ngộ là Giả hoàng hậu lại có hai tính nết xấu xa này của hai người.

Giả Mật 20 tuổi thông minh lanh lợi, rất có tài. Giả hoàng hậu là dì của hắn, hắn tuần tú, rất được Giả hoàng hậu sủng ái. Giả Mật nhờ vào sắc đẹp, tài hoa và miệng mồm của mình nên thường được Giả hoàng hậu cho ở bên cạnh, từ đó thế khuynh triều dã, chẳng ai dám động đến hắn. Giả Mật kết giao với tài tử thiên hạ nhờ vào tài sĩ tự phụ. Những người văn chương tài giỏi nhất thời bấy giờ như Lục Cơ, Tả Tư cũng là bạn thân của hắn, du lạc phú thi, kết làm bạn tốt, gọi là nhị thập tứ hữu.

Giả Mật là một tay phong lưu tài tử cực kỳ xa xỉ, ca đồng vũ nữ không rời nửa bước, trác táng hưởng lạc. Do sự ăn chơi phung phí của bọn con

cháu cao quý đó, chỉ trong vòng 8 năm ngắn ngủi từ năm đầu đến năm Nguyên Khang Huệ đế thứ 9, chính vụ của vương triều nhà Tấn bắt đầu rồi ren, cả xã hội sống trong sự hủ bại truy lạc, sống chẳng có mục đích. Vương triều nhà Tấn bước vào con đường cùng. Mà một trong những người bắt đầu cho tệ nạn xã hội đó lại chính là hoàng hậu; ngược lại, sự trác táng đó lại kích thích Giả hoàng hậu, Giả hoàng hậu cũng dần thân vào đó, ăn chơi trác táng.

V. Cuộc sống phong lưu

Thái y lệnh Trình Cự người cao ráo, nước da trắng trẻo, cao lớn anh tuấn. Giả hoàng hậu rất thích Trình Cự. Đồng thời, Trình Cự hiểu lòng người, lại rất biết giao tế, chiếm được lòng yêu mến của Giả hoàng hậu. Như thế, Giả hoàng hậu bèn chiếm Trình Cự cho mình, chiêu hạnh hấn mọi lúc, xong chuyện thì đưa hấn ra cung. Được thỏa mãn, dục vọng của Giả hoàng hậu ngày càng mãnh liệt, chỉ một Trình Cự thì làm sao cho đủ? Thế là phái tâm phúc xuất cung du hưởng, tìm kiếm thiếu niên xinh đẹp và mỹ nam tử, đưa vào cung, tận hưởng từng người một, sau khi chơi xong thì giết chết.

Thành nam Lạc Dương trộm cướp khắp nơi. Thành Nam có một tiểu lại úy bộ, trắng trẻo tuấn tú, anh tú khác thường. Sau khi mất tích mười mấy ngày, vị tiểu lại dường như trở thành một người khác, ăn mặc chỉnh trang hơn, vài vóc đắt giá hơn. Mọi người nghi ngờ vị tiểu lại này có hành vi bất thường, bèn tấu báo lên cấp trên, trưởng quan cũng vì chuyện đó mà thâm vấn vị tiểu lại này, hỏi hấn quần áo đắt tiền ở đâu ra?

Tiểu lại bèn kể tất cả những gì mà mình đã trải qua: Một hôm, có một bà lão tuổi tác đã cao, nhưng vừa nhìn là biết bà lão đó xuất thân từ danh môn đại gia, hết sức giàu có. Bà lão nói, người nhà của bà bệnh nặng, pháp sư nói với bà, nhất định phải đến Thành Nam mời một mỹ nam tử trẻ tuổi, ở trong nhà vài ngày, mượn dương cương thịnh hỏa để khử trừ tà ma, người bệnh sẽ hồi phục được. Bà lão rất thành khẩn, cầu xin sự giúp đỡ, sau khi xong chuyện thì nhất định hậu tạ. Nghe bà lão nói thế, đành phải nhận lời. Thế là, bước lên một chiếc xe, nằm trốn trong chiếc rương. Rẽ mấy khúc quanh, đến một nơi, sau khi bước xuống xe, chỉ thấy đình đài lầu các, phòng ốc hết sức đẹp đẽ. Hỏi đó là nơi nào? Bà lão nói, đó là trên trời. Đi vào một căn phòng hoa lệ, mỹ nữ rất nhiều, ra ra vào vào. Trước tiên đến bồn tắm và được tắm bằng dầu thơm, sau đó mặc quần áo quý giá, ăn sơn

hào hải vị. Đến phòng ngủ, giường được trải rất đẹp, đẹp chưa từng thấy. Một lát sau, một người phụ nữ bước đến, khoảng hơn 30 tuổi, thân hình nhỏ nhắn, làn da hơi đen, giữa mày có nốt ruồi. Liên tục vài ngày, cùng ăn cùng nằm với người phụ nữ này. Trước khi đi, còn được tặng rất nhiều quần áo và đồ dùng.

Nhà mẹ của Giả hoàng hậu cũng chính tại Thành Nam. Thân thích xa của Giả hoàng hậu nghe được lời tường thuật của tiểu lại, trong lòng hiểu rõ, người phụ nữ 30 tuổi đó chẳng phải ai khác, đó chính là Giả hoàng hậu. Trưởng quan thẩm vấn tiểu lại cũng hiểu rõ chuyện gì đang xảy ra, nên không truy cứu nữa. Rất hiển nhiên, vị tiểu lại này được bảo toàn tính mạng, chính là vì hắn quá đẹp, quá đáng yêu, hoàng hậu không nỡ giết hắn, để lại mạng sống cho hắn.

VI. Sự bất hạnh của thái tử

Giả hoàng hậu hô phong hoán vũ, không chế Huệ đế, độc chiếm đại quyền, ăn chơi trác táng, nhưng, Giả hoàng hậu cũng chẳng thể sinh con. Đó là căn tâm bệnh của Giả hoàng hậu, đồng thời cũng nguy đến an ninh của gia tộc họ Giả, mà người trực tiếp uy hiếp đến họ Giả chính là đứa con trai của Huệ đế và Tạ Cửu sinh khi mới vào Đông cung là Tư Mã Duệ. Sau khi Tư Mã Trung kế hoàng vị, lập Tư Mã Duệ làm thái tử, ngày sắc lập là ngày 26 tháng 8 năm Vĩnh Khang thứ 6, chính là năm 290 Công Nguyên.

Giả hoàng hậu hận thái tử, nhưng thái tử mới mấy tuổi, thời cơ chưa đến, chưa tiện ra tay. Mấy năm nay Giả hoàng hậu bận lo việc giành lại quyền lực, không màng đến thái tử. Thái tử lớn dần trong cung, không thông minh lanh lợi, được nhiều người yêu mến như khi còn nhỏ, mà ăn chơi vô độ, không thích đọc sách, lấy việc đồ tể buôn bán làm trò vui. Thái tử cầm dao cắt thịt, một dao hạ xuống, hai cân chẳng thiếu, quả là công phu tổ truyền. Thái tử như thế theo lẽ không gây hại gì đến Giả hoàng hậu, nhưng Giả hoàng hậu vẫn không bỏ qua.

Giả hoàng hậu mật lệnh thị tòng họa quan, khích lệ thái tử du lạc, không cần phải quản thúc; đồng thời khuyên bảo thái tử lạm dụng uy hình, để sau này uy phục thiên hạ. Thái tử sư bảo Đỗ Thích thấy thái tử vui chơi ngày đêm, hết sức lo âu, bèn nặng lời cảnh cáo thái tử, nói thái tử không phải là con của Giả hoàng hậu, Giả hoàng hậu tính tình tàn bạo, không thể không cẩn thận đề phòng, nhất định phải tu đức học cho tốt, thân hiền thân, xa tiểu nhân, đề phòng lời gièm pha phi báng, dẫn đến tai họa bất trắc. Thái tử không nghe, vẫn ăn chơi hưởng lạc như cũ, làm theo ý mình, cũng không lấy lòng Giả hoàng hậu.

Quách Hòe biết gia đình nhà họ Giả không nhiều, rất khó sinh con. Thái tử Tư Mã Duệ lại rất tốt với Quách Hòe, khi Quách Hòe bệnh nặng, thái tử

thường đến thăm, Quách Hòe rất yêu quý thái tử, nhiều lần khuyên Giả hoàng hậu phải đối xử tốt với thái tử, phải yêu quý, dạy dỗ thái tử đàng hoàng. Nhưng, Giả hoàng hậu vốn không tin thái tử, ngay cả lời dăn dò của Quách Hòe cũng không nghe, nhất định phải loại trừ thái tử.

Giả Mật có khúc mắc với thái tử, nên tiến tâu với Giả hoàng hậu, nói thái tử căm hận người nhà họ Giả, một khi lên ngôi vua, sẽ giết hết nhà họ Giả, phế bỏ hoàng hậu, giam lỏng trong Kim Dung thành? Chi bằng ra tay sớm hơn, giết chết hẳn, lập một người ôn hòa khác làm thái tử, để bảo vệ cơ nghiệp nhà họ Giả. Giả hoàng hậu cũng có chút do dự, không bao lâu giả vờ bảo mình mang thai, âm thầm ôm đứa con trai của em gái Giả Ngô mình là Hàn Úy vào cung, để thay thế cho thái tử.

Tháng 12 năm Nguyên Khang thứ nhất, chính là năm 299 Công Nguyên, con trưởng của thái tử Tư Mã Duệ nhiễm bệnh, thái tử thượng tâu lên Huệ đế, tâu thỉnh thụ phong vương tước cho con trưởng, Huệ đế không đồng ý. Trong tình thế nguy cấp, thái tử thấy con trưởng bệnh tình rất nặng, nên mời thầy đồng về tế thiên cầu khẩn, để xin cho con trưởng bình phục, sau khi vô vọng trong việc phong vương tước để đuổi đi tai ương. Giả hoàng hậu được tâu báo chi tiết về việc đó, biết rằng ngày dọn dẹp thái tử đã đến, lần lượt 3 lần phái người đi giám sát con trưởng của thái tử, đồng thời nói Huệ đế triệu kiến thái tử.

Giả hoàng hậu lại phái người đưa tin cho thái tử, triệu thái tử vào cung, bảo Huệ đế triệu kiến. Sáng sớm ngày 29 tháng 12, thái tử vội vội vàng vàng vào cung, bái kiến Huệ đế. Huệ đế không biết đang xảy ra chuyện gì, nên để thái tử đi gặp hoàng hậu. Thái tử đến cung của hoàng hậu, bị dẫn đến một gian phòng khác, lại không thấy hoàng hậu. Thị nữ bày lên 3 thăng mỹ tửu, một mâm táo đỏ, để thái tử thượng thức trước, đồng thời có ca múa trợ hứng.

Thái tử không biết uống rượu, biết rằng 3 thăng mỹ tửu và một mâm táo đỏ này là hoàng hậu tặng thưởng, không dám không tuân mệnh, nhưng thái

tử không muốn uống rượu, cầu xin thị nữ chuyển cáo với hoàng hậu, nói tử lượng không đến 3 thăng. Khi đó, hoàng hậu đến nơi, hỏi thái tử một cách lạnh lùng: Bình thường người lấy lòng hoàng thượng, ngay cả uống hai ly cũng chẳng là gì, đến đây tại sao không uống nữa? Đó là rượu của hoàng thượng thưởng cho người, là chúc phúc cho con trai của người, cầu mong bệnh tình thuyên giảm.

Thái tử nhìn thấy hoàng hậu, liền phủ phục xuống đất, cầu xin hoàng hậu: Khi bệ hạ triệu hội, quả là miễn cưỡng uống một chút, không dám từ chối; nhưng nhiều năm nay, chưa có ngày nào uống hơn 3 thăng; huống hồ giờ vẫn chưa ăn sáng, bụng đang trống rỗng, uống một lúc 3 thăng, chắc chắn sẽ say túy lúy, làm sao bá kiến hoàng hậu! Giả hoàng hậu nghe xong lời đó, lập tức nổi giận đùng đùng, mắng nhiếc thái tử: Người thật bất hiếu, để người uống rượu, người lại từ chối như thế, chẳng lẽ trong rượu có độc?

Thái tử bị ép đến đường cùng, đành phải cắn răng uống hết 3 thăng rượu. Khi uống được hai thăng, thái tử thật sự chịu không nổi nữa, bèn thỉnh cầu thị nữ Trần Vũ đem một thăng còn lại về uống tiếp. Trần Vũ không nhận lời, nói không dám phụng mệnh, phải tuân chỉ hành sự. Đó chẳng phải là rượu thưởng gì, rõ ràng là cố ý làm thế. Uống hết 3 thăng rượu, thái tử như say như tỉnh, như đang trong mơ, làm gì phân biệt được đông tây nam bắc?

Khi đó, Giả hoàng hậu lệnh cho hoàng môn thị lang Phan Nhạc lấy một phần văn thư, để thị nữ cầm sẵn giấy mực, đến căn phòng thái tử đang uống rượu, bẩm báo với thái tử, nói hoàng thượng để thái tử lập tức chép lại phần văn thư này. Thái tử tối tăm mặt mũi, đâu biết đó là vật gì, thánh chỉ không thể không tuân, đành phải chép lại, chép xong rồi mà mình cũng không biết đó là gì. Hai phần văn thư đều viết thế này: Bệ hạ phải tự hạn chế, nếu không thì không khách sáo; hoàng hậu cũng phải tự hạn chế, nếu không ta sẽ đích thân kết thúc người; hành động cùng lúc với Tà phi, để tuyệt hậu hoạn. Đó đương nhiên là phần văn thư phản loạn, nét chữ xiêu vẹo, nhưng lại do chính tay thái tử viết.

Ngày hôm sau, Huệ đế thượng triều, văn võ bá quan tập trung đầy đủ. Hoàng Môn lệnh cho Đồng Mạnh bắt ngờ lấy bức thư tay của thái tử viết hôm qua, nói thái tử mưu phản, nên xử tội chết. Huệ đế xem xong, giao cho vương công quý thích, triều đình đại thần, mọi người há hốc cả mồm, không ai dám nhiều lời. Đại thần Trương Hoa thấy lại một trận biến cố nữa, phải phế giết thái tử, sẽ lật đổ vương triều, bèn liều chết can ngăn: Từ xưa đến nay, phế truất thái tử thường dẫn đến biến loạn; ngày tháng Đại Tấn kiến triều rất ngắn, nay phải phế giết thái tử, nhất định là đại nạn của quốc gia, xin bệ hạ suy xét.

Lão thần Bùi Cố cũng ra mặt, thỉnh cầu tra xét rõ ràng người đưa ra bức thư này, đối chiếu kỹ càng với nét chữ của thái tử, rồi hãy quyết định sau. Giả hoàng hậu sai người lấy ra văn tự thái tử viết hằng ngày, giao cho mọi người đối chiếu, quả đúng là bút tích của thái tử. Lúc này, Hoàng Môn lệnh cho Đồng Mạnh ra mặt nói, Trương Quảng công chúa (con gái của Võ đế) có lời, thỉnh hoàng thượng sớm ra quyết định, ai có lời bàn tán thì xử chém vì tội đồng phạm! Huệ đế chẳng biết nên làm thế nào, đại thần tranh luận không dứt, cho đến khi mặt trời xuống núi, vẫn chưa có kết luận. Giả hoàng hậu bèn thay đổi chủ ý, tha mạng cho thái tử, phế thái tử làm thứ dân.

Không còn thân phận thái tử nữa, Tư Mã Duệ đổi lại áo thường dân, từng bước bước ra khỏi Đông cung, ngồi lên xe bò, ra khỏi hoàng cung. Đông Võ công Tư Mã Đam thống binh tốt áp giải thái tử Tư Mã Duệ, thái tử phi và 3 con trai của họ, cùng đi đến Kim Dung thành. Không bao lâu, mẫu thân của Tư Mã Duệ là Tạ Cửu, nô bộc Trương Tuấn bị giết. Một vị hoàng môn tự thú với triều đình, nói mình từng bí mật âm mưu với thái tử, phải giết hoàng đế. Thái y lệnh Trình Cứ phụng mệnh điều chế thuốc “Ba đậu hạnh tử hoàn” có độc tính cực mạnh, lấy thánh chỉ lệnh cho hoàng môn Tôn Lự phụng chỉ đến Hứa Xương. Khẩu cung thái tử và hoàng môn âm mưu giết hại hoàng đế được lan truyền trong đại thần, Giả hoàng hậu bèn lệnh

cho Đông Võ công dẫn binh lính ngàn người đến áp giải Tư Mã Duệ đến Hứa Xương (nay là thành phố Hứa Xương Hà Nam) giam giữ.

Hoàng môn Tôn Lự chạy ngay đến Hứa Xương, tuyên đọc thánh chỉ, giết chết Tư Mã Duệ. Tôn Lự nói cho thị thư ngự sử Lưu Chấn phụ trách canh giữ biết về thánh chỉ. Tư Mã Duệ tự đến Hứa Xương, sợ gặp bất trắc, nên luôn tự lo ăn uống trên giường. Khi đó, Lưu Chấn chuyển Tư Mã Duệ đến một cái giường khác, đoạn tuyệt ăn uống, hy vọng vị thái tử bị phế này sẽ chết đói. Nhưng vài ngày sau, phát hiện Tư Mã Duệ vẫn còn sống rất khỏe, Tôn Lự hết sức kỳ lạ. Thì ra, các thị nữ rất yêu thích vị thái tử này, lén lút đưa thức ăn qua tường cung dưỡng thái tử. Tôn Lự đã không làm thì thôi, mà đã làm thì phải làm đến cùng, dứt khoát ép Tư Mã Duệ uống thuốc độc, Tư Mã Duệ tuyệt đối không tuân mệnh. Tôn Lự bèn nhân khi Tư Mã Duệ đi nhà xí, đánh chết Tư Mã Duệ bằng cái chày giã thuốc, khi đó Duệ mới 23 tuổi.

Giả hoàng hậu làm xằng làm bậy, đương nhiên gây nên sự kinh hãi của nhà họ Tư Mã, ai nấy đều thấy nguy hiểm. Con cháu nhà họ Tư Mã được phong vương bên ngoài đương nhiên không chịu ngồi chờ chết, muốn giết chết Giả hoàng hậu, đoạt lại hoàng quyền. Huynh đệ Tư Mã Chiêu, Tư Mã Sư, Tư Mã Lượng đều là nhân vật có thành tích, nhưng cửu đệ của họ Tư Mã Luân lại là người bất tài. Mưu sĩ dưới tay Tư Mã Luân là Tôn Tú tức kẻ đa mưu, hiền kế cho Tư Mã Luân, loại trừ hoàng hậu.

Tôn Tú là nhân vật đặc biệt. Nhiều năm nay, Tôn Tú hầu hạ Tư Mã Luân, lại lấy lòng nhà họ Tư Mã, họ Quách về nhiều mặt, Giả hoàng hậu cũng hết sức tín nhiệm Tôn Tú, xem là tâm phúc. Sau khi thái tử bị phế, tướng cũ, quan thuộc đông cung lúc trước vô vọng, nay ai ai cũng bất bình, một lòng muốn loại trừ Giả Nam Phong, đón thái tử về. Thuộc hạ cũ của đông cung thấy Tư Mã Luân nắm binh quyền trong tay và thấy lợi quên nghĩa, cho rằng có thể lợi dụng, bèn lay động Tôn Tú, để hấn cổ động Tư Mã Luân tạo phản.

Tôn Tú thuận theo dòng chảy, quyết định khởi sự. Trước khi bắt đầu hành động, Tôn Tú nói lợi hại với Tư Mã Luân: Thái tử thông minh hơn người, nếu đoạt lại được đông cung, quyết không tin theo chúng ta; Giả hoàng hậu vẫn rất tin tưởng người, mọi người đều rõ ràng, nay phải giúp đỡ thái tử quay về Đông cung, thái tử cũng không cảm ân; chỉ bằng đợi Giả hoàng hậu giết chết thái tử trước, rồi hãy lấy danh nghĩa báo thù thái tử, loại trừ hoàng hậu, đó chẳng phải là nhất cử lưỡng đắc, sự xuất hữu danh sao? Tư Mã Luân tán đồng mưu kế này.

Thái tử bị xử chết, thời cơ đã chín muồi. Thái tử bị độc chết vào tháng 3 năm Vĩnh Khang thứ 6, cũng chính là năm 300 Công Nguyên. Giữa đêm ngày 3 tháng 4, Triệu vương Tư Mã Luân và Tôn Tú liên minh với Tề vương Tư Mã Thương phát động chính biến. Triệu vương giả truyền thánh chỉ cho cấm quân hoàng cung: Giả hoàng hậu và Giả Mật mưu giết thái tử, lệnh cho Xa kị tướng quân Tư Mã Luân vào cung, phế truất hoàng hậu; các tướng lĩnh nghe lệnh, thưởng cho người có công, người vi phạm lệnh thì bị tru di tam tộc. Tề vương Tư Mã Thương lãnh một trăm quân chạy đến hậu cung, bắt trói Giả hoàng hậu, rồi phế hoàng hậu thành thứ dân ngay, giam lỏng trong Kiến Thủy điện, bắt sạch gia tộc họ Giả và đồng đảng.

Nhà họ Giả bị tru di tam tộc. Tư đảng cũng bị bắt gọn, bị giết toàn bộ. Giả hoàng hậu bị giam lỏng trong Kim Dung thành. Vài ngày sau, Triệu vương giả truyền thánh chỉ, giết chết Giả Nam Phong bằng rượu độc Kim Tiêu. Triệu vương Tư Mã Luân chuyên quyền, vương triều nhà Tấn lại gặp sóng gió. Các vương giết hại lẫn nhau, ngọn lửa chiến tranh kéo dài liên tục 6 năm, lịch sử gọi là Bát vương chi loạn. Huệ đế khi bị phế khi được lập trong mưa gió chiến tranh, cho đến năm thứ 6 sau khi Giả Nam Phong chết, thì cũng bị chết vì trong bánh có độc, ở tuổi 48. Qua 10 năm sau, Tây Tấn bại vong.

Chương X

Phong thái của hoàng hậu Bắc Ngụy

I. Chính biến cung đình

Khi Tân Mẫn đế Tư Mã Nghiệp tại vị, vào tháng 2 năm Kiến Hưng thứ 3, năm 315 Công Nguyên, phong tướng lĩnh ở Tiên Ti, Thác Bạt Kỳ Lô lập nhiều chiến công và mở rộng bờ cõi làm đại vương, cai quản 2 quận Đại, Thường Sơn. Tháng 11 năm Hàm Khang thứ 4, khi Đông Tấn Thành đế Tư Mã Diên tại vị, tức năm 338 Công Nguyên, Thác Bạt Thập Dực Kiến xây dựng nước Đại tại phía Bắc Trung Quốc, tự phong mình làm quốc chủ, thống trị một phương.

Tháng 4 năm Thái Nguyên thứ 11, khi Đông Tấn Hiếu Võ đế Tư Mã Diêu tại vị, tức năm 368 Công Nguyên, Thác Bạt Khuê tự xưng Ngụy Vương, xây dựng nước Ngụy, định cư Thành Lạc, mở rộng và phát triển chung quanh trung tâm Thành Lạc. Tháng 7 năm Ngụy Hoàng Thủy thứ 3, tức năm 398 Công Nguyên, lực lượng nước Ngụy ngày càng mạnh, binh cường quân hăng, chính thức định đô tại Bình Thành. Từ đó nhà họ Thác Bạt thuộc tộc Tiên Ti chính thức khởi nghĩa từ phía bắc Trung Quốc.

Người thống trị đời thứ 3 của nước Ngụy là Thác Bạt Đạo dững mãnh hung hãn. Thác Bạt Đạo thống lĩnh Ngụy binh, công chiến bốn phương, vào năm Thái Diên thứ 5, tức năm 439 Công Nguyên, diệt Bắc Lương, thống nhất phía bắc Trung Quốc. Đó là sự khởi đầu của Bắc Triều trong lịch sử Trung Quốc. Ngụy bèn xưng làm Bắc Ngụy. Thác Bạt Đạo khai lập cơ nghiệp vương triều Bắc Ngụy xưng làm Thái Vũ đế.

Tộc Tiên Ti là dân tộc hung hãn. Tộc Tiên Ti vắng lặng nhiều năm, cuối cùng cũng xuất hiện một thủ lĩnh họ Thác Bạt, thế là chinh chiến khắp nơi, không đâu địch nổi. Thác Bạt Đạo giỏi dùng binh, gây chiến nhiều năm, thống nhất phương Bắc, cùng với Lưu Tống triều Nam chia nhau cai trị đất nước. Thác Bạt Đạo hung bạo hiếu sát, giết chết thái tử khi thịnh nộ, dân

tộc họ có tính tình hung hãn, kích động, dám nghĩ dám làm, dám làm dám chịu.

Thái tử của Thác Bạt Đạo là Thác Bạt Hoảng, rất được Thác Bạt Đạo yêu quý. Thác Bạt Đạo thống binh nam chinh Lưu Tống, muốn thống nhất luôn Trung Quốc, thái tử Thác Bạt Hoảng nhận lệnh ở lại giữ Bình Thành, tổng quản quân chính. Thái tử ham muốn hưởng lạc, ham tiền tài, thích lợi nhỏ. Ngụy binh dấy binh nam chinh, trên đường thế như chẻ tre, các doanh binh tướng hồ được vàng bạc tiền tài vô số. Thái tử tham tài, lại tự ý đòi tiền vật từ các doanh trại.

Thác Bạt Đạo thống binh chinh chiến bên ngoài biết được hành vi của thái tử, bèn cử tâm phúc trở về Bình Thành điều tra sự thật. Trong cơn tức giận, Thác Bạt Đạo dự định về Bình Thành, phế bỏ thái tử, đề hấn tự sát. Thác Bạt Hoảng được biết phụ thân nổi giận lôi đình, có ý muốn phế giết mình, đương nhiên hết sức sợ hãi. Một thái tử chẳng có kế gì bèn quyết định giết chết Thác Bạt Đạo khi ông trở về Bình Thành, rồi tự xưng đế.

Có người biết được mưu đồ bất chính của thái tử nên bẩm báo với Thác Bạt Đạo, Thác Bạt Đạo nổi cơn lôi đình. Khi đó Thác Bạt Đạo đang thống binh trú tại Qua Châu phía nam Dương Châu thuộc lưu vực sông Trường Giang. Bắc Ngụy binh đang hùng mạnh, đang muốn tiến về phía nam với quy mô lớn, không ngờ thái tử lại ngầm giở trò, việc nam phạt đành phải gạt sang một bên, để giải quyết chuyện lớn liên quan đến sự an nguy tại hậu phương.

Thác Bạt Đạo nghe nói thái tử mưu phản, buột miệng mắng ngay: Đồ súc sinh này, lại dám học Thanh Hà vương, quyết chí mưu phản! Thanh Hà vương tên Thác Bạt Thiệu, là con trai của Đạo Vũ đế Thác Bạt Khuê. Thác Bạt Khuê là tổ phụ của Thác Bạt Đạo, Thanh Hà vương là bậc cha chú của Thác Bạt Đạo. Đạo Vũ đế Thác Bạt Khuê chính bị Thanh Hà vương Thác Bạt Thiệu tạo phản giết chết. Hành vi của Thác Bạt Thiệu, làm chấn động cả Bắc Ngụy, cũng ảnh hưởng đến lịch sử sau này của Bắc Ngụy.

Thái tử Thác Bạt Hoảng chưa hết tính trẻ con, xử lý công việc bằng tình cảm, làm sao là đối thủ của Thác Bạt Đạo đầy mưu mô, chinh chiến lâu năm? Thác Bạt Đạo thống soái đại quân, đưa quân về triều, trước khi đưa quân vào Bình Thành, ông giả bệnh nguy hiểm đến tính mạng, phái tâm phúc thân cận chạy ngay về Bình Thành báo với thái tử. Một ngày sau, tin Thác Bạt Đạo bệnh chết được tung về Bình Thành. Thái tử đến cửa thành đón tang theo lễ chế. Thác Bạt Đạo nhân lúc thái tử không chuẩn bị, bất ngờ bắt giam thái tử.

Thác Bạt Đạo tiến vào thành đô Bình Thành, bắt đầu thanh trừ đồng đảng của thái tử. Thác Bạt Đạo làm một cái lồng thiếc rất lớn, giam thái tử trong lồng, tuyên bố tội trạng mưu phản của thái tử, thái tử đương nhiên chịu tội. Chiếc lồng thiếc giam thái tử được đưa đến ngoại thành, để thái tử té chết. Thái tử Thác Bạt Hoảng đã chết như thế, Tần vương Thác Bạt Hàn lớn nhất, Thác Bạt Đạo có ý lập hắn làm thái tử. Thác Bạt Đạo hận thái tử Thác Bạt Hoảng, nhưng lại luôn rất yêu mến con trai Thác Bạt Tuấn của thái tử, còn nếu muốn lập hoàng tôn Thác Bạt Tuấn cũng được. Khi Thác Bạt Đạo do dự không quyết trong việc lập thái tử thì trong cung Bắc Ngụy lại nổi lên sóng gió, xảy ra cuộc chính biến, Thái Vũ đế Thác Bạt Đạo bất hạnh bị giết chết.

Kẻ chủ mưu của cuộc chính biến cung đình chính là họa quan thân cận của Thác Bạt Đạo, tên là Tông Ái, luôn được sự tín nhiệm của Thác Bạt Đạo, xem là tâm phúc. Cùng lúc với việc lấy lòng Thác Bạt Đạo, Tông Ái nghĩ đến tương lai, bèn giao hảo với con trai thứ 5 của Thác Bạt Đạo, bí mật lập con trai thứ 5 làm thái tử. Sự việc này bị tâm phúc của Thác Bạt Đạo điều tra biết được, bẩm báo với Thác Bạt Đạo, Thác Bạt Đạo hết sức căm hận Tông Ái, cho rằng ông tín nhiệm hắn như thế mà hắn lại phản bội mình, lộng quyền lấu cá, muốn giết mình.

Tông Ái được biết Thác Bạt Đạo đã biết âm mưu của mình, biết chuyện sẽ chẳng hay, và sẽ nhanh chóng rước họa vào thân, thế là, dứt khoát ra tay

trước, bỏ thuốc độc vào thức ăn của Thác Bạt Đạo, khiến Thác Bạt Đạo chết trong cung trước khi ra tay trừng trị hắn. Thác Bạt Đạo chết đi, thái tử cũng đã chết, thái tử mới lại chưa được sắc lập, bước tiếp theo là ai sẽ thừa kế đại vị đây?

Tông Ái không chế hậu cung, giả truyền di chiếu, lập con trai thứ 5 của Thác Bạt Đạo là Ngô vương Thác Bạt Dư làm hoàng đế. Tông Ái lập Ngô vương, làm sao mà Thác Bạt Hàn lớn nhất lại chịu bỏ qua? Tông Ái cũng nghĩ đến chuyện này, bèn giả truyền ý chỉ của thái hậu Hách Liên thị, triệu Tần vương Thác Bạt Hàn vào cung. Tần vương vừa bước vào cung, lập tức bị bắt, bị giết ngay tức khắc.

Ngô vương Thác Bạt Dư cuối cùng cũng đăng lên ngôi hoàng đế dưới sự sắp xếp tỉ mỉ của Tông Ái. Tông Ái có công lập vua, được nhậm chức thái tử, nắm giữ đại quyền triều chính. Còn bản thân Thác Bạt Dư lại chẳng màng đến chính sự, chỉ chìm đắm trong tử sắc. Tông Ái là kẻ tiểu nhân nhiều mưu kế, giỏi ứng biến, có được cơ hội thuận lợi độc chiếm đại quyền, như cá gặp nước. Sau khi nắm đại quyền triều chính, Tông Ái kéo bè đảng khắp triều đình, khi đó đương nhiên hắn coi Thác Bạt Dư chỉ biết hưởng lạc vui chơi chẳng ra gì.

Tông Ái coi trời bằng vung, ngênh ngang ngạo ngược, khinh miệt Thác Bạt Dư, thời gian lâu dần, đương nhiên Thác Bạt Dư hiểu rõ điều đó. Thác Bạt Dư cũng không phải là loại người bất tài vô năng, biết quyền lực của Tông Ái quá lớn, ngày sau khó mà khống chế, thêm vào đó loại người cay độc như Tông Ái một khi có mưu đồ bất chính, e rằng khó mà ứng phó, không thể không đề phòng. Thác Bạt Dư bèn nghĩ cách loại trừ Tông Ái.

Tông Ái vẫn là một người có mưu kế giỏi ứng biến, nhanh chóng biết được ý đồ của Thác Bạt Dư. Tông Ái hết sức tức giận, căm hận Thác Bạt Dư, thấy mình phò tá như thế, mà hắn lại phản bội mình, bèn phái tâm phúc thân tín là tiểu nội giám Giả Châu giết chết Thác Bạt Dư trong cung vào lúc giữa đêm. Không đến 8 tháng, liên tục mất đi hai hoàng đế, đại thần trong

triều hết sức sợ hãi, chẳng biết chuyện gì đang xảy ra. Hoàng vị bỏ trống, sẽ lập ai làm hoàng đế bây giờ?

Các đại thần thấy chuyện này chắc có nguyên nhân, nhất định là chuyện lớn xuất phát từ nội cung. Hai lão thần trung thành lại trí dũng của Bắc Ngụy là nam bộ thượng thư Lục Lệ và thống lĩnh cấm quân Nguyên Gia bí mật lập kế, quyết kế lập hoàng thái tôn Thác Bạt Tuấn, thanh trừ hậu cung, bắt giam bọn gian thần Tông Ái. Thống lĩnh cấm quân Nguyên Gia chỉ huy cấm quân, phong tỏa hoàng cung, lệnh cho một đạo tinh binh bao vây phủ Tông Ái. Lục Lệ cưỡi ngựa như bay đến chỗ ở của hoàng thái tôn, ôm thái tôn lên ngựa, cưỡi vào hoàng cung, tiến vào cung Vĩnh An, rồi triệu tập triều thần, tuyên bố kế vị. Vị hoàng thái tử Thác Bạt Tuấn này chính là Văn Thành đế nổi tiếng trong lịch sử.

II. Thiếu niên thiên tử Văn Thành đế

Tông Ái và đồng đảng của hắn bị thanh trừ, triều chính quy về trong tay đại thần Lục Lệ, Nguyên Gia, Bắc Ngụy chuyển nguy thành an, chính trị đi vào chính đạo. Văn Thành đế cai quản thiên hạ, tuổi mới 11. Mẫu thân của Văn Thành đế Uất Cửu Lữ thị thân thể suy yếu, không thể nghe chính sự. Văn Thành đế kế vị chưa đến một năm, mẫu thân của ngài bệnh qua đời. Văn Thành đế ở bên vú nuôi Thường thị từ nhỏ, lớn lên bằng dòng sữa của Thường thị, Thường thị chăm sóc từng li từng tí, như mẹ ruột. Khi đó, mẹ đẻ đã mất, một Văn Thành đế có chủ kiến muốn tôn vinh vú nuôi, dự định tôn vú nuôi Thường thị làm thái hậu.

Vú nuôi tôn làm thái hậu, đó là chuyện chưa có từ xưa đến nay, các đại thần đều phản đối ra mặt, nhất là đại thần Trương Lê, Cổ Bật, phản đối kịch liệt nhất. Tư đồ Cổ Bật nói: Từ xưa đến nay, điển chế của lịch triều lịch đại đều quy định, chỉ có hoàng hậu của tiên đế và sinh mẫu của tân hoàng thượng mới được tôn xưng thái hậu, chứ chưa bao giờ tôn vú nuôi làm thái hậu. Thái úy Trương Lê chỉ ra: Tôn xưng thái hậu là đại điển quốc gia ban cho, không thể tùy tiện làm liều; hoàng thượng muốn tôn vinh vú nuôi, có thể thưởng nhiều ngân lượng vật phẩm, không thể thưởng danh vị thái hậu cho người ngoài hoàng tộc được.

Văn Thành đế từ tốn nói: Tiên triều Thái Vũ hoàng đế tôn bảo mẫu Đậu thị làm bảo thái hậu, các ngươi không biết sao? Lần này tôn vinh vú nuôi, chẳng qua là dẫn ra lệ xưa. Cổ Bật lập tức phản bác: Sinh mẫu của Thái Vũ đế Mật thái hậu qua đời quá sớm, bảo mẫu có công dưỡng dục, đó là điều có thể lý giải; hơn nữa, đó không phải là thường điển của quốc chế, không đủ để xem là luật. Văn Thành đế nổi giận, nói chế độ này sẽ bắt đầu từ ta, có gì không thể!

Văn Thành đế kiên trì ý kiến của mình, ngày hôm sau bèn ban bố chiếu lệnh, tôn vú nuôi Thường thị làm bảo thái hậu. Năm sau, chính thức tôn Thường thị làm hoàng thái hậu. Thường thị là người Liêu Tây, ở trong cung thái tử mười mấy năm, biết rõ điển cố trong cung. Thường thái hậu và Văn Thành đế rất hiểu nhau. Thường thái hậu quan tâm, chăm sóc và hiểu rõ Văn Thành đế, Văn Thành đế rất kính trọng Thường thái hậu.

III. Mỹ phi đức người vàng

Văn Thành đế 17 tuổi, Thường thái hậu nghĩ đến chuyện tuyển chọn hoàng hậu cho ngài. Bà tâu với Văn Thành đế: Tuổi tác của hoàng thượng đã không nhỏ, nên lập hoàng hậu, thống lĩnh lục cung. Văn Thành đế nói để thái hậu làm chủ. Thường thái hậu bèn nói: Quy củ tiên triều đã định, theo lệ tuyển ra vài người trong số các tần phi của hoàng đế, mỗi người tự tay đúc một người bằng vàng, đúc thành thì cát, mới được lập làm hoàng hậu; có thể làm theo lệ xưa. Văn Thành đế đồng ý.

Khi đó trong hậu cung của Văn Thành đế, có 4 cô gái được yêu quý nhất, họ là Phùng thị, Lý thị, Tào thị và Từ Cừ thị. Trong số 4 người này, Phùng thị được sủng ái nhất. Bốn người đều rất xinh đẹp, nhưng Phùng thị thông minh, tài giỏi, trí tuệ. Văn Thành đế trẻ tuổi và Phùng thị thông minh trí tuệ rất hài hoà, cũng rất hợp nhau. Phùng thị xinh đẹp, tài trí và giỏi hiểu ý người, thu hút mạnh mẽ Văn Thành đế, Văn Thành đế đương nhiên hy vọng lập Phùng thị làm hoàng hậu.

Phùng thị là người Tín Đô Trường Lạc, chính là huyện Dục tỉnh Hà Bắc. Phùng thị sinh tại Trường An. Tổ phụ của Phùng thị tên Phùng Văn Thông, là tiểu đệ của quốc vương nước Bắc Yên Phùng Bạt, thừa kế đại vị sau khi Phùng Bạt qua đời, trở thành hoàng đế nước Yên. Phụ thân của Phùng thị tên Phùng Lang, làm quan đến chức Bắc Yên Quảng Bình công. Sau khi mẫu thân vương thị bị phế, Phùng Lang và bào đệ Phùng Mạc chạy khỏi Liêu Tây vào năm 432 Công Nguyên, thuyết phục đại ca Phùng Sùng, đầu hàng Bắc Ngụy. Bắc Ngụy phong Phùng Sùng làm Liêu Tây vương. Phùng Lang cũng được trọng dụng, nhậm quan tại Tần, Ứng hai châu thứ sử, tây quận công.

Phùng Lang có tội bị giết, gia thuộc con cái chưa vào cung. Cô mẫu của Phùng thị được Thái Vũ đế sủng ái, phong làm chiêu nghi. Phùng chiêu

nghi được Phùng Văn Thông dâng cho Ngụy thế tử để làm vật lui binh cầu hòa khi quân Bắc Ngụy tấn công đến thành trì của Phùng Văn Thông vào năm thứ 3 của Bắc Ngụy Diên Hòa, tức năm 434 Công Nguyên. Khi Phùng thị còn nhỏ, Phùng chiêu nghi đã dẫn Phùng thị vào thâm cung, tận tâm nuôi dưỡng, đến khi 14 tuổi, do hoa dung nguyệt mạo, nhỏ nhắn lanh lợi, nên được chọn vào hậu cung của Văn Thành đế.

Bắt đầu từ Đạo Vũ đế Thác Bạt Khuê, Bắc Ngụy xác lập 3 quy chế trong cung: Khi lập hoàng hậu, những người được chọn tranh chức hoàng hậu phải tự tay đúc người vàng, đúc thành thì sẽ lập, đúc không thành thì không lập; Khi lập thái tử, nhất định phải giết chết mẹ đẻ của thái tử; Con gái nhà Hán không được lập làm hoàng hậu. Phùng chiêu nghi hiểu rất rõ cung quy này của Bắc Ngụy, bảo thái hậu cũng hiểu rất rõ. Phùng thị rất ngoan ngoãn, rất tỉ mỉ, Phùng thị ra sức tiếp cận Thường thái hậu trong hậu cung, thái hậu rất yêu mến nàng.

Phùng thị lớn lên trong cung, được sự sủng ái của chiêu nghi và thái hậu, biết rõ chuyện xưa trong cung, lại được lão thái giám Vương Ngộ, Trương Hựu chỉ dạy, đương nhiên việc đúc người vàng chẳng là chuyện gì lớn lao. Phùng thị và 3 người được chọn sau cùng đúc người vàng, cuối cùng chỉ có Phùng thị đúc thành công. Nguyên năm Thái An Bắc Ngụy, năm 452 Công Nguyên, quý nhân Phùng thị được sắc lập làm hoàng hậu. Nàng chính là Văn Minh hoàng hậu nổi tiếng trong lịch sử.

IV. Ngày tháng trấn giữ hậu cung

Trước khi sắc lập hoàng hậu, Văn Thành đế đã có con trai khi mới 14 tuổi, lấy tên là Thác Bạt Hoảng. Mẫu thân của Thác Bạt Hoảng Lý thị là một cung nữ. Lý thị sinh hạ đứa con trai đầu tiên của hoàng đế, công lao rất lớn, được phong làm phu nhân. Sau khi được sắc lập làm hoàng hậu, Phùng thị biết rõ điều lệ trong cung, ra sức khuyên nhủ Văn Thành đế lập Thác Bạt Hoảng làm thái tử. Vì lập thái tử rồi, thì phải giết chết mẫu thân của thái tử; mà một khi hoàng hậu Phùng thị sinh con trai, vậy thì con trai của hoàng hậu đương nhiên lập làm thái tử, Phùng thị chẳng phải sẽ bị giết sao? Hơn nữa, Thác Bạt Hoảng còn nhỏ, lập làm thái tử, Lý thị bị giết, thân làm hoàng hậu có thể ẵm thái tử về nuôi dưỡng.

Phùng hoàng hậu biết chuyện lập thái tử không thể vội vàng, cũng không thể tự mình ra mặt. Phùng hoàng hậu bèn mượn lúc đi thăm hỏi Thường thái hậu, làm lung lay Thường thái hậu. Thường thái hậu hỏi hoàng thượng gần đây bận chuyện gì? Phùng hoàng hậu trả lời: Hoàng đế giỏi cưỡi ngựa săn bắn, thường thi thố tài cưỡi ngựa bắn cung với các thúc vương. Thường thái hậu nhắc hoàng hậu khuyên nhủ hoàng thượng, quan tâm nhiều hơn đến triều chính.

Phùng hoàng hậu thừa cơ nói: Từ đó đến giờ hoàng đế luôn tự chủ, ai khuyên cho nổi? Tính tình của người và các thúc vương đều giống nhau, nên chơi với nhau càng vui vẻ; nếu nói ra, căn bản của đất nước chính nhờ chư thần kiến dựng; sau khi Cung hoàng đế (Thác Bạt Hoảng) qua đời, chư vị bỏ trống, Ngô vương thay đổi vương vị, hoàng triều nguy hiểm bất trắc, không nhờ có mấy vị trung thần như Lục Lệ, Nguyên Gia phò tá thì làm sao có ngày hôm nay! Xuất phát từ sự an nguy của quốc gia, Phùng hoàng hậu nói về các chư vị thật hoàn hảo.

Thường thái hậu nghe xong, đương nhiên thấy rất có lý, hơn nữa thế mới là nhận thức được vấn đề cấp bách, không thể kéo dài. Phùng hoàng hậu nói tiếp lời của thái hậu, để thái hậu làm chủ, sớm lập chư quân. Thái hậu đồng ý. Khi đó, Văn Thành đế đã có hai con trai; con trưởng Thác Bạt Hoảng, chưa đầy 2 tuổi; con thứ Trường Lạc, mới được mấy tháng. Nên lập ai làm thái tử? Thường thái hậu suy nghĩ kỹ càng, quyết định hỏi Văn Thành đế xem sao.

Một hôm, Văn Thành đế đến vấn an Thường thái hậu. Thường thái hậu nói: Thái tử là nhất quốc chư quân, là đại kế căn bản của quốc gia, không biết người nghĩ sao? Văn Thành đế thành thật trả lời, nói mình vẫn còn trẻ, không cần phải vội vàng. Thường thái hậu lắc đầu, lại lấy Thái Vũ đế làm ví dụ, thái tử chưa lập, Ngô vương thừa cơ kế vị, quốc gia lâm vào cảnh khốn đốn, lại nói đời người vô thường, đều có phúc họa sớm tối, để phòng bất trắc, nên sớm lập thái tử.

Văn Thành đế như tỉnh sau cơn mơ, giờ mới cảnh giác, cảm thấy nên sớm lập thái tử. Văn Thành đế từ nhỏ đã nghe nói không biết bao nhiêu chuyện xưa của Thái Vũ đế, trong vòng 8 tháng, hai hoàng đế đột ngột băng hà, xã tắc hiểm nguy. Văn Thành đế nhận lời sẽ suy nghĩ kỹ càng sau khi về cung, rồi sẽ quyết định sau. Văn Thành đế yêu thích Thác Bạt Hoảng, đứa trẻ này rất tráng kiện, giống Văn Thành đế, là tướng của đế vương. Văn Thành đế có ý lập con trưởng Thác Bạt Hoảng.

Sắc lập con trưởng, mẫu thân của con trưởng Lý thị phải xử chết theo tổ chế. Văn Thành đế bái kiến Thường thái hậu, nói muốn lập con trưởng Thác Bạt Hoảng làm thái tử, chỉ là mẫu thân của Hoảng không thể bảo toàn tính mạng theo lệ, chuyện này xin thái hậu chủ trì, hành sự theo quốc pháp. Thường thái hậu đồng ý, để Văn Thành đế yên tâm, nói chỉ cần định ai là người được chọn làm thái tử, thì những chuyện còn lại sẽ dễ giải quyết.

Một hôm, Thường thái hậu bày yến tiệc trong hậu cung, triệu mời Phùng hoàng hậu, Lý phu nhân và các phi tần mỹ nhân của Văn Thành đế tham gia

yến tiệc. Ngoài Phùng hoàng hậu ra, ai nấy cũng thấy kỳ lạ, đều nhớ thái hậu chưa hề bày yến hậu cung, triệu mời mọi người, nhất định là có chuyện gì. Phùng hoàng hậu được tin, biết rằng đại sự đã định.

Yến tiệc hết sức thịnh soạn, món ngon vật lạ, ca múa giúp vui, ai nấy cùng ăn uống hết sức vui mừng. Khi yến tiệc lên tới cao trào, Thường thái hậu nâng ly nói với Lý phu nhân: Lý phu nhân, chúc mừng con. Lý phu nhân không biết có đại hỉ gì, đoán rằng mình được làm quý nhân? Lý phu nhân cười đáp: Thiếp rất ngu xuẩn, xin thái hậu cho biết, hỉ từ đâu đến?

Thường thái hậu nói, hoàng thượng đã quyết định, lập con trai của người Thác Bạt Hoàng làm thái tử. Mọi người nghe xong đều kinh hãi, Lý phu nhân sợ thất sắc. Chỉ có Phùng hoàng hậu, đã dự tính trước, vẫn bình tĩnh. Lý phu nhân biết rằng, lập thái tử phải giết đi mẫu thân của thái tử trước, Lý phu nhân chẳng nói được câu nào. Lúc này Thường thái hậu nói tiếp: Pháp chế quốc gia không thể thay đổi, đành phải chấp hành, hoàng đế muốn ân điển cho người nhà của người.

Lý phu nhân là người huyện Mông tỉnh Hà Nam, sinh ra tại một gia đình có chút tiền của. Chiến loạn liên miên, đâu đâu cũng tàn sát công phạt. Vĩnh Xương vương Thác Bạt Nhân thấy Lý phu nhân, hết sức yêu mến, bèn đưa vào hậu thất, dẫn về Trường An. Vĩnh Xương vương phạm pháp, được thưởng chết trong phủ, con gái hậu thất không được vào hoàng cung. Lý thị được đưa vào hoàng cung Bình Thành, làm nô tì. Văn Thành đế phát hiện Lý thị rất có nhan sắc, bèn chiếm hữu Lý thị, Lý thị sinh hạ con trai Thác Bạt Hoàng. Từ đó Lý thị từ nô tì trở thành chủ nhân, được làm phu nhân, cứ nghĩ rằng sẽ được hưởng vinh hoa phú quý bất tận, nhưng không ngờ con trai làm thái tử, tự mình phải nạp mạng.

Lý thị khóc không thành tiếng, mọi người ngơ ngác nhìn nhau, thì ra một buổi tiệc thịnh soạn lại chính là buổi tiệc từ biệt. Thường thái hậu đã chuẩn bị sẵn một phần rượu độc, đêm hôm đó lệnh cho thị tùng tặng cho Lý phu nhân, giám sát nàng uống tại chỗ. Lý phu nhân muốn gắp lại con trai một

lần trước khi chết, nhưng không được ưng chuẩn. Lý phu nhân đau khổ khóc lóc không thành tiếng. Thị tòng dâng rượu, Lý phu nhân mắng chửi điển chế đáng chết đó, rồi uống thuốc độc tự vẫn, hàm hận mà chết.

Không lâu sau, con trưởng Thác Bạt Hoảng được lập làm thái tử, tuổi mới lên 2. Phùng hoàng hậu rất yêu thích thái tử, Văn Thành đế lệnh cho Phùng hoàng hậu nuôi dưỡng thái tử. Phùng hoàng hậu được như ý về tất cả, trong lòng có niềm vui không nói nên lời. Phùng hoàng hậu nuôi nấng thái tử, chăm sóc cho thái tử. Thái tử ngày ngày lớn lên. Phùng hoàng hậu đích thân kiểm tra ăn uống của thái tử, quan tâm từng li từng tí. Thái tử rất yêu thích Phùng hoàng hậu, coi hoàng hậu như mẫu thân, hai người hết sức gần bó.

Bắc Ngụy quốc lực cường thịnh, lãnh thổ hết sức rộng lớn, phía đông đến Liêu Đông, phía tây đến Cam Túc, phía bắc đến vùng Nhiệt Hà, Tuy Viễn, phía nam đến Hoài Thủy, phía nam Hà Nam. Văn Thành đế cần mẫn chính vụ, cai trị quốc gia. Đối đầu với Nam triều Lưu Tống trong nhiều năm, hai bên đều vô sự. Quốc gia giàu có rồi, ngày yên bình đã lâu, Văn Thành đế bắt đầu hoang phí, xa xỉ, xây dựng nhà cửa.

Văn Thành đế thấy cung thất đơn giản, bèn hạ lệnh đại tu cung thất. Văn Thành đế tin thờ Phật giáo, tôn cao tăng Đàm Diệu làm sư. Đàm Diệu tâu chuẩn Văn Thành đế, xây dựng 5 toà thạch miếu trên núi Vũ Châu cách Đại Đồng 30 dặm về phía tây, điêu khắc 5 tượng Phật bằng đá, tượng Phật cao nhất lên đến 70 thước, những tượng còn lại cao 60 thước. Về sau, nơi này trở thành thánh địa Phật giáo nổi tiếng. Đó chính là hang đá Vân Cương, Đại Đồng.

Văn Thành đế thân hình cao to, thích cưỡi ngựa săn bắn, phi ngựa như bay. Dấu chân của Văn Thành đế khi săn bắn có tại Hà Tây, phía bắc đến Âm sơn. Văn Thành đế nghe nói Liêu Đông có núi sâu đầm lớn, ác thú rất nhiều, Văn Thành đế hào hùng muốn thử tài của mình, bèn chọn xe ngựa tốt

nhất, chuẩn bị người ngựa, điểm đu tuý tùng binh dũng, chuẩn bị viễn du Liêu Đông.

Năm thứ 7 Văn Thành đế kế vị. Văn Thành đế đến phía đông du ngoạn, lòng thấy thư thái, hưng phấn. Trên đường trở về kinh sư, Văn Thành đế ra lệnh cho tổ chức một cuộc thi, vương công đại thần và mọi quan viên đều phải tham gia, mình cũng không ngoại lệ.

Phùng hoàng hậu đi theo Văn Thành đế nghe nói Văn Thành đế muốn tham gia cuộc thi bắn cung, cho rằng không phù hợp, ra sức khuyên nhủ nhà vua không nên đích thân tham gia. Phùng hoàng hậu tiến tâu nói: Hoàng thượng là thiên hạ chi tôn, thi đấu thắng rồi cũng chẳng được vinh quang, thua rồi lại mất mặt, hà tất phải đích thân tham gia? Văn Thành đế có cách nghĩ riêng của mình, nói họ Thác Bạt quật khởi từ phía bắc, dùng cung mã lấy được thiên hạ, nay thiên hạ đã bình yên, thần dân sống rất tốt, phép cưới ngựa bắn tên của tổ tông có chút quên, lần này đích thân tham gia thi đấu, không ở chỗ thắng bại, mà muốn thức tỉnh mọi người, không quên nguồn gốc, ngày sau phải rèn luyện cung mã.

Vương công đại thần, văn võ bá quan đều ăn mặc chỉnh tề, tham dự cuộc thi. Địa điểm thi đấu là vùng đất bằng dưới chân núi. Có hoàng đế tham gia, đương nhiên ai nấy đều hưng phấn, đều muốn thể hiện tài năng của mình. Thanh sơn hùng vĩ, cao khoảng hơn 400 trượng. Văn Thành đế và Phùng hoàng hậu đến dưới chân núi, vương công bá quan ở đó cùng hô vạn tuế, chấn động bốn phương. Văn Thành đế thấy núi cao hùng vĩ, hạ lệnh lần này thi bắn tên, xem ai bắn được xa nhất, ai bắn qua núi cao này là người thắng cuộc, mỗi người 3 mũi tên.

Cuộc thi bắt đầu từ quan viên thấp nhất. Ai nấy bắn thử, thường chỉ đến lưng núi, chỉ có vài người bắn đến gần đỉnh núi, không ai bắn đến ngọn núi cao đó. Có thể là do không ai dám trở hết tài năng, có hoàng đế tham gia thi bắn, một khi hoàng đế không bằng thần, thì còn mặt mũi nào nữa? Cũng có

thê Phùng hoàng hậu sai tâm phúc đến nhắc nhở chúng thần, nếu không, tướng sĩ Bắc Ngụy cường mạnh mà chẳng có ai có thần lực như thế sao?

Đến lượt Văn Thành đế thi bắn. Văn Thành đế đã có dự tính trong lòng, hết sức hưng phấn. Văn Thành đế sử dụng cung cứng, tài nghệ bắn tên của người rất có tiếng trong Bắc Ngụy. Văn Thành đế lấy cung cứng, sử dụng tên màu vàng có lông đằng cuối, giương cung ra bắn, chỉ thấy một tia màu vàng, kèm theo một tiếng “xẹt”, bay đến đỉnh núi, rơi vào nơi dưới đỉnh núi 3 trượng. Phùng hoàng hậu đắm cả mồ hôi. Sau 3 lần bắn, như phi ưng, gặp một cơn gió, đưa tên bay qua đỉnh núi, biến mất ngoài núi. Phùng hoàng hậu và văn võ bá quan cùng hô vạn tuế. Tuy từng nhặt được cây tên đó ở hơn hai trăm bộ. Văn Thành đế vui mừng lệnh cho người khắc đá lập bia, từ đó sự dũng mãnh của ngài được lan truyền khắp nơi.

Văn Thành đế văn thao võ lược, là hoàng đế thánh minh. Văn Thành đế đầu óc tinh táo, biết phân biệt thị phi. Người áp Vũ là Thạch Hoa từng vu cáo Long Tây vương, Dục Châu thứ sử Nguyên Gia mưu phản, Văn Thành đế không tin, cho rằng Nguyên Gia lòng trung quốc sự, không thể mưu phản. Phái người đi điều tra tỉ mỉ, quả nhiên là vu cáo, thế là hạ lệnh giết Thạch Hoa. Sau chuyện đó, Văn Thành đế nói với tùy tùng bên cạnh: Trung thần như Nguyên Gia không thể tránh khỏi việc bị vu cáo, những người không bằng Nguyên Gia có thể không thận trọng sao?

Sự tích tương tự vẫn không ít. Mã Siêu hết sức bất mãn về hành vi phạm pháp của Định Châu thứ sử Hứa Tông Chi, Hứa Tông Chi giết chết Mã Siêu, sợ người nhà Mã Siêu cáo trạng, nên thượng tấu triều đình, vu cáo Mã Siêu huỷ hoại triều chính. Văn Thành đế nói: Đó nhất định là vụ án oan, nhất định là Hứa Tông Chi sợ tội nên vu cáo Mã Siêu. Vừa điều tra, quả đúng như thế, bèn đưa Hứa Tông Chi đến Đô Nam. Trung thư thị lang Cao Doãn là người thẳng thắn, dám can gián thẳng lời, dùng từ sắc sảo, làm người khác khó chịu. Khi Cao Doãn cầu kiến, Văn Thành đế luôn lệnh cho người hầu lui xuống, nghe tiền ngôn của Cao Doãn, thường từ sáng đến tối,

hoặc là suốt mấy ngày liền. Văn Thành đế nói với tùy tùng: Cao Doãn là trung thần hiếm có, ta có sai lầm gì, Cao Doãn đều trực ngôn không giấu giếm, tuyệt đối không trốn tránh. Văn Thành đế lại nói với quần thần: Các người chỉ nói lời dễ nghe, không có công mà quan lên đến vương công, Cao Doãn hầu hạ ta mấy chục năm, chỉ là một quan lang, các người không thấy xấu hổ sao?

Tháng 5 năm Hòa Bình thứ 6, tức năm 465 Công Nguyên, Văn Thành đế bệnh chết tại Thái Hoa điện Bình Thành, tại vị 14 năm, tuổi mới 26. Thác Bạt Hoảng 3 tuổi đã được lập làm hoàng thái tử nay được kế hoàng vị ngay trước linh cữu của Văn Thành đế, khi mới 11 tuổi. Văn Thành đế qua đời, để lại nỗi đau to lớn cho Phùng hoàng hậu vẫn còn sống. Phùng hoàng hậu đau như đứt ruột, đau khổ muốn tuyệt mạng, không dám tin rằng một Văn Thành đế khỏe mạnh cường tráng và tràn đầy sức sống như thế lại vậy tay ra đi như thế.

V. Phùng thái hậu thấu tóm quyền thần

Theo lệ trong cung Bắc Ngụy, 3 ngày sau khi hoàng đế qua đời, phải đốt tất cả những quần áo đồ dùng của người chết trong vườn trước linh cữu một cách trân trọng. Khi đốt đồ dùng quần áo, văn võ bá quan và hậu phi đều phải có mặt, ai nấy đều khóc lóc đau khổ, để gởi niềm bi ai, tưởng niệm. Quần áo đồ dùng bị đốt cháy, lửa bốc bùng bùng. Phùng hoàng hậu nước mắt như mưa đột ngột đứng bật dậy từ ghế ngồi, bỏ nhào về hướng cây cung cứng và cầm bảo mâu vàng quen thuộc, muốn nhảy vào trong biển lửa, quyết định tự vẫn. Những người có mặt tại đó đứng sững người, không biết xảy ra chuyện gì. Chỉ có một thái giám nhanh mắt nhanh tay kéo được vạt áo của Phùng hoàng hậu, nên Phùng hoàng hậu bỏ nhào đến bên đồng lửa, ngất lịm đi. Phùng hoàng hậu được nội giám phản ứng nhanh cứu kịp lúc, rất lâu mới tỉnh lại, không bị thương, ngọn lửa chỉ đốt hồng chiếc áo.

Thác Bạt Hoàng mới 11 tuổi đã kế hoàng vị, trở thành Hiến Văn đế nổi tiếng trong sử sách. Phùng hoàng hậu được tôn là Phùng thái hậu. Triều chính do Xa kị tướng quân Át Hồn chủ trì. Át Hồn là thị trung kiêm Xa kị tướng quân nắm binh quyền trong tay, thấy con cô mẹ góa yếu đuối dễ ức hiếp, bèn trộm lấy danh nghĩa của Hiến Văn đế, giả truyền thánh chỉ, tàn sát vô tội, kết bè kéo đảng, độc hưởng đại quyền, tự phong thừa tướng, quản lý quân chính.

Át Hồn là người Đại, tức huyện Đại tỉnh Sơn Tây, là hậu duệ của phò mã Át Khôi của Thái Vũ đế. Át Hồn tác oai tác quái, đương nhiên tạo nên sự bất mãn của văn võ bá quan. Thượng thư Dương Bảo Niên, Bình Dương công Ái Nhân... đều ra mặt phản đối, lần lượt bị giết. Nam Dương công Trương Thiên Độ muốn lấy lại công bằng, cũng không tránh khỏi bất hạnh. Năm đó Phùng thái hậu 24 tuổi, vẫn chưa có con, thái tử không phải con ruột của mình, cục diện này thật sự rất nghiêm trọng. Nhưng, một Phùng

thái hậu tức trí đa mưu, có gan có trí quyết kế nổi dậy kháng cự, quyết không để mất đại quyền, để kẻ gian không chế.

Phùng thái hậu có một gia huynh tên Phùng Hi, đang nhậm quan bên ngoài triều, nhậm chức Định Châu thứ sử. Phùng thái hậu tâu với Hiến Văn đế, hạ chỉ điều Phùng Hi về triều, nhậm chức tại kinh sư, để phân chia đại quyền với Át Hồn, ức chế Át Hồn. Thánh chỉ vừa hạ xuống, Át Hồn đã biết ngay đó là chủ ý của Phùng thái hậu, dứt khoát để sang một bên, không màng đến. Phùng thái hậu càng hiểu rằng, nếu không loại trừ Át Hồn, e rằng không còn sách lược nào có thể lấy lại triều chính, ngày sau tất có đại họa, tính mạng của thân gia hoàng tộc và hậu tộc khó mà an toàn, giang sơn xã tắc coi như đi đời nhà ma.

Tình thế nguy cấp. Phùng thái hậu không còn cách nào khác, đành phải mật chỉ triệu hai tâm phúc thái giám Vương Ngộ, Trương Hựu tâu cán thông minh. Phùng thái hậu nói rõ thế cục nguy cấp, Trương Hựu phản ứng nhanh nhạy nói: Các đại thần đức cao vọng trọng trong triều đều khiếp sợ Át Hồn, e rằng chỉ có Bình Dương vương Lục Lệ là có thể không chế Át Hồn; Lục Lệ đang dưỡng bệnh tại Ôn Tuyền, Đại Châu, chi bằng tuyên Lục Lệ vào kinh, Át Hồn không dám manh động, rồi sau đó mới tính tiếp cách chia bớt quyền lực của hắn.

Kế này của Trương Hựu đương nhiên rất tốt, Phùng thái hậu cũng đã nghĩ đến. Khi đó chỉ có đại thần Nguyên Gia, Lục Lệ là có thể phó thác đại sự, cũng có thể tin cậy được. Nguyên Gia đang ở Hà Bắc xa xôi, đường đi quá dài. Lục Lệ gần hơn, có thể tuyên triệu, nhưng, lấy danh nghĩa gì triệu Lục Lệ vào kinh để không làm cho Át Hồn cảnh giác? Đó là một vấn đề nan giải. Trương Hựu vốn rất thông minh, nói ngay: Thái hậu có thể viết một bức mật thư, phái tâm phúc tùy tùng đưa đi, như thế có thể sẽ chẳng có sai sót gì. Phùng thái hậu tán đồng.

Không bao lâu sau, Lục Lệ vào triều. Át Hồn có phần sợ Lục Lệ, quả thật có chút bớt ngang tàng. Lục Lệ kiểm soát Át Hồn ở khắp mọi nơi, Át

Hồn thấy không còn tự tại như trước nữa, lòng hận thù lên đến cực điểm và muốn giết chết Lục Lệ, nên phái thích khách công khai giết trọng thần Lục Lệ. Ất Hồn bất chấp thủ đoạn, dấu hiệu phản loạn đã rõ ràng, có ý muốn phế Hiến Văn đế và Phùng thái hậu, lập một hoàng đế nhỏ khác, tự mình không chế đại quyền, làm hoàng đế thật sự.

Thế cục ngày càng nghiêm trọng. Phùng thái hậu biết rằng, càng để lâu, sẽ càng nguy hiểm, bèn mật chiếu Hiến Văn đế và tâm phúc thái giám Vương Ngộ, Trương Hựu, cùng bàn đại kế. Phùng thái hậu giải thích rõ ràng về chính cục hiểm nguy, để mọi người cùng nhau hiến kế. Trương Hựu tiến ngôn, nói chi bằng tuyên chỉ thân thúc vương của hoàng thượng vào kinh; Kinh Triệu Vương Tử Thôi làm người ngay thẳng, là sủng thần của tiên đế, có thể cùng nhau bàn đại sự, cùng nhau đối phó với Ất Hồn.

Chủ ý này tuy hay nhưng nước xa không cứu được lửa gần, Phùng thái hậu lắc đầu. Phùng thái hậu suy nghĩ một lúc, cảm thấy kế hay nhất bây giờ chỉ có thể là ra tay ngay trong cung, nếu không đêm dài lắm mộng. Phùng thái hậu hỏi: Túc vệ trưởng nội điện là ai? Vương Ngộ trả lời: Là Điện trung tướng quân Nguyên Uất. Hỏi: Là đồng đảng của Ất Hồn phải không? Vương Ngộ nói: Nguyên Uất có thể không phải, nhưng Túc vệ trưởng cửa cung Hòa Bạt là đồng đảng của Ất Hồn; Nguyên Uất từng làm Ngự mã giám cho tiên đế, rất được tiên đế khen ngợi, có thể tin nhiệm được.

Phùng thái hậu thở phào một hơi, tiếp đó nói với Hiến Văn đế: Từ ngày mai, hoàng đế phải giả bệnh, khóc la đau thắt bụng, không thể ăn uống, nhất định phải giả cho giống! Hiến Văn đế hiểu rất rõ, gật đầu đồng ý. Kế hoạch của Phùng thái hậu là: Bệnh nặng liên tục 3 ngày, 3 ngày không thượng triều, cấp triệu thái y; đến ngày thứ 3, bảo hoàng đế bệnh nguy hiểm, tuyên Ất Hồn vào cung, Nguyên Uất thống lĩnh vệ sĩ giữ vệ binh của Ất Hồn ngoài điện; Trương Hựu chọn ra 20 thái giám khỏe mạnh cường tráng mai phục sẵn trong phòng bệnh, đợi Ất Hồn bước vào, bắt trói ngay lập tức, giết

hết vệ binh của Ất Hồn, tuyên bố thắng triều, công bố tội trạng của Ất Hồn, lập tức hành quyết.

Mọi người nghe xong đều cảm thấy kế này rất thiết thực có thể thực hiện được. Nguyên Uất được triệu đến, Phùng thái hậu phân biệt lợi hại thuyết phục được Nguyên Uất. Mọi thứ đều như dự đoán của Phùng thái hậu, Ất Hồn bị bắt sống, vệ binh của Ất Hồn bị xử quyết, bá quan có mặt đông đủ tại triều đường, tuyên bố tội trạng của Ất Hồn, lập tức xử chết, tru di tam tộc. Văn võ bá quan ai nấy đều bảo nhanh quá, hoan hô cổ vũ. Trước khi chết, Ất Hồn vẫn nghĩ không ra, tại sao thua trong tay một người phụ nữ chỉ mới 24 tuổi?

VI. Cái chết của Hiến Văn đế

Phùng thái hậu trẻ tuổi biết được tầm quan trọng của quyền lực từ sự tác oai tác quái của quyền thần Át Hồn, nhất định phải nắm đại quyền trong tay, không thể buông quyền. Hoàng đế còn nhỏ, Phùng thái hậu biết mình không thể không hỏi chuyện triều chính, bèn tuyên bố lâm triều nhiếp chính, xử lý tất cả chính vụ. Phùng thái hậu tin tưởng vào Trung thư lệnh Cao Doãn, Trung thư thị lang Cao Lư, Giả Tú, đồng thời triệu hồi Nguyên Gia, để họ cùng nhau phò chính, xem Cao Doãn là thủ phụ. Tất cả mọi chính vụ trong triều đều do Phùng thái hậu quyết định cuối cùng.

Hiến Văn đế ngày một lớn lên, dần dần trở thành một trang nam tử cương nghị quả đoán, văn võ song toàn, có trí có dũng. Trời sinh Hiến Văn đế hiếu động chán ghét văn chương tấu sớ rắc rối phức tạp trong cung, không thích tất cả những chuyện nhỏ nhặt. Hiến Văn đế trí tuệ, có một trái tim hướng Phật, đồng thời yêu thích nghệ thuật kiến trúc, nhất là kiến trúc Phật giáo. Phật giáo thịnh hành từ thời Bắc Ngụy. Vào đời Thái Vũ đế, ông rất thích Đạo giáo, có lần tuần du một ngôi miếu ở Trường An, bất ngờ phát hiện trong miếu có tàng trữ binh khí, hơn nữa, tăng sư đều uống rượu, hậu đường lại có mật thất, bên trong nhốt phụ nữ. Thái Vũ đế giận tím người, hạ lệnh cấm tuyệt Phật giáo. Trong lúc nhất thời, Phật tự bị huỷ hết, tăng đồ bị giết chết, đó là một trận đại nạn trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Khi Văn Thành đế tại vị, Phật giáo dần dần hưng thịnh lại.

Hiến Văn đế rất có nhiệt tình với Phật giáo, thích tuần du các ngôi chùa lớn ở khắp nơi, thích thảo luận giáo nghĩa với các cao tăng có đạo hạnh cao thâm. Một lần, Hiến Văn đế tuần du đến một ngôi miếu mới ở ngoại thành kinh sư, nhìn thấy một vị cao tăng tuổi đã hơn 80 trong miếu. Cao tăng tên Tiễn Hiền, mặt mũi hồng hào, thường tham thiền trong tịnh thất sau tự, thuyết pháp trong Bình Thành, phổ độ chúng sinh. Hiến Văn đế hỏi Tiễn

Hiền: Tu hành khổ cực, là vì cầu mong điều gì? Trả lời: Chẳng cầu gì cả. Tiến Hiền hỏi ngược lại: Nhân sinh khó cầu nhất là gì? Hiền Văn đế nghĩ nghĩ, cười nói: E rằng là trường sinh bất lão.

Tiến Hiền gật gật đầu, đi sâu hơn khai đạo cho vị hoàng đế trẻ tuổi này: Điều khó có nhất của con người là vĩnh sinh, còn Phật pháp dẫn chúng dân đi về cõi vĩnh sinh; nhân thế phong trần, có biết bao nhiêu là phiền não; phiền não bắt nguồn từ ham muốn, loại bỏ được ham muốn, thì có thể giải thoát khỏi phiền não, từ đó làm cho trí tuệ mở ra một cánh cửa lớn, dẫn đến ánh sáng, hiểu thấu đất trời, bước vào cảnh vong ngã vô ngã (quên cái tôi, không còn cái tôi), đó chính là vĩnh sinh. Hiền Văn đế cảm thấy rất huyền diệu, có chút giác ngộ, từ đó về sau, bèn chuyên tâm nghiên cứu Phật pháp.

Khi Hiền Văn đế 15 tuổi, con trai ra đời. Sự ra đời của người con trưởng này đương nhiên đem đến niềm vui bất tận cho hoàng gia. Hiền Văn đế cảm kích trời xanh, hạ lệnh đại xá thiên hạ, đồng thời, ra lệnh xây chùa Vĩnh Ninh tại tây bắc Đại Đồng, trước chùa xây một tòa bảo tháp 7 tầng cao hơn 300 thước. Bảo tháp và Vĩnh Ninh tự uy nghiêm hoa lệ, hết sức tráng lệ hùng vĩ. Hiền Văn đế lại cho xây một tượng thần, cao 43 thước, dùng hết 600 cân vàng, 10 vạn cân đồng! Hiền Văn đế cảm kích Phật pháp vô biên, xướng đạo Phật pháp, thế là Phật pháp thịnh hành.

Hoàng trưởng tử đã ra đời, hoàng đế đã trưởng thành. Phùng thái hậu đột nhiên tuyên bố quy triều cho Hiền Văn đế, bảo mình không hỏi chính vụ nữa, chuyên tâm với hoàng tôn. Nhưng, ham muốn quyền lực của Phùng thái hậu rất mạnh, tuy nói là quy chính, trên thực tế vẫn nắm chặt quyền lực trong tay, không để Hiền Văn đế chỉ đạo. Bản thân Phùng thái hậu từ tiền triều lui về hậu cung, chính vụ triều đình giao cho anh trai của mình là Phùng Hi, uỷ làm thái phó.

Phùng thái hậu vẫn nắm đại quyền, đang ở độ tuổi chín chắn nhất, làm sao có thể chịu được cảnh cô độc một mình trong đêm dài? Phùng thái hậu yêu thích nam sắc, không hề tha cho những chàng trai tuần tú. Phùng thái

hậu vừa nắm vững hoàng quyền thống trị thiên hạ lúc này đã có 3 tỉnh phu tuần tú: Sử bộ thượng thư Vương Duệ, Nam bộ thượng thư Lý Xung, Túc vệ giám Lý Dịch. Phùng thái hậu trấn giữ hậu cung, khi muốn mỹ nam tử, bèn triệu họ vào hậu cung nghị sự, rồi đi vào nội thất không có ai, trác táng mây mưa. Phùng thái hậu yêu thích nam sủng, dần dần triều thần ai nấy đều biết hết, các đại thần tuần tú lần lượt từng người một ton hót, nịnh bợ, tự đưa mình vào buổi tiệc chăn gối. Trong triều đều biết trong cung có một thái hậu phong lưu cai quản thiên hạ.

Phùng thái hậu biết giấy không gói được lửa, hành vi của bà chắc chắn sẽ lan truyền. Làm sao bịt miệng họ, chỉ có uy hình thiên hạ. Tuỳ tùng, cung nhân, đại thần có chút sơ sót, thái hậu sau khi phóng túng đều làm lớn chuyện, áp dụng trọng hình. Nhưng uy nghiêm cũng không thể quá đáng, phạt xong, cũng có thể ân thưởng, sự tức giận cũng qua đi. Phùng thái hậu dùng cả ân lẫn uy, ai nấy đều biết nguy, tự biết kính phục. Nhưng lại làm tức giận Hiến Văn đế, cuối cùng dẫn đến một trận chính biến trong cung.

Hiến Văn đế rất hiếu thảo, sau khi biết tin Phùng thái hậu dâm loạn, rất đau lòng. Phùng thái hậu công khai thông dâm với nam sủng, còn các nam sủng lại lấy đó làm vinh dự, dương dương tự đắc, tung hoành trong triều, nhất là huynh đệ thượng thư Lý Phu, Lý Dịch, ngang ngược trong triều. Hiến Văn đế đau khổ trong lòng không cách nào khuyên giải, bèn triệu phụ thân của Lý phu nhân, thân mẫu thái tử là Tán kỳ thường thị Lý Huệ vào cung, kể hết mọi oán hận. Hiến Văn đế hận chết Lý Phu, Lý Phu lại là hồng nhân của thái hậu, chuyện gì cũng coi thường Hiến Văn đế, Hiến Văn đế hết sức tức giận và buồn lòng.

Lý Huệ đành phải khuyên giải hoàng đế đang thịnh nộ, nói huynh đệ Lý Phu, Lý Dịch đắc sủng mà kiêu ngạo, kết bè kéo đảng, quả là rất đáng căm hận; nhưng họ đều là thân tín của thái hậu, nhất định phải cẩn thận; phải nghĩ cách, để tránh Lý Phu biến thành một Át Hồn khác. Hiến Văn đế nghe xong lời thức tỉnh của Lý Huệ, thấy tình thế nghiêm trọng, nhất định phải

loại trừ Lý Phu, Lý Dịch. Làm sao loại trừ? Lý Huệ kiến nghị, để đại thân tiến tâu Lý Phu không tuân thủ phép nước, hoàng thượng hạ chỉ, dẹp gọn cả nhà họ Lý.

Cơ hội vừa đến đúng lúc. Tương Châu thứ sử Lý Hân ăn hối lộ vi phạm pháp luật, bị áp giải về kinh sư hỏi tội. Lý Hân và Lý Phu là đồng tộc, tình thâm giao của hai người rất sâu đậm, đúng là có thể ra tay. Lý Huệ thuyết phục được Lý Hân, để hắn tố cáo Lý Phu, Lý Dịch, vạch tội trạng của họ, khó tránh được cái chết. Ban đầu Lý Hân không đồng ý, ngay cả con rể Bùi Du khuyên giải cũng không được. Bùi Du sốt ruột, Lý Hân cũng đau khổ nói: Lý Phu và ta thân như một nhà, vẫn luôn quan tâm đến ta, làm sao mà ta có thể làm chuyện bất nghĩa đó được. Bùi Du nói: Đã là ý chỉ của bên trên, nhất định lai lịch không nhỏ, thử nghĩ xem ai dám chống đối với thái hậu? Nếu không nghe theo, e rằng gia tộc khó mà an toàn!

Lý Hân có chút dao động, nhưng lại lo lắng không lật đổ được Lý Phu, thái hậu sẽ không bỏ qua cho mình. Bùi Du đau khổ nói, họa xa không bằng họa gần, trốn họa gần trước rồi hãy nói. Lý Hân không còn cách nào khác, đành phải nhận lời. Bùi Du tìm đến thân tín Phùng Xiển của Lý Phu, tìm hiểu kỹ càng những hành vi tác oai tác quái của Lý Phu, liệt kê hơn 20 tội trạng của Lý Phu, Lý Hân và gia tộc họ Lý, bao gồm đồng đảng bè cánh, sắp xếp thân tín, tả hữu triều chính, chiêu quyền hối lộ, nạp cung nữ làm thê thiếp...

Hiển Văn đế nắm được đằng chuôi, đương nhiên vui mừng, lập tức giáng chỉ thẩm vấn, nhất nhất đều là sự thật. Hiển Văn đế ra lệnh xử trảm huynh đệ Lý Phu, Lý Dịch và toàn bộ hàng trăm đồng đảng của họ. Vụ án vừa đưa ra, triều đình rộ cả lên. Đó đương nhiên là làm trên đầu của thái hậu. Trảm đi người mà thái hậu yêu thích, thái hậu hỏi thăm xong nổi giận đùng đùng, nhưng tội chứng của huynh đệ họ Lý đã rành rành, cũng chỉ đành chấp nhận thua cuộc. Hiển Văn đế thừa cơ đó chinh đôn triều cương, lập lại quyền uy,

lại giết đi mấy vị đại thần vi phạm luật pháp coi thường hoàng thượng, mà những đại thần đó đều là sủng thần của thái hậu!

Thái hậu chịu đựng đến mức không thể chịu được nữa, bèn tìm Hiến Văn đế hỏi tội. Lần đầu tiên xung đột của hai người được công khai hóa. Nhưng, Phùng thái hậu không muốn làm quá căng, vẫn muốn tìm cách lung lạc hoàng đế, biện pháp tốt nhất là gả thân thuộc của mình cho hoàng đế, lập làm hoàng hậu, mà trưởng nữ của huynh đệ Phùng Hi lại chính là người được chọn tốt nhất. Thái hậu thăm dò đưa ra vấn đề này, Hiến Văn đế khéo léo từ chối.

Khi đó, người con trưởng đã được lập làm thái tử. Mẫu thân của thái tử Lý phu nhân đã bị xử chết theo luật lệ. Có 4 người được sủng trong hậu cung, trong đó Hàn quý nhân là được sủng nhất. Hiến Văn đế yêu thích Hàn quý nhân, vẫn muốn lập làm hoàng hậu, khi đó thái hậu đề ra vấn đề đó; Hiến Văn đế không thể không nói ra sự thật. Phùng thái hậu vừa nghe Hiến Văn đế khen Hàn quý nhân đức mạo song toàn, nên lửa giận nổi lên 3 trượng, lập tức phản bác ngay: Hàn quý nhân xuất thân ti tiện, làm sao có thể trở thành mẫu nghi thiên hạ? Hoàng thượng nhất thiết phải suy nghĩ chín chắn.

Hai người lại nảy sinh xung đột trong vấn đề lập hoàng hậu, mâu thuẫn của hai người thật khó mà giải tỏa. Hiến Văn đế thông minh nhạy cảm biết thái hậu lập con gái của Phùng Hi làm hoàng hậu chẳng qua chỉ là muốn khống chế mình nhiều hơn, hoàng đế vẫn muốn thoát khỏi sự khống chế của thái hậu, làm sao có thể nghe theo lời bà ta được? Nên kiên trì lập Hàn quý phi cho bằng được. Khó mà thông hiểu cho nhau, hai người lại bất hòa. Cuối cùng Hiến Văn đế mượn cớ mình vẫn còn nhỏ, nói đợi đến khi qua khỏi 20 tuổi rồi mới lập cũng chưa muộn.

Phùng thái hậu nắm chắc quyền lực, muốn khống chế Hiến Văn đế trong mọi mặt. Một Hiến Văn đế giỏi giang muốn chứng tỏ mình mà lại bị trói buộc bởi mạng lưới do thái hậu tung ra, cảm thấy rất chán ghét. Hiến Văn

để tin thờ Phật giáo bèn chuyển sang chìm đắm trong Phật điện, dần dần tránh đời. Ngày tháng lâu dần, Hiến Văn đế siêu thoát xuất thế bèn nảy ý định làm thái thượng hoàng, muốn truyền hoàng vị cho thái tử, còn mình thì thanh tu cả ngày, tham thiền ngộ đạo, sống cuộc sống vô ưu vô lo, vô lo vô niệm. Khi đó, Hiến Văn đế vẫn chưa đến 20 tuổi.

Hiến Văn đế tập họp triều thần, tuyên bố thoái vị, do thái tử quá nhỏ, muốn nhường vị cho hoàng thúc Kinh Triệu vương Thác Bạt Tử Thôi. Văn võ quần thần đại kinh thất sắc, đó như tiếng sấm bên tai. Các đại thần lần lượt khuyên giải nhiều lần, không thể làm gì, Hiến Văn đế đã quyết. Phùng thái hậu vẫn không ngăn cản Hiến Văn đế nhường vị, chỉ chủ trương một điều: Hoàng thượng nhất thiết truyền ngôi cho thái tử. Hiến Văn đế chấp nhận, đại thần im lặng chẳng nói gì nữa. Hiến Văn đế 18 tuổi đã trở thành thái thượng hoàng như thế đấy, sống cuộc sống thanh tu.

Hoàng đế mới 5 tuổi làm sao chấp chính? Quân chính đương nhiên thuộc về Phùng thái hậu. Hiến Văn đế với thân phận là thái thượng hoàng, vào ở trong cung Sùng Quang Bắc Uyển. Trong cung cố ý xây ngôi chùa Lộc Dã, đàn hươu ra ra vào vào, đầy chất hoang dã, Hiến Văn đế hết sức vừa lòng. Hiến Văn đế siêu thoát phàm trần, nhưng khi phàm trần có đại sự, thì vẫn do ông giải quyết. Hiến Văn đế hết sức đau khổ. Người phương bắc thường xâm lược, Hiến Văn đế lần lượt ra khỏi tự miếu 5 lần, thông binh viễn chinh, máu đầm sa trường.

Hiến Văn đế anh dũng hào sảng, giỏi cưỡi ngựa bắn tên, từng bắn chết con hổ khi mới 15 tuổi. Nhưng Hiến Văn đế lại quá nhân từ hiếu thảo, luôn khoan dung đối với Phùng thái hậu, không nghiêm khắc trừng trị. Hiến Văn đế thông minh nhạy cảm. Thái hậu và thái bác lệnh Vương Duệ, bí thư lệnh Lý Xung không thanh không bạch, Hiến Văn đế nhìn không quen mắt. Hiến Văn đế căm ghét Vương Duệ, Lý Xung, muốn loại trừ cả hai người họ. Vương Duệ, Lý Xung sợ hãi Hiến Văn đế, thường nói xấu trước mặt Phùng thái hậu, Phùng thái hậu bèn xa lánh Hiến Văn đế, cảm thấy Hiến Văn đế

vướng tay vướng chân, chi bằng loại bỏ đi luôn cho xong chuyện. Thế là, Phùng thái hậu lệnh cho tâm phúc hạ độc thức ăn của Hiến Văn đế, Hiến Văn đế bị đầu độc chết trong cung vào tháng 6 năm Thừa Minh thứ nhất, tức năm 476 Công Nguyên, làm hoàng thượng 6 năm, lúc chết chỉ mới 23 tuổi.

VII. Sùng nam dâng mỹ nhân

Thái tử kế hoàng vị, xưng làm Hiếu Văn đế, sau này nổi tiếng lịch sử vì tài năng cải cách. Hiếu Văn đế tại vị, Phùng thái hậu được tôn làm thái hoàng thái hậu. Hiếu Văn đế tuổi còn nhỏ, thái hoàng thái hậu Phùng thị lâm triều chấp chính, nghiêm nhiên trở thành nữ hoàng đế. Hiếu Văn đế qua đời, Hiếu Văn đế đành cúi đầu nghe lệnh. Hiếu Văn đế trời sinh nhân hậu hiếu thảo, mẫu thân chết khi còn rất nhỏ, vẫn luôn được Phùng thái hậu nuôi dưỡng, xem Phùng thái hậu như mẹ đẻ, hết sức hiếu thảo khi Phùng thái hậu còn sống, không hề chống lại.

Thái hoàng thái hậu Phùng thị chủ chính, tàn sát vô tội, lần lượt xử chết những người từng phản đối mình. Lý Huệ nằm đầu danh sách, sau khi bị vu cáo, bị chém hết cả nhà. Tiếp đó, giết hết toàn gia Lý Hân, để rửa mối hận tàn sát gian phu huynh đệ Lý Phu. Thái hoàng thái hậu Phùng thị là người hung ác, giết người không chớp mắt. Một lần bình loạn Hà Nam, thành Hoài Châu công mãi vẫn không được, khi thành bị phá Phùng thị ra lệnh giết chết cả thành!

Hành vi tác oai tác oái của Phùng thị đương nhiên làm cho các đại thần bất mãn. Lan Đài ngự sử Trương Cầu hết sức phẫn hận đối với hành vi lạm quyền, lạm sát vô tội của Phùng thị, bèn liên lạc với một bộ phận triều thần lập kế chính biến. Phùng thị tin Phật, chính biến tốt nhất diễn ra trong Phật tự. Hiếu Văn đế lệnh chúng tăng kính ngưỡng, các tăng lữ hết sức yêu mến người. Hiếu Văn đế chết không rõ ràng, mọi người nghi ngờ là hành vi của thái hậu. Trụ trì chùa Thiên Cung là Pháp Tú kính phục Hiếu Văn đế, thường đổ mắt tía tai mỗi khi nhắc đến cái chết của Hiếu Văn đế. Trương Cầu dự định làm lay động Pháp Tú.

Kế hoạch của Trương Cầu là, Hiếu Văn đế tuần thị Hà Bắc, đại pháp tế thần tại chùa Thiên Cung mỗi năm một lần lập tức được bắt đầu; khi đó,

Thái hoàng thái hậu Phùng thị nhất định đến chùa dâng hương; chỉ cần tráng sĩ mai phục trước trong chùa, giam lỏng Thái hoàng thái hậu, rồi để cấm quân phong tỏa cửa thành, vào cung bắt Phùng Hi và tất cả đồng đảng của Thái hoàng thái hậu, cùng cử Nhậm Thành vương đức cao vọng trọng chủ chính, phế giết thái hoàng thái hậu, chính quy về Hiếu Văn đế. Kế hoạch này rất hay, nhưng không may là cơ sự không mật, bị lộ ra ngoài. Thái hoàng thái hậu Phùng thị ra tay trước, bắt tóm tất cả mọi người như Trương Cầu, Pháp Tú, tất cả hơn 100 người, tru di tam tộc, tính đến hàng ngàn người.

Thái hoàng thái hậu Phùng thị nắm quyền uy trong tay, không có đối thủ, lại ăn chơi trác táng, chìm đắm trong niềm vui nam sắc. Thái hoàng thái hậu Phùng thị sủng ái nhất hai mỹ nam nhân, một người là Vương Duệ, một người là Lý Xung, gắn bó cả ngày như keo sơn, khó giải khó chia. Vương Duệ tự Lạc Thành, người Tấn Dương Thái Nguyên, dời cư đến Cô Tàng khi tám vương tranh loạn. Phụ thân Vương Kiêu thông hiểu thiên văn, toán pháp, bói quẻ, xem bói làm nghề sinh sống khi mới đến Bình Thành. Vương Duệ thông minh tuấn tú, từ nhỏ đã biết bói quẻ, thái tử phát hiện ra hấn, bèn đề bạt hấn làm thái bốc trung tán, nhậm chức tại triều đình.

Phùng thái hậu nhìn thấy Vương Duệ thân hình đẹp đẽ, bề vệ đường hoàng, nên hết sức yêu thích. Thái hậu bèn lấy danh nghĩa là xem bói, triệu Vương Duệ vào cung, hai người vừa gặp đã hợp, hành lạc mọi lúc. Vương Duệ có chuyện tốt này, vui thích trong lòng, như bước trên mây xanh, do đó mà nhanh chóng tăng tiến đến chức Thượng thư sử bộ, thưởng tước Thái Nguyên công. Không lâu sau, Vương Duệ thăng làm Trung thư lệnh, Trấn đông đại tướng quân, phong tước Trung Sơn vương. Vương Duệ có hai con gái, con ra xuất giá, được đưa vào cung trước, nhận sự chúc mừng của đại thần theo nghi lễ của công chúa, vương nữ. Thái hậu xem họ như con gái ruột của mình, đích thân đưa đến nửa đường khi họ xuất giá, kinh sư chân

động, mọi người ai nấy đều cho rằng công chúa xuất giá, ai nấy đều ngưỡng mộ.

Vương Duệ cảm kích vô cùng ân đức của thái hậu, chỉ có cách luyện công phu trên giường, hầu hạ thái hậu cho tốt, để báo hậu ân. Một lần thái hậu dẫn văn võ quần thần đến chuồng hổ xem hổ, một con hổ đột ngột nhào tới trước, bỏ về phía thái hậu. Mọi người kinh hãi tản ra, chỉ có Vương Duệ lao mình tới trước, dọa lui con hổ, bảo vệ thái hậu. Thái hậu cảm kích lòng trung thành của Vương Duệ, càng say mê sự dũng cảm, tráng kiện và mạnh mẽ của hắn. Thái hoàng thái hậu Phùng thị sáng khoái như chết đi sống lại, đương nhiên cảm ơn Vương Duệ, sau mỗi lần khoái lạc, thưởng cho hắn một số lượng lớn gấm vóc ngân lượng, lệnh cho tùy tùng mang đến nhà Vương Duệ trong đêm khuya. Vương Duệ giàu nhất nhì thiên hạ, hơn nữa đất ruộng vô số, nô bộc thành đám, trâu ngựa đếm không hết.

Ngoài Vương Duệ ra, Thái hoàng thái hậu Phùng thị còn có rất nhiều tình nhân, những mỹ nam tử có nhan sắc, một khi được bà yêu thích, thì phải chiếm cho mình bằng được, ngay cả Sử tiết do nước ngoài phái đến cũng không tha cho, làm cho các nước lân cận đều biết rằng Bắc Ngụy có một thái hậu phong lưu, chuyên háo nam sắc. Ví dụ điển hình là sứ thần do nước Tề Nam triều Lưu Tán đến triều. Lưu Tán phong nhã hơn người, khí độ phi phàm, bề vệ đường hoàng, làm cho Phùng thị háo nam sắc hết sức yêu mến, và lòng dâm dục lại nổi lên, bèn bày yến trong cung, triệu mời Lưu Tán. Lưu Tán được lời mời bất ngờ này, vừa hoàn thành sứ mệnh, lại giàu sức kích thích, thú vui gì mà không làm?

Tháng 9 năm Thái Hòa thứ 14, tức năm 490 Công Nguyên, Thái hoàng thái hậu Phùng thị bệnh chết trong cung, chấp chính 25 năm, tuổi mới 44 tuổi. Phùng thị tuy yêu thích nam sắc, hoang dâm vô độ, tàn sát đối thủ, nhưng bà khoan hậu vi chính, yêu thương bá tính, cho quan lộc, lập tam trường, được sự yêu mến của thần dân thiên hạ. Sau khi Phùng thị chết, gọi là Văn Minh thái hoàng thái hậu, mọi người gọi là Văn Minh thái hậu.

VIII. Hiếu Văn đế lâm hạnh hoa viên

Phùng phủ

Hiếu Văn đế được sinh ra tại Tử cung Bình Thành vào tháng 11 năm Hoàng Hưng thứ nhất, tức năm 467 Công Nguyên, là con trưởng của Hiến Văn đế, khi được lập làm thái tử, mẫu thân Lý phu nhân bị giết, do Phùng thái hậu nuôi dưỡng. Được lập làm thái tử khi Hiến Văn đế vào ở cung Sùng Quang tín Phật, tự xưng thái thượng hoàng. Tháng 6 năm Thừa Minh thứ nhất, tức năm 476 Công Nguyên, Phùng thái hậu đầu độc chết Hiến Văn đế, lâm triều xưng chế.

Trong thời kỳ chủ chính, Phùng thái hậu tiến hành cải cách với quy mô lớn. Tháng 6 năm Thái Hòa thứ 8, tức năm 484 Công Nguyên, thực hiện chế độ bổng lộc. Trước đó, văn võ bá quan Bắc Ngụy không có bổng lộc, tuân theo cách thức tự cướp tự giết. Năm sau, tiếp thu kiến nghị của Lý Thế An, thực hiện chế độ cân bằng ruộng đất. Năm sau nữa, lập luật hương đảng, thực hiện chế độ tam trường. Đến tháng 9 năm Thái Hòa 14, tức năm 490 Công Nguyên, Phùng thái hậu qua đời.

Hiếu Văn đế làm hoàng đế khi mới 5 tuổi, vẫn luôn sống tạm bợ dưới đôi cánh của Thái hoàng thái hậu Phùng thị. Theo sự trưởng thành về tuổi, Hiếu Văn đế nảy sinh xung đột với Phùng thị trong nhiều phương diện. Hoàng hậu của Hiếu Văn đế Phùng thị cũng chính do một tay Phùng thái hậu xếp đặt. Phùng hoàng hậu từng cho Hiếu Văn đế rất nhiều niềm vui, và cũng đem đến nỗi đau khổ bất tận cho Hiếu Văn đế, nhất là việc Phùng hoàng hậu thông gian với tăng nhân ngoài Hiếu Văn đế, trở thành một người phụ nữ lẳng lơ, khiến Hiếu Văn đế hết sức đau khổ và căm hận, cuối cùng Hiếu Văn đế đau khổ tột cùng, mà Phùng hoàng hậu cũng không thể tự chủ, kết cục bi thảm.

Hiếu Văn đế là vị hoàng đế thông minh, tầm nhìn xa, sáng suốt, lòng ôm chí lớn, không bị hạn chế bởi chế độ cứng nhắc, quyết không chấp nhận những phong tục không hợp tình hợp lý. Con trưởng của Hiếu Văn đế Thác Bạt Tuần lớn lên, Thái hoàng thái hậu Phùng thị muốn lập Thác Bạt Tuần làm thái tử, Hiếu Văn đế đương nhiên không có ý kiến gì. Nhưng, Thái hoàng thái hậu Phùng thị lập được Thác Bạt Tuần, lại làm theo lệ trong cung, quyết chí phải giết chết mẫu thân của thái tử là Lâm thị. Lâm thị dịu dàng hiền tuệ, rất xinh đẹp, nhìn là thấy thích, làm xao động lòng người. Hiếu Văn đế rất sủng ái Lâm thị, mà nay phải lập con trai của Lâm thị làm thái tử, nhưng phải giết chết Lâm thị, làm sao mà Hiếu Văn đế chịu làm theo?

Hiếu Văn đế khẩn xin Thái hoàng thái hậu Phùng thị, đừng giết chết Lâm thị. Phùng thái hậu không đồng ý. Hiếu Văn đế nói: Mẫu thân của con cũng bị giết chết khi con được lập làm thái tử, nỗi đau mất mẹ, làm con nuôi tiếc cả đời, không thể để chuyện tàn khốc này tái diễn, cầu xin thái hậu sửa đổi chế độ này. Phùng thị làm chấn động triều dã, vang danh lịch sử bằng việc cải cách các chế độ cũ, nhưng, trong tập tục này, Phùng thị quyết không nhường bước, nhất định phải lập thái tử rồi giết chết mẫu thân của thái tử.

Lý do của Phùng thị là: Đó là gia pháp của họ Thác Bạt, không thể phá lệ, không thể huỷ hoại gia pháp. Hiếu Văn đế ra sức tranh cãi nhưng cũng vô hiệu, hết sức đau khổ, cũng hết sức nản lòng. Phùng thị có đúng là muốn giữ gia pháp không? Không, nếu bà ta là người tuân thủ cái cũ, bảo vệ gia pháp tổ pháp thì không thể tiến hành cải cách quy mô lớn, trong việc đối xử với thái tử và Lâm thị, Phùng thị đã có suy nghĩ riêng của mình, có mưu đồ cá nhân trong đó.

Phùng thị biết Lâm thị rất nhã nhặn, rất xinh đẹp, cũng rất đoan trang, cũng có thể làm mẫu nghi thiên hạ, có thể lập làm hoàng hậu, tuy nhiên, Phùng thái hậu không thể chấp nhận việc Lâm thị làm hoàng hậu, bởi vì Lâm thị làm hoàng hậu, thì thế lực của hậu tộc mới sẽ nổi dậy, sẽ uy hiếp

đến gia tộc họ Phùng của thái hậu. Một Thái hoàng thái hậu Phùng thị luôn muốn độc chiếm quyền lực đương nhiên không thể xuôi tay buông quyền, không thể chấp nhận sự xuất hiện của cục diện mới này. Sinh tử của Lâm thị được quyết định bởi Phùng thị, mà Phùng thị lại xuất phát từ chính cục và quyền lực, chỉ có thể lập thái tử rồi để Lâm thị chết đi.

Lâm thị chết đi, ai sẽ làm hoàng hậu? Hiếu Văn đế nản lòng thoái chí, tất cả mọi việc đều do Phùng thị làm chủ. Phùng thị đương nhiên có suy nghĩ của riêng mình. Bà ta có một người anh, tên Phùng Hi. Phùng Hi làm quan đến thái phó, chính thất phu nhân của ông là Bác Lăng trưởng công chúa, là chị của Văn Thành đế Thác Bạt Tuấn, là tổ cô của Hiếu Văn đế, có hai trai một gái. Con trai trưởng tên Phùng Đản, con trai thứ tên Phùng Tu, con gái tên Phùng Viện.

Phùng Hi háo tài háo vật, yêu thích mỹ sắc, ngoài đó ra, không có dã tâm chính trị, không tham gia tranh quyền. Cũng chính vì Phùng Hi cầu vinh hoa và hưởng lạc, không có dã tâm chính trị và thủ đoạn tranh quyền, nên rất có nhân duyên, các đại thần đều rất có thiện cảm với ông. Phùng Đản và Hiếu Văn đế sinh cùng năm, vẫn luôn là bạn học của Hiếu Văn đế. Khi trưởng thành, Phùng Đản lấy em gái của Hiếu Văn đế tức Lạc An công chúa làm vợ.

Ngoài chính thất phu nhân Bác Lăng trưởng công chúa, Phùng Hi còn có thiếp. Thiếp Thường thị rất được Phùng Hi sủng ái, xinh đẹp mê người, lần lượt sinh cho Phùng Hi 2 con gái: Con gái lớn tên Phùng Diệu Liên, con gái nhỏ tên Phùng San. Thường thị là người phương nam, xuất thân bình dân, nhưng xinh đẹp vô cùng, lại rất thông minh, rất có lòng, địa vị trong Phùng phủ rất ổn định, rất có ảnh hưởng.

Phùng thị thấy Hiếu Văn đế đã trưởng thành, vẫn luôn nghĩ đến việc chọn một trong số những người con gái của ca ca Phùng Hi làm hoàng hậu của Hiếu Văn đế. Phùng thái hậu cho cha con Phùng Hi, Phùng Đản biết ý định này từ lâu, Phùng phủ đương nhiên rất vui mừng, nhất là Phùng Hi,

một trong những người con gái của mình được trở thành hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, không chỉ hiển vinh cho gia tộc, mà còn lưu danh trong thanh sử. Phùng Hi ra sức chăm sóc các con gái cho thật tốt, đồng thời bắt đầu chuẩn bị hành động trong tâm trạng vui mừng khôn xiết.

Phùng Hi tốn một khoản tiền rất lớn để xây Nghênh Ân đình trong hậu hoa viên. Đình được trang trí rất tỉ mỉ, rất hoa lệ, rất độc đáo, rất mê người. Xung quanh Nghênh Ân đình là hồ nước, lá sen trong hồ xanh mượt, mùa hạ sen nở rộ, hương thơm bay khắp nơi, phong cảnh hữu tình. Phùng Hi muốn sau khi các con gái trưởng thành, tham gia chọn hoàng hậu, thì mời Hiếu Văn đế đến tướng phủ, khởi dụng Nghênh Ân đình độc đáo này.

Chính thất của Phùng Hi là Bác Lãng trưởng công chúa không may mất sớm. Sau khi chính thất qua đời, chuyện nhà do Thường thị chủ trì. Mấy người con gái, đứa nào cũng xinh đẹp đến nỗi hoa nhường nguyệt thẹn, Phùng Hi nhìn ai cũng thấy vui mừng, Phùng thái hậu lại càng hài lòng đến nói không nên lời. Hiếu Văn đế trưởng thành, Phùng thị nghĩ ngay đến chuyện đưa con gái của Phùng Hi vào cung.

Năm Thái Hòa 12, tức năm 488 Công Nguyên, vào một ngày tháng 6, hoa sen nở rộ, Phùng Hi cung thỉnh thái hoàng thái hậu và hoàng thượng du viên thưởng sen. Phùng thị đương nhiên ứng chuẩn, bèn cùng Hiếu Văn đế đến Phùng phủ. Phùng phủ treo đèn kết hoa, cung nghênh thái hậu và hoàng thượng đại giá. Phùng phủ là nhà mẹ của thái hậu, Phùng thị đương nhiên rất vui mừng. Sau khi mọi người gặp mặt, trước hành lễ quân thần, sau chào hỏi như người nhà, bỏ qua các lễ tiết cung đình, cùng hưởng niềm vui trời phú.

Nghênh Ân đình cờ bay như mời gọi, hoa sen trong hồ nở rộ. Hiếu Văn đế hết sức vui mừng khi du thưởng trong hoa viên. Thịnh yến được bày tại giữa đình, thái hậu và Hiếu Văn đế ăn món ngon, uống mỹ tửu, xem ca múa bất tận đang diễn trước đình. Rượu qua 3 tuần, thái hậu thấy hưng phấn tột

cùng, cũng thấy hoàng đế rất hài lòng, bèn cho gọi con gái của Phùng Hi ra chào Hiếu Văn đế.

Con gái của chính thất Bác Lãng trưởng công chúa Phùng Viện ra trước. Khi đó Phùng Viện 13 tuổi, thanh tú xinh đẹp, nhưng vẫn chưa trưởng thành, thân hình chưa phát triển, vừa nhìn đã biết là một cô bé chưa trưởng thành. Phùng Viện biết lần gặp thái hậu và hoàng đế này rất quan trọng, đại cô nương 13 tuổi đương nhiên biết rõ nên trang điểm như thế nào. Phùng Viện trang điểm theo phong tục của khuê nữ phía bắc Trung Quốc, búi tóc bằng, gắn thêm trang sức trên đầu, mặc váy ngắn bằng lụa, cổ cao, tay bó, trông rất đoan trang.

Phùng Viện dâng rượu chúc thọ. Thái hoàng thái hậu Phùng thị đương nhiên rất vui mừng, gọi Phùng Viện đến, hỏi tuổi, Phùng Viện đều lễ phép trả lời. Tiếp đó, Phùng Viện kính rượu Hiếu Văn đế, cung chúc Hiếu Văn đế vạn tuế, vạn vạn tuế. Hiếu Văn đế lúng túng để Phùng Viện miễn lễ. Phùng Viện là cháu gái của thái hoàng thái hậu Phùng thị, cao hơn Hiếu Văn đế một bậc, Hiếu Văn đế lại không căng thẳng sao, hướng hồ Phùng Viện tuổi còn nhỏ, lời nói cử chỉ đâu ra đây đằng hoàng, đoan trang lễ phép, Hiếu Văn đế thấy rất thú vị, cũng có chút khâm phục.

Sau Phùng Viện, đến lượt Phùng Diệu Liên, Phùng San. Phùng Diệu Liên, Phùng San do thiếp của Phùng Hi sinh, nhưng lại lớn hơn Phùng Viện, là chị của Phùng Viện. Phùng Diệu Liên 17 tuổi, Phùng San 16 tuổi. Phùng Diệu Liên thân mình thon thả, đầy đặn mê người, nhất là đôi mắt đan phượng, có thể lấy mất hồn người. Phùng San cũng hoa nhường nguyệt thẹn, phong thái rạng người. Thị rất thương yêu hai con gái này, hy vọng hai con gái này được hoàng thượng yêu mến, chọn làm hoàng hậu.

Thường thị hiểu được Hiếu Văn đế, biết rằng hoàng đế trẻ tuổi thông minh này rất thích Giang Nam, thích văn hóa tộc Hán. Thường thị bèn trang điểm cho hai con gái của mình theo kiểu của con gái quý tộc Nam triều, một mái tóc dài, chải thành bím mây bay nhiều biến hóa, trên bím lại kẻ

thêm cây trâm trâm châu; mặc bộ áo lụa màu hồng bó chặt người, thể hiện các đường cong tuyệt mỹ, thân hình thon thả, hết sức ý vị; ngoài áo lụa, lại đeo thêm một sợi bông nhẹ màu tím nhạt, cứ như tiên nữ, hết sức mê người.

Tỉ muội Phùng Diệu Liên, Phùng San lần lượt xuất hiện, như ánh sáng màu vàng chói mắt, làm cho Hiếu Văn đé hoa cả mắt. Nhìn thấy hai tỉ muội xinh đẹp, thái hậu cũng không cảm được khen ngợi: Quả là hai chị em xinh đẹp! Trái tim mùa xuân của Hiếu Văn đé xao động, không thể tự kiềm chế. Hiếu Văn đé nhìn quen mắt các trang điểm của cô gái phương bắc, nhìn quen tóc búi, cổ cao, tay chặt, váy ngắn, quần đèn lồng! Nhìn chăm chăm vào đôi bím dài kiểu nam triều và chiếc trâm cài đầu đựng đưa trên tóc, hoàng đế có chút say mê.

Hiếu Văn đé rung động bởi phong thái của mỹ nữ Nam triều, khen thật lòng rằng: Thật đúng là một đôi hoa chị hoa em! Phùng thị nhìn thấy tất cả, yếm tiệc kết thúc, gọi Hiếu Văn đé đến trước mặt, hỏi hoàng đế có ấn tượng thế nào về các con gái của Phùng thái phó? Hiếu Văn đé đương nhiên khen ngợi: Minh diễm khả ái. Phùng thị hỏi Hiếu Văn đé thích người nào, có thể chọn vào hậu cung. Hiếu Văn đé đều rất thích, muốn nói ai là người mà mình yêu thích nhất thì e rằng phải tính đến con gái lớn Phùng Diệu Liên sáng rực lòng người. Nhưng Hiếu Văn đé ngại nói thẳng, chỉ nói do thái hậu làm chủ.

Phùng thị biết tâm tư của Hiếu Văn đé, càng hiểu người đàn ông ở độ tuổi này ai mà không tham sắc? Hận một nỗi không thể ôm hết tất cả mỹ nữ vào lòng, hướng hồ chỉ 3 cô gái này? Phùng thị bèn triệu kiến ca ca Phùng Hi, khen ngợi một hồi, nói 3 con gái của ông đều được hoàng đế yêu mến, xem có nên đưa hết vào cung hay không, rồi sau này sẽ chọn một trong số đó làm hoàng hậu.

Phùng Hi đương nhiên vui mừng vượt quá mong ước, liền gật đầu đồng ý. Phùng thị cũng nói: Theo lễ chế, con gái của chính thất Bác Lãng trưởng công chúa Phùng Viện lập làm hoàng hậu là thích hợp nhất, chẳng qua nàng

ấy mới 13 tuổi, tuổi hơn nhỏ chút. Phùng Hi cũng gật đầu. Phùng thị nghĩ một lúc, nói rằng, Phùng Viện lớn chút nữa hãy vào cung, đưa Phùng Diệu Liên, Phùng San vào cung trước. Phùng Hi lập tức tán đồng. Cứ như thế, từ mười Phùng Diệu Liên, Phùng San trang điểm kỹ càng, được đưa vào hậu cung của Hiếu Văn đế.

IX. Cuộc sống tình ái của tĩ muội Phùng thị

Hiếu Văn đế rất thích đôi hoa tĩ muội này, nhất là tĩ tĩ Phùng Diệu Liên. Phùng Diệu Liên đầy đặn mê người, hết sức phong tình. Đặc biệt là Phùng Diệu Liên hợp với kiểu tóc, quần áo của con gái quý tộc Nam triều, nên càng có nét siêu phàm thoát tục của con gái phương nam. Hiếu Văn đế có được hai chị em này, sung ái họ, vừa vào cung đã phong họ làm quý nhân. Hiếu Văn đế ngày ngày ra vào cung thất của hai chị em, xem họ đàn, vẽ, đọc sách, viết chữ, cùng ăn uống, cùng chung giường, hết sức hài lòng.

Phùng Diệu Liên, Phùng San ai nấy có nét đặc sắc riêng, hấp dẫn Hiếu Văn đế đa tình bằng nét đẹp khác nhau. Phùng Diệu Liên giỏi phong nguyệt, đùa giỡn phong tình, hấp dẫn vị hoàng đế trẻ tuổi mới chớm nở tình yêu. Phùng Diệu Liên càng biết rằng, nếu muốn hoàng đế không rời khỏi mình, thì ngoài thân thể ra, còn phải có phong độ, khí chất, giáo dục. Phùng Diệu Liên rất biết tính toán, nàng biết Hiếu Văn đế thích ăn chân ngỗng, thích âm nhạc, thích văn học, nàng bèn tốn công sức trong các phương diện này, đồng thời được sự giúp đỡ rất lớn của mẫu thân Thường thị.

Theo kiến nghị của Phùng Diệu Liên, Thường thị đưa 4 cô gái tuổi thanh xuân đến xin sư phó Giang Nam truyền thụ kỹ nghệ đàn hát ca múa, giúp họ có giọng hát, điệu múa mê người. Phùng Diệu Liên giữ 4 cô gái đó bên cạnh, để giúp vui khi vào cung. Cùng lúc đó, Phùng Diệu Liên lại học nấu ăn, nhất là nghiên cứu cách chế biến món chân ngỗng có gia vị tuyệt luân.

Nam Dương vương Lưu Sưởng là con trai của Nam triều Tống Văn đế. Sau khi Tống Phế đế Lưu Tử Nghiệp kế vị, hoang dâm vô độ, loạn sát tôn thất, Lưu Sưởng không thể chịu đựng nữa, bèn chạy qua Bắc Ngụy, Bắc Ngụy phong Lưu Sưởng làm Nam Dương vương. Lưu Sưởng là quý tộc

Nam triều, đối với thanh, sắc, khuyển, mã, âm nhạc, ca múa, đàn địch, không gì là không thông, vương công quý thích, văn võ bá quan của Bắc Ngụy, không ai không kính ngưỡng. Thường thị và Phùng Diệu Liên thường đến học hỏi vị quý tộc Nam triều Lưu Sưởng này, học cách chế biến món ăn ngon và câu giáo âm nhạc ca múa.

Phùng San rất mảnh mai, yếu đuối, thích đọc sách, giỏi văn học, đa sầu đa cảm. Phùng San không lo xa, tính toán như cô chị, càng không biết trăng gió nam nữ. Phùng San thấy 4 cô gái do Phùng Diệu Liên tuyển chọn đều giỏi ca hay hát, hết sức yêu thích, nên đặt một cái tên rất nho nhã cho họ: Lan Hương, Huệ Hương, Cầm Hương, Dật Hương. Hai chị em cứ sống vô ưu vô lo trong cung như thế, giết thời gian trong hoan lạc.

Chuẩn bị xong, Phùng Diệu Liên hẹn Phùng San, bày yến tiệc trong cung, trịnh trọng mời Hiếu Văn đế thưởng lãm. Hiếu Văn đế đương nhiên vui mừng tham dự, để xem hai chị em này giỏi trò gì. Món ngon rượu ngon, ca múa nhẹ nhàng, đàn sáo Giang Nam, Hiếu Văn đế chưa hề nghe qua, chưa hề thấy qua, thật sự không dám tin vào mắt mình. Cuối cùng, món chân ngỗng tinh tế được dọn lên, Hiếu Văn đế càng ngỡ người ra, chân ngỗng do ngự thiện làm thật kém xa!

Hiếu Văn đế thưởng thức tài năng của 4 tì nữ, hỏi tên của họ. Phùng Diệu Liên nói tên tứ hương. Hiếu Văn đế càng kinh ngạc, hỏi do ai đặt, được biết đó là Phùng San, Hiếu Văn đế vui mừng đến nỗi nói không nên lời. Hiếu Văn đế ôm chặt hai chị em, yêu mến thật lòng, nói một cách chân thật: Hai tì muội người, thật là nho nhã, đàn sáo, nhạc vũ của Nam triều đều học được, lại còn biết làm món ăn tuyệt thế, quả là hiếm có!

Phùng Diệu Liên thấy Hiếu Văn đế vui mừng, bèn thỉnh cầu Hiếu Văn đế, nhận xét đôi lời về hai chị em họ. Hiếu Văn đế nhìn tiểu muội Phùng San trước, cười nói: Nàng giỏi văn học, văn nhã tĩnh lặng, tặng người tám chữ – mi nhi bất khiêu, tĩnh nhi bất trệ. Nhận xét này nên nói là hết sức

chính xác. Phùng San quả thật là rất diễm lệ, rất đẹp để đáng yêu, hiểu học lại rất nho nhã, hết sức đoan trang, không trì trệ chút nào.

Phùng San nghe xong lời nhận xét đó, đương nhiên vui mừng. Phùng Diệu Liên tự nhiên thấy cũng rất vui, nhưng quan trọng hơn là hoàng thượng nhận xét mình ra sao. Phùng Diệu Liên căng thẳng nhìn Hiếu Văn đế, đôi mắt chớp chớp đa tình, Hiếu Văn đế quả thật có chút mê mẩn. Hiếu Văn đế nhìn Phùng Diệu Liên, nói một cách đầy ngụ ý: Nàng sáng rực, tặng nàng 8 chữ: Phong vận tự nhiên, vũ mi diễm lệ.

Hiếu Văn đế sủng ái chị em họ Phùng, họ sống cuộc sống hạnh phúc, vui vẻ trong cung. Phùng Diệu Liên giỏi mưu tính dùng nhiều trò, nhiều cách để hấp dẫn Hiếu Văn đế, Hiếu Văn đế say đắm trong đó. May mà Hiếu Văn đế là vị hoàng đế có lý trí, không chìm đắm trong hoan lạc nữ sắc, biết cách khắc chế, chỉ là khi ở bên hai chị em Phùng thị thì mới quên đi tất cả.

Hiếu Văn đế có được chị em Phùng thị, nhưng không hề lơ đãng việc học, ngược lại càng khắc khổ dụng công vào ban ngày, để tránh bị chị em Phùng thị học rộng tài cao cười chê mình. Bài vở của Hiếu Văn đế rất nhiều, kinh sử thơ văn, tấu chương thư nghị, đều phải học làm, không thể bỏ lơ bất cứ môn nào. Sư phụ đều là các bậc tài sĩ học rộng, tài cao trong thiên hạ. Hiếu Văn đế chăm chỉ học tập, hết sức khắc khổ.

Có một lần, Hiếu Văn đế và em trai là Bành Thành vương Thác Bạt Ân du chơi, nghỉ ngơi trong rừng thông. Hiếu Văn đế nghe rừng thông xào xạc, cảnh sắc mê người, hứng thơ nổi lên. Hiếu Văn đế kiến nghị, nói vào đời Ngụy Tam Quốc, Đông A vương Tào Trắc đi 7 bước làm thành bài thơ, hai chúng ta sao lại không lấy rừng thông làm chủ đề, xem mấy bước thành bài thơ? Bành Thành vương đồng ý. Cuối cùng, Hiếu Văn đế đi mười bước thành bài thơ, cũng xem là tạm được, hơn nữa thơ văn nho nhã: Ván tùng lâm, tùng lâm kinh kỉ đông? Sơn xuyên hà như tích, phong vân dữ cổ đồng!

(Hỏi rừng tùng, rừng tùng đã qua mấy mùa đông? Sông núi vẫn thế, gió mây vẫn như thuở xa xưa).

Hiếu Văn để tài hoa và chị em Phùng thị sống cuộc sống thanh nhàn thư thái. Đáng tiếc cảnh đẹp không kéo dài, đến năm thứ 3 chị em Phùng thị vào cung, tai ương không hẹn mà cứ liên tiếp kéo đến, hai chị em chẳng ai thoát được, quả đúng là khó tránh khỏi nạn kiếp. Trước tiên là cô em Phùng San mang thai, vốn ra là hỉ sự, nhưng đến cuối cùng, Phùng San yếu ớt nhiều bệnh không thể sinh con, cuối cùng chết vì khó sinh!

X. Tai ương

Phùng San qua đời, tai ương tiếp tục giáng xuống người Phùng Diệu Liên: Phùng Diệu Liên bệnh nặng liệt giường. Giấc mơ được chọn làm hoàng hậu của hai chị em Phùng thị tan vỡ, Hiếu Văn để hết sức đau lòng, huynh muội Phùng thái hậu và Phùng Hi đau khổ tột cùng, thất vọng tột độ. Bước kế tiếp nên làm gì? Hiếu Văn để vẫn si tình, ngày nào cũng đi thăm nom Phùng Diệu Liên nằm trên giường bệnh, chẳng màng gì đến lệnh cấm thăm người bệnh của thái y.

Phùng thái hậu nghĩ thay cho hoàng đế, không thể không ra mặt can thiệp. Phùng thái hậu biết hoàng đế rất đau khổ, nhưng cho phép hoàng đế thăm nom người bệnh, tuyệt đối không cho qua đêm tại đó. Phùng thái hậu biết, tuyệt đối không thể làm lỡ việc điều trị, nếu bệnh của Phùng Diệu Liên trị không khỏi, thì kết cục ngày sau sẽ rất thảm, nhân bây giờ bệnh tình chưa nặng, nhanh chóng tìm cách trị dứt căn bệnh. Ngự y đều đã được mời hết, nhưng bệnh này hết sức kỳ lạ, rất khó trị.

Lúc đó, một sự việc chấn động hậu cung: Nghe nói xuất hiện một mỹ nữ, đẹp đến nỗi nghiêng nước nghiêng thành, vượt xa chị em Phùng thị. Phùng thái hậu cũng khen ngợi vẻ đẹp của cô gái đó hết lời, Hiếu Văn đế cũng nhìn đến ngẩn cả người. Phùng Diệu Liên như ngồi trên đống lửa, hỏi tâm phúc tì nữ Bảo Châu, Trần Hỉ, trong cung thật sự có một cô gái như thế sao? Xinh đẹp tuyệt luân? Giống như hồ ly tinh?

Tâm phúc tì nữ chỉ đành thừa nhận như thật, nói đúng là có cô gái như thế, hơn nữa lại rất mê người. Mỹ nữ đó là người Cao Ly, phụ thân của cô là Cao Dương, tổ tiên sống tại Bắc Hải, lưu lạc đến Cao Ly. Cao Ly quân phạt hỗn loạn, nảy sinh nội loạn, Cao Dương bèn dẫn cả nhà đến Long Thành, tức Triều Dương, Nhiệt Hà ngày nay.

Cao Dương có 3 người con gái, đều hết sức xinh đẹp, nhất là con gái thứ hai, quả thật như tiên giáng trần, ai cũng không thể không nhìn lâu một chút. Thái thú Long Thành được biết di dân mới đến Cao Dương có 3 con gái xinh đẹp, lập tức triệu kiến, kinh ngạc thượng tâu lên trên, quyết định hiến tặng cho hoàng đế. Tầu chương tặng mỹ nữ được phi báo về triều đình. Bắc bộ viện sử của triều đình phụ trách tuyển mỹ nữ lập tức phái người đưa mỹ nữ dâng đến kinh sư. Mỹ nữ đến Bình Thành, bắc bộ viện kiểm tra, quả nhiên có mỹ nữ đẹp mê hồn, lập tức báo trình với Phùng thị.

Phùng thị được báo, xuất phát từ sự tò mò, lệnh cho Bắc bộ viện dẫn kiến. Nhìn thấy cô gái 14 tuổi này, thân hình thon thả, có chút giống Phùng Diệu Liên; làn da trắng nõn nà, mái tóc dài như suối, răng trắng đều, một đôi mắt đẹp mê hồn, tất cả những điều đó đều vượt xa Phùng Diệu Liên khiến cho hoàng đế mê muội! Phùng thị tuy có chút đố kỵ, nhưng lại không thể không thừa nhận, cô gái xinh đẹp này, e rằng thiên hạ chẳng có ai sánh bằng! Thái thị liền giữ lại mỹ nữ.

Hiếu Văn đế bị nét đẹp của mỹ nữ Cao thị làm ngẩn ngơ cả người. Thái hoàng thái hậu Phùng thị không thể để Hiếu Văn đế đi thăm Phùng Diệu Liên đang bệnh nặng, Hiếu Văn đế bèn chuyển tình cảm sang Cao thị, yêu thương hết mực, không thể chia rời. Bóng hình của Hiếu Văn đế ngày càng hiếm thấy trong tầm cung của Phùng Diệu Liên, chỉ tình cờ đến thăm, cũng không còn sự quan tâm, chăm sóc, tràn đầy tình cảm như lúc trước. Hiếu Văn đế dần dần không để ý đến Phùng Diệu Liên. Trái tim đau khổ của Phùng Diệu Liên đầy cay đắng.

Bệnh của Phùng Diệu Liên ngày càng trầm trọng. Phùng thái hậu biết nếu cứ như thế thì hậu quả sẽ không thể tưởng tượng, bèn nghĩ đến chuyện đưa Phùng Diệu Liên ra ngoài cung, yên tâm tịnh dưỡng. Chủ ý đó được sự đồng ý của Phùng Diệu Liên, vừa may Phùng phủ có ngôi gia miếu, rất tĩnh mịch, môi trường rất tốt, thích hợp cho việc dưỡng bệnh. Phùng Diệu Liên phải rời khỏi hoàng cung, trở về dưỡng bệnh, đó đương nhiên phải có sự

chấp thuận của Hiếu Văn đế, Hiếu Văn đế thấy chẳng còn cách nào hay hơn, nên đành đồng ý.

Trước khi Phùng Diệu Liên ra đi, Hiếu Văn đế đích thân vào cung tống biệt. Hiếu Văn đế nhìn thấy mỹ nhân khi bệnh ốm yếu gầy mòn, làm người đau lòng, bèn an ủi một hồi, mong Phùng Diệu Liên tĩnh tâm dưỡng bệnh, đừng nên suy nghĩ lung tung, nhanh chóng hồi phục; có người nhà chăm sóc, chắc là nhanh chóng hồi phục thôi. Phùng Diệu Liên hết sức cảm động, khóc không thành tiếng mà nói: Lần này rời khỏi hoàng cung, e rằng sẽ không còn cơ hội nhìn thấy hoàng thượng nữa; chỉ hận tiểu nữ mệnh bạc, không thể hầu hạ hoàng thượng cho tốt, mong hoàng thượng bảo trọng.

Hiếu Văn đế thấy Phùng Diệu Liên yếu ớt không vững, xao động trong lòng, nên nhắc lại những giây phút tốt đẹp của hai người, nhớ lại muội muội vẫn nhã yêu kiều của nàng. Hiếu Văn đế hết sức đau lòng, nước mắt không kiềm được rơi xuống, nhẹ nhàng nói: Nàng hãy dưỡng bệnh cho tốt, bệnh khỏi, ta sẽ đi đón nàng, ta sẽ nhớ đến nàng!

Diệu Liên buồn vui lẫn lộn, nước mắt đầm đìa.

XI. Con đường trắc trở của hoàng hậu

Phùng San qua đời trong tiếng kêu la đau khổ vì khó sinh. Phùng Diệu Liên mắc chứng bệnh lạ về nhà dưỡng bệnh. Phùng thái hậu hết sức buồn lòng, ước muốn chọn một trong hai đoá hoa tử muội này làm hoàng hậu của Phùng thái hậu đã tan như bong bóng. Nhưng, Phùng thái hậu không dẫm chân tại đó, ngôi vị hoàng hậu này nhất định phải do con gái nhà họ Phùng ngồi, ai cũng không thể chiếm chỗ. Phùng Hi chẳng phải còn có một con gái nhỏ Phùng Viện nữa sao? 3 năm trôi qua, Phùng Viện đã trưởng thành, sao lại không đón vào hậu cung?

Phùng thái hậu ban lệnh xuống, Phùng Hi đương nhiên thực hiện ngay. Không khí bi ai trầm lắng trong Phùng phủ bỗng chốc nhẹ hẳn đi rồi biến mất bởi tin mừng này, lập tức trở nên đầy sức sống. Phùng Viện trang điểm lại, đưa vào hậu cung. Phùng Viện vẫn nhỏ nhắn, vẫn chưa phát triển hoàn toàn; Phùng Viện trang điểm kiểu cô gái phương bắc chẳng có chút mê hồn như chị em Phùng Diệu Liên, Hiếu Văn đế đương nhiên chẳng có hứng thú gì.

Phùng Viện không biết tâm tư của hoàng thượng, cũng chẳng biết cách lấy lòng ninh bọ hoàng thượng. Phùng Viện thờ ơ, lạnh nhạt với chuyện nam nữ. Phùng Viện hứng thú với mọi vật như cung thất, đình viện, tùng bách, hoa cỏ, động vật quý hiếm, duy chỉ có vấn đề nam nữ là khác một trời một vực với Phùng Diệu Liên, hết sức lạnh nhạt. Hiếu Văn đế thấy kỳ lạ, cũng thấy thiếu thốn, may mà có mỹ nhân Cao Ly phong tình tinh tế, có chút an ủi, nên chẳng buồn lòng gì cả, nên thỉnh thoảng mới đến cung thất của Phùng Viện thăm nom.

Tháng 9 năm Thái Hòa thứ 14, tức năm 490 Công Nguyên, Thái hoàng thái hậu Phùng thị bệnh liệt giường, không bao lâu thì qua đời. Hiếu Văn đế đau như đứt ruột, hết sức bi thương. Khi còn sống, Phùng thị hết sức

nghiêm khắc với Hiếu Văn đế, luôn nắm hoàng quyền trong tay, không chịu buông lỏng quyền lực. Tuy Hiếu Văn đế có chút bất mãn với sự nghiêm khắc quá đáng và hành vi tác oai tác quái của Phùng thị, nhưng bản tính nhân hậu, luôn có tình cảm sâu sắc với bà ta, do đó Hiếu Văn đế mới có nỗi đau như cắt trước cái chết của bà, cho rằng đó là do lao tâm vì quốc sự, kiệt sức vì lo lắng cho giang sơn xã tắc của nhà họ Thác Bạt.

Hiếu Văn đế hiếu thảo nhân từ năm đó 23 tuổi. Bị thương đã đến mức tận cùng, Hiếu Văn đế 5 ngày 5 đêm không ăn uống, chỉ mới mấy ngày mà người gầy hằn đi, không giống hình người nữa. Người trong cung đều lo lắng muôn trùng, các phu nhân trong hậu cung của Hiếu Văn đế cũng hết sức lo lắng. Bị thương cuối cùng cũng đi qua, Hiếu Văn đế kiên trì thủ hiếu 3 năm. Trong thời gian thủ hiếu, theo tang lễ, không ăn đồ tanh, cấm tuyệt tửu sắc.

Phùng thị được nhập táng long trọng tại lăng Vĩnh Cố. Hiếu Văn đế ra lệnh xây nhà tranh bên cạnh lăng Vĩnh Cố để giữ lăng, các đại thần đều phản đối. Hiếu Văn đế nhượng bộ, quyết định xây nhà tranh bên cạnh điện Thái Hòa, vào đó ở thủ hiếu. Thánh chỉ hạ xuống, nhà tranh được xây ngay. Hiếu Văn đế quả thật vào sống trong nhà tranh, chuẩn bị thủ hiếu 3 năm như thế. Các đại thần đương nhiên lần lượt phản đối, thấy chính vụ rắc rối nhiều như thế, nhà vua làm sao có thể giữ chặt lễ xưa như thế được! Sống trong nhà tranh được 6 tháng, trước 3 lần thỉnh cầu của các đại thần, cuối cùng Hiếu Văn đế cũng rời khỏi nhà tranh, trở về cung điện, nhiếp chính tại đông thất hoàng tín.

Ba năm trôi qua trong chớp mắt. Hiếu Văn đế làm theo tang lễ, không hề vi phạm. Văn võ bá quan và các cô gái trong hậu cung không ai không khâm phục. Năm Thái Hòa 17, tức năm 493 Công Nguyên, phục tang đã hết. Hiếu Văn đế chính thức trở lại cuộc sống bình thường, xử lý chính vụ trong đại điện. Sau khi mãn tang, chuyện lớn nhất chính là sắc lập hoàng hậu.

Thái úy Nguyên Phi và rất nhiều đại thần bẩm tấu Hiếu Văn đế, nói trung cung trống vắng lâu ngày, vẫn chưa lập ai, lục cung vô chủ, xin nhanh chóng sắc lập hoàng hậu. Hiếu Văn đế không còn sự lựa chọn nào khác, đành phải ra lệnh lễ thần chọn ngày sắc lập Phùng Viện làm hoàng hậu. Sắc lập Phùng Viện làm hoàng hậu, đó là việc mà Thái hoàng thái hậu Phùng thị đã định khi còn sống, Hiếu Văn đế tuy không thích cô gái này, nhưng nàng là cháu gái của Phùng thái hậu, nên đành nhận lời. Tháng 4 năm Thái Hoà 17, tức năm 493 Công Nguyên, Phùng Viện chính thức trở thành hoàng hậu sau khi trải qua nghi lễ sắc lập long trọng, trở thành hoàng hậu đầu tiên của Hiếu Văn đế.

Phùng Viện ngày một trưởng thành, hiểu biết chuyện trai gái yêu nhau, nhưng, Hiếu Văn đế không hề có cảm tình với nàng, vẫn luôn lạnh lùng với nàng. Đương nhiên, Hiếu Văn đế nhân hậu khoan dung rất kính trọng Phùng Viện đã trở thành hoàng hậu, hai người tôn trọng nhau như khách, đối xử với nhau rất khách sáo. Năm sau, năm 18 Thái Hòa, tức năm 494 Công Nguyên, Hiếu Văn đế thống binh nam chinh, Phùng Viện hoàng hậu chỉ huy hậu cung từ Bình Thành dời đô đến Lạc Dương. Sự hỗn loạn và phức tạp trong việc dời đô làm bớt đi nỗi buồn khổ của Phùng Viện. Trong thời gian này, Phùng Viện ngày càng xinh đẹp, hoàn toàn không còn dáng vẻ gầy gò trước đây.

Khi đó phụ thân của Phùng Viện là Phùng Hi bệnh qua đời, tiếp đó ca ca của nàng Phùng Đản lại qua đời. Hiếu Văn đế có tình cảm rất sâu đậm với cha con Phùng Hi, Phùng Đản, rất kính trọng Phùng Hi, với Phùng Đản thì tình như thủ túc. Phùng Hi là ca ca của thái hậu, là trưởng bối của Hiếu Văn đế, đồng thời cũng là phụ thân của hoàng hậu, nhạc phụ của Hiếu Văn đế, Hiếu Văn đế hết sức đau buồn về sự qua đời của Phùng Hi.

Sự qua đời của Phùng Đản cũng là nỗi đau rất lớn đối với Hiếu Văn đế. Phùng Đản và Hiếu Văn đế cùng tuổi, là bạn cùng học từ nhỏ, tình cảm hai người rất tốt, Phùng Đản lại là chồng của cô em gái mà Hiếu Văn đế rất yêu

mến, làm sao Hiếu Văn đế lại không đau buồn? Hiếu Văn đế đau buồn chuyển tình cảm sang em gái của Phùng Đan là Phùng Viện hoàng hậu, biến tất cả nỗi thương yêu thành tình thâm, sủng ái Phùng Viện, Phùng Viện vui buồn lẫn lộn, bi thương và hạnh phúc lấp đầy trong lòng.

Phùng Viện hoàng hậu được sống những ngày tháng thoải mái vui vẻ thật sự, Hiếu Văn đế rất sủng ái nàng, nàng hài lòng với hạnh phúc đó. Đáng tiếc rằng ngày tháng tươi đẹp chẳng kéo dài, tí tí Phùng Diệu Liên phong lưu lãng mạn, lẳng lơ của nàng lại cướp đi cuộc sống của nàng một lần nữa, nàng yếu đuối, điềm đạm, làm sao chống đỡ nổi? Phùng Diệu Liên lại chiếm được Hiếu Văn đế một lần nữa, lần át dần dần, cuối cùng, vào tháng 7 năm Thái Hòa 20, tức năm 496 Công Nguyên, Phùng hoàng hậu Phùng Viện bị phế làm thường dân, Phùng Diệu Liên đường hoàng ngồi lên ngôi vị hoàng hậu. Phùng Viện chịu không nổi sự đả kích này, nàng tức giận uất ức, xuất gia làm ni cô, vào chùa Diệu Quang, sống tạm qua ngày cùng với nhang đèn, thế là kết thúc một cuộc đời.

Phùng Diệu Liên thoát khỏi cái chết như thế nào, lấy lại động lực từ đâu, để gặp lại mặt trời, mê hoặc Hiếu Văn đế, ung dung chiến thắng Phùng Viện, ngồi lên ngôi hoàng hậu? Phùng Diệu Liên thoát ảm thoát hiện trong cung như một ma nữ, yêu nữ, hồ ly tinh, người trong cung chẳng thể hiểu được, vẫn luôn xem đó là một câu đố, sợ hãi và quỳ lạy.

Sau khi ra khỏi thâm cung, Phùng Diệu Liên ngồi trong xe ngựa được buông rèm, lạnh lùng trở về nhà. Đó là khi nào? Chỉ trong vòng 3 năm ngắn ngủi, lại trở về nhà mẹ với gương mặt chán đời như thế? Tiếng xe ngựa văng vẳng trên đường không nhanh không chậm, âm thanh đó như thiếu sức lực, làm cho không khí ảm đạm. Phùng Diệu Liên nhớ lại ngày tháng vào cung, huy hoàng như thế, lộng lẫy như thế, năm đó mình bao nhiêu tuổi nhỉ? 17 tuổi! Như hoa chớm nở, là giây phút đẹp nhất của bông hoa! Chỉ 3 năm, hoa sắc tàn phai, thân hình gầy còm, đó chẳng lẽ lại là mệnh trời? 20 tuổi đã đi vào đoạn cuối của cuộc đời sao!

Phùng Diệu Liên bước vào gia miếu, xuống tóc đi tu. Tuy Phùng Diệu Liên tuyệt hồng trần, lại nhớ đến lời hứa khi hoàng đế tống hành, một lòng nhung nhớ, chuyên tâm điều dưỡng. Điều dưỡng một thời gian, bệnh tình đỡ hơn, không chế được bệnh.

Mẫu thân của Phùng Diệu Liên là Thường thị dốc hết tâm huyết vì bệnh tình của con gái. Thường thị cầu y khắp nơi, mời về điều trị cho con gái, bôn ba mệt nhọc, cuối cùng thấy bệnh tình thay đổi. Thường thị vẫn biết Phùng thái hậu muốn lập con gái họ Phùng làm hoàng hậu, Phùng thái hậu yêu thích Phùng Diệu Liên, hoàng thượng cũng yêu thích nàng, nếu không phải là căn bệnh quái lạ đó, thì ngôi hoàng hậu chẳng thuộc về ai khác, ngoài Phùng Diệu Liên. Nay Phùng Viện tuy đã vào cung làm hoàng hậu, nhưng hoàng thượng không yêu thích nàng, chỉ muốn Phùng Diệu Liên mau lành bệnh, ngôi hoàng hậu không phải không có hy vọng. Thường thị được hy vọng đó khích lệ, chuyên tâm chăm sóc, điều dưỡng, mời gọi danh y khắp nơi.

Một người Hán thân thể cường tráng đến Phùng phủ, đó là người Hà Bắc, hần tinh thông y đạo, chuyên trị tạp chứng khó trị của phụ nữ, vẫn luôn hành y tại vùng Đại Bắc, thuốc đến bệnh đi, nổi danh khắp nơi, mọi người gọi hần là Cao bồ tát. Cao bồ tát tên Cao La Hán. Sau khi nghe nói, Thường thị lập tức mời hần bằng trọng lễ, mời hần trị bệnh cho Phùng Diệu Liên. Phụ nữ yếu đuối dễ nhiễm tà độc, chỉ cần hơi âm của đàn ông tráng kiện để tinh tuỷ tư bổ, thì có thể tạo sức sống cho cơ thể của người nữ, nhanh chóng hết bệnh. Cao bồ tát trị được bệnh lạ của Phùng Diệu Liên, chính là lấy dương bổ âm, hết sức linh nghiệm.

Cao Bồ Tát tuổi hơn 30, đang trong thời kỳ sung mãn, tinh khí hưng thịnh. Cao Bồ Tát tuấn tú đẹp trai, khí chất cao quý, tinh thông y đạo, giỏi nhất là bí thuật phòng the, có thể làm cho các cô gái đi vào trạng thái hưng phấn, khoái lạc đến mức chết đi sống lại. Sau một lần ân ái, điều dưỡng cho

tốt, có thể không làm bệnh tình thuyên giảm, máu huyết lưu thông, mọi chứng bệnh tự lành được sao?

Phùng Diệu Liên hồi phục một cách thần kỳ dưới sự điều trị của Cao Bồ Tát. Phùng Diệu Liên đang độ tuổi xuân, chỉ mới hơn 20, vẫn luôn sống những ngày tháng hoan lạc trác táng trong cung, được sự sủng ái của tri tôn hoàng đế, đột nhiên bệnh nằm tại miếu nhà, lại đột nhiên lành bệnh, và lại là cô gái khỏe mạnh như xưa, càng khao khát được sủng ái hơn. Nhưng, trở về hoàng cung hiện giờ là chuyện không thể; tái giá lại càng không thể; sống tại gia miếu thanh tĩnh này, ngay cả hành động cũng không được tự do!

Phùng Diệu Liên sức sống tràn trề, ước vọng về nhân thế ngày càng mãnh liệt, bệnh tuy đã khỏi hoàn toàn, Cao Bồ Tát vẫn mượn cớ thăm bệnh, đến thăm Phùng Diệu Liên, Phùng Diệu Liên cũng không từ chối. Ngày tháng lâu dần, hai người cứ mãi đưa mây lại, khó chia khó rời. Cao Bồ Tát vốn rất tráng kiện, lại thông giỏi thuật phòng the, còn có không ít hương dược tuyệt diệu, Phùng Diệu Liên đắm chìm trong đó, trác táng hưởng lạc, đồng thời cũng học được rất nhiều công phu trên giường làm cho người đàn ông phải phục sát đất.

Cao Bồ Tát mê hoặc Phùng Diệu Liên, chiếm hữu nàng bởi sự quyến rũ gợi tình của mình, thông dâm trác táng dưới bức bình phong là trị bệnh cho nàng. Phùng Diệu Liên vốn cũng rất dâm ô, không chịu đựng được sự cô tịch, gặp được tay cao thủ trắng gió Cao Bồ Tát, đương nhiên như cá gặp nước, chìm đắm trong đó, không thể tự thoát. Phùng Diệu Liên và Cao Bồ Tát cứ thế mà hưởng khoái lạc trong gia miếu phủ Phùng, vừa luyện được công phu quyến rũ vừa chống được những ngày tháng buồn tủi cô độc.

Hiếu Văn Đế chịu ảnh hưởng của văn hóa Hán rất sâu sắc, thông hiểu lịch sử Hán Nho, vẫn luôn ngưỡng mộ văn hóa trung nguyên. Sau khi Phùng thái hậu qua đời, đích thân nắm chính sự, có ý muốn thay đổi phong tục người Hồ, Hán hóa toàn bộ. Nước Ngụy bình cường ngựa khỏe, đất

nước hưng thịnh. Nước Ngụy lập đô tại Bình Thành, Bình Thành lại hoang vu hẻo lánh, không thông với 4 phương, không có nơi phát triển, địa thế cũng hiểm yếu, không thể trở thành kinh đô của một nước đã khiến cho hàng vạn nước kính ngưỡng, thế nên phải nhanh chóng dời đô.

Hiếu Văn đế triệu tập đại thần, nói với họ rằng: Lạc Dương là cổ đô của trung nguyên, bắt đầu từ đời Chu, các đời Hán, Ngụy, Tấn đều kiến đô tại đây, đều được mọi nước kính trọng; ngày nay nước Ngụy đang hưng thịnh, nên nghĩ đến chuyện dời đô đến Lạc Dương, không biết các khanh có ý kiến gì? Hiếu Văn đế nói lên suy nghĩ của mình trước, dường như đã định quan điểm chủ đạo cho buổi bàn bạc này, ý kiến của các đại thần dường như chính là làm sao chứng minh cho tính thiết yếu của việc dời đô đến Lạc Dương và dời như thế nào.

Nhà của vương công thân thích Bắc Ngụy đều tại Bình Thành, sản nghiệp cũng tại Bình Thành, sống ở đây từ đời này sang đời khác, vừa nói đến chuyện dời đô, không ai không thất sắc nhìn nhau, lần lượt phản đối. Lý do phản đối dời đô chẳng qua chỉ là: Tổ tông đến nay, sáng nghiệp tại Bình Thành, lấy Bình Thành làm cơ nghiệp, mở rộng ra 4 hướng, nước Ngụy mới cường thịnh, có được ngày hôm nay, nay đột ngột muốn dời đô, dường như không thể, làm sao có thể dễ dàng bỏ Bình Thành mà đi?

Hiếu Văn đế đôi đầu gay gắt, nói dời đô đến Lạc Dương là vì đại nghiệp tổ tông và giang sơn xã tắc, dời đô không có nghĩa là bỏ Bình Thành ra đi, mà vì khai sáng giang sơn xã tắc một cách tốt hơn. Phái phản đối mà trung tâm là trưởng đệ của Hiếu Văn đế Hàm Dương vương Hỉ Khánh. Hiếu Văn đế càng phải nắm chắc Hàm Dương vương khi bàn bạc trong triều đường. Hiếu Văn đế biết rằng, chỉ có thuyết phục Hàm Dương vương, việc này mới xem như được định, ai cũng không dám đề ra ý kiến gì khác.

Hiếu Văn đế hỏi Hàm Dương vương, muốn làm cho giang sơn trường cửu, ngôi vững trên ngai vàng, đại nghiệp của quốc gia này có phải là cần truyền cho con cháu, giữ cho tốt gia nghiệp hay chẳng. Điểm này đương

nhiên Hàm Dương vương không thể phủ nhận. Vậy thì, nếu muốn giang sơn vĩnh cửu, ngai vàng lâu dài, những con cháu bảo vệ gia nghiệp đó nhất thiết phải khéo léo dẫn dắt, thay đổi cái cũ, thực hiện cải cách, từ đó thích ứng với sự thay đổi phức tạp. Hàm Dương vương cũng đồng ý, không thể phản đối.

Hiếu Văn để đi sâu phân tích hơn: Nhìn từ hình thế này, có hai phương diện phải thực thi cải cách ngay: Một là dời đô đến Lạc Dương, uy phục thiên hạ; hai là thay đổi phong tục, cấm mặc trang phục Hồ, cấm nói tiếng Hồ, đổi sang mặc trang phục Hán, nói âm chuẩn của Trung Nguyên. Như thế, không có nghĩa là quên đi tổ tông, mà là không cần uy phục đại quốc nổi tiếng bốn biển bằng văn minh, vẫn bị người Nam Triều trêu cười.

Hàm Dương vương không thể phản bác. Bí thư giám Lý Sung nghe nói cấm chỉ mặc trang phục Hồ, nói tiếng Hồ, rất khó chịu trong lòng, bèn đứng ra nêu ý kiến, nói dời đô đến Lạc Dương, là đại kế trăm năm, có thể ung dung tiến hành; còn về thay đổi trang phục, ngôn ngữ, dường như là chuyện không thể. Hiếu Văn để hỏi ngay nguyên nhân? Lý Sung nói năng hùng hồn: Ngôn ngữ của từng vùng đều có quy luật và điểm hay của nó, chẳng lẽ âm chuẩn lại không có quy luật nhất định sao; kinh sư sử dụng ngôn ngữ gì, ngôn ngữ đó chính là âm chuẩn của một nước, đều phải tuân thủ, hà tất phải đề cao ngữ âm của Nam Triều mà hạ thấp tiếng quốc ngữ kinh sư?

Lời nói của Lý Sung bề ngoài là muốn bảo vệ địa vị tôn quý của Bắc Ngụy, trên thực tế chỉ thể hiện tầm nhìn hạn hẹp về dân tộc, phản đối tiếp thu văn hoá Trung Nguyên tiên tiến, trình độ văn minh cao hơn so với Bắc Ngụy. Hiếu Văn để đương nhiên như gặp phải lửa, lập tức phản bác: Cách nghĩ này không có đạo lý rõ ràng, cũng hiểu sai ý của trẫm; ngôn ngữ được dùng để giao lưu, phải dễ hiểu, đều có thể tiếp nhận mới được, nhưng trước mắt tiếng phương Bắc mà chúng ta đang sử dụng chỉ có rất ít người hiểu, nếu giang sơn nam bắc thống nhất, ngôn ngữ này không thông thì làm sao thực thi quản lý? Âm chuẩn Trung Nguyên được sử dụng rộng rãi, đều có

thể tiếp nhận, muốn thống nhất thiên hạ, nhất thiết phải sử dụng trang phục Hán và âm chuẩn Trung Nguyên trước, đồng thời phải cấm mặc trang phục Hồ, nói tiếng Hồ!

Hiếu Văn đế ôm chí lớn trong lòng. Nhưng kế hoạch cải cách của ông gặp phải sự phản đối của phần lớn đại thần. Các đại thần không xuất phát từ góc độ quốc gia, mà chỉ suy nghĩ về lợi ích của bản thân, thấy chinh chiến mấy chục năm gian khổ mệt nhọc, tạo lập được cơ nghiệp mỏng manh này, đều tại Bình Thành, làm sao có thể nỡ lòng bỏ ra đi? Trong triều cũng có một số đại thần có tầm nhìn xa, thấy được đại nghiệp hùng đồ của Hiếu Văn đế, bày tỏ kiên quyết ủng hộ sự cải cách của Hiếu Văn đế. Hiếu Văn đế cảm thấy như được an ủi phần nào.

Tuy nhiên, bên phản đối cải cách lại chiếm phần lớn, họ đều là những kẻ mưu lợi riêng, đều là bọn hám mưu hám lợi. Vài lần tranh luận vẫn không có kết quả, trên thực tế chính là không đồng ý với việc dời đô và cấm mặc trang phục Hồ và nói tiếng Hồ. Hiếu Văn đế biết rằng thời cơ chưa chín muồi, nên quyết định tạm hoãn việc dời đô, hạ chỉ tập trung lực lượng, cấm mặc trang phục Hồ, cấm nói tiếng Hồ, đổi sang mặc trang phục Hán, đổi sang nói tiếng Trung Nguyên.

Hiếu Văn đế kiên quyết quả đoán, thể hiện là một vị hoàng đế thánh minh và nhà chính trị có tầm nhìn xa, có tài thao lược. Hiếu Văn đế lệnh cho thiên hạ: Những người trên 30 tuổi thì tự do; những kẻ dưới 30 tuổi nhất loạt phải đổi sang học tiếng Hán, nếu không thay ngôn ngữ, nhất loạt xử trọng tội; người của triều đình quan viên vi phạm đều bị cắt giảm bổng lộc; quan dân nhất loạt cấm mặc áo cổ cao tay bó váy ngắn, đổi sang mặc áo mũ người Hán.

Hiếu Văn đế chế ra một bộ mũ áo người Hán, thưởng cho hoàng thúc tổ đức cao vọng trọng An Định vương Thác Bạt Hưu. Thánh chỉ như sơn, ai cũng không dám vi phạm. Phong tục Bắc Ngụy thay đổi lớn, ngày một lan rộng. Các đại tộc cao môn như Lô, Trịnh, Lý, Thôi từ xưa đến nay đều cao

môn tự cư, không cho kết hôn với người ngoài họ, ngay cả nhà hoàng thân cũng bị miệt thị. Hiếu Văn đế quyết định phá vỡ quy luật và tập tục xấu của những đại tộc cao môn này, đập vỡ bức tường nghiêm ngặt do họ dựng nên, lệnh cho 6 em trai của mình lấy con gái của 4 họ Lô, Trịnh, Lý, Thôi làm vợ, đồng thời dẫn đầu trong việc đổi họ, đổi họ Thác Bạt thành họ Nguyên, Hiếu Văn đế chính là Nguyên Hoàng. Bốn đại tộc lớn đành phải làm theo.

Cuộc cải cách ăn mặc, ngôn ngữ được tiến hành rất thuận lợi, Hiếu Văn đế bèn quyết định bắt tay vào việc dời đô. Các đại thần vẫn kiên quyết phản đối thì làm sao? Hiếu Văn đế nghĩ ra một chủ ý tuyệt diệu; hạ lệnh các nha môn phải chuẩn bị cho tốt, ông sẽ thống soái đại quân đi nam chinh với quy mô lớn. Công việc chuẩn bị cho nam chinh được tiến hành một cách âm ỉ. Công trình xây cầu Mạnh Tân lập tức khởi công, chuẩn bị vượt sông. Một lượng lớn binh sĩ được tuyển mộ trong phạm vi toàn quốc, có đến hàng trăm vạn. Vương hầu tướng lĩnh, văn võ bá quan nhất loạt đợi giá từng chinh.

Tháng 8 năm Thái Hòa 17, tức năm 493 Công Nguyên, Hiếu Văn đế thống lĩnh đại quân và văn võ bá quan rời khỏi Bình Thành, tiến về phía nam. Sau khi đại quân vượt sông, tiến vào Lạc Dương. Hiếu Văn đế tuần thị cung cũ Lạc Dương, chỉ thấy cung thất huy hoàng của ngày xưa nay đã bị tàn phá, cỏ hoang mọc đầy, một bãi đất hoang vu. Hiếu Văn đế cảm khái muôn phần, lưu luyến không muốn về.

Hiếu Văn đế vốn không có ý định nam chinh Nam Triều, nhưng là khoa trương thanh thế, chỉ muốn dọa các vương công đại thần sợ chinh chiến. Thấy Hiếu Văn đế lưu luyến cung cũ Lạc Dương, vương công đại thần thấy thời cơ đã đến, bèn thừa cơ tiến công, Hiếu Văn đế không tạo cơ hội cho họ. Các đại thần ai nấy sợ hãi. Tin tức phân đường tiến quân đã lan rộng, các đại thần hết sức hoảng sợ, lần lượt cầu cứu Hàm Dương vương Nguyên Hi.

Đại quân nam chinh đã chuẩn bị xong. Hiếu Văn đế duyệt binh tại ngoại ô phía tây thành Lạc Dương. Hàm Dương vương Nguyên Hỉ thống lĩnh quần thần quỳ tấu trước ngựa, khấu thỉnh Hiếu Văn đế tạm hoãn nam chinh. Hiếu Văn đế nói nam chinh Nam Triều thống nhất Trung Nguyên là đại nghiệp vương triều, đó là việc không thể thay đổi; nhưng, tạm hoãn nam chinh có thể suy nghĩ lại, chỉ là yêu cầu các đại thần đồng ý một chuyện. Các đại thần cho rằng chỉ cần tạm ngưng nam chinh thì đã là việc rất may mắn, huống hồ chỉ một hai việc nhỏ, Hàm Dương vương và chúng thần lập tức đồng ý ngay. Hiếu Văn đế bèn nói: xây dựng Lạc Dương, chuẩn bị dời đô. Hàm Dương vương và các đại thần bị ép đến bước đó, đành phải chấp nhận, dời đô vẫn tốt hơn việc đến phía nam nộp mạng.

Xây dựng Lạc Dương được xác định trong tình hình như thế. Hiếu Văn đế cử vài tâm phúc đại thần đã chuẩn bị tư tưởng xây dựng lại cung thất, thống lĩnh mấy chục vạn quân sĩ xây dựng lại cung mới Lạc Dương, ngày đêm làm việc, xây dựng quy mô lớn. Bản thân Hiếu Văn đế lại dẫn theo cấm quân, đội quân danh dự tuần thị Hà Bắc, Sơn Đông, nam du Tô Hoàn, từ An Huy đến Bát Công sơn, du hạnh chiến trường xưa của trận đại chiến Phì Thủy, nghĩ lại năm xưa. Hiếu Văn đế tuần thị khắp nơi, tìm hiểu dân tình, chuẩn bị cho việc cải cách tiếp theo.

Năm Thái Hòa thứ 19, tức năm 494 Công Nguyên, cung mới Lạc Dương cơ bản được xây xong. Hiếu Văn đế tuần thị chấp nhận xong, hạ lệnh dời đô. Hậu cung hậu phi mỹ nữ và cung nhân, bộc dịch ào ào di chuyển đến cung mới. Hoàng thân quốc thích, vương công quý tộc tại kinh sư cũng di dời với quy mô lớn, trong Bình Thành chỉ ở lại một phần gia tộc để giữ nhà. Đến khi đó, Hiếu Văn đế nhanh chóng bắt tay vào việc cải cách lần hai – dời đô đến Lạc Dương và cấm chỉ mặc trang phục Hồ, nói tiếng Hồ đều được thuận lợi hoàn thành.

Cung mới Lạc Dương xây xong. Cung mới có đủ mọi thức, quy mô lớn hơn cả Bình Thành. Lạc Dương thái miếu khí thế phi phàm, Hiếu Văn đế

hết sức hài lòng. Hiếu Văn đế phải đích thân đến Bình Thành, thỉnh dời bài vị của tổ tông từ thái miếu Bình Thành đến thái miếu Lạc Dương. Hoạt động nghiêm túc trang trọng mang tính chính trị này không ngờ lại trở thành cơ hội tốt cho Phùng Diệu Liên lắng lơ ong bướm, từ đó thay đổi cuộc sống của mình, cũng làm cho cung Bắc Ngụy xao động không yên, phát sinh biến cố long trời lở đất.

Phùng Hi đương nhiên vẫn còn sống, làm quan đến chức thái sư, chẳng qua người yếu nhiều bệnh, nhận được đặc chỉ của hoàng đế, được ở lại Bình Thành dưỡng bệnh. Hoàng hậu Phùng Viện đã dẫn hậu cung mỹ nữ dời đến Lạc Dương. Phùng Viện rất nhớ phụ thân của mình, lại không thể phụng dưỡng cha già, lo lắng không yên. Hiếu Văn đế an ủi Phùng Viện, nhận lời đến Bình Thành nhất định sẽ đi thăm phụ thân Phùng Hi của nàng.

Phùng Hi được biết hoàng đế sẽ đến phủ, đương nhiên hết sức vui mừng, ra lệnh cho mọi người lập tức chuẩn bị, nghênh đón thánh giá cho tốt. Phùng Diệu Liên đang trác táng hoan tình trong gia miếu nghe tin này, biết rằng cơ hội đã đến, bèn kìm nén ham muốn tình dục đang trỗi dậy, quyết định quay về hoàng cung, đồng thời không để Cao Bồ Tát đến nữa. Lập tức bái kiến phụ mẫu của mình, nói mình đã hoàn toàn bình phục. Vợ chồng Phùng Hi, Thường thị nhìn thấy con gái sáng sủa, trên gương mặt trắng nõn lộ ra nét hồng hào, vui mừng khôn xiết, không ngờ con gái đúng là đã khỏi bệnh hoàn toàn, bèn hậu tạ thần y Cao Bồ Tát.

Phùng Diệu Liên biết mình có thể trở về hoàng cung hay không, được quyết định rất nhiều bởi cha mẹ, nếu cha mẹ phối hợp, nhất định sẽ có hy vọng rất lớn. Phùng Diệu Liên bái kiến mẫu thân trước, nói tâm tư của mình với Thường thị. Thường thị bảo Phùng Diệu Liên cùng tham gia yến tiệc tiếp đón thánh giá, hoàng thượng chắc sẽ nhớ đến nàng. Phùng Diệu Liên suy nghĩ một hồi, thấy không thỏa đáng, bởi vì quá nhiều người, không dễ gây được sự chú ý của hoàng đế. Hơn nữa Phùng Diệu Liên lại phụng mệnh

giữ lại mái tóc làm ni cô tại gia miếu, một khi lẫn lộn trong đám đông mà bị hoàng thượng nhìn thấy, thì ngược lại sẽ gây sự hiểu lầm.

Thường thị không còn ý nào nữa, Phùng Diệu Liên tức kế đa mưu bèn thỉnh cầu Thường thị, nói chỉ cần giữ hoàng thượng ở lại nhà ăn cơm, thì cô sẽ có cách. Thường thị không nghĩ ra Phùng Diệu Liên có diệu kế gì, nghi ngờ hỏi Phùng Diệu Liên có phải muốn cùng dùng cơm với hoàng thượng? Phải biết rằng, muốn cùng thánh giá dùng cơm nhất định phải có đặc chỉ ân chuẩn mới được! Phùng Diệu Liên nhìn thấy dáng vẻ không hiểu của Thường thị, bèn mỉm cười nói ra diệu kế của mình.

Phùng Diệu Liên nói: Chẳng phải hoàng thượng thích ăn chân ngỗng sao? Món chân ngỗng của con làm rất ngon, năm xưa hoàng thượng cũng ăn mãi không chán, nếu hoàng thượng có thể dùng cơm tại nhà ta, con đích thân nấu nướng, làm món chân ngỗng tuyệt vời, dâng lên hoàng thượng thưởng thức, hoàng thượng nhất định sẽ nhớ đến con; sau khi hỏi đến, đương nhiên hoàng thượng sẽ chủ động đến thăm con, như thế, chẳng phải sẽ được gặp hoàng thượng một mình sao?

Thường thị không ngờ con gái của mình lại có chủ ý ma quỷ thế này, đương nhiên hết sức vui mừng, bèn thuyết phục Phùng Hi, để ông cố gắng giữ hoàng thượng dùng cơm tại phủ nhà. Phùng Hi là lão thần, Phùng Hi giữ lại, đương nhiên Hiếu Văn đề sẽ đồng ý. Nơi dưỡng bệnh của Phùng Hi rất tốt, người mập mập, bị mắc chứng khó tiêu hóa, nằm trên giường, thân thể tuy rất yếu nhưng tinh thần vẫn rất tỉnh táo.

Thường thị nói suy nghĩ của con gái với Phùng Hi, hy vọng được sự ủng hộ của Phùng Hi, giúp cho con gái một tay. Phùng Hi bệnh tình trầm trọng, hoàng đế đến thăm đã là nể mặt lắm, lại muốn giữ hoàng đế dùng cơm tại đây, hoàng đế có đồng ý hay không, thật khó nói, huống hồ tay chân mình lại không có sức. Sắc mặt của Phùng Hi lại rất khó coi. Khi đó Phùng Diệu Liên xuất hiện bên giường Phùng Hi, nước mắt lưng tròng gọi phụ thân,

khẩn cầu nói: Đó là cơ hội cuối cùng, cơ hội này mà trôi qua, e rằng gặp lại hoàng thượng thật khó, như thế, con gái sống không bằng chết!

Cuối cùng Phùng Hi cũng đồng ý hợp tác trước sự thuyết phục của mẹ con Thường thị. Trời chiều theo lòng người, mọi thứ đều hết sức thuận lợi như những gì mà Phùng Diệu Liên từng nghĩ. Hiếu Văn đế yêu cầu tiết kiệm, ăn uống chỉ vừa đủ là được. Đến món thứ 3, Phùng Diệu Liên cho người dâng lên món chân ngỗng do tự tay mình làm. Hiếu Văn đế ăn đến món ăn này, lập tức nhớ đến Phùng Diệu Liên. Hiếu Văn đế như tỉnh lại, hỏi Phùng Túc, con trai của Phùng Hi đang dùng bữa với mình, món chân ngỗng này do ai làm? Thường thị lập tức trả lời, nói là con gái Phùng Diệu Liên. Thường thị bèn nói con gái đã hồi phục thế nào, vẫn còn tĩnh tu tại gia miếu thế nào.

Hiếu Văn đế nghĩ đến những ngày tháng tươi đẹp tại hậu cung Bình Thành, thì ngồi không yên nữa, quyết định đến gia miếu thăm nom Phùng Diệu Liên. Trong gia miếu, Phật đường tôn nghiêm, cửa sạch và sáng, bàn ghế không có chút bụi. Lư hương trong Phật đường hương đàn nghi ngút, lòng người tĩnh lặng. Cây cỏ khói hương trong thất như tiên cảnh. Phùng Diệu Liên lại càng khác người: trên người chiếc áo dài màu xanh da trời cao quý, buộc một sợi dây đeo màu ngọc lam, gương mặt trái xoan trắng nõn, phối với mái tóc của đạo sĩ, thanh nhã nhàn tĩnh, siêu phàm thoát tục, thật đúng là một tiên nữ xinh đẹp.

Hiếu Văn đế đa tình hiếu nhã lại bị nàng tiên tố nhã có phong thái mê người, mặt đầy phong tình mê hoặc đến hồn siêu phách lạc, lập tức ôm chầm lấy mỹ nữ bước vào thế giới hai người. Có được sự khởi đầu này, Hiếu Văn đế không thể rời khỏi Phùng Diệu Liên nữa. Phùng Diệu Liên đi theo Hiếu Văn đế, rời khỏi gia miếu đã ghi lại niềm hạnh phúc, hoan lạc vô cùng của Phùng Diệu Liên, trở về hậu cung mới, chỉ là hậu cung lúc này không phải là Bình Thành, mà là tân đô Lạc Dương.

Phùng Diêu Liên phong tình muôn trùng, giỏi phong nguyệt, lại biết hương thuốc kích dục, học được công phu trên giường mê người, Hiếu Văn để lại nhanh chóng ngã gục dưới váy của Phùng Diêu Liên, không thể tự thoát. Hiếu Văn để ngày đêm chìm đắm trong tấm cung của Phùng Diêu Liên, tấm hoan hưởng lạc, sung quán hậu cung. Chẳng bao lâu, Phùng Diêu Liên được tiến phong làm Tả chiêu nghi, địa vị chỉ đứng sau hoàng hậu Phùng Viện.

Hoàng hậu Phùng Viện bất mãn với việc Phùng Diêu Liên vào cung đoạt sủng. Phùng Viện nhỏ tuổi hơn Phùng Diêu Liên, tuy gọi Phùng Diêu Liên là chị, nhưng Phùng Viện là con gái của chính thất, lại là hoàng hậu mẫu nghi thiên hạ, làm sao coi trọng Phùng Diêu Liên? Nàng miệt thị Phùng Diêu Liên, cho rằng Phùng Diêu Liên xuất thân hèn kém, là nô tài của Phùng phủ, cũng là nô tài của hậu cung, làm sao có thể đối kháng với hoàng hậu?

Điều hoàng hậu Phùng Viện nghi ngờ không thể hiểu là, tại sao hoàng thượng luôn đến chỗ của tiện nhân đó, còn những cung thất khác lại chẳng màng đến? Phùng Viện hận hoàng thượng, đương nhiên cũng hận cả Phùng Diêu Liên lẫn lợ. Phùng Viện buồn phiền, u uất, ghen tuông và căm hận, ngày đêm không ngừng âm thầm mắng chửi Phùng Diêu Liên.

Phùng Diêu Liên biết rằng hoàng hậu Phùng Viện căm hận chính mình, càng biết rằng cô em này của mình ghen tuông hết mực, nhưng, Phùng Diêu Liên cũng khinh thường hoàng hậu Phùng Viện. Thấy mình lớn hơn Phùng Viện, lại vào cung sớm hơn Phùng Viện mấy năm, nếu không phải nhiễm bệnh, vậy thì ngôi hoàng hậu này có phần của người sao? Phùng Diêu Liên vẫn ý vào sự sủng ái của Hiếu Văn đế, chống đối với hoàng hậu. Hậu cung phi tần mỹ nữ tháng nào cũng phải tham bái hoàng hậu, đó là tổ chế, nhưng lần nào Phùng Diêu Liên cũng viện cớ bệnh không thể đến. Hoàng hậu Phùng Viện giận dữ nhưng không thể làm gì.

Hoàng hậu và mỹ nhân Cao Ly là hai kẻ thù lớn của Phùng Diệu Liên. Phùng Diệu Liên biết rằng, trong trận tranh giành hoàng thượng này, chỉ nhờ vào sắc đẹp thôi không đủ, mà còn phải nhờ vào trăng gió, phải làm sao để mê hoặc hoàng đế, để hoàng đế vui mừng, thần hồn điên đảo, khoái lạc đến mức chết đi sống lại. Phùng Diệu Liên tràn đầy lòng tin, biết rằng mình đã quá tinh tường việc này, không ai sánh bằng, hoàng hậu và mỹ nhân Cao Ly vốn chẳng phải là đối thủ của mình, họ đều kém rất xa.

Phùng Diệu Liên giỏi trang điểm, ăn mặc, lại có một mái tóc dài đen mượt, làn da như ngọc, nàng có thể thay đổi mái tóc thành nhiều kiểu, mới lạ kích thích, Hiếu Văn đế hết sức thích thú. Phùng Diệu Liên có một kỹ thuật mê người rất tuyệt vời, chính là để xạ hương trong rốn, giấu không để ai nhìn thấy, mà hương thơm phảng phất, làm say mê lòng người, gọi là “cơ hương hoàn”.

Hiếu Văn đế làm sao chịu nổi sự kích thích này? Hiếu Văn đế có được Phùng Diệu Liên xinh đẹp, bị kích thích đến mức máu nóng sôi sục bởi hương thơm thanh khiết của nàng. Hiếu Văn đế thấy kỳ lạ bởi hương thơm toàn thân, hỏi đến từ đâu? Phùng Diệu Liên trả lời mơ mơ hồ hồ, nói sau khi bệnh, nàng đã thay đổi lớp da, dường như thay da đổi thịt, từ đó về sau, trên người có mùi hương này. Hiếu Văn đế đơn giản tin thật, rồi trác táng cầu hoan. Hai người khó chia khó rời, Hiếu Văn đế cũng không thể thoát khỏi làn hương mê người này.

Phùng Diệu Liên có sự sủng ái của Hiếu Văn Đế, nên ỷ vào đó mà kiêu ngạo, xem hoàng hậu chẳng ra gì; đồng thời, Phùng Diệu Liên cũng chưa hề quên ước mơ năm nào, nhất định phải ngồi lên ngôi hoàng hậu. Cho dù hoàng hậu bây giờ là em gái của mình, cũng nhất quyết tranh cao thấp, đoạt lại ngôi hoàng hậu. Phùng Diệu Liên thường bêu riếu hoàng hậu, hoàng hậu hết sức tức giận. Phùng Diệu Liên thường nói xấu hoàng hậu trước mặt hoàng thượng khi ngài đang cao hứng, hoàng hậu Phùng Viện thật sự khó chạy tội.

Một hoàng hậu Phùng Viện có tính tình kiên cường của tiểu thư quý tộc, có một điểm yếu bị Phùng Diệu Liên nắm bắt, đó chính là sống bảo thủ, cự tuyệt nói tiếng Hán, mặc trang phục Hán, Hiếu Văn đế hết sức bất mãn về việc này. Phùng Diệu Liên bèn mượn cớ đó, ra sức công kích, nói hoàng hậu không hiểu được tâm chí của hoàng đế, còn hiểu lầm hoàng thượng là chúng vương chọn thân. Phùng Diệu Liên đảo lộn thị phi, xúi giục ly gián, Hiếu Văn đế càng phần nộ hơn. Hoàng hậu Phùng Viện biết được chuyện đó, chỉ hận là không ăn tươi nuốt sống được Phùng Diệu Liên.

Chị em họ Phùng như nước với lửa. Một hôm, Hiếu Văn đế xuất kinh tuần du, vừa may là ngày hậu cung phi tần tham bái hoàng hậu, Phùng Diệu Liên vẫn viện cớ bệnh không thể bái hội hoàng hậu. Hoàng hậu Phùng Viện lệnh cho thái giám trong cung cầm lệnh bài hoàng hậu đến thăm cung Phùng Diệu Liên tuyên triệu, đòi nhất định phải đến. Phùng Diệu Liên không còn cách nào khác, đành phải đi tham kiến hoàng hậu, cũng chính là cô em nhỏ hơn 4 tuổi của mình.

Hoàng hậu Phùng Viện nhìn thấy Phùng Diệu Liên, lập tức máu nóng tăng lên, lớn tiếng mắng nhiếc: Khi người chưa vào cung, ở đây rất yên lành, ai nấy cũng sống vui vẻ; từ khi người vào cung, đảo lộn thị phi, ý vào sự sủng ái, khi đại lễ lại giả bệnh không đến tham bái; trong mắt người không có hoàng hậu, vi phạm cung quy, đáng tội gì? Phùng Viện nhìn chăm chăm vào Phùng Diệu Liên, mắt như có lửa, giận đến run cả người.

Phùng Diệu Liên từ tốn nói: Luận lớn nhỏ, ta là chị, người là em; luận trước sau, ta vào cung trước, người vào cung sau; luận danh phận, người là hoàng hậu, ta là chiêu nghi, ta không tính toán gì, người còn dám so đo từng chút với ta, tại sao lại không có đức lượng như thế? Như thế không thể chấp nhận? Phùng Diệu Liên không chịu thua thiệt, lấy thủ làm công, chỉ trích ngược lại hoàng hậu.

Hoàng hậu Phùng Viện giận đến nổi mặt lúc trắng bệch, lúc đỏ tía. Phùng Viện nghiền chặt răng ra lệnh: Lột bỏ quần áo của Phùng Diệu Liên, đánh

20 gậy. Đó là gia pháp thâm cung của hoàng gia, hoàng hậu đã ra lệnh, chính là ý chỉ. Nhưng, những cung nhân đứng bên cạnh không ai dám ra tay. Các phi tần thấy hoàng hậu ngượng cả mặt, lần lượt quỳ xuống, cầu xin cho Phùng Diệu Liên. Phùng Diệu Liên đành phải hành lễ tạ lỗi với hoàng hậu trước sự cầu xin của mọi người.

Trận phong ba này tạm lắng xuống, một lần trong cung tổ chức gia yến, sự xung đột của hai chị em lại xuất hiện. Hiếu Văn đế sủng ái Phùng Diệu Liên, khi gia yến để Phùng Diệu Liên và những phi tần khác đợi yến. Hiếu Văn đế rất vui mừng, đột nhiên nhớ đến hoàng hậu, bèn lệnh cho thị nữ đến triệu thỉnh hoàng hậu. Hoàng hậu biết Phùng Diệu Liên có mặt tại đó, không muốn tham dự. Hiếu Văn đế nhiều lần sai người đi hối thúc, hoàng hậu mới đến.

Khi hoàng hậu Phùng Viện đến nơi, ngoài hoàng đế ra, theo lễ, phi tần cung nhân nào cũng phải quỳ xuống nghênh đón. Mọi người đều rời khỏi chỗ ngồi nghênh đón, còn Phùng Diệu Liên lại chỉ cúi cúi người, không quỳ xuống nghênh đón. Hoàng hậu thấy uất ức trong lòng. Hoàng hậu hành lễ thỉnh an với Hiếu Văn đế, Phùng Diệu Liên cũng không lẩn tránh, nhận lễ bên cạnh Hiếu Văn đế. Hoàng hậu không hài lòng, nổi giận đùng đùng, không muốn vào chỗ. Hiếu Văn đế liền an ủi, mỉm cười mời hoàng hậu vào chỗ.

Hoàng hậu tức giận nói: Thiếp không muốn ngồi chung với thứ hồ ly lăng lợ này! Chúng phi tần đều cười thầm trong bụng, biết rằng sẽ có một màn kịch hay sắp diễn ra. Phùng Diệu Liên lập tức tiếp lời: Ai là hồ ly lăng lợ? Hoàng hậu lạnh lùng nói: Đó còn phải hỏi? Trong lòng mình tự hiểu! Hiếu Văn đế ngồi một bên, hết sức lúng túng, chẳng hài lòng chút nào. Hiếu Văn đế gọi một tiếng: Hoàng hậu!

Hoàng hậu thấy Hiếu Văn đế vẫn hướng về Phùng Diệu Liên, sự oan ức vì bị áp bức lăng nhục cùng dâng lên, buồn giận thành nộ, bèn nói lớn tiếng với Hiếu Văn đế: Bệ hạ, Bệ hạ vẫn dung túng cho ả, trong mắt ả không có

hoàng hậu, dám phạm thượng, làm xằng làm bậy, Bệ hạ bị ả mê hoặc rồi! ả không nói lý lẽ, Bệ hạ không trách cứ ả, ngược lại còn giúp đỡ ả, các người đều không phải là đồ tốt! Đều là đồng bọn! Hoàng hậu khóc không thành tiếng, vừa khóc vừa rời khỏi đó.

Hiếu Văn đế vốn muốn hoàng hậu đến cùng hưởng yên tiệc vui vẻ, không ngờ lại có kết cục như thế. Hoàng hậu không chỉ công khai cãi nhau với mọi người và chiêu nghi, còn dám mắng cả hoàng thượng! Hiếu Văn đế giận sôi người. Phùng Diệu Liên khóc lóc oan ức, thêm giấm thêm muối, nói rất nhiều điều không phải của hoàng hậu. Đó đương nhiên là thêm dầu vào lửa. Cả giận, ngày hôm sau Hiếu Văn đế hạ chỉ, phế hoàng hậu làm thường dân, cử sứ đi thu hồi ngọc ấn hoàng hậu, đưa Phùng Viện đến chùa Dao Quang trong cung làm ni cô, cho đến khi kết thúc cuộc đời.

Năm đó, thái tử Thác Bạt Huân 15 tuổi. Thái tử trẻ tuổi hành sự theo cảm tính, do người quá mập, sợ cái nóng gay gắt của phương nam, thích cái lạnh của phương bắc, nhân lúc Hiếu Văn đế không ở kinh sư, tự ý dẫn theo tùy tùng, đến Bình Thành tránh nắng, bị người giữ cổng thành cản trở.

Hiếu Văn đế được biết thái tử trốn khỏi cung, hết sức phẫn nộ. Hiếu Văn đế sai người bắt thái tử về, đích thân lấy roi ra đánh, trút cơn giận dữ. Hành động lần này của thái tử quá thiếu suy nghĩ, ngày sau làm sao có thể gánh được trọng trách? Hiếu Văn đế hạ chỉ phế thái tử làm thường dân. Thái tử bị phế, lập ai làm thái tử đây? Qua nhiều lần cân nhắc, quyết định lập con trai của Cao phu nhân Thác Bạt Khác làm thái tử.

Phùng Diệu Liên trác táng hưởng lạc, nhưng vẫn không thể mang thai, đương nhiên không thể sinh con. Phùng Diệu Liên muốn bắt chước Phùng thái hậu, nuôi dưỡng thái tử. Thái tử Thác Bạt Khác khi đó đã 13 tuổi, thông minh, lanh lợi, hết sức nghe lời. Nhưng, mẫu thân của thái tử Cao phu nhân vẫn còn, làm sao nhận làm con nuôi được? Phùng Diệu Liên nắm bắt thời cơ, cử tâm phúc giết chết Cao phu nhân tại huyện Cung quận Cấp.

Sau đó, Phùng Diệu Liên tâu thỉnh nuôi dưỡng thái tử, Hiếu Văn đế đương nhiên đồng ý.

Phùng Diệu Liên tiến hành từng bước, việc nào cũng thuận lợi. Năm Thái Hòa thứ 21, tức năm 497 Công Nguyên, Tề, Ngụy giao tranh tại Nam Dương Hà Nam, nảy sinh xung đột lưu huyết. Hiếu Văn đế thống binh 20 vạn, tiến quân Tân Dã. Hiếu Văn đế rời khỏi kinh sư, hậu cung phải có người quản lý, thế là lập Phùng Diệu Liên làm hoàng hậu, thống soái hậu cung. Phùng Diệu Liên lại được như ý một lần nữa.

XII. Trộm tình

Hoàng đế thống binh bên ngoài, mọi việc trong hậu cung đương nhiên do hoàng hậu chính vị trung cung làm chủ. Hiếu Văn đế thống binh chinh chiến, đi xa đã hơn một năm. Phùng Diệu Liên bản tính lẳng lơ, làm sao có thể chịu cô tịch trong thâm cung? Bèn để tâm phúc Trung thường thị Song Mông đi triệu thỉnh tình nhân hồi trước là Cao Bồ Tát, đưa vào hậu cung, nhậm chức trong cung. Phùng Diệu Liên và Cao Bồ Tát lại hoang dâm trác táng, tình nóng như lửa, cuối cùng công khai ăn ở với nhau.

Hiếu Văn đế nam chinh giao chiến với Tề binh hai năm, cuối cùng ngã bệnh tại Nhữ Nam. Phùng Diệu Liên được tin, công khai dâm loạn với Cao Bồ Tát, bất kể sống chết. Người trong cung không ai dám nói gì, nhưng ai nấy đều biết rõ, ngay cả em gái của Hiếu Văn đế là Bành Thành công chúa cũng biết tiếng xấu này. Bành Thành công chúa buồn lòng thay cho ca ca.

Bành Thành công chúa được gả cho Nam Dương vương Lưu Sưởng làm vợ, trượng phu qua đời, đang ở goá. Phùng Diệu Liên có người em trai cùng mẹ Phùng Túc, yêu thích Bành Thành công chúa, muốn lấy công chúa làm vợ. Phùng Túc cầu xin Phùng hoàng hậu, Phùng Diệu Liên thấy mối duyên này cũng tốt, bèn tâu thỉnh Hiếu Văn đế, để Bành Thành công chúa cải giá, lấy Phùng Túc. Bành Thành công chúa rất ghét Phùng Diệu Liên, càng căm ghét người nhà họ Phùng hơn, biết hành vi thông dâm của Phùng hoàng hậu, càng không muốn lấy Phùng Túc.

Phùng Diệu Liên lấy thế hoàng hậu bức ép Bành Thành công chúa, đồng thời tự chọn ngày kết hôn, nhất định phải làm việc này cho Phùng Túc. Bành Thành công chúa đi đến đường cùng, đành phải dẫn theo vài tâm phúc, ngồi xe đến Nhữ Nam, gặp mặt ca ca Hiếu Văn đế. Hiếu Văn đế đang bệnh, nhìn thấy em gái bụi bặm lấm lem, không quản mưa gió chạy đến đây, hết sức kỳ lạ, hỏi duyên cớ gì?

Bành Thành công chúa nói ra nỗi khổ của mình, nói không muốn lấy Phùng Túc. Hiếu Văn đế nói đó là do mình ưng chuẩn, Phùng Túc không phải rất tốt sao? Tại sao lại không muốn? Bành Thành công chúa nói hoàng hậu dâm loạn hậu cung, thật sự nhìn không quen mắt, làm sao chịu lấy em trai của ả! Hiếu Văn đế hết sức kinh ngạc, hỏi xảy ra chuyện gì. Bành Thành công chúa bèn nói, Phùng hoàng hậu coi Trung thượng thị Song Mông làm tâm phúc, dẫn vào cung một người tên Cao Bồ Tát, hai người thông dâm trong cung; nay nghe nói hoàng thượng bệnh nặng, hai người chẳng màng đến chuyện gì, chẳng màng đến ai, công khai thông dâm!

Hiếu Văn đế nghe như chưa hiểu, thế nào ông cũng không tin một hoàng hậu phong tình, xinh đẹp, si tình như thế lại thông gian với người khác khi mình không ở bên cạnh, vẫn cho rằng em gái mình mơ hồ dựng chuyện. Bành Thành công chúa hết sức nghiêm túc, không có chút đùa cợt, đồng thời thỉnh Hiếu Văn đế cử người đi điều tra. Hiếu Văn đế lập tức cử tâm phúc âm thầm điều tra.

Phùng hoàng hậu được biết Bành Thành công chúa đi Nhữ Nam, biết đại sự không hay, chắc chắn sẽ tố cáo chuyện xấu của mình, liền đuổi Cao Bồ Tát đi, đồng thời không ngừng cử thân tín đến Nhữ Nam hỏi thăm Hiếu Văn đế. Hiếu Văn đế ứng phó với mật sứ của hoàng hậu, không để lộ động tĩnh gì. Bệnh tình của Hiếu Văn đế đỡ dần, đột ngột trở về Lạc Dương, mật triệu Tiểu hoàng môn Tô Hưng Thọ. Tô Hưng Thọ nói hết mọi chuyện xấu của hoàng hậu.

Đêm hôm đó, Hiếu Văn đế trong âm thất, tuyên triệu Phùng hoàng hậu. Khi chưa bước vào, tùy tùng lục soát người của Phùng hoàng hậu, Phùng hoàng hậu biết đại thế đã qua, mọi việc đã bại lộ, nhưng nàng vẫn trấn tĩnh, vừa vào cửa đã quỳ ngay trước mặt Hiếu Văn đế, khóc lóc kể sự si tình, quan tâm và oan ức của mình. Hiếu Văn đế nói chuyện xấu của người người tự hiểu rõ, làm sao giải thích?

Trước khi vào phòng, Phùng hoàng hậu đã thấy Cao Bồ Tát, Song Mông bị bắt ngoài cửa, khi đó bèn nghĩ cách chối tội. Phùng hoàng hậu ra vẻ bí mật muốn nói riêng với Hiếu Văn đế. Hiếu Văn đế để tùy tùng lui xuống. Nội đình tổng quản trưởng Thu Khanh Bạch Chuẩn nghĩ đến an nguy của hoàng đế, bèn xin ở lại. Phùng hoàng hậu vẫn không muốn, Hiếu Văn đế bèn để Bạch Chuẩn bịt tai lại. Khi đó Phùng hoàng hậu mới nói nhỏ bên tai Hiếu Văn đế. Lời giải thích vẫn không rõ ràng, Hiếu Văn đế vẫn cứ lắc đầu.

Tiếp đó, Hiếu Văn đế triệu tiến hai em trai Bành Thành vương Thác Bạt Tư, Bắc Hải vương Thác Bạt Tường, nói với họ: Hiện giờ ả không còn là chị dâu của các khanh nữa, cũng không phải là hoàng hậu, các khanh hãy hỏi cho kỹ ả, hỏi cho ra nhẽ! Hai vương thăm vấn Phùng Diệu Liên, mọi thứ đều đúng sự thật, Phùng Diệu Liên còn mời bà đồng, niệm chú Hiếu Văn đế chết sớm. Cao Bồ Tát, Song Mông bị xử tử. Phùng hoàng hậu bị phế, hành vi dâm loạn chẳng phải là ô nhục của hoàng gia sao? Thế là giam hoàng hậu vào thâm cung u tịch, để ả tự xử.

Phùng hoàng hậu không muốn chết. Hiếu Văn đế cũng không muốn ép ả tự vẫn. Năm Thái Hoà thứ 23, sau khi đánh bại quân Tề tại Hán Thủy, thì Hiếu Văn đế ngã bệnh trong quân dinh, 4 tháng bệnh nặng trở về phía bắc, đến Lỗ Sơn, Hà Nam thì băng hà. Trước khi chết, Hiếu Văn đế triệu Bành Thành vương nói: Hoàng hậu không giữ phụ đức, e rằng trẫm chết đi sẽ can dự triều chính; sau khi trẫm chết, truyền di chiếu, thưởng lệnh tự vẫn, chọn đất để an táng theo nghi lễ hoàng hậu.

Hiếu Văn đế tại vị 28 năm, hưởng dương 33 tuổi. Bắc Hải vương phụng di chiếu cùng Trưởng Thu khanh Bạch Chuẩn đến nơi ở của Phùng Diệu Liên, tuyên đọc di chiếu, dâng lên rượu độc, lệnh cho Phùng Diệu Liên tự vẫn. Phùng Diệu Liên tham sống, từ chối tự vẫn, còn lớn tiếng kêu gào: Hoàng thượng không thể để ta chết, là các người muốn hại ta, ta không uống thuốc độc này! Bắc Hải vương cưỡng ép chấp hành, ép Phùng Diệu

Liên uống thuốc độc. Phùng Diệu Liên được an táng theo lễ hoàng hậu, chôn tại Trường Lăng.

Xem tiếp tập 2